



park wan-suh

ai đã
ăn hết những
cây **sing-a**
ngày ấy?

tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

AI ĐÃ ĂN HẾT NHỮNG CÂY SING-A NGÀY ẤY?

---* ❖ *---

Tác giả: **Park Wan-suh**

Dịch thuật: **Nguyễn Lệ Thu**

Nhà xuất bản **TRẺ**

ebook©vctvegroup

park wan-suh

Nguyễn Lệ Thu dịch



ai đã
ăn hết những
cây sing-a
ngày ấy?

tiểu thuyết

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

“Tôi tự nhủ lòng lần này sẽ viết khác với cách viết từ trước tới nay, song điều đó không có nghĩa là tôi có ý định tạo ra một dấu mốc đột phá nào đó về phong cách sáng tác tiểu thuyết của mình. Đơn giản, đó chỉ là tâm trạng của một họa sĩ muốn thử vẽ một hoặc hai bức chân dung tự họa mà thôi. Cho đến giờ, những nhân vật tiểu thuyết của tôi hầu như chỉ phảng phất ít nhiều dáng dấp của tác giả. Song lần này, với quyết tâm tạo nên một điều mới mẻ nào đó, tôi đã cố gắng bộc lộ mình một cách toàn diện. Vì thế, quả là vô cùng khó khăn cho tôi khi phải khắc phục bằng được tham vọng mỹ hóa bản thân.

Đến khi đọc lại, tôi mới nhận ra rằng so với việc miêu tả chi tiết và chân thực về gia đình cùng những người xung quanh, tôi đã đề cập sơ sài hay lược đi quá nhiều ở bức tranh của mình. Và tôi cho rằng điều đó chính là minh chứng của sự khó có thể trình bày trung thực về bản thân mình.”

-Trích lời tác giả-

* **Sing-a**: là cây thuộc họ Rau Răm (hay còn gọi là họ Nghê) có tên khoa học là *Aconogonum Polymorphum*. Đây là loài thân thảo, sống lâu năm, thường mọc ở sườn núi. Thân cây cao khoảng một mét, cành vươn thẳng, nở hoa màu trắng từ tháng Sáu đến tháng Tám, ngọn non và có vị chua nên còn là thứ đồ ăn vặt phổ biến của trẻ con nông thôn Hàn Quốc trước đây. Hiện tại, cây không còn được trông thấy nhiều ở Hàn Quốc nữa.

LỜI TÁC GIẢ

Bức Chân Dung Tự Họa Bằng Chữ Viết

Chẳng biết những gì tôi viết ra đây có được gọi là tiểu thuyết hay không? Bởi tôi đã viết chúng một cách hoàn toàn chỉ dựa vào ký ức.

Mỗi khi đặt bút sáng tác, dù là tiểu thuyết, truyện ngắn hay tùy bút, bao giờ cũng vậy, gần như không có lần nào tôi lại không phải tự nhào nặn nội dung. Những lúc ấy, tùy thuộc vào thể loại của cuốn sách mà tôi lựa chọn những điểm để tô vẽ, chấm phá mang tính chất văn học. Thế nên lần này, dựa trên những gì đã có sẵn, tôi cũng đã lại tô vẽ và chỉnh sửa những ký ức giống như đang xây một ngôi nhà, và tự gò ép mình để hạn chế tối đa việc hư cấu. Nhưng rồi, vì cấu trúc và sự cân xứng của ngôi nhà tiểu thuyết ấy, tôi đã không thể tránh được việc chọn lọc ký ức và không thể không thêm thắt để tạo ra những sợi dây liên kết, để kết nối một cách tự nhiên các ký ức còn nhớ được và những ký ức đã bị phai mờ.

Khó khăn lớn ở đây là sự không nhớ được một cách chính xác. Càng nhiều tuổi, tôi càng nhận ra rằng mình thường hay ôn lại quá khứ với gia đình, bạn bè hoặc những người đã cùng trải qua khoảng thời gian đó với mình. Mỗi lần như vậy, tôi lại rất đổi ngạc nhiên, bởi dù cùng là một sự kiện đã từng trải qua, nhưng ký ức của mỗi người mới thật khác nhau làm sao, để rồi cuối cùng, tôi lại tự nhận ra rằng, hóa ra ký ức cũng phụ thuộc vào khả năng tưởng tượng của mỗi người.

Tôi tự nhủ lòng lần này sẽ viết khác với cách viết từ trước tới nay, song điều đó không có nghĩa là tôi có ý định tạo ra một dấu mốc đột phá nào đó về phong

cách sáng tác tiểu thuyết của mình. Đơn giản, đó chỉ là tâm trạng của một họa sĩ muốn thử vẽ một hoặc hai bức chân dung tự họa mà thôi. Cho đến giờ, những nhân vật tiểu thuyết của tôi hầu như chỉ phảng phất ít nhiều dáng dấp của tác giả. Song lần này, với quyết tâm tạo nên một điều mới mẻ nào đó, tôi đã cố gắng bộc lộ mình một cách toàn diện. Vì thế, quả là vô cùng khó khăn cho tôi khi phải khắc phục bằng được tham vọng mỹ hóa bản thân.

Đến khi đọc lại, tôi mới nhận ra rằng so với việc miêu tả chi tiết và chân thực về gia đình cùng những người xung quanh, tôi đã đề cập sơ sài hay lược đi quá nhiều ở bức tranh của mình. Và tôi cho rằng điều đó chính là minh chứng của sự khó có thể trình bày trung thực về bản thân mình.

Ở vào thời đại mà thời gian tồn tại của một cuốn tiểu thuyết càng ngày càng bị rút ngắn lại, tiểu thuyết trở thành thứ đồ dùng một lần như bây giờ, công việc viết tiểu thuyết lại càng chẳng dễ dàng hơn chút nào - dù chỉ là chút xíu bằng đầu ngón tay. Nếu thấy ảm ức thì đừng viết nữa, nhưng sao vẫn cứ thấy thật ảm ức. Lúc nhận được lời đề nghị đầy hấp dẫn về việc viết tiểu thuyết dành cho tuổi trưởng thành của nhà xuất bản Woongjin, tôi đã vô cùng hứng thú bởi ý nghĩ rằng tiểu thuyết dành cho tuổi trưởng thành sẽ bớt đi được gánh nặng về sáng tạo mới nhân vật hay nội dung tiểu thuyết, và chỉ cần viết ra giống như một cuốn tự truyện mà thôi. Đó chính là sự tương bội. Chẳng có công việc nào lại đòi hỏi nhiều dũng khí như việc nhìn lại đúng đắn về những điều đã xảy ra với mình cả, vì thế, tôi không khỏi xót xa, đau đớn khi nghĩ tới những người ruột thịt đã sinh ra tôi và đã ảnh hưởng đến tôi.

Song, bên cạnh cảm giác day dứt vì đã viết một cách khổ sở khi phải róc đến tận xương cốt của mình như thế, thực sự, tôi còn muốn cố gắng hết khả năng của mình để đóng góp những minh chứng sâu sắc, chân thực và đầy tính nhân văn về xã hội, về phong tục và về cả nhân tâm của giai đoạn lịch sử từ những năm 40 chuyển sang những năm 50, những điều vốn chỉ được chuẩn hóa bằng tài liệu.

Dường như nói ra điều này, nghe sẽ có vẻ như kiêu căng, nhưng giờ đây tôi cảm thấy vô cùng kiệt sức và rất cần được an ủi - ít nhất cũng là sự an ủi rằng không phải tôi đã róc hết xương thịt của mình cho một sản phẩm dùng một lần.

Cảm ơn Woongjin đã chờ đợi tôi khá lâu. Nhờ Woongjin mà sau tác phẩm đầu tay, lần đầu tiên tôi mới có thể viết ra được một truyện dài như thế này và thoát khỏi sự lệ thuộc vào những tiểu thuyết đăng dài kỳ trên báo.

Tháng 9 năm 1992 - Park Wan-suh

VÀI DÒNG CÙNG BẠN ĐỌC

Khi chuẩn bị tái bản tác phẩm này, một lần nữa, tôi đọc lại “Lời tác giả” và nhìn thấy ở phần kết, mình đã viết rằng: “Giờ đây tôi cảm thấy vô cùng kiệt sức và rất cần được an ủi”. Cảm giác trống rỗng tưởng như đã cạn kiệt sức lực và chỉ còn lại lớp vỏ thân xác ấy vẫn luôn luôn là cái giá không chờ mà đến sau mỗi lần tôi đặt dấu chấm hết cho một cuốn tiểu thuyết. Nhưng với tác phẩm này, tôi đặc biệt nhấn mạnh điều đó, bởi đây là cuốn tiểu thuyết được viết hoàn toàn dựa vào những ký ức của tôi. Việc làm sống lại những ký ức đó thật chẳng khác nào việc cạy bóc những lớp vảy của vết thương đã được se lành, bởi thế, điều đó đã khiến tôi cảm thấy kiệt sức và nhức nhối hơn bao giờ hết. Chính vì vậy mà trong lúc thực hiện công việc ấy, tôi đã luôn kiếm tìm sự an ủi và may sao, việc được gặp gỡ với độc giả trong suốt khoảng thời gian mười năm qua, một khoảng thời gian không hề ngắn ngủi, với tôi, quả là một sự may mắn, và chỉ với điều đó thôi cũng đã là một sự an ủi trọn vẹn nhất rồi.

Hơn tất cả, tôi cảm thấy đó là một niềm hạnh phúc lớn lao và có gì đó như là một kỳ tích, bởi có rất nhiều độc giả thiếu niên đã tìm đến với tôi. Mỗi lần nhận được thư của độc giả muốn biết Sing-a là loài cây thế nào, trong miệng tôi lại tràn ngập hương vị của Sing-a, hương vị của ký ức lúc nào cũng thật trẻ trung và tươi mới.

Có thể nói rằng việc được thế hệ sau đón nhận không gian chứa đầy những ký của mình, đó chính là một đặc ân dành cho người được gọi là tác giả.

Tôi rất vui vì cuộc vận động văn hóa đọc sách mới mẻ lần này sẽ là cơ hội để chúng ta thêm gần với sách viết, và còn cảm thấy tự hào hơn nữa khi toàn bộ số tiền thu được qua đây sẽ được sử dụng vào những công việc mang ý nghĩa cao đẹp.

Tháng 1 năm 2002 Park Wan-suh

LỜI NGƯỜI DỊCH

Lịch sử đi qua, không chỉ để lại dấu tích trên những trang sách, những thước phim tư liệu, những di tích, v.v...; mà còn để lại dấu ấn đậm nét trong những trang tác phẩm văn học của những con người đã từng đi qua thời đại lịch sử đó. Tác giả của tôi chính là một chứng nhân văn học như thế. Sinh ra và lớn lên giữa thời kỳ đô hộ của Nhật Bản, trưởng thành trong những năm tháng đau thương của cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa hai miền Nam - Bắc, cuộc chiến vẫn còn kéo dài dai dẳng cho đến tận ngày hôm nay, bà là một trong số ít ỏi những nhân chứng đã trải qua một chặng đường dài thật dài trong lịch sử của dân tộc Hàn. Có lẽ với tác giả, đó là một quá khứ nhiều đau thương và đầy bất hạnh, song, đối với những độc giả yêu và muốn tìm hiểu về đất nước Hàn Quốc xinh đẹp, điều đó có khi lại là một sự may mắn chẳng?

Dù bắt đầu sự nghiệp văn chương một cách khá muộn màng ở tuổi 40, nhưng Park Wan-suh đã cho thấy một khả năng sáng tác sung mãn với khối lượng tác phẩm đồ sộ bao gồm nhiều thể loại như tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút v.v... và hàng loạt những giải thưởng văn học cao quý của Hàn Quốc như *Giải thưởng văn học Lee Sang* (1981), *Giải thưởng văn học Đại Hàn Dân Quốc* (1990), *Giải thưởng văn học Di San* (1990), *Giải thưởng văn học Kim Dong-in* (1994), *Giải thưởng văn học Daesan* (1997), *Giải thưởng văn học Manhe* (1999), *Giải thưởng văn học Hwang Sun-won* (2001) v.v... Song hơn hết, đó là tình cảm mến mộ và ngôi vị cao quý của một tác giả nữ hàng đầu trong lòng mọi lứa tuổi độc giả Hàn Quốc. Có lẽ tác giả Park Wan-suh đến với người đọc không chỉ bởi nội dung hay câu chữ trong các cuốn tiểu thuyết của bà, mà hơn thế, đó là những cảm xúc chân thực nhất về cuộc sống, về lịch sử,

về sự yên bình và những đau thương giằng xé day dứt trong thăm sâu tâm hồn của những người dân Hàn Quốc.

Ai đã ăn hết những cây Sing-a ngày ấy? đã gõ cửa căn phòng, nơi chôn chắt những cảm xúc sâu lắng của mỗi người dân Hàn Quốc, bằng những minh chứng mà không một di tích lịch sử, một thước phim tài liệu, hay những trang ghi chép khô khan nào có thể khắc họa một cách toàn diện được. Đó chính là nỗi buồn, niềm vui, sự âu lo, cơn tuyệt vọng và cả ý chí của con người trước dòng chảy thời gian; là những trải nghiệm chân thực của con người trước những trở trêu của cuộc sống và hơn hết, đó là vết thương chia cắt vẫn luôn hằn sâu nhức nhối. Tất cả những điều đó chỉ có thể cảm nhận được qua những cảm xúc của người đọc khi đắm chìm vào tác phẩm của Park Wan-suh. Nếu như phần đầu của tác phẩm là tuổi thơ tuyệt vời với những ký ức vô cùng ngọt ngào của tác giả, thì những phần sau lại là những cảm xúc nghẹn ngào, rất khó diễn tả bằng lời. Càng về phần cuối, tác giả lại càng khiến người đọc nhận ra rằng ẩn sau những ký ức lung linh ấy là nỗi niềm bùi ngùi và xót xa vô hạn về số phận của một con người, một gia đình và của cả một dân tộc, khi chỉ có thể thả mình trôi theo định mệnh đã an bài. Những gì tươi đẹp nhất của cuộc sống còn lại chẳng chỉ là dư vị của những cây *Sing-a*, loài cây đã biến mất theo thời gian mà thôi.

Cho đến tận lúc hoàn thành bản dịch cuối cùng, *Ai đã ăn hết những cây Sing-a ngày ấy?* vẫn cứ còn khắc khoải mãi trong tôi. Không phải vì tôi chẳng thể trả lời được câu hỏi ấy, mà bởi tôi cảm thấy mình chưa đủ can đảm để chạm tới từng vết đau nhức nhối được gửi gắm trong từng câu chữ ấy. Có lẽ rồi độc giả cũng sẽ giống như tôi: sẽ giữ lại câu trả lời cho riêng mình.

Ai đã ăn hết những cây Sing-a ngày ấy? của tác giả Park Wan-suh không phải được đọc bằng từ, bằng chữ, mà là bằng cảm xúc. Đó cũng chính là khó khăn lớn nhất của tôi khi truyền tải tác phẩm này sang tiếng Việt. Có một điều mà cho đến giờ và có lẽ mãi mãi sau này nữa, tôi sẽ vẫn còn luôn cảm thấy day dứt mỗi khi nghĩ tới, đó là tác giả của tôi đã không thể chờ đợi thêm. Bà đã ra đi mãi mãi khi tôi còn chưa kịp trao tận tay bà bản dịch bằng tiếng Việt lần đầu tiên này. Sự ra đi của bà là một mất mát lớn lao cho văn đàn Hàn Quốc, còn với tôi, đó là một dấu chấm lửng buồn bã và sâu kín nơi khoảng lặng của riêng tôi. Tôi tự an ủi mình bằng cách ấp ủ những tia hy vọng về ngày cuốn sách

được đến tay độc giả. Park Wan-suh không còn xa lạ với độc giả thế giới, nhưng lại hoàn toàn mới mẻ đối với độc giả của đất nước tôi. Song, tôi tin rằng với sự trải lòng của tác giả qua những ký ức chân thực và cảm động ấy, mặc dù sự trải lòng đó vẫn còn nhiều lúc chưa được lấp đầy cảm xúc bởi khả năng hạn chế của người dịch, cuốn sách vẫn sẽ đưa được Park Wan-suh và độc giả Việt Nam lại gần nhau hơn nữa.

Cuốn sách đã trở thành nguồn an ủi lớn lao đối với tôi trong những năm tháng xa nhà. Cảm ơn người bạn đời và đứa con thân yêu đã luôn luôn ở bên tôi trong những giờ phút chinh phục tác phẩm. Và hơn hết, tôi mong được chia sẻ những cảm xúc lắng đọng và chân thành nhất của riêng tôi với độc giả qua tác phẩm văn học tuyệt vời này.

Incheon, tháng 7 năm 2011 - Nguyễn Lệ Thu

(Hiện là nghiên cứu sinh khoa Hàn Quốc học, Trường đại học Inha, Hàn Quốc)

NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

Hai lỗ mũi lúc nào cũng thò lò. Không phải nước mũi mà là thứ keo dính dính màu vàng, cổ hít cũng chẳng hít lên được. Chẳng phải mình tôi mà tất cả lũ trẻ thời ấy đều như vậy. Chỉ cần xem cái cách người lớn vơ tất cả lũ trẻ và gọi chung là “bọn thò lò mũi xanh” thì hiểu. Sau này, khi đã trở thành một người mẹ, điều tôi luôn lấy làm lạ về những đứa con của mình, đó là trừ phi bị cảm, còn thì tuyệt nhiên chúng chẳng bao giờ thò lò mũi cả. Mà đâu chỉ những đứa con của tôi, những đứa trẻ khác cũng thế, chúng hầu như không bao giờ thò lò mũi. Ngay cả cái thói quen gài sẵn chiếc khăn mùi soa trên ngực mỗi khi đến trường cũng biến đâu mất. Giờ đây, thay vì thắc mắc tại sao lũ trẻ ngày nay không bị thò lò mũi nữa, tôi lại thấy lạ rằng tại sao ngày ấy trẻ con lại bị thò lò mũi nhiều đến như vậy nhỉ?

Mẫu vải hay mẫu giấy đều quý cả. Có khi còn chẳng biết được trên đời có cái gọi là “khăn mùi soa” nữa. Mũi chảy lòng ròng, vừa chạm tới miệng, liền lập tức được quẹt ngang một cái bằng tay áo. Bởi thế mà mỗi một mùa đông buốt giá qua đi, nơi gấu tay áo lại xuất hiện một lớp gi đen kịt bám chặt như keo dính. Một chiếc áo nhồi bông lùm lùm cũng khá đủ để qua một mùa đông. Mỗi khi thay lớp viền áo, mẹ lại cào xoèn xoẹt phần cổ tay, cổ lấy đi mảng ghét bám chặt ở đó. Bên dưới là chiếc quần bông, quần thêm cái váy quây. Vải của váy thường là sợi bông đã được đem hồ nên thường phẳng phiu, bóng láng.

Màu nhuộm ở nhà quê quý lắm. Ông nội thường phải mua về ở mãi tận Songdo. Nơi tôi sinh ra là một ngôi làng hẻo lánh với vón vện hai mươi hộ, được gọi là thôn Parkjeok, làng Muksong, xã Cheongkyo, huyện Gaepung, cách Gaeseong khoảng hai mươi ri * về phía tây nam; những người trong làng vẫn gọi Gaeseong là Songdo. Với tôi, Songdo là ngọn nguồn của những giấc

mơ ngày thơ bé. Không chỉ có màu nhuộm, mà từ đôi giày da, chiếc lược bó, sợi ruy băng lấp lánh, đến con dao, cái cuốc, cái liềm, tất cả đều phải đi đến tận Songdo mới có thể mua được.

1 Đơn vị đo khoảng cách của Hàn Quốc. Một ri bằng 393m. (Toàn bộ chú thích trong truyện là của người dịch).

Các bà các cô nhà khác trong làng đều đi lại Songdo. Riêng nhà chúng tôi, chỉ có ông nội và các chú mới có đặc quyền ấy. Đó chính là điểm khác biệt giữa nhà chúng tôi với các nhà khác. Ở thôn Parkjeok, ngoài nhà chúng tôi, còn có một nhà khác nữa mà phụ nữ cũng không được đi Songdo. Hai nhà đều mang họ Park và là họ hàng của nhau. Các nhà còn lại đều mang họ Hong và bọn họ cũng là họ hàng của nhau. Mặc dù vậy, tên của ngôi làng vẫn là làng Parkjeok. Ông nội tôi bảo chúng tôi là lưỡng ban *, còn bọn họ là thường dân.

2 Tầng lớp quý tộc dưới thời Korea (918-1932) và thời Choson (1932-1910).

Tôi không rõ những người làng nhìn nhận vai trò lưỡng ban của ông tôi thế nào. Chỉ biết rằng từ xưa đến nay, quanh vùng Gaeseong, cái gọi là lưỡng ban gì gì đó, chẳng hề được mọi người quan tâm. Có lẽ vì thế mà ông tôi thành ra lập dị. Vì ông tôi không cho phép nên những người phụ nữ trong gia đình không được tự do thoải mái đi lại Songdo, song không phải tất cả bọn họ đều tuân phục ông nội tự đáy lòng. Có lúc tôi hỏi bà nội: “Lưỡng ban là gì hả bà?” Bà tôi cười mỉm, bảo rằng: “Cái đó ấy à, đem ra bán có khi được hai lượng rưỡi đấy”. Bà nội lại bắt đầu mĩa mai. Bà là người rất hay buông ra những câu chế giễu. Ấy vậy mà, khi ở trước mặt ông tôi, lúc nào bà cũng tỏ ra cung kính lễ phép. Không chỉ mỗi chuyện cấm đi Songdo, ông nội còn cấm luôn cả chuyện ra đồng làm việc. Đó lại là một điểm khác biệt nữa giữa nhà tôi và các nhà khác. Có vẻ như ông tôi cho rằng những điều đó cũng là cách hành xử của một lưỡng ban.

Ở thôn Parkjeok có hai nhà lưỡng ban và khoảng mười sáu, mười bảy hộ khác không phải lưỡng ban, nhưng lại không có sự phân cấp địa chủ hay tá điền gì cả. Ngọn núi làng cao ngất với hai bên triền núi thoải thoải không có lấy một tảng đá như đang dang rộng cánh tay ôm trọn lấy ngôi làng. Ngôi làng trông như đổ dồn về phía trước với khoảng không là cánh đồng bao la. Trên cánh đồng bát ngát ấy, các con suối chảy qua thật nên thơ, hệt như câu “Rì rầm con suối kể câu chuyện ngày xưa” của nhà thơ Jeong Ji-yong. Ở nhà chúng tôi,

ngay cả khi muốn đi ra nhà xí, cũng phải bước qua một con suối nhỏ. Các con suối nhỏ uốn lượn, gặp cánh đồng, bèn tụ lại thành những cái chuôm. Chúng tôi gọi đó là giếng tù để phân biệt với giếng khơi. Giờ nghĩ lại, có khi phải gọi đó là những hồ chứa nước nhỏ mới đúng. Cả một vùng đất tròng trọt rộng lớn, chưa từng biết đến mất mùa là gì ấy, đều do những người làng tôi sở hữu. Chẳng có nhà nào độc chiếm đất đai, mà cũng không có nhà nào không có đất. Mọi người đều là những nông dân tự canh tự tác, tất cả đều cần mẫn chăm chỉ, và không bao giờ biết lo đến cái ăn suốt cả năm trời.

Tám năm lớn lên trên mảnh đất ấy, tôi không có cơ hội để biết được rằng trên đời này có người giàu và kẻ nghèo. Tôi cũng chẳng mấy khi có dịp cùng lũ bạn nắm tay rong ruổi sang các làng khác. Cánh đồng làng mênh mông phía trước, dù chúng tôi có đi bao xa cũng chẳng thấy có làng khác xuất hiện. Phải vượt qua dãy núi phía sau mới có làng bên cạnh và chắc rằng phong cảnh ở các làng khác cũng không có gì lạ lắm cả. Ở hai bên cánh đồng ấy, các ngôi nhà nằm xen nhau, ôm gọn lấy chân núi. Cánh đồng làng trải rộng tựa như một tấm váy rực rỡ nhiều màu sắc. Tất cả cuộc sống đối với tôi là như thế.

Tôi vẫn ngỡ rằng dù có vượt qua quả đồi, đi qua con suối thì tất cả vẫn là đất của người Triều Tiên * và chỉ có người Triều Tiên ở đó. Nhưng rồi lần đầu tiên tôi được nghe đến một cái tên lạ lẫm của một đất nước vô cùng xa xôi, đó là “Đức quốc”. Mãi sau này tôi mới biết người ta gọi nước Đức là “Đức quốc”, nhưng ngay cả khi chưa biết điều ấy, một đất nước bên ngoài mà lần đầu tiên tôi được nghe đến ấy đã đủ khiến tôi thấy thật kỳ bí. Gần đến những dịp như Chuseok * hay Tết âm lịch, ông nội thường mang màu nhuộm ở Songdo về. Ông rút ra một túi giấy hình vuông, trong đó đựng màu nhuộm và bảo: “Màu của Đức quốc đấy”. Màu đỏ được đánh dấu đỏ, màu xanh được đánh dấu xanh. Con dấu chỉ bằng con tem bưu điện được gấp chéo lại thành những hình tam giác, trơn bóng, màu cũng rất thật, y như màu tự nhiên của những cánh hoa. Tôi cũng không rành lắm nhưng lại vô cùng háo hức mỗi khi nhìn thấy màu nhuộm của Đức quốc. Có lẽ đó là hương vị của văn minh mà lần đầu tiên trong đời, tôi được nếm thử.

3 Chỉ toàn bộ bán đảo Hàn. 4 Kỳ nghỉ lễ lớn nhất trong năm của người Hàn Quốc, diễn ra vào Rằm tháng Tám Âm lịch. Đây là ngày lễ diễn ra sau khi đã

thu hoạch mùa màng, để cảm ơn tổ tiên, trời đất và cũng là dịp để mọi thành viên trong gia đình đoàn tụ.

Bà nội, mẹ tôi và các thím, tất cả đều mê mẩn thứ màu nhuộm của Đức quốc ấy. Mỗi lần mua về, ông nội lại hể hả hơn bao giờ hết và thái độ cung kính hết mực của các nàng dâu đối với bố chồng gần như biến thành sự phục tùng và xu nịnh. Song, không phải lúc nào các nàng dâu cũng cung kính bố chồng tụt đáy lòng. Đôi khi đó còn là thái độ châm biếm, giễu cợt. Mỗi khi nổi cáu, tiếng nói nghiêm nghị của ông nội phát ra oang oang, tưởng chừng trời đất có thể sụp ngay tại chỗ, vậy mà tiếng bước chân dồn dập về phòng của ông lại là dấu hiệu của sự giảm sút uy lực. Ngay cả trong những giây phút các nàng dâu còn đang đứng ngây ra chờ đợi cơn thịnh nộ sấm sét nào đó trút xuống, vẫn có tiếng đùa cợt khe khẽ.

Mẹ tôi là người chuyên buông ra những câu đùa cợt ấy. Mẹ ghé tai thím thì thầm: “Này, cơm lại bị khô rồi đấy”. Còn thím thì cố nhin cười nên mặt mũi tái mét đi. Câu ấy không phải là cơm trong bếp bị khô thật sự, mà có liên quan đến cái biệt danh “cầm nhô” của ông nội. Râu của ông không mọc dài ra được, cứ quấn lại với nhau thành một cụm, nhô ra phía trước, làm cho cái cằm của ông trông hệt như cái muôi xúc cơm. Bởi thế, cái sự cung kính hết mực của các nàng dâu đối với bố chồng, người hay mua về cho họ màu nhuộm của Đức quốc, thật ra chẳng có gì liên quan đến sự uy nghiêm của ông nội cả. Đơn giản, theo như cách nói bây giờ, chỉ là một thói sính đồ ngoại mà thôi.

Còn tôi, cả vẻ biểu hiện bên ngoài lẫn suy nghĩ bên trong, tôi đều không sợ ông nội. Tình thương của ông dành cho một đứa mất bố từ lúc mới lên ba như tôi rất đặc biệt. Mỗi khi nhìn tôi, cặp mắt phượng của ông lại khẽ sụp xuống và tôi có thể cảm nhận được ẩn sâu trong ấy có một thứ gì đó đang bùng bùng cháy. Có thể đó là thứ tình thương cồn cào đến cháy ruột cháy gan, nhưng tôi lại coi điều đó như là mình đã nắm được một điểm yếu quan trọng. Tôi tin rằng dù mình có gây ra điều gì trầm trọng đi chăng nữa thì chắc chắn ông cũng sẽ vẫn bênh vực tôi. Tôi tin thế và cũng không bao giờ cố ý gây rắc rối, nhưng quả thật mỗi khi ông vắng nhà, tôi lại thấy buồn bã và rầu rĩ hơn cả.

Có lúc bà nội đay nghiến ông: “Tại ông cứ nuông chiều quá mức thành ra nó mới như thế. Ông có biết lúc ông không ở nhà, nó ngoan ngoãn, để bảo thế nào không?”. Lập tức ông liền nổi dóa lên: “Nó không có ai để làm nũng nên mới

thế. Bà thích nhìn thấy cháu rầu rĩ lắm à?”. “À vâng, tôi thích như thế đấy”. Bà lại bắt đầu giận dỗi và gắt um lên.

Biết vậy mà ông nội vẫn vắng nhà thường xuyên. Ngoài Songdo ra, tất cả mọi nơi, từ việc lớn việc nhỏ của họ hàng hay bạn bè, ông đều đại diện gia đình tham dự không bỏ buổi nào. Ông luôn mặc đồ trắng khiến những người phụ nữ trong nhà lúc nào cũng bận rộn. Khổ nhất là việc giặt những đôi vớ trắng. Có lần chợt tỉnh giấc, tôi thấy mẹ và các thím ngồi quây lại dưới ánh đèn mờ mờ, vừa chải vớ, vừa rì rầm trò chuyện. Vớ của ông rất to, mấy lần tôi còn đội thử, nó vừa cả vớ đầu tôi nữa.

Mỗi lần ra khỏi nhà, ông nội thường đi đến vài ngày sau mới về. Với tôi, việc đứng chờ ông nội trở về nhà đã trở thành một niềm vui lớn nhất của thời thơ bé. Phần hiên trước phòng khách nhà tôi đối diện ngay với khoảng sân bên ngoài không có hàng rào che chắn. Phòng khách lại còn chia làm hai buồng, buồng trên và buồng dưới, nên phần hiên rất dài và phải có cột dựng ở giữa để chống. Chỉ cần với tay ôm lấy cây cột hay đứng tựa vào đó, là tôi có thể trông thấy cả điểm cuối cùng của con đường xe thồ mất hút nơi góc núi khuất xa xăm.

Áo trắng thật kỳ diệu. Khói chiều bốc lên trên những mái nhà rơm, lan tỏa khắp một vùng như có ai đó vừa mới đổ mực, xóa nhòa ranh giới của con đường và cánh đồng, rừng cây và ngọn núi. Ngay cả khi tất cả bầu trời bị bao phủ bởi một tấm màn màu xám, thì cái bóng người mặc áo trắng trở về trên sườn núi vẫn hiện lên thật sáng rõ. Tất cả mọi người trong làng đều mặc áo trắng. Nhất là khi đi Songdo, họ đều diện những chiếc áo trắng tinh tươm. Cho dù là như thế, chưa bao giờ tôi nhầm ông nội với ai khác cả.

Bước chân rất riêng của ông, tôi không thể miêu tả được bằng lời, nhưng nó hệt như một luồng sáng mạnh mẽ truyền tới tôi vậy. “Ông nội kia rồi”. Ý nghĩ đó chợt lóe lên trong đầu tôi và nhanh như tên bắn, tôi vọt chạy ra ngoài cửa ở phía Đông. Chưa khi nào, dù chỉ một lần, tôi nhầm lẫn cả. Ông đứng đó, hơi thở phập phồng nồng ấm, vạt áo durumagi * được là ủi kỹ càng, bay phất phới trong gió, tựa như một lưỡi gươm mài sắc sáng lóa. Còn có cả mùi Songdo bám ở đó nữa. Tôi đặc biệt thích thứ mùi ấy. Vừa trông thấy tôi, ông liền gọi: “Con chó con của ông, ra đón ông đấy à?”, rồi lập tức bế bổng tôi lên. Vòng

tay ông nội thật rắn chắc và hơi thở thì vô cùng ấm áp. Hơi thở ấy luôn đượm nồng mùi rượu. Tôi mê vô cùng cái hơi thở ấm nồng hòa lẫn với hơi men ấy.

5 Áo choàng truyền thống của Hàn Quốc. Áo có hai vạt, dài đến tận đầu gối và thường được mặc khi đi ra ngoài.

Và sau đó, không bao giờ ông quên thả tôi xuống rồi móc từ trong túi áo durumagi ra hết thứ này đến thứ nọ, đặt vào tay tôi. Khi thì là cái kẹo lạc được gói trong chiếc phong bì màu vàng, khi là chiếc bánh, hay cả những đồ ăn mà ông đã không ngại xấu hổ, lấy từ bàn tiệc gói mang về cho tôi. Ngay tức khắc, tôi buông tay ông ra và tụt xuống để nếm thử. Sau đó, tôi vừa đi vừa nhảy nhót ở phía trước một cách vô cùng hoan hỉ. Hai ông cháu vừa bước chân vào nhà thì gặp ngay ánh mắt quở trách của bà nội - ánh mắt mà như người ta vẫn thường bảo là dành cho đứa trông thật đáng ghét đang hờn hờ như vừa bắt được của. Còn tôi, lúc ấy trong lòng chỉ có cảm giác hân hoan vì sự chờ đợi đã thành công.

Nhưng, sự chờ đợi không phải lúc nào cũng được toại nguyện. Có khi tôi phải chờ mãi, chờ mãi mà chẳng thấy bóng dáng ai xuất hiện. Hoặc có bóng người xuất hiện trên sườn núi nhưng lại là một người khác. Lúc ấy, một nỗi buồn chợt dâng nghẹn nơi cổ họng tôi. Cũng có cả những ngày thời tiết thay đổi, tôi phải đứng chờ trong cái lạnh run lấy bầy chân tay. Mấy lần ở nhà dưới gọi vào, nhưng tôi nhất định không chịu nghe lời. Người lớn bảo tôi là đứa trẻ mồ côi cha bướng bỉnh. Mẹ thì chắc lưỡi than bất lực vì một mình không dạy dỗ nổi tôi. Bà nội có lúc còn bạt tai tôi: “Lại cái kiểu bướng đấy, sẽ mách ông cho mà coi”. Tôi mặc kệ tất cả, quyết làm theo ý mình và chịu đựng mọi sự mắng mỏ của người lớn. Thật ra không phải là tôi bướng bỉnh. Đó chỉ là vì tôi cảm thấy thích thú khi được chờ đợi mà thôi.

Biết vậy mà ông nội vẫn vắng nhà thường xuyên. Ngoài Songdo ra, tất cả mọi nơi, từ việc lớn việc nhỏ của họ hàng hay bạn bè, ông đều đại diện gia đình tham dự không bỏ buổi nào. Ông luôn mặc đồ trắng khiến những người phụ nữ trong nhà lúc nào cũng bận rộn. Khổ nhất là việc giặt những đôi vớ trắng. Có lần chợt tỉnh giấc, tôi thấy mẹ và các thím ngồi quây lại dưới ánh đèn mờ mờ, vừa chải vớ, vừa rì rầm trò chuyện. Vớ của ông rất to, mấy lần tôi còn đội thử, nó vừa cả với đầu tôi nữa.

Mỗi lần ra khỏi nhà, ông nội thường đi đến vài ngày sau mới về. Với tôi, việc đứng chờ ông nội trở về nhà đã trở thành một niềm vui lớn nhất của thời thơ bé. Phần hiên trước phòng khách nhà tôi đối diện ngay với khoảng sân bên ngoài không có hàng rào che chắn. Phòng khách lại còn chia làm hai buồng, buồng trên và buồng mùi rượu. Tôi mê vô cùng cái hơi thở ấm nồng hòa lẫn với hơi men ấy.

Và sau đó, không bao giờ ông quên thả tôi xuống rồi móc từ trong túi áo durumagi ra hết thứ này đến thứ nọ, đặt vào tay tôi. Khi thì là cái kẹo lạc được gói trong chiếc phong bì màu vàng, khi là chiếc bánh, hay cả những đồ ăn mà ông đã không ngại xấu hổ, lấy từ bàn tiệc gói mang về cho tôi. Ngay tức khắc, tôi buông tay ông ra và tụt xuống để nếm thử. Sau đó, tôi vừa đi vừa nhảy nhót ở phía trước một cách vô cùng hoan hỉ. Hai ông cháu vừa bước chân vào nhà thì gặp ngay ánh mắt quở trách của bà nội - ánh mắt mà như người ta vẫn thường bảo là dành cho đứa trông thật đáng ghét đang hờn hờ như vừa bắt được của. Còn tôi, lúc ấy trong lòng chỉ có cảm giác hân hoan vì sự chờ đợi đã thành công.

Nhưng, sự chờ đợi không phải lúc nào cũng được toại nguyện. Có khi tôi phải chờ mãi, chờ mãi mà chẳng thấy bóng dáng ai xuất hiện. Hoặc có bóng người xuất hiện trên sườn núi nhưng lại là một người khác. Lúc ấy, một nỗi buồn chợt dâng nghẹn nơi cổ họng tôi. Cũng có cả những ngày thời tiết thay đổi, tôi phải đứng chờ trong cái lạnh run lấy bầy chân tay. Mấy lần ở nhà dưới gọi vào, nhưng tôi nhất định không chịu nghe lời. Người lớn bảo tôi là đứa trẻ mồ côi cha bướng bỉnh. Mẹ thì chặc lưỡi than bất lực vì một mình không dạy dỗ nổi tôi. Bà nội có lúc còn bạt tai tôi: “Lại cái kiêu bướng đấy, sẽ mách ông cho mà coi”. Tôi mặc kệ tất cả, quyết làm theo ý mình và chịu đựng mọi sự mắng mỏ của người lớn. Thật ra không phải là tôi bướng bỉnh. Đó chỉ là vì tôi cảm thấy thích thú khi được chờ đợi mà thôi.

Sự chờ đợi còn có một cái thú khác. “Ngón cái dính ngón giữa, ông về đến Đồi Sorigae”. Nhưng nếu hết câu mà hai ngón chưa chạm nhau thì tôi lại đổi sang: “Ngón cái dính ngón giữa, ông về đến Đồi Nongbawi” và thế nào cũng trúng. Tôi biết rất nhiều tên đồi và tên suối, nhưng chẳng biết chúng ở đâu cả. Chỉ cần hết câu nói mà hai ngón tay dính vào nhau là được. Hai ngón dính ở

địa điểm nào, tôi sẽ chạy thật nhanh qua các quả đồi, con suối để tới đó chờ sẵn, gây cho ông nội sự bất ngờ.

Có những lần ông nội về trong đêm tối thăm thăm, nhưng cũng có khi là những đêm trăng sáng vắng vặc. Và ngay cả khi trên nền trời đêm chỉ có le lói vài ánh sao ngày cuối tháng, thì cái vạt áo durumagi phấp phới vẫn sáng bừng lên, rõ mồn một, không thể lạc vào đâu được. Bước chân thoăn thoắt, chẳng mấy chốc ông đã xuất hiện ở cửa Đông. Tôi hồn hển chạy ra đón ông, trong lòng háo hức chờ đợi điều gì đó. Có lúc, chạy ra đến nơi rồi mà tôi vẫn không thấy ông xuất hiện ở khúc rẽ. Lúc ấy, tôi chỉ còn biết đứng ngây ra đó chờ ông một cách hệt hẳng, và bao nhiêu cảm giác hồi hộp liền xiu xuống. Có lần tôi tiếp đi vì chờ đợi mệt quá, những người trong nhà phải ra bế tôi vào. Còn tôi, lúc ấy mới chỉ thiu thiu nhưng vẫn giả vờ ngủ say bằng cách ngáy khe khẽ.

Nhưng rồi sự chờ đợi lấp đầy những trang đầu ký ức tuổi thơ ấy đã không kéo dài được lâu. Một ngày, ông nội bị ngã ở nhà xí, ông không dậy được nên chỉ còn biết kêu to lên, gọi mọi người tới cứu. Nhà xí nằm ở mé cánh đồng, từ phòng khách phải xuống ba bậc thang kê bằng những hòn đá rộng bản, tới khoảng sân rộng phía sau, đi qua những tán cây dâu mọc bao quanh mảnh sân ấy, bước qua con suối nhỏ mới tới được. Ai đó đi ngang qua nghe thấy liền hốt hải chạy vào gọi, khiến tất cả mọi người trong nhà hoảng hốt chạy ra nhà xí và phải vất vả lắm mới bế được ông về phòng. Mọi người bảo đó là trúng gió, trúng gió là bệnh không qua được. Tất cả đều tin rằng gió ở nhà xí thì chẳng có thuốc nào chữa nổi.

Giống như những nhà nho khác vào thời ấy, do có chút hiểu biết về thuốc thang hơn người nên ông nội thường tự kê đơn chữa bệnh cho con cái. Ông thường tìm hái các loại cây thuốc, tán thành viên rồi cất ở trong tủ thuốc, để mỗi khi trong làng có ai bị bệnh cần chữa gấp, thì ông lại lấy đem cho. Vậy mà với bệnh của mình, ông tôi lại sớm buông xuôi và thường xuyên nổi cáu. Mỗi khi mang bô ra ngoài, bà nội lại làu bàu chì chiết, kể ra hàng loạt những tật xấu của ông, nào là suốt ngày lang thang, nào là thích rượu, thích bạn bè, giờ nằm đấy mới thấy rõ sương! Bầu không khí trong nhà trở nên nặng nề, nhất là tôi, tôi thật đáng thương, chẳng khác gì một con chim non bị gãy cánh. Những ký ức về việc mất bố lúc ba tuổi, tôi hoàn toàn chẳng nhớ gì cả, vậy nhưng trước

sự yếu đuối của ông nội sau lần trúng gió ấy, với tôi, đó là lần thứ hai trong đời tôi mất bố.

Đã vậy lại còn buồn rầu hơn khi năm ấy, mẹ dọn hẳn lên Seoul để chăm sóc anh tôi. Anh tôi đã học xong bậc tiểu học sáu năm theo chương trình cải cách mới, nghĩa là sau khi kết thúc bốn năm ở trường tiểu học sẽ học tiếp hai năm nữa ở Songdo. Mặc dù các chú của tôi đều tốt nghiệp trường tiểu học theo chế độ cũ bốn năm, nhưng ông nội lại luôn đánh giá cao việc học thêm hai năm ở Songdo của anh tôi. Việc tiếp tục học lên nữa ở Seoul của anh tôi đã khiến cho gia đình thêm khó khăn, và sự trông đợi đối với đứa cháu đích tôn bị chệch ra ngoài ý muốn.

Khi ấy, hai chú tôi đều đã lấy vợ và sống chung với nhau dưới một mái nhà. Điều lạ lùng là đến tận lúc đó, cả hai đều vẫn chưa có con. Ông nội vẫn thường ví anh em chúng tôi là châu ngọc được cất kỹ ở trong rương. Đến khi đột ngột bị trúng gió, ông tôi lại muốn đứa cháu đích tôn và cũng là duy nhất ở bên cạnh, để có thể dạy bảo. Ông nội mong muốn anh tôi sớm lập gia đình, gánh vác vai trò trụ cột của cả nhà và giữ gìn hương hỏa tổ tiên, hơn là việc anh tôi trưởng thành ở bên ngoài xã hội rộng lớn.

Mẹ tôi chẳng hề thương lượng một lời với người lớn trong nhà mà đã cho anh tôi theo học trường thương nghiệp ở Seoul. Ở Songdo cũng có trường thương nghiệp, nhưng việc anh tôi được đi học ở Seoul lại là mong ước lớn lao của mẹ. Chuyện này đã làm cho cả nhà được một phen ấm ỉ. Nàng dâu trưởng, chồng mất sớm, lại lấy cố cho con đi học để không ở lại hầu hạ bố mẹ chồng; đó là một điều tuyệt đối không được phép vào thời bấy giờ. Sự phẫn nộ của người lớn trong nhà, khỏi phải nói cũng hình dung được là gay gắt đến mức nào; song điều đáng kể hơn lại chính là sự sụp đổ của một đại gia đình. Cho dù chỉ là một chốn làng quê nhỏ bé thôi, song muốn thực hiện đúng đắn vai trò lương ban ấy, ông nội phải điều hành gia đình sao cho không làm mất đi thể thống của một lương ban. Có ai hiểu cho hay không, điều ấy không quan trọng, ông vẫn luôn tin rằng gia đình chúng tôi phải có trách nhiệm sống một cách mẫu mực trong cái làng ấy. Ông nội đã rất giận mẹ tôi, còn mẹ tôi, người dám tự từ bỏ trách nhiệm của mình ấy, cũng đã phải từ bỏ rất nhiều thứ khác nữa.

Quyết tâm dù bất kỳ giá nào cũng phải nuôi con lớn lên ở Seoul giống như một niềm tin thần thánh sâu kín của mẹ tôi, không ai có thể lay chuyển được.

Mẹ đã một mực tin rằng ngày trước, nếu chúng tôi được sống ở Seoul, dù chỉ là một góc ở xá chợ nào đó thôi, thì có lẽ bố tôi đã không phải từ già cỗi đời một cách quá sớm như vậy. Sau này, khi biết suy nghĩ rồi, tôi không thể không đồng tình với suy nghĩ đó của mẹ. Trong số các anh em, bố tôi là người khỏe mạnh nhất và không bao giờ bị ốm vặt. Vậy mà, bỗng dưng một hôm, bố tôi lại lăn ra quần quai vì một cơn đau bụng, và trong khi ông nội còn đang tự chữa cho bố tôi bằng một thứ thuốc nam nào đó, còn bà tôi thì đi đến nhà thầy cúng để cầu xin, thì bố tôi đã rơi vào tình trạng hấp hối sắp tắt thở.

Đến lúc đó, mẹ mới có thể cương quyết đặt bố lên xe bò mà chở ra tận Songdo. Và phần viêm ruột thừa bị vỡ ra của bố tôi đã được phẫu thuật một cách muộn màng. Ngày ấy còn chưa có thuốc kháng sinh nên bệnh tình lại càng trầm trọng, vì thế bố tôi đã qua đời. Mẹ tôi nhất quyết cho rằng mọi chuyện không thể cứ đổ cho số phận con người, mà đó là do lỗi của cái sự ấu trĩ chốn quê mùa, và do đó, nhất định đến đời con cái, phải đưa chúng thoát ra khỏi cái chốn này. Ý định này còn liên quan tới quãng thời gian trải nghiệm Seoul ở những ngày còn là con gái của mẹ tôi nữa.

Mẹ kể rằng nhà mẹ cũng ở nông thôn, nhưng họ hàng bên ngoại lại là những người giàu có sống ở Seoul. Thời còn con gái, trước khi theo chồng về thôn Parkjeok này, mẹ từng sống ở nhà một người họ hàng như thế. Khi ấy, các anh chị em họ của mẹ đều được đi học ở trường nam, trường nữ nào đó rất danh giá khiến mẹ lúc nào cũng cảm thấy rất ghen tị. Mẹ gọi các cô gái mặc váy, đi giày và được giáo dục theo kiểu mới là “những thiếu nữ tân thời năng động”, và mẹ cũng muốn biến tôi trở thành như vậy. Nhưng tôi vẫn còn nhỏ quá và bởi hoàn cảnh cũng không dư dả để nuôi cả đứa con gái, nên trước tiên, mẹ cho đứa con trai đi học ở trên Seoul, đồng thời bản thân cũng lấy cớ là đi theo để chăm sóc con trai mà trốn luôn trọng trách của nàng dâu trưởng. Còn đứa ở lại là tôi không thể không phải nghe những lời than phiền trách móc mẹ của ông bà nội và dĩ nhiên là của cả các thím tôi nữa.

Mặc dù vậy, vì là cháu duy nhất nên đối với các thím, tôi vẫn thuộc hàng vai trên và việc nằm liệt giường của ông nội, cộng với sự vắng mặt của mẹ ở nhà lại khiến cho tôi cảm thấy được tự do hơn cả lúc trước. Đặc trưng nhà ở của vùng Gaeseong và khu vực lân cận đó là nhà ngoài bao giờ cũng thấp và đơn sơ, còn nhà trong thì cao và được bài trí trang trọng, đi kèm với sân vườn cầu

kỳ. Sân ngoài đối diện với phòng khách mở rộng ra phía trước, hai bên được bao quanh bởi hàng cây dâu hoặc cây đậu chổi - thứ cây vẫn được lấy gỗ làm lược chải đầu, còn sân sau, tuy chỉ có vài cây hoa mẫu đơn và hoa cúc được trồng xen kẽ, nhưng sự bài trí ở đó cũng khá công phu và bắt mắt.

Phía đằng sau nhà chúng tôi là một quả đồi nhỏ và cũng là một khoảng sân chơi rộng rãi, trừ mùa đông rét mướt, còn lại lúc nào cũng rộ hoa. Chum vại cũng được xếp hết ở đây. Cả nơi thờ ông thổ địa cũng thế. Hoa đầu xuân đan kín hàng rào, các loại quả mùi vị cũng bình thường, nhưng tất cả lại khá rậm rạp bởi một cây mơ dại và một cây lê dại nở hoa chi chít, thêm vào đó là một vài cây sơ ri, bên dưới là các cây dâu tự mọc quanh năm, và những cây họ tự mọc lên um tùm phía gần nơi thờ ông thổ địa. Bên dưới hàng rào đầu xuân là thiên đường của những cây tầm bóp, những tán cây leo bám vào những chiếc vại, đùn lên thành tầng tầng lớp lớp, hết như cỏ dại mọc cả một năm trời.

Giờ thì tôi không còn thơ thần chơi một mình, mà có thể tùy ý kéo lũ bạn vào sân sau hay cùng bọn chúng rong ruổi khắp làng. Chẳng ai bảo, tôi cũng có thể tự hiểu được rằng chuyện mất đi sự uy phong của ông nội đã tạo nên một lỗ hổng lớn trong nề nếp gia đình và tôi đã tận hưởng hết mức điều ấy. Thậm chí tôi còn biến luôn sân sau thành sân chơi của mình. Ban đầu, tôi cũng chợn vì chỗ này là chỗ ông tôi đã bị ngã liệt nửa người, nếu chơi ở đây mà nhớ ra bị ngã thì làm sao? Nhưng nỗi sợ hãi đó chỉ thoáng qua bất chợt, và mảnh sân ở phía sau đã nhanh chóng trở thành sân chơi lý tưởng nhất trong tất cả các ký ức về sân chơi thời thơ ấu của tôi.

Những câu chuyện liên quan đến nhà xí ở quê tôi chủ yếu là chuyện ma. Song lại không phải là những con ma rùng rợn, mà là những con ma rất vui tính và chỉ hơi xấu bụng một chút thôi. Người ta kể rằng con ma bị nghẹt mũi nên không ngủ được ấy thường thức suốt đêm để lấy phân nặn bánh teok kê *. Vì tưởng tro là bột đậu đen, đậu đỏ, nên nó lăn bánh qua đó một cách thật ngon lành, đến lúc chỉ còn việc đánh chén, nó lại cảm thấy tiếc đến nỗi không dám ăn thử một miếng; cho mãi tới gần sáng, nó mới bắt đầu cắn thử thì ôi thôi, “ọe ọe”, nó nôn mửa ngay ra đấy và tức quá, nó liền đập đổ tất cả trở lại như cũ rồi biến mất. Thế nên khi đi vệ sinh, nếu không hăng lên một tiếng mà lại mở cửa đúng vào lúc con ma đang say sưa nặn bánh, thì con ma sẽ xấu hổ và sẽ đưa

cho một miếng bánh to nhất, bảo: “Ăn thử một miếng teok kê đi”; ai mà không ăn, lập tức sẽ bị nó làm hại.

6 Một loại bánh bột gạo hấp làm từ bột kê, bên ngoài phủ bột đậu, muối, đường đỏ. Bánh được viên thành các viên tròn, màu nâu.

Ngoài câu chuyện con ma đó, còn có câu chuyện này nữa: Vào đúng ngày Đông chí, có một nàng dâu nấu một nồi cháo đậu rất ngon, ngon đến mức nảy lòng ăn vụng và thế là chị ta liền giấu một bát, lén ra nhà xí để không cho ai biết. Thế nhưng, ông bố chồng lại đã ở đó từ bao giờ và lại còn đang ăn vụng cháo đậu của con dâu. Trông thấy con dâu, bố chồng hoảng hốt úp luôn cả bát cháo đậu lên đầu. Nàng dâu cũng thật nhanh trí, hai tay kính cẩn bưng bát cháo đậu và nói: “Mời bố xơi cháo đậu ạ”. Bố chồng thấy vậy, bèn bảo: “Con à, bố chẳng ăn cháo đậu mà mồ hôi cũng đổ ròng ròng như cháo đậu đây này”. Cả hai câu chuyện mà người lớn thường hay kể ấy nhằm để nhắc nhở rằng khi đứng trước cửa nhà xí, phải đánh động rồi mới được vào.

Những đứa trẻ sợ hố xí thời nay chỉ thấy buồn nôn khi nghe những câu chuyện này, nhưng thực ra nhà xí của nhà chúng tôi lại vô cùng sạch sẽ, sạch đến mức có thể ngồi ăn cháo đậu ở đó được. Nhà xí được chia làm ba, bốn khoang rộng rãi, khoang của người lớn có một thớt gỗ khoét lỗ ở giữa, còn của trẻ con thì đi thẳng xuống đất. Nhà xí của trẻ con thì trống hoác như cái chuồng trâu, nền đất dốc về phía sau, nên đi xong, phân cứ tự trôi xuống dưới và ở phía dưới không sâu lắm đã có hố tro, nơi đổ than tro của nhà bếp hứng rồi. Ở đó còn có một cái sào rất dài, dài như người ta vẫn thường ví những kẻ ngu đần: “Chỉ được cái cao như cái sào chọc cứt”. Một đầu của cây sào được gắn với tấm ván hình vuông để chọc vào những cục phân không tự trôi xuống được, như phân của lũ trẻ chẳng hạn. Trẻ con có thể tự lấy sào chọc cho phân rơi xuống hố tro. Ai mà không rõ cấu tạo ấy của chuồng phân thì đương nhiên không thể hiểu được câu chuyện con ma nặn bánh teok kê kia.

Sáng sáng tối tối, lúc nào cũng có người lớn dùng chổi tre quét nhà xí. Thời đó, người ta còn trộn lẫn phân người với phân rác để dùng làm phân bón. Dân cư quá thừa thớt so với cả một vùng đất nông nghiệp rộng lớn, nên lúc nào cũng thiếu phân người. Người ta thường đem tro bếp đổ vào trong nhà xí vừa là để làm tốt phân và tăng thêm lượng phân lên chút ít, nhưng ngoài ra còn có

một mục đích khác, đó là để giấu đi, tránh không cho người khác thấy ở đó có phân người.

Thậm chí có nhiều nhà phải đi tận Songdo để mua phân người về. Những lúc như vậy lại có người trong làng rửa mấy gã Gaeseong bịp bợm thường hay đổ thêm nước vào phân để làm cho thùng phân nặng thêm. Nhưng họ cũng chẳng khác gì mấy gã Gaeseong cả. Ngay như đến lúc mót lắm rồi, họ cũng vẫn cố nhịn để chạy bằng được về cánh đồng nhà mình, chứ nhất định không chịu đi đại tiện ở nhà khác.

Với tôi, hăng còn quá bé để biết tính toán được việc ấy, nhưng tôi vẫn thường rủ chúng bạn ra phía sau nhà xí. Sau một hồi chơi đồ hàng chán chê, giống như lúc bất chợt có đứa nào đó lên tiếng rủ chơi trốn tìm và được cả bọn hưởng ứng theo ngay ấy, rồi có đứa nào đó lên tiếng rủ đi vệ sinh, lập tức kể cả chưa mót nhưng cả lũ vẫn lũ lượt kéo nhau vào nhà xí ngồi xếp thành hàng, khoe những cái mông tròn trĩnh và bắt đầu rặn. Ngày ấy, tất cả bọn con gái đều mặc quần hở đũng bên trong váy nên mỗi lúc đi vệ sinh đều dễ dàng phơi ra được cái mông. Giữa ban ngày sáng sủa nhưng phía trong nhà xí lại tối om, bởi vậy những cái mông trẻ con để lộ ra trắng trẻo và tròn trịa như những trái bầu phơi trên mái nhà dưới ánh trăng đêm khi tỏ khi mờ.

Phơi cả mông ra rồi mà cũng chẳng có cảm giác buồn ị. Điều đó cũng chẳng sao. Cả bọn cứ thế ngồi xếp hàng dài, vừa rặn vừa nói chuyện, việc ấy sao mà thích thế, chẳng còn cái thú nào hơn. Đứa nào ăn ngô thì cho ra toàn phân vàng xộm như ngô khiến cả bọn chợt nhớ đến con chó vàng của nhà Gap-sun vừa mới đẻ được những sáu con chó con, lạ là trong số ấy chẳng có con nào màu vàng, mà chỉ có màu đen, màu trắng hay là đốm, v.v... Thôi thì đủ các thứ chuyện linh tinh làm huyên náo cả cái chốn nhà xí tối tăm và biệt lập ấy. Thịnh thoảng còn nảy ra những liên tưởng khiến cả bọn cùng cười rộ lên.

Khoái nhất là việc đứa nào cho ra được những cục phân đẹp thì sẽ được bầu làm thủ lĩnh. Tất cả chúng tôi đều hiểu rằng phân không phải là thứ bẩn thỉu, mà nhà chúng tôi lại vô cùng sạch sẽ, sạch đến mức có thể ngồi ăn cháo đậu ở đó được. Nhà xí được chia làm ba, bốn khoang rộng rãi, khoang của người lớn có một thớt gỗ khoét lỗ ở giữa, còn của trẻ con thì đi thẳng xuống đất. Nhà xí của trẻ con thì trống hoác như cái chuồng trâu, nền đất dốc về phía sau, nên đi xong, phân cứ tự trôi xuống dưới và ở phía dưới không sâu lắm đã có hố tro,

nơi đổ than tro của nhà bếp húng rôi. Ở đó còn có một cái sào rất dài, dài như người ta vẫn thường ví những kẻ ngu đần: “Chỉ được cái cao như cái sào chọc cút”. Một đầu của cây sào được gắn với tấm ván hình vuông để chọc vào những cục phân không tự trôi xuống được, như phân của lũ trẻ chẳng hạn. Trẻ con có thể tự lấy sào chọc cho phân rơi xuống hố tro. Ai mà không rõ cấu tạo ấy của chuồng phân thì đương nhiên không thể hiểu được câu chuyện con ma nặn bánh teok kê kia.

Sáng sáng tối tối, lúc nào cũng có người lớn dùng chổi tre quét nhà xí. Thời đó, người ta còn trộn lẫn phân người với phân rác để dùng làm phân bón. Dân cư quá thừa thớt so với cả một vùng đất nông nghiệp rộng lớn, nên lúc nào cũng thiếu phân người. Người ta thường đem tro bếp đổ vào trong nhà xí vừa là để làm tốt phân và tăng thêm lượng phân lên chút ít, nhưng ngoài ra còn có một mục đích khác, đó là để giấu đi, tránh không cho người khác thấy ở đó có phân người.

Thậm chí có nhiều nhà phải đi tận Songdo để mua phân người về. Những lúc như vậy lại có người trong làng rửa mấy gã Gaeseong bịp bợm thường hay đổ thêm nước vào phân để làm cho thùng phân nặng thêm. Nhưng họ cũng chẳng khác gì mấy gã Gaeseong cả. Ngay như đến lúc mót lắm rồi, họ cũng vẫn cố nhịn để chạy bằng được về cánh đồng nhà mình, chứ nhất định không chịu đi đại tiện ở nhà khác.

Với tôi, hăng còn quá bé để biết tính toán được việc ấy, nhưng tôi vẫn thường rủ chúng bạn ra phía sau nhà xí. Sau một hồi chơi đồ hàng chán chê, giống như lúc bắt chợt có đứa nào đó lên tiếng rủ chơi trốn tìm và được cả bọn hưởng ứng theo ngay ấy, rồi có đứa nào đó lên tiếng rủ đi vệ sinh, lập tức kể cả chưa mót nhưng cả lũ vẫn lũ lượt kéo nhau vào nhà xí ngồi xếp thành hàng, khoe những cái mông tròn trĩnh và bắt đầu rặn. Ngày ấy, tất cả bọn con gái đều mặc quần hờ đũng bên trong váy nên mỗi lúc đi vệ sinh đều dễ dàng phơi ra được cái mông. Giữa ban ngày sáng sủa nhưng phía trong nhà xí lại tối om, bởi vậy những cái mông trẻ con để lộ ra trắng trẻo và tròn trịa như những trái bầu phơi trên mái nhà dưới ánh trăng đêm khi tỏ khi mờ.

Phơi cả mông ra rồi mà cũng chẳng có cảm giác buồn ị. Điều đó cũng chẳng sao. Cả bọn cứ thế ngồi xếp hàng dài, vừa rặn vừa nói chuyện, việc ấy sao mà thích thế, chẳng còn cái thú nào hơn. Đứa nào ăn ngô thì cho ra toàn phân vàng

xộm như ngô khiến cả bọn chợt nhớ đến con chó vàng của nhà Gap-sun vừa mới đẻ được những sáu con chó con, lạ là trong số ấy chẳng có con nào màu vàng, mà chỉ có màu đen, màu trắng hay là đốm, v.v... Thôi thì đủ các thứ chuyện linh tinh làm huyền não cả cái chốn nhà xí tối tăm và biệt lập ấy. Thịnh thoảng còn nảy ra những liên tưởng khiến cả bọn cùng cười rộn lên.

Khoái nhất là việc đưa nào cho ra được những cục phân đẹp thì sẽ được bầu làm thủ lĩnh. Tất cả chúng tôi đều hiểu rằng phân không phải là thứ bẩn thỉu, mà à thứ sẽ đi vào lòng đất, làm nảy nở sinh sôi những chùm dưa chuột, những trái bí đỏ lủng lẳng hay giúp cho mùi vị của những trái dưa lê, dưa hấu thêm ngọt và thơm. Vì thế, chúng tôi đã cảm nhận được không chỉ là sự khoan khoái theo bản năng bài tiết, mà còn là sự hãnh diện bởi bản thân đã góp phần vào việc làm sản sinh ra những thứ hữu ích phục vụ cho cuộc sống.

Bên trong nhà xí thật thú vị, nhưng vẻ đẹp của thế giới bên ngoài khi bước ra từ nhà xí sau một hồi ngồi lâu ở trong đó mới thật là kỳ diệu. Ánh nắng lấp lánh trên những luống rau đầu bờ ruộng, bãi cỏ, cành cây, dòng suối, tất cả chợt óng ánh, lấp lánh và sáng lòa đến kỳ lạ, cứ như thể lần đầu tiên được trông thấy, khiến hết thảy lũ chúng tôi nhất loạt đều nheo mắt lại và hít vào một hơi thật sâu, cảm thấy thật khoan khoái như đang làm điều bị cấm đoán. Sau này, mỗi lần bước ra từ rạp chiếu bóng, sau khi xem xong những bộ phim cấm học sinh và phải gấp chiếc cổ áo màu trắng của đồng phục để vào xem, rồi hòa mình vào ánh sáng và sự xa lạ của thế giới bên ngoài, tôi lại thấy mình như được ulla về với những kỷ niệm chốn nhà xí thời thơ ấu.

Ít lâu sau, tôi có cơ hội được đọc bút ký mang tiêu đề Buồn chán của nhà văn Lee Sang. Đó là câu chuyện về năm, sáu đứa trẻ ở nông thôn không có trò gì để chơi, chúng bèn nhặt những hòn đá và dầm nát những ngọn cỏ. Nhưng rồi chẳng mấy chốc, chúng phát chán, bèn giơ hai tay lên trời, gào thật to và cuối cùng, tất cả ngồi dàn thành hàng, mỗi đứa tạo ra một đống phân. Lee Sang gọi đó là sự tìm thấy hứng thú cuối cùng của những đứa trẻ không còn thấy điều gì thú vị nữa hết. Nhà văn đã không giải thích thêm, nhưng với bút pháp tài tình của ông, người đọc thật sự cảm thấy đó là sự buồn chán đến tận cùng.

Song, với một người sinh ra và lớn lên ở Seoul như Lee Sang, đó chỉ là cảm hứng đã được quan niệm hóa và đã được tạo nên bằng cảm nhận của Lee Sang, còn thực tế lại không phải như vậy. Cảm giác tội nghiệp dành cho những đứa

trẻ nông thôn bị rơi vào buồn chán vì không có gì để chơi ấy, điều đó chỉ đến với tôi từ sau khi chuyển đến Seoul. Bởi chính sự tự do đối với những người sinh ra và lớn lên ở Seoul lại làm nảy nở ý thức về sự buồn chán nặng trĩu trong lòng. Người ta thường bảo những gì thuộc về thiên nhiên thì có ích gấp nhiều lần so với những thứ đồ chơi của bọn trẻ sống ở thành phố. Chẳng qua đó chỉ là một sự quan trọng hóa vấn đề, còn thực tế lại vô cùng đơn giản.

Chúng tôi cứ như thể là một phần của thiên nhiên. Thiên nhiên quanh chúng tôi luôn chuyển động và biến đổi không ngừng, khiến chúng tôi không lúc nào cảm thấy buồn chán. Những hạt lúa, hạt cây do người nông dân gieo trồng, chúng nảy mầm, sinh sôi và đơm hoa, kết trái. Lúc ấy, con người dù chăm chỉ đến đâu cũng không thể đuổi kịp sự sinh trưởng của chúng được.

Trẻ con cũng giống như vậy. Từ nhỏ, ngoài ba bữa cơm chính ra, chúng tôi tự tìm thức ăn vặt và đồ chơi ở trên núi hay trong vườn. Đó là thiên đường với những cỏ tranh, nụ hoa tầm xuân, chồi non cây hồng leo, dâu rừng, rễ củ dong, rễ cây hoa bìm bìm, lá giang, hạt dẻ, quả sồi... Tất cả vừa là những đồ ăn lạ miệng, vừa là những thứ làm hài lòng người lớn. Nhất là hai thứ: rau rừng và nấm. Đặc biệt, nấm mầm thông và nấm san hô, sao mà chúng mọc nhanh đến thế? Cứ như thể chúng tôi vừa quay đi thì liền lập tức đằng sau đã có những ngón tay từ dưới lòng đất trời lên vậy.

Tất cả các con suối trong làng, nơi đâu cũng có thể trở thành chốn vùng vẫy bơi lội được. Lúc ấy có đứa nào mà mang vợt ra là lập tức cả bọn có thể vớt được vô số các chú tôm sú nông nổi và đem về cho người lớn nấu một bữa canh đậu tương thơm lừng. Những thứ để chơi đều là những thứ biết ngọ nguậy. Khi thì ghé miệng cắn đít chú kiến chúa nào đó và rồi liền bị mấy chú kiến lửa tấn công đốt sưng cả bọng chân; lúc lại bắt mấy chú chuồn chuồn, ngắt cái đuôi nhọn hoắt của chúng rồi cắm mấy cọng rơm vào đó cho chúng bay thử.

Có lúc cả bọn còn làm tóc cho cô dâu cỏ rồi tiễn về nhà chồng. Mai cua làm nôi, lá thông làm mỳ, còn cỏ chua làm kim chi. Cuối cùng thì cả lũ cùng bứt cỏ sam và hò nhau: “Bật đèn phòng chú rể lên, bật đèn phòng cô dâu lên” rồi lấy ngón tay khoắng làm cho nước đỏ au như thể vừa mới bật đèn lên vậy. Những trò để chơi là vô tận và chúng tôi chưa bao giờ phải chơi lại trò của ngày hôm qua.

Cũng có những buổi trưa hè nóng như đổ lửa, chúng tôi men theo con suối ra ngoài tận cửa Đông xa tít. Những lúc ấy, nếu có trận mưa rào nào đổ xuống thì thật là một cảnh tượng tuyệt vời. Những đứa trẻ ở Seoul chỉ biết mưa rào đổ từ trên trời xuống, còn chúng tôi lại biết rằng đó là cơn mưa kéo đến từ phía xa tít của cánh đồng đằng kia. Đang chơi trên cánh đồng nắng chang chang phía bên này, song chúng tôi có thể nhìn thấy bóng mây đen và làn mưa rào từ phía đằng xa đang sắp đổ tới chỗ chúng tôi. Những lúc ấy, tất cả đều hò hét rất to và chạy thật nhanh về làng. Cả bọn đều biết rõ rằng cơn mưa ấy di chuyển nhanh lắm, nên phải mau mau mà chạy cật lực về làng.

Những cây lúa, cây rau rùng và cả cỏ dại trên cánh đồng, không biết là chúng mừng vui hay bất an mà tất cả đều đồng loạt rì rào như thể vừa thức dậy sau giấc ngủ trưa hè oi ả. Cơn mưa rào nhanh đến lạ, chẳng để chúng tôi kịp nép mình vào mái hiên nhà nào đó, đã ập xuống chúng tôi. Những tia nước mát lạnh như dòng nước chảy từ trên thác, quất mạnh vào chúng tôi, làm tan biến cái nóng bỏng rát. Cuối cùng, tất cả đều như phát điên.

Chao ôi, đúng là cái sự sung sướng đến phát điên. Tất cả chúng tôi đều ngửa mặt lên trời, vừa hứng lấy những giọt nước mưa, vừa thi nhau gào thét. Cánh đồng rì rào ban nãy giờ cũng ùa theo chúng tôi, run rẩy một cách sung sướng. Những lúc ấy, khó mà nhận ra được lũ chúng tôi đang lẫn trong đám ngô hay đám thầu dầu. Nhưng không phải lúc nào thiên nhiên cũng mang lại cảm giác sung sướng, mà đôi khi đó còn là cảm giác bi ai nữa.

Tôi còn nhớ cái cảm giác bi ai lần đầu tiên trong đời mà bản thân đã nếm trải. Không phải do một biến cố nào đó, chỉ đơn giản là bởi cảnh vật xung quanh thật quạnh quẽ. Lúc ấy, tôi đang được mẹ cõng trên lưng. Chắc lúc đó tôi khoảng năm tuổi, nhưng vì là út ít nên kể thì cũng lớn lớn rồi, vậy nhưng vẫn thường được cõng. Hôm ấy là một buổi chiều hoàng hôn đỏ rực. Nền trời rực lên một màu đỏ au, hệt như vệt máu loang lổ. Cảnh vật xung quanh chẳng sáng cũng chẳng tối, nơi chúng tôi đang đứng là một ngôi làng xa lạ nào đó. Những khuôn mặt thân quen phản chiếu qua ánh lửa bập bùng trở nên thật xa xôi.

Tôi không tìm được, đã òa lên khóc nức nở. Mẹ không hiểu được tiếng khóc bất ngờ vỡ òa ấy của tôi. Tôi cũng không thể giải thích được với mẹ. Cảm giác buồn tủi đó thật ngây ngô. Sau này, tôi cũng có sự trải nghiệm giống như thế.

Đó là một buổi chiều gió lạnh và vắng vẻ, chia tay với lũ bạn xong, tôi đi về nhà một mình. Cảm giác buồn tủi bất chợt ùa về khi đứng trước bóng của những ngọn cây ngô đổ dài trên mặt ruộng, trong ánh chiều hoàng hôn còn sót lại đỏ au như màu những trái hồng, phủ dọc theo triền núi.

Khác với lúc được mẹ cõng trên lưng, tôi chợt cảm thấy muốn đổi mặt với cảm giác buồn tủi ấy và cố làm điều đó. Làm sao để những cây ngô khiến mình thấy buồn nhỉ? Tự hỏi như vậy rồi tôi cúi thấp người xuống, ngó qua ngó lại, có lúc còn nằm luôn xuống bãi cỏ. Tôi nằm im và chờ cho những giọt nước mắt trong lòng bắt đầu rơi.

Ông nội bị trúng gió khiến cho bầu không khí trong nhà trở nên căng thẳng, nhưng đó lại là thời gian thoải mái nhất của tôi. Vẫn giống như lúc ông còn khỏe mạnh và cấm phụ nữ trong nhà không được đi Songdo, tôi ghét nhất việc chạy loăng quăng quanh làng với lũ trẻ. Cũng may là ông chỉ bị liệt cánh tay trái. Thời gian đầu bị trúng gió, sự bức bối do không thể đi lại được của ông đã khiến mọi người trong nhà thật khổ. Nhưng rồi ông cũng trở nên cam chịu và cố tìm ra những thú vui nho nhỏ cho riêng mình.

Đó chính là việc gom những đứa trẻ trong làng lại và dạy chữ cho chúng. Phòng khách của nhà chúng tôi trở thành thư đường. Trong khi các chú của tôi đã tốt nghiệp ở trường tiểu học chế độ bốn năm và điều đó được coi là sự thay đổi theo làn sóng giáo dục mới, thì ở nơi đây, vốn là một vùng đất truyền thống, nên mọi thứ đều thay đổi rất chậm chạp và mọi người vẫn sùng bái Hán văn, coi đó là “chân thư”. Chữ Hàn vì bị gọi là “ngạn văn” nên bị coi thường, ngay cả cái sự dễ học của nó cũng bị người ta xem thường luôn.

Thư đường của ông nội lúc nào cũng nhộn nhịp. Không chỉ ở thôn Parkjeok mà cả những nhà ở phía bên kia quả đồi nữa, họ cũng gửi con đến nhà chúng tôi học. Phòng khách cả ngày không lúc nào ngừng ra rả tiếng đọc bài. Bỗng dưng thái độ của người trong làng đối với nhà chúng tôi cũng thay đổi, khác với khi xưa, lúc ông nội luôn tỏ ra hơn người. Thậm chí, tôi còn cảm nhận được sự kính nể của những người già trong làng dành cho cả tôi.

Rồi một hôm, ông nội gọi tôi vào thư đường. Từ hôm đó, tôi cũng bắt đầu phải học một nghìn chữ Hán. Cũng may là cuốn sách ông giao cho tôi có viết kèm chữ Hàn ở bên cạnh. Trước khi biết chữ Hàn bị coi là “ngạn văn”, tôi đã

được học đến một nửa rồi. Mẹ đã dạy cho tôi và cái việc học ấy diễn ra một cách thụ động. Mẹ thức cả đêm để học, vì thế tự nhiên tôi cũng bị buộc phải học theo.

Ở làng này, so với những người phụ nữ khác, mẹ tôi cũng thuộc vào hàng biết chữ ít nhiều nên thường được họ gửi gắm nhờ viết thư hộ. Họ thường đến nhờ mẹ viết thư vào những lúc đêm muộn. Nhiều khi đang ngủ, chợt tỉnh giấc, tôi trông thấy mẹ ngồi dưới ánh đèn dầu leo lắt, tay cầm bút viết, tấm giấy xõ dài ra phía trước. Lúc lúc lại thấy một người đến và hình như họ đều biết tranh thủ những lúc mẹ tôi rảnh tay.

Có lần ai đó nghe mẹ đọc thư xong, họ bất ngờ kéo vạt áo lên chùi nước mắt. Có người còn khóc ngất như một người bị mất trí. Ngồi bên cạnh những người phụ nữ ấy, thái độ của mẹ thật nghiêm túc và giọng nói thật cứng cỏi. Những lúc như thế, tôi thấy mẹ rất khác và có cảm giác e sợ xen lẫn với tự hào đến bồi hồi trong lồng ngực, để rồi đến sáng hôm sau tỉnh dậy, tôi lại thấy mình như vừa trải qua một giấc mơ.

Mẹ tôi tỏ ra hơn người vì biết đọc và viết được ngạn văn, song thực tế, hiểu biết của mẹ về chữ Hàn thực ra lại vô cùng ngây ngô, ngây ngô đến độ mông muội. Sejong Đại Đế là người tạo ra chữ Hàn, điều đó thì mẹ biết. Nhưng theo mẹ, cái việc tạo ra chữ Hàn ấy lại là do trong lúc đi vệ sinh, Ngài nhìn qua khung cửa và đã chợt nảy ra sáng kiến sáng tạo ra chữ Hàn.

Có thể do chữ Hàn được gói gọn trong một ô giống như các ô trên khung cửa nên người ta đã nghĩ như vậy chăng? Mẹ luôn nhắc đi nhắc lại một điều rằng thật ngu dốt nếu phải mất quá nhiều thời gian cho việc tiếp thu thứ chữ để học ấy.

Tôi cũng đã tưởng như vậy và phải đến sau ngày giải phóng, lúc ấy tôi mới biết chữ Hàn không phải là “ngạn văn”, mà là chữ viết Hangul đáng tự hào của dân tộc, đồng thời Sejong Đại Đế cùng với các học giả của mình đã phải lao tâm khổ tứ biết bao mới sáng tạo được ra thứ chữ ấy.

Bị ám ảnh bởi câu nói chỉ có kẻ ngu dốt mới không tiếp thu được ngay ấy nên lúc nào tôi cũng học thuộc lầu những chữ ka, kya, ko, kyo mà mẹ viết. Nhưng tôi không thể hiểu được nghĩa của chúng. Tôi cũng chẳng biết phải làm sao để ghép các chữ ấy lại thành một câu có nghĩa, mà trong nhà cũng chẳng

có sách vở nào để có thể thực hành được. Ở phòng chúng tôi cũng có vài cuốn truyện do chính tay mẹ chép lại, nhưng từng câu từng câu trong ấy cứ ngoằn ngoèo như dòng nước chảy, nó khác hẳn với những chữ ka, kya, ko, kyo mẹ viết một cách nắn nót; nên đối với tôi, nó hoàn toàn xa lạ, giống như một loại chữ viết của một đất nước nào đó xa xôi. Một chữ, tôi cũng chẳng đọc nổi, huống hồ là hiểu cả nội dung.

Sau khi mẹ lên Seoul, nếu bà nội không thi thoảng nhắc chữ ga mà thêm gi-yeok ở dưới sẽ thành gak, thêm ni-un sẽ thành gan thì chắc là tôi đã quên sạch tất cả. Chẳng hiểu mẹ tự tin hay tự đắc đến cỡ nào mà dạy cho có vài chữ đã đòi tôi phải biết hết, và mặc nhiên nghĩ rằng tôi đã biết hết. Tôi chẳng còn cách nào, đành giả vờ như biết hết. Chỉ đến khi học một nghìn chữ Hán, lúc đọc theo ông nội, nào là “thiên”, “địa”, “nhân”..., thì cái vốn ngạn văn lừng lơ của tôi mới dần được vỡ ra. Hóa ra những chữ nhỏ viết bên dưới các chữ Hán chính là âm của chúng. Lúc ấy, tôi mới bắt đầu thấy thú vị với việc đọc các chữ Hàn.

Thật đúng là một công đôi việc. Hai thứ chữ khác hẳn nhau, vậy mà lại có thể nhìn trộm được chữ này và đọc được chữ kia, vì thế lúc nào tôi cũng được khen là đứa chỉ cần ông dạy cho một lần là không bao giờ quên. Khi ấy, còn có cả một anh đi cày cho nhà người khác, anh này trông thật ra dáng, sắp lấy vợ đến nơi rồi mà còn không thuộc được chữ nên đã bị ông tôi phạt đánh vào bắp chân, vừa phạt ông vừa lấy tôi ra làm gương. Tôi phồng mũi đấy nhưng cũng thấy lo lo, vì khi học xong một nghìn chữ thì sẽ chuyển sang sách mới, mà sách ấy thì không có phiên âm bằng chữ Hàn ở bên cạnh. Và chắc chắn lúc đó, cái sự thông minh của tôi sẽ bị lật tẩy.

Nhưng rồi thư đường của ông nội cũng không duy trì được lâu. Lại một lần nữa ông bị trúng gió. Lần trúng gió này không trở trêu như lần ngã ở sau nhà trước đó, nhưng lại hết sức bất hạnh, bởi nó đã lấy đi tất cả mọi uy phong của ông tôi. Tưởng rằng ông gần như đã bình phục, vậy mà giờ, tay phải và chân phải của ông lại run lấy bầy, đến cả việc đi vệ sinh sau nhà, ông cũng không làm nổi; bàn tay cầm thìa cầm đũa cũng run rẩy làm cho nước canh cứ thế chảy ròng ròng. Cả lúc ông cất tiếng nói, nước dãi cũng chảy lòng ròng nên lúc nào trên đầu gối ông cũng luôn có sẵn một cái khăn bông để thấm.

Một ngày có đến vài lần, ông nội cất tiếng gọi tôi bằng thứ giọng nói run rẩy nhưng vẫn có gì đó thật sang sảng để sai vặt hoặc kiểm người trò chuyện. Dù hăng còn bé nhưng tôi vẫn có thể nhận thấy ông thật tội nghiệp và không đành lòng trông thấy ông như vậy. Ông ngồi lặng thinh một chỗ, rồi dường như không còn chịu đựng nổi hoặc phát cáu lên, lúc ấy, ông mới cất tiếng gọi tôi.

Có lúc ông nội còn mài mực và viết thư. Ngón tay cầm bút cứ run lẩy bẩy, phải lâu lâu mới vạch xong được một chữ, nên chỉ để lại toàn những nét bút nguệch ngoạc. Không thể đọc được đó là chữ gì, thậm chí đôi khi tôi còn có ý nghĩ thầm kín rằng có khi ông cố tình làm vậy để bắt tôi ngồi bên cạnh mài mực. Ở nhà này, chỉ có ông viết thư và cũng là người duy nhất nhận thư. Thường là thư hỏi thăm của mẹ và anh tôi, bên cạnh đó cũng có nhiều thư được gửi đến từ những nơi khác nữa.

Cứ bốn ngày một lần, nghiêm nhiên phòng khách nhà chúng tôi trở thành nơi dừng chân của người đưa thư. Cho dù không có thư đến thì ông ấy cũng ghé qua để xem có thư cần gửi đi hay không. Khi ấy, nếu có thư cần gửi thì chỉ cần giao cho người đưa thư là xong. Ông nội mong ngóng lắm. Mỗi khi người đưa thư đến nhà, ông đều vô cùng hớn hỡ, và rất thích giữ lại để trò chuyện. Lần trúng gió thứ hai này lại càng khiến ông thêm như vậy.

Những câu chuyện của người đưa thư về các làng đã đi qua còn phong phú hơn nhiều so với những bức thư trong cặp của ông ấy. Vừa khi ông nội cất tiếng mời người đưa thư vào ngồi nghỉ ở thêm phòng khách, tôi đã chạy ngay xuống nhà dưới và đánh tiếng để người ở dưới bếp chuẩn bị thứ gì đó ngon ngon cho ông đãi khách. Đó cũng chính là một sự giao ước không lời giữa ông và tôi. Mỗi lần như thế, ông tôi lại âu yếm nói: “Chó con, đúng là thấu rõ cái dạ của ông”.

Ấy vậy mà tôi lại thấy ghét kinh khủng cái lúc ông nội đưa cho mảnh khăn đã bị nằm lại giống như hột dẻ luộc hay mẫu bánh bột gì đó. Chiếc khăn dùng để thấm nước miếng hay nước canh nên lúc nào cũng ướt nhoẹt và còn bốc cả một thứ mùi chua lôm.

Cũng có lần tôi bị ăn mắng vì không làm được việc ông nội sai bảo. Lần ấy, ông gọi gấp lắm, tôi nghe thấy, chạy đến thì thấy lửa trong lò sưởi đã bị tắt ngóm. Ông không châm thuốc được nên bảo tôi quẹt diêm, mà tôi thì từ trước

đến giờ chưa bao giờ quẹt diêm cả. Và lại, ở nhà này, dù không đến mức con dâu bị đuổi khỏi nhà vì vô ý làm lửa tắt ở bếp lò như những câu chuyện ngày xưa, nhưng lò than trong nhà lúc nào cũng đỏ lửa, kể cả khi trời nóng, nên chẳng bao giờ cần đến những thứ như diêm đuốc ấy cả. Ngay cả việc người khác đánh diêm thế nào, tôi còn chưa được chứng kiến thì làm sao có thể tự đánh diêm được? Thấy tôi phụng phịu chực khóc, ông bèn bảo tôi cầm lấy hộp diêm rồi tự mình cầm que, mấy lần định quẹt, nhưng rồi tay run nên ông đành chịu thua.

Dáng vẻ của ông nội lúc đó thật tội nghiệp làm sao và đã khiến tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ. Ông chẳng để tâm đến điều gì ngoài việc phải hút bằng được điếu thuốc và lần này, ông lại cầm lấy hộp diêm và bảo tôi quẹt thử xem có được không. Cho dù tôi có cố quẹt lên được ngọn lửa đi chẳng nữa thì lúc ngọn lửa tóe lên, tôi cũng sẽ vứt nó đi ngay. Mà nếu như vậy thì người phải ngồi một chỗ không đi lại được là ông nội sẽ bị lửa thiêu cháy mất. Chỉ nghĩ đến đó thôi, tôi đã thấy sơn hết da gà. Tôi sợ và òa khóc nức nở như thể mình đã gây ra việc đó rồi vụt chạy ra khỏi phòng khách. Ngày ấy, tôi quả là một đứa trẻ hay khóc nhè.

Nhưng việc sợ lửa của tôi có nguyên do của nó. Tôi từng nghe mọi người kể rằng trước đây, tôi suýt nữa thì đã làm cháy nhà. Ngày ấy, anh tôi còn đang đi học ở trường tiểu học phía bắc Gaeseong. Có lần, anh về, đem theo chiếc kính lúp. Chiếc kính lúp ấy có cái gọng đen sì, lại còn gắn với tay cầm, có lẽ đó là bài tập của môn Vật lý.

Tôi thấy hứng thú vô cùng, bởi lẽ mỗi khi ghé mắt nhìn qua cái mắt kính tròn vành vạnh ấy, hai mắt của anh tôi chột mở to như hai mắt con bò vàng, còn ngón tay của tôi thì dày như ngón tay của mẹ. Thấy vậy, anh liền cho tôi xem một trò thú vị hơn thế. Đó là trò dùng kính lúp gom ánh sáng tập trung lại rồi đốt giấy, trò ấy thật thú vị.

Tia sáng mặt trời xuyên qua mắt kính, được đốt nóng lên từ từ, gom lại một chỗ và chột lóe lên tia sáng một cách kỳ quái như hai mắt mèo ẩn trong bóng đêm. Thế rồi bất chợt có một làn khói mỏng bốc lên, tạo thành lỗ nhỏ trên tờ giấy. Lỗ nhỏ mỏng như sợi ốt đỏ rực bỗng liếm lấy cả tờ giấy. Tôi nín thở theo dõi và bụng thót lại, cảm thấy mót đi tiểu một cách lạ thường.

Đêm đó, tôi đã tè dầm ra giường. Cho đến giờ, tôi vẫn còn tin lời nói của người lớn rằng trẻ con nếu nghịch lửa thì sẽ bị đái dầm. Đến đó thì tôi nhớ rất rõ, còn sau đấy, việc tôi suýt nữa thì gây cháy nhà như mọi người kể lại thì tôi không tài nào nhớ nổi. Người lớn kể rằng hôm ấy, vào đúng mùa gặt, tôi đã trốn trong đồng rơm chắt trong nhà kho dùng để lợp mái nhà chơi trò kính lúp, nên ngọn lửa đã bén vào rơm và gây ra cháy.

Đó là cái nhà kho trống hoác, không có cửa, dùng để gom ột hay ngũ cốc phơi ở phía sân đối diện với hiên phòng khách khi bất chợt có cơn mưa rào ập tới. Lúc ấy, có ai đó ở nhà bên cạnh đi gánh nước ở cái giếng gần đấy đã phát hiện ra ngọn lửa vừa mới kịp bén nên đã lấy nước dập ngay đi.

Có lẽ nào một sự kiện ghê gớm liên quan đến lửa, và suýt nữa thì làm cháy nhà ấy, lại có thể dễ dàng bị xóa nhòa trong ký ức như thế? Mặc dù luôn tin tưởng vào trí nhớ của mình, nhất là những ký ức về thời thơ ấu, nhưng cứ mỗi khi nghĩ đến điều đó, tôi chỉ biết lắc đầu hoài nghi: liệu có phải là câu chuyện người lớn tự thêu dệt ra để ngăn tôi không được nghịch lửa nữa hay chẳng? Dù gì thì ý nghĩ suýt nữa gây cháy nhà cứ đeo bám trí nhớ của tôi một cách dai dẳng suốt một khoảng thời gian dài.

Cho đến tận lúc học xong tiểu học, tôi vẫn còn cảm giác dè dặt với việc đánh diêm châm lửa. Nhưng có lẽ việc không châm được lửa cho ông nội hút thuốc lúc đó là ký ức buồn thảm nhất. Tôi vẫn còn nhớ rất rõ sự thất vọng ê chề trong tôi khi cố thoát ra khỏi nỗi ám ảnh về lửa để gắng giúp ông tôi mà không được. Tôi tự trách mình sao lại lóng ngóng, hèn nhát đến thế...? Hàng loạt những suy nghĩ mâu thuẫn chông chéo chọt ùa về trong tôi.

SEOUL XA XÔI

Lần trúng gió thứ hai của ông nội đã khiến bầu không khí trong nhà trở nên u ám như đang bị một đám mây đen bao phủ, đến cả đứa bé con như tôi cũng nhận thấy điều đó. Vợ chồng chú út cũng kéo nhau lên Seoul. Tội của mẹ tôi lại càng to hơn. Mẹ là người đầu tiên mở đường lên Seoul và quả thực mẹ cũng thật giỏi giang.

Dường như cơn giận của ông bà nội cũng đã nguôi ngoai phần nào. Có lẽ đúng ra, đó là một sự chấp nhận hơn là sự nguôi ngoai.

Mùa hè năm ngoái, mẹ cho anh tôi ăn diện thật ra dáng rồi dẫn về quê. Những ngày ở quê, mẹ rất vui vẻ và lúc nào cũng tỏ ra hãnh diện vì phải học giỏi lắm, anh tôi mới có thể theo được trường công lập ở trên đó. Chỉ cần có tấm bằng tốt nghiệp ở đấy thì việc xin vào Phủ toàn quyền hay bộ ngành nào đó làm việc sẽ chẳng có khó khăn gì.

Thật lòng, nhà chúng tôi ở quê cũng chỉ là một gia đình nhà nho còn rất u muội. Nói ra thì hơi xấu hổ, nhưng ông nội tôi chỉ biết tỏ vẻ ta đây thuộc tầng lớp lưỡng ban, chứ chẳng ý thức được cái gọi là tinh thần tự hào dân tộc hay ý thức thời đại gì gì đó. Việc làm ra vẻ lưỡng ban của ông thật ra chỉ là sự xem thường các lưỡng ban cấp thấp hơn. Còn về trách nhiệm của một lưỡng ban, đó chỉ đơn giản là sự bảo thủ đối với việc hôn sự của con cái. Ông chỉ chấp nhận làm thông gia với gia đình lưỡng ban môn đăng hộ đối với nhà chúng tôi. Dù xem trọng hay xem thường người khác, câu kết luận ngắn gọn của ông vẫn là: “Nòi nào giống nấy, cốt cách không thể lẫn được”.

Lỗi tư duy nửa vời của một lưỡng ban ấy đã dẫn đến suy nghĩ rằng cơ quan của Nhật Bản dù sao vẫn là một nơi quan trọng, và việc đi làm ở đó cũng giống như được làm quan vậy, hơn thế nữa, lại có thể mơ rằng mai này, đứa cháu

đích tôn sẽ làm rạng danh tổ tông. Đến cả ông nội còn nghĩ như vậy thì liệu có ai trong nhà dám coi thường mẹ của đứa cháu sẽ làm rạng danh tổ tông hay không? Rồi cả việc chú út cũng dựa vào mẹ mà kéo nhau lên hết cả Seoul nữa.

Đến tận khi đó, hai chú của tôi cũng vẫn chưa có con.

Từ khi chú út bỏ đi, trong nhà lại càng trở nên vắng vẻ. Tôi nghe kể rằng căn nhà này là do bố tôi dựng lên trước khi tôi được sinh ra. Căn nhà rộng rãi thoáng mát đủ không gian cho cả ba anh em cùng nhau quây quần, thờ phụng cha mẹ, sinh con đàn cháu đống, sống hòa thuận cùng nhau dưới một mái nhà.

Vậy mà nhân khẩu cứ giảm dần khiến cho những khoảng trống trong nhà cứ ngày một đầy lên một cách đáng sợ. Vậy mà chẳng có gì thú vị hơn việc ngồi thu mình một xó ở bên cạnh cái cột ngoài hiên và ngóng cặp mắt lơ dềnh về phía cửa Đông, giống như hành động của một đứa trẻ mồ côi. Một lát sau, sẽ bị ai đó trong nhà phát hiện và ai cũng đều nghĩ rằng hẳn tôi đang buồn bã và cô đơn lắm. Nhất là bà nội, bà sẽ kéo tôi vào lòng, thủ thủ: “Con chó con tội nghiệp của bà”.

Hình như mọi người trong nhà đều nghĩ rằng tôi ngồi đó là để đợi mẹ. Tất cả đều nói vậy thì chắc là đúng như thế. Nhưng sự chờ đợi đó lại là một cảm giác xa lạ chưa từng có trong tôi, bởi nó chẳng thi vị như những giây phút hồi hộp ngọt ngào khi ngồi đợi ông nội. “Ngón cái và ngón trỏ của mình dính vào nhau, mẹ về đến Đồi Nongbawi”. Cho dù trò này có được thực hiện đến mấy trăm lần thì cũng chẳng bao giờ đúng, và tôi lại càng cụt hứng khi nghĩ rằng mình đang làm cái việc chờ đợi mất công. Vì thế, chỉ cần ai đó bảo: “Chắc là nó đang nhớ mẹ nên mới ỉu rũ ra thế”, lập tức tôi lại òa lên nước nở như bị ai chọc ghẹo đến phát hờn. Nhưng dù có gồng mình lên để phủ nhận thì dần dần tôi cũng nhận ra rằng câu nói đó có phần đúng thì phải.

Một ngày, mẹ tôi bỗng chợt xuất hiện, bằng xương bằng thịt và không cần đến trò chơi dính tay của tôi.

Không phải nghĩ hèn mà mẹ vẫn về không báo trước. Thấy mẹ, bỗng chốc lòng tôi trở nên nhẹ nhõm vô cùng bởi ý nghĩ rằng đúng là mẹ nhớ mình quá không chịu được nên mới về đột xuất thế này. Nhưng mẹ bảo không phải chỉ là nhớ thôi, mà còn về để mang tôi lên Seoul nữa. “Con cũng phải lên Seoul đi học chứ”.

Mẹ nói như vậy. Tôi cũng chẳng biết là mình thích hay ghét nữa. Seoul chẳng qua cũng chỉ giống như một sự mơ tưởng nào đó, và tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ đi học ở đó. Bà nội là người đầu tiên biết được ý định đó của mẹ, bà kêu lên thảng thốt: “Trời đất, cả con gái cũng phải cho đi học ở Seoul từ tiểu học à?”. Và rồi trong nhà lại bắt đầu xảy ra sự náo loạn. “Chị làm gì ở Seoul mà đủ tiền cho cả nó đi học ở trên đó? Ai mà hay biết thì người ta cười cho vào mặt ấy!” Bà nội buông ra cả những lời nhay cảm như thế, vậy mà mẹ tôi vẫn không nói gì. Thấy thế, bà lại bảo: “Bố chị ốm đau thế kia, sống được cũng là nhờ niềm vui hàng ngày được trông thấy đứa con nít ngây ngô nhảnh nhít, chạy ra chạy vào ở sân ngoài kia. Chị thấy chị mang nó đi mà được sao? Chị thật là quá quắt, không thể nhìn nổi nữa rồi”.

Bất chấp cả những lời tuyệt tình như vậy, mẹ vẫn không hề xoay chuyển. Bà nội lại quay sang tôi: “Con thích ở với bà nội hay với mẹ hơn? Nói mau, con này. Thích bà hơn thì mau nói với mẹ là con ở với bà nội. Mau lên”.

Lúc ấy, tôi chỉ thốt ra được mấy từ: “Con không biết, con không biết” và òa khóc nức nở. Đầu óc trẻ con không hiểu được tại sao người lớn lại như thế. Ngay cả sau này khi trưởng thành rồi, mỗi khi nhìn thấy ai đó hỏi con mình những câu đại loại như: “Con yêu mẹ hay yêu bố?”, tôi lại thấy khó chịu không tả được.

Người đập tắt cơn hỏa hoạn chẳng có tác dụng ấy là mẹ tôi. Thật ra mẹ cũng không có thời gian để làm việc đó. Mẹ chẳng thương thảo với ai cả, ngay với chính tôi, mẹ cũng vờ như đang chải đầu, rồi cắt phăng mái tóc dài của tôi. Cho đến trước lúc bị cắt, tôi vẫn để tóc tết jongjongmeori như bao đứa con gái khác ở trong làng.

Kiểu tóc jongjongmeori của lũ con gái chúng tôi là kiểu tóc trước khi có thể tết thành bím dài, vắt ra phía trước. Tóc được chia ngôi đến đỉnh đầu, tết thành các bím, rồi chập lại và thắt bằng những sợi chỉ màu hay miếng vải. Tết tóc rất mất thời gian và nếu không được chăm chút hằng ngày, mái tóc sẽ trở nên bù xù, vì vậy, chỉ cần nhìn vào đầu tóc là biết đứa trẻ đó ở nhà được chăm chút như thế nào.

Tóc của tôi được cô tôi thường xuyên chăm chút cho mãi tận đến khi cô đi lấy chồng. Sau này, thím tôi tiếp tục công việc ấy và ngày nào thím cũng chải

đầu, tết tóc cho tôi, bởi vậy mà lúc nào tôi cũng thấy tự hào về mái tóc của mình. Từ bé, hề có ai khen tôi xinh xắn, dễ thương, là họ đều bảo đó là do mái tóc, vì thế, trong những thứ tôi sở hữu thì mái tóc luôn là thứ khiến tôi cảm thấy tự tin hơn cả.

Vậy mà mái tóc ấy lại bị mẹ lấy kéo cắt phăng một cái, đã thế lại còn cắt phía sau cao vồng lên, để lộ ra cái gáy trắng hếu. Mẹ bảo những đứa trẻ ở trên Seoul đều như thế và không cho tôi cơ hội để cự lại.

“Trời đất ơi, loạn hết cả rồi.” Bà nội kinh ngạc không thốt thêm được lời nào. Tôi thì khổ sở với cái đường xoẹt ngang trên trán và cái gáy trống huếch ở đằng sau. Tôi đánh liều ra ngoài xem phản ứng thế nào thì y như rằng, lập tức đã phải hứng ngay những lời trêu chọc của bọn trẻ: “Lêu lêu, trông khiếp quá, cứ như là có cả mặt ở đằng sau gáy ấy”.

Tóc ngắn ngày đó đúng là nếu cắt quá cao sẽ trông như có mặt ở đằng sau gáy. Thế nên tôi cũng không cảm thấy bất ngờ mà cũng chẳng giận gì bọn trẻ. “Bọn trẻ ở Seoul đều để tóc ngắn như thế này đấy.

Xí, cái này mà cũng không biết”.

Nhưng rồi tôi cũng bị lũ trẻ “cái này mà cũng không biết” ấy xa lánh. Cái mái tóc ngắn của tôi làm cho tôi muốn rời xa bà nội, thậm chí còn muốn thoát ngay khỏi chốn quê mùa này. Tự dưng tôi muốn đi khỏi chốn này mau mau với mẹ.

Cuối cùng, tôi cũng bước vào phòng khách để chào từ biệt ông nội. Ông dường như đã biết tất cả nên chẳng thèm nhìn tôi, cứ quát um lên: “Hồng, hồng hết cả rồi”.

Rồi ông lần tay sờ cái túi con đeo bên mình, đoạn ném một vốc toàn đồng bạc năm mươi xu cho tôi. Đã cho thì cho, sao ông lại phải ném vãi ra như thế? Dù thấy thật mất thể diện nhưng tôi vẫn cúi xuống lấy tay chặn những đồng bạc đang xoay tròn dưới nền nhà, nhặt lấy chúng, rồi cúi đầu lạy ông để chào từ biệt. Có lẽ tâm trạng buồn bực của ông nội mới cần được an ủi hơn là cái sự bẽ bàng của tôi. Lúc đó, ngộ lỡ ông tôi để lộ ra sự yếu đuối của mình thì chắc tôi đã òa khóc nức nở mất rồi. Nhưng mà không, ông chỉ cúi gắt và đuổi tất cả ra ngoài.

Mẹ tôi đã khiến những người lớn trong nhà hết sức thất vọng và buồn bực. Nhưng dù sao mẹ cũng vẫn là dâu trưởng và là mẹ đỡ đầu đích tôn yêu quý của nhà này. Mẹ cũng là một phụ nữ can đảm khi lần đầu tiên dám vượt qua mọi rào cản, chỉ với hai bàn tay trắng, dẫn thân lên Seoul, mảnh đất chỉ cần nhắm mắt vào là đã có thể cảm nhận được hơi thở gấp gáp. Người lớn trong nhà không ưa nhưng cũng không coi thường mẹ tôi được. Nhìn vào đồng đồ đạc mẹ gói ghém ở ngoài sân thôi cũng đủ hiểu. Mẹ đang thờ cả người lẫn gạo, đậu, bột ớt trên cái xe kéo được ghép từ các khúc gỗ.

Bà nội cũng thay quần áo để đi tiễn chúng tôi.

Quãng đường hai mươi dặm đi đến Gaeseong sao mà xa đến vậy. Hết quả đồi này lại sang cánh đồng khác. Ở đâu có núi và cánh đồng thì có làng của những người sống ở đó. Có những ngôi làng rộng hơn và nhỏ hơn thôn Parkjeok. Làng nào cũng có vị trí và hình dáng như nhau, nên chẳng có gì mới mẻ và thú vị. Các ngôi làng cũng vẫn là một phần của thiên nhiên như tôi hằng trông thấy. Đến quả đồi thứ tư và cũng là quả đồi cuối cùng, được gọi là Đồi Nongbawi, dốc một cách bất thường.

Cũng có thể là do tôi mỏi chân quá. Mẹ động viên tôi cố lên, chỉ cần vượt qua quả đồi này là tới Songdo. Tôi thở hổn hển, còn mẹ thì đi đằng sau đẩy tôi lên.

Mệt và miệng thì khô cong lại, nhưng cuối cùng tôi cũng đặt chân được lên đỉnh đồi.

Khung cảnh sinh hoạt dưới chân tôi trải rộng trước tầm mắt. Đây chính là Songdo mà tôi vẫn hằng được nghe kể. Tôi cảm thấy ngỡ ngàng. Trước mắt tôi là một thành phố lấp lánh ánh bạc. Từ con đường đến các mái nhà, tất cả đều sáng lóa. Sau này tôi mới biết, đặc trưng của vùng Gaeseong là tất cả các tòa nhà đều được xây theo kiểu mới; ví dụ như trường cấp ba Songdo hay trường cấp ba nữ Hosudon đều được ốp đá hoa cương, nền đường lại là cát vàng nên cả mặt đường và mặt đá đều ánh lên một thứ ánh sáng trắng như vậy. Hóa ra ở đây, người ta sống như thế này. Tôi không khỏi sửng sờ trước vẻ tráng lệ và uy nghiêm của những thứ do con người tạo ra và chỉ còn biết ném cái nhìn kinh ngạc về phía đó.

Đúng lúc ấy, tại một góc tòa nhà hình vuông bừng lên một vùng sáng như có lửa cháy. Nó khác hẳn với bất kỳ ánh lửa nào tôi từng nhìn thấy. Ánh sáng đó không phừng phừng như ngọn lửa đang hừng hực cháy, mà chỉ ánh lên những tia sáng rực rỡ hơn tia lửa một chút xíu. Tôi thấy sợ nên túm chặt ngay lấy mẹ. Mẹ bảo tôi sao mà nhát thế, đó chỉ là hiện tượng ánh sáng mặt trời phản chiếu qua những tấm kính thôi. Ừ nhỉ, đúng là ánh sáng được tạo ra do những tia nắng mặt trời bị chặn lại. Mẹ tưởng tôi không biết cửa kính là gì nên đã phải giải thích thêm rằng ở những nơi như Songdo hay Seoul, nhà nào cũng có cửa kính như thế.

Ở thôn Parkjeok cũng có một thứ được làm bằng thủy tinh. Đó là chiếc bình mà người lớn gọi là bình rượu gạo, chiếc bình đó cũng bằng thủy tinh trong suốt, được đặt ở phía dưới nền nhà, bên trong đựng ít dầu hỏa để khi cần thì lấy ra dùng cho tiện. Vậy mà nơi đây, người ta lại có thể sống được trong các ngôi nhà với những chiếc cửa sổ thủy tinh có thể nhìn thấu được bên trong ấy.

Thật kỳ lạ và cũng thật đáng sợ. Cảm giác choáng ngợp khi lần đầu tiên đặt chân tới Songdo ấy có đến một nửa là sự bất an. Nơi tôi đang đứng hình như không phải là Đồi Nongbawi nữa, mà có vẻ như tôi đang chênh vênh giữa cái ranh giới chia đôi hai nửa thế giới đối lập. Trong tôi dường như có hai nửa, một nửa muốn dẫn thân vào thế giới còn nhiều điều chưa biết, nhưng nửa còn lại thì chỉ muốn kéo tôi lùi về phía sau.

Tôi nghe trống ngực mình đập thình thịch. Đó cũng là thứ âm thanh của thế giới yên bình và êm ả đang vỡ tan trong lồng ngực, một thứ cảm xúc hồi hộp của bản năng khi đứng trước ngã ba đường, phải lựa chọn cuộc sống thích nghi và đấu tranh để sinh tồn.

Chúng tôi dừng chân nghỉ nơi sườn dốc. Ở đoạn giữa có một loạt các tảng đá to hình lập phương giống như những chiếc rương đựng đồ, chất thành khối. Chắc vì thế nên đồi mới có tên là Đồi Nongbawi * chẳng? Dòng suối khoáng chảy róc rách giữa các khe đá. Chúng tôi ngồi xuống một tảng đá dài trông giống như chiếc hòm đựng tiền và làm dịu cơn khát bằng nước suối.

7 Trong tiếng Hàn có nghĩa là Đồi Đá Rương.

Cuối cùng thì cũng tới Songdo. Chúng tôi băng qua đường sắt, đi qua con đường với những ngôi nhà ngói khang trang mọc san sát nhau, rồi rẽ vào một

lối đi được lát gạch rắn chắc với những ngôi nhà ba bốn tầng vuông thành sát cạnh, tầng nào cũng có gắn cửa kính.

Đây là lần đầu nên cái gì với tôi cũng lạ. Tôi đã tự nhủ với mình rằng đừng có ngạc nhiên và cũng đừng có tỏ vẻ ngỡ ngàng. Mẹ cũng đã dặn tôi trước như vậy rồi.

Vẻ hoạt bát của mẹ tôi trên đường phố Songdo không hề lạc lõng, mà trái lại, còn có gì đó thật cuốn hút như một hình mẫu mà tôi cần phải noi theo. Đứa con gái nào tôi gặp ở đường cũng đều để tóc ngắn, lộ ra cái gáy trắng hếu đằng sau giống hệt tôi. Thấy vậy, tôi lại càng thêm nể phục mẹ. Thi thoảng cũng có những đứa để tóc tết bím đằng sau, song chẳng có đứa nào để bím dài cả.

Thế rồi chúng tôi đến gần ga Gaeseong tráng lệ, phía trong nhà ga thật ồn ào và náo nhiệt. Ngộ nhỡ mà bị lạc mất người lớn ở những chốn như thế này thì biết làm thế nào nhỉ? Đó là điều chưa từng có trong trí tưởng tượng của tôi nên cảm giác lo lắng ấy thật mới lạ. Mẹ tôi chất từng thùng đồ xuống gần chỗ bán vé rồi tất tả chạy đi mua vé. Còn tôi, lúc ấy, chỉ biết túm chặt lấy vạt áo của mẹ, không dám rời tay. Đưa vé xong, chúng tôi đi ra bên ngoài và đập vào mắt chúng tôi là một chiếc cầu thang rộng dẫn lên không trung. Mẹ bảo đó là cầu vượt. Và mẹ cũng không quên tự hào nhắc tới chiếc cầu vượt ở Seoul, nó rộng và đông gấp nhiều lần, cầu vượt ở đây không thể so bì được.

Mặc dù chúng tôi có nhiều đồ đạc nhưng lúc đó vẫn chưa phải là lúc vất vả nhất. Mẹ vừa đội vừa xách. Bà nội cũng mua vé vào cửa để vào theo, bà cũng đội đồ ở trên đầu. Tôi thì xách cái gì đó và cầm đầu cầm cổ chạy theo sau. Mẹ tôi chạy nên người khác cũng chạy. Tôi cũng chạy mệt đứt cả hơi. Rồi tự lúc nào, chúng tôi cũng leo được lên một toa của con tàu to và dài như con rắn hổ mang với thân mình gắn đây cửa kính. Bà nội cũng lên theo chúng tôi để giúp hai mẹ con chất mọi thứ lên khoang đựng đồ ở phía trên ghế ngồi. Xong đâu đấy, bà cúi thủi một mình bước xuống khỏi toa tàu.

Rồi bà nội đứng ngay chỗ cửa kính nơi tôi ngồi. Hình như bà nói gì đó với tôi mà tôi chẳng nghe được. Rất nhiều người đi tiễn đứng ở bên ngoài cửa sổ. Trong số ấy có bà tôi. Trông bà thật nhỏ bé và quê mùa. Dáng vẻ quê mùa ấy dường như đang níu tôi lại. Chiếc cửa sổ bằng kính cũng thật kỳ lạ. Nó khiến tôi có thể trông thấy những giọt nước mắt ghen ghen đang dâng lên nơi khóe

mắt của bà. Tôi nhớ đến vòng tay ấm áp mỗi khi bà ôm tôi vào lòng, nhớ câu nói: “Cha bố con chó con của bà”. Bất giác, tôi chợt muốn vỡ òa ra.

Tôi tựa hẳn người vào cửa sổ. Lúc ấy, dù cho tôi có cố áp chặt má vào tấm cửa kính thế nào cũng không thể lại gần bà nội được. Con tàu cất lên những tiếng hú vang thăm thẳm và bắt đầu chuyển bánh. Đoàn người tiễn cũng chuyển bước theo, rồi xa dần, xa dần. Tôi không nhìn được bà tôi đang chạy theo hay đứng yên một chỗ. Tự dưng hai mắt tôi nhòa đi. Tôi vẫn thường khóc to thành tiếng mà chẳng có giọt nước mắt nào. Vậy mà lúc này, lần đầu tiên nước mắt lại trào ra thành từng giọt, lăn dài trên gò má mà tôi chẳng thể nấc lên được một tiếng. Một cảm giác khó chịu, day dứt, như đang bị xé ra làm đôi.

Cuối cùng cũng đến được Seoul. Hai mẹ con chúng tôi rải những bước nặng nề nối theo đoàn người bước lên chiếc cầu vượt quả là rộng và đông đúc gấp mấy lần ở cái ga Gaeseong ấy. Cũng bởi do chúng tôi mang nhiều đồ đạc quá. Những người khác đều nhờ những người mặc đồng phục màu tím than, đầu đội mũ đỏ, khuân đồ cho. Còn mẹ tôi thì một mình kéo lê tất cả các bọc đồ như một người vừa mới tỉnh dậy sau giấc mộng chẳng lành. Phải một lúc lâu sau, chúng tôi mới qua được chỗ soát vé và bước ra ngoài phía sảnh ga rộng thênh thang. Đúng lúc ấy, mẹ tôi trút từng bọc đồ xuống rồi từ từ ngồi xuống để nghỉ. Rất nhiều người đi ngang qua, họ dừng lại trước mặt chúng tôi rồi lại đi tiếp. Tôi mệt đến mức chẳng có cảm giác nơi này là Seoul nữa.

Những người phu khuân đồ trong những bộ đồ bạc màu cất tiếng rao mời như những đám ăn mày, họ thay nhau lại gần chúng tôi. Họ giành nhau khuân đồ cho chúng tôi. Có người chẳng hỏi câu nào, cứ tự ý bê đồ của chúng tôi đi. Nhưng mẹ tôi cương quyết rằng sẽ đi tàu điện và đuổi hết bọn họ đi.

Bất chợt tôi trông thấy chiếc tàu điện màu xanh, ngắn hơn cả một toa tàu hỏa, trên lưng có gắn một chiếc cần, nó đang chạy tới gần chúng tôi. Chiếc cần nối với đường ray chạy trên không trung, phát ra những đốm sáng xanh lè, khiến tôi cảm thấy sợ hãi hơn là thích thú nếu phải leo lên nó. Mẹ đã cương quyết từ chối như thế mà vẫn có những người phu khuân đồ ngó qua ngó lại, bởi họ trông thấy mẹ cứ ngồi yên vị ở đấy.

Rồi mẹ tôi cũng gọi một người trong số ấy và bắt đầu mặc cả. Không biết mẹ tôi dựa vào tiêu chí nào mà lựa chọn người ấy, điều đó nằm ngoài khả năng

lý giải của tôi. Mẹ hất tay chỉ sang phía bên kia đường, hỏi người ấy rằng đi ra ngoài Seodaemun đằng kia thì hết bao nhiêu. Người ấy nói bao nhiêu đó, mẹ bảo không được và định chờ hết cả đồng hồ đặc không biết từ lúc nào đã được chất lên vai người phu một cách sẵn sàng ấy. Thế rồi người ấy hỏi mẹ định trả bao nhiêu. Sau một hồi trả qua trả lại, cuối cùng, mẹ con chúng tôi cũng được giải phóng khỏi đồng hồ đặc và đi phía trước dẫn đường.

Chúng tôi băng qua những con đường ồn ào, bụi bặm và đông đúc. Trang phục của những người qua lại trên đường cũng ám đầy màu của bụi. Mỗi khi tàu điện đi qua, dòng người bộ hành chợt rút ngắn lại và con đường cũng trở nên giống với đường ở Gaeseong hơn. Chúng tôi nhìn thấy một chiếc cổng lớn chắn ngang con đường.

“Cửa Độc Lập * đấy”.

8 Công trình công đá lịch sử nổi tiếng của Hàn Quốc, có thiết kế giống với Khải Hoàn Môn ở Paris. Ngày 20 tháng 11 năm 1897, Hiệp hội Độc lập đứng đầu là Seo Chae-pil chủ bút tờ báo Độc lập tân văn, đã kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân đóng góp và xây dựng Cửa Độc Lập như một biểu tượng cho nền độc lập vĩnh hằng của dân tộc Hàn, chấm dứt hoàn toàn sự lệ thuộc vào vương triều Mãn Thanh (Trung Quốc). Công trình được dựng lên ở phường Hyeonjeo-dong, quận Seodaemun-gu, thành phố Seoul. Đến năm 1980, cửa được di dời về phía tây bắc 70m, và hiện nằm trong công viên Độc Lập, quận Seodaemun-gu, Seoul.

Mẹ chỉ cho tôi. Người phu khuân đồ thở hển hển hỏi mẹ đã tới nơi chưa. “Đi thêm tẹo nữa thôi”.

Tự dưng, tôi thấy mẹ mỉm cười một cách hết sức tự nhiên. “Hả? Tẹo là ở đâu?” “Đằng kia. Phường Hyeonjeo-dong...” Mẹ tôi chưa kịp nói hết câu thì ông ta đã dừng ngay lại rồi quắc mắt bảo mẹ đùa đấy à, ai mà lên tận đỉnh núi với vài đồng bạc ấy. Mẹ cũng không chịu thua, bảo rằng nếu mà ở chỗ đất bằng phẳng như ở dưới này thì đã đi xe điện và ung dung về tới nơi rồi, việc gì mà phải bỏ ra gấp mấy lần vé tàu điện để đi cùng về đây?

Rồi mẹ bảo sẽ trả thêm ít tiền mua rượu makgeolli * và bảo ông ấy chịu khó đi thêm chút nữa. Từ lúc mẹ thốt ra ba từ “phường Hyeonjeo-dong”, trong mắt của người khuân đồ ấy chợt ánh lên một vẻ gì đó thiếu tôn trọng. Rõ ràng ông

ta đang coi thường chúng tôi. Rốt cuộc, phường Hyeonjeo-dong là ở đâu mà lại khiến ông ta như vậy nhỉ? Tôi nhìn người lớn và đọc thấy tất cả những điều đó.

9 Loại rượu gạo truyền thống của Hàn Quốc, có màu trắng đục, nồng độ cồn thấp, vị ngọt hơi chua, vốn là thứ rượu giải khát ưa thích của người nông dân Hàn Quốc.

Thế rồi cũng đến điểm cuối cùng của bốn làn đường tàu điện chạy theo chúng tôi. Tới đó, mẹ rẽ vào một con ngõ. Cái ngõ nhỏ ấy đột ngột biến thành một con dốc dựng thẳng đứng với những bậc thang tầng tầng lớp lớp. Đó là một con hẻm kỳ quái với những căn nhà xiêu vẹo, chúng như chực kéo nhau đổ sụp xuống và cũng gập ghềnh chẳng khác gì những bậc thang. Trước mỗi căn nhà cũng có những tấm gỗ được chằng làm cửa nhưng dường như mọi sinh hoạt trong nhà đều được phơi hết ra ngoài đường. Nước ủ từ những vũng nước tiểu trộn với cơm thừa và những cọng rau già phơi khô, rỉ xuống hai bên lối đi cầu thang làm bốc lên một thứ mùi ẩm ướt.

Cuối cùng, sau bao cố gắng, chúng tôi cũng leo được lên đến đỉnh, có cả một xóm ở trên này. Chúng tôi phải lách qua con hẻm với những căn nhà chen chúc, dường như chỉ chừa lại một lối đi rất mảnh như sợi chỉ, tiếp đó lại là một lối đi dựng thẳng đứng, lần này, nó dốc hơn cả cái cầu thang lúc đầu chúng tôi đi qua. Đến đoạn giữa con dốc ấy, mẹ tôi bỗng dừng lại trước một ngôi nhà lá.

Ở chỗ này không có nhiều nhà lá. Nhưng đó cũng chưa phải là nhà của chúng tôi. Mẹ tôi thuê một căn buồng bên cạnh cửa của căn nhà và trả tiền từng tháng cho họ.

Tôi chợt nhớ lại căn buồng nhỏ cạnh cửa liền với phần hiên nhà ở quê. Căn buồng ấy thật nhỏ bé và đơn sơ.

Đó cũng là căn buồng duy nhất có cái cửa được dán bằng thứ tranh vẽ đủ màu sắc với các hình hươu, rùa, cây trường sinh bất lão. Những người phụ nữ trong gia đình chúng tôi không phải làm việc đồng áng nên họ có nhiều thời gian để lau chùi, dọn dẹp, khiến cho những chiếc tủ đựng quần áo trong nhà thường bóng loáng một cách lạ thường. Ngay đến chiếc tủ ba ngăn mà mọi người bảo đó là đồ đạc của bà nội ngày xưa mang theo khi về nhà chồng, lớp hoa văn trang trí bằng bạc của nó đã bị bong gần hết nên chiếc tủ chỉ được kê ở đó như để làm kỷ niệm, vậy mà chất gỗ thì vẫn còn rất bóng và sáng nước.

Tôi đặc biệt thích cái lọ lục bình cổ cao thân phình, nằm ở cuối góc căn phòng, nơi có chiếc tủ ấy. Cái lọ làm bằng thủy tinh xanh lục hơi mờ, rượu trong đó ngâm lâu ngày nên độc tính đã tự bay hơi, tiêu tán và để lại những vệt mờ một cách cổ kính tự nhiên. Với tôi, chiếc bình men rượu ở căn phòng ấy, với ban thờ thổ địa phía sau nhà, luôn chứa đựng một điều gì đó thật huyền bí.

Mỗi khi còn thừa rượu thuốc hay rượu makgeolli, mọi người đều đổ vào chiếc bình đó để gậy men, thi thoảng cũng có những chú côn trùng bay tới đậu ở đó. Bà nội bảo men rượu nhà chúng tôi ngon nhất làng và giữ cái bình men đó rất cẩn thận. Mỗi khi có ai đó đến xin một ít, bà đều từ chối, bảo rằng không cho được, vì sợ mất bí quyết vị men của gia đình. Nét mặt của bà rất nghiêm trọng nên tôi không nghĩ đó là sự keo kiệt, mà chỉ lại càng cảm thấy cái bình đó dường như có một sức mạnh huyền bí nào đó.

Bỗng dưng trong tôi trào dâng một cảm xúc khó tả như mình vừa lạc bước ra khỏi xứ sở thần tiên, nơi có căn buồng yên hàn với chiếc tủ cổ kính và cái bình cổ cao ấy. Cánh cửa phòng màu gỗ tồi tàn trước mặt trở nên vô cùng xa lạ với thế giới thắm mỹ của tôi, một thế giới vốn đã quá quen với những gì tưởng chừng như đã được an định từ nghìn năm trước.

BÊN NGOÀI CỔNG THÀNH

“Seoul là đây hả mẹ?” Thật may là câu hỏi ẩn chứa đầy bất mãn đó của tôi đã được mẹ đáp lại là “Không”. “Ở đây, người ta gọi là ngoại thành Seoul. Sau này, anh con đi làm, kiếm được nhiều tiền, lúc ấy mình sẽ chuyển vào trong thành, sống cho đàng hoàng hơn”.

Mẹ an ủi tôi bằng cách vẽ ra viễn cảnh tươi đẹp ấy.

Đêm hôm đó, có tiếng gọi văng vẳng, vọng tới gần cửa sổ rồi cứ thế xa dần, xa dần.

“Bánh bao nóng hồi đ...â...y.” Tiếng gọi giống như tiếng rao bán gì đó, nhưng tôi cũng chẳng hỏi mẹ tiếng rao ấy có nghĩa là gì. Tôi không thấy tò mò cho lắm.

Ở quê, cũng có lúc nửa đêm, tôi choàng tỉnh bởi tiếng hú của thú rừng ở bên ngoài hàng rào. Và lúc ấy, người lớn trong nhà cũng đã tỉnh dậy hết cả. “Lũ chó sói lại mò về rồi.” Bà nội lẩm bẩm một mình. Bà đã thức dậy, ngồi ở đó từ bao giờ. Hình như bà tôi lo đàn gà sẽ bị bọn sói tha đi mất. Tôi đã từng nghe tiếng hú của chó sói nhưng chưa bao giờ được tận mắt nhìn thấy chúng. Bất chợt, tôi thèm đến lạ cái cảm giác khi cố dỗ mình vào giấc ngủ trong tiếng chó sói ấy.

Kể từ hôm sau đó, tôi không thể không tập làm quen với những luật lệ của cuộc sống ở Seoul. Thật ra đó không hẳn là luật lệ khi sống ở Seoul mà là luật lệ của một căn nhà ba phòng. Vừa mở mắt, tôi liền hỏi ngay mẹ tôi chỗ đi vệ sinh ở đâu, lập tức liền được mẹ nhắc nhở rằng việc đi vệ sinh ở đây là buổi sáng, phải đợi tất cả mọi người ở nhà trên đi xong thì mình mới được đi. “Nhà xí” được gọi là “nhà vệ sinh”, điều này tôi đã được học ở trên tàu. Ngày hôm qua, tôi cũng đã vào thử cái nhà vệ sinh mà mỗi lần chỉ một người vào được

của nhà chủ rồi. Còn cái sự mót lăm rồi cũng phải cố mà nhịn để nhường cho những người nhà chủ đi trước ấy, hôm đó là lần đầu tiên tôi được biết.

Đã thế, mẹ lại còn bồi thêm: “Con có biết lúc đem con lên đây, người trong nhà họ khó chịu thế nào không?”

Vì lúc đầu thuê phòng, mẹ bảo họ là chỉ có hai người thôi. Mẹ sợ nhà đó cũng có đứa con gái bằng tuổi con nên họ sẽ không thích”. Trời ạ, chuyện gì thì có thể dối trá được chứ còn chuyện con cái, tại sao mẹ lại có thể nói dối được cơ chứ? Ôi, người mẹ lúc nào cũng nghĩ mình khôn ngoan hơn người của tôi! Ban nãy, còn vừa mới được cưng nựng này nọ, giờ thì tôi như bị ngã bổ nhào từ trên tận mấy tầng không xuống đất. Tôi chợt thấy mẹ thật đáng ghét. Chính tôi mới là đứa bị lừa. Bất giác tôi muốn chạy đi tìm ông nội và bà nội để mách hay cầu cứu, nhưng hai người giờ đã ở quá xa tôi rồi.

Luật lệ sống của căn nhà ba phòng không chỉ dừng lại ở cái sự nhịn đi vệ sinh. “Con không được chơi với đứa con gái nhà chủ. Trẻ con dễ làm mất lòng người lớn, nghe chưa?” “Con gái chủ nhà ăn gì, con không được nhìn nó.” “Con đừng có thích đồ chơi của nó rồi sờ mó vào đó.” “Con đừng có lên nhà trên.” Thà rằng mẹ lấy dây thừng mà trói ngoéo cổ chân tôi vào cái cột nhà còn hơn. Rốt cuộc, chẳng hiểu mẹ muốn tôi phải thế nào? Mẹ đang muốn tôi phải hành xử như đang không có mặt ở đây. Mẹ không chịu hiểu một điều rằng điều đó khó khăn thế nào với một đứa trẻ tám tuổi, vốn luôn luôn cảm thấy bị bó hẹp trong cái thôn Parkjeok chật chội, nên lúc nào cũng tung tăng chạy nhảy khắp nơi như một chú ngựa non dạn dĩ. Thích nghi với cuộc sống ở trọ đã mệt muốn chết, vậy mà tất cả chưa dừng lại ở đó. Ngày phải đến trường của tôi đã không còn bao lâu nữa.

Mẹ tôi bảo vì nghèo nên chúng tôi không còn cách nào khác, phải sống ở ngoài thành, nhưng việc đi học thì nhất định phải học ở một trường tốt trong thành.

Điều đó đã được mẹ tôi định đoạt từ trước. Chẳng cần phải nghe qua ý kiến hay đại loại những điều tương tự như thế của tôi. Ngày đó, trường học công lập không nằm trong hệ thống giáo dục phổ cập nên phải thi đậu mới vào được. Mà không phải muốn thi trường nào thì thi, trường nào trường nấy đã được quy định như chế độ học đúng tuyến bây giờ. Mẹ tôi chắc hẳn không thể không

biết tới điều đó. Nhưng mẹ đã kịp chuyển giấy tờ ký lưu, một thứ giống như đăng ký thường trú bây giờ, về nhà họ hàng ở phường Sajik-dong.

Trường học trong thành mà mẹ tôi thấy ưng hơn hết và chọn được sau khi đã tính đến cả quãng đường đi học của tôi nữa chính là trường quốc lập Maedong. Từ phường Hyeonjeo-dong đến trường phải vượt qua một quả núi. Đó là một nhánh của dãy núi Inwang. Ở lưng chừng phường Hyeonjeo-dong, leo thêm một đoạn nữa, tới bãi đất ngày xưa vốn có thành trì, sẽ gặp một con đường khá bằng phẳng thông với công viên Sajik-dong.

Con đường không hiểm trở nhưng lại vắng ngắt, không một bóng người qua lại và người ta bảo ra khỏi con đường đó thì sẽ gặp khu rừng của những người bị bệnh hủi thường tụ tập ồn ào. Ngày thi tới gần, mẹ dẫn tôi đi thử con đường ấy. Vừa đi, mẹ vừa buông ra những lời mỉa mai đối với những tin đồn rợn người của thiên hạ về những người bị hủi. “Đừng có tin việc người ta nói người hủi bắt cóc trẻ con để moi gan ăn. Những người đó họ cũng là con người giống như chúng ta. Cái gì con người không làm được thì họ cũng không làm được. Chẳng có gì ngu ngốc hơn cái việc tự tưởng tượng ra những cái chẳng có thật rồi lại đi sợ chúng. Nhỡ ra gặp phải người hủi thì đừng có thất kinh bỏ trốn, hãy cứ thản nhiên đi tiếp. Đừng có ngó ngang ngó dọc, cứ thẳng đường mà đi”.

Cách nói của mẹ lúc nào cũng tỏ ra chắc chắn là mình đúng đắn nên dù cho những lời ấy có đúng thật đi chăng nữa thì cũng vẫn như là đang áp đặt người khác vậy.

Tôi ghét điều đó. Song, lúc mẹ nhắc đến những người hủi, tôi biết rằng trong lòng mẹ cũng không thực sự chắc chắn lắm. Mặc dù vậy, đó lại là điều tôi cảm thấy tâm đắc nhất trong tất cả những gì mẹ dạy. Bỗng chốc, việc phải đối mặt với những người hủi ấy, với tôi, chẳng còn gì đáng sợ. Kết thúc việc đi trình sát con đường đến trường là bắt tay vào ôn thi một cách chính thức. “Rồi con sẽ làm tốt cả ấy mà”. Nói thì vậy nhưng hàng ngày, mẹ vẫn hỏi như thi thử và làm cho tôi cảm thấy khổ sở vô cùng. Viết tên, làm toán, xem đồng hồ, phép cộng, phép trừ, đại loại là những bài tập như thế.

Tất cả, tôi đều làm được, nhưng việc tôi thấy ghét hơn hết đó là học thuộc lòng hai địa chỉ. Địa chỉ lúc đầu mẹ dạy cho tôi là địa chỉ phường Sajik-dong,

đúng với địa chỉ mẹ đã đăng ký tạm trú. Địa chỉ đó thì tôi thuộc lòng được ngay. Nhưng nếu chỉ có vậy thì đã tốt, đăng này, hình như mẹ sợ tôi biết đâu lại có lúc lạc đường mà khai ra địa chỉ đó rồi xảy ra rắc rối. Mẹ lại tập cho tôi học thuộc lòng địa chỉ phường Hyeonjeo-dong. Địa chỉ khá dài, cả số cụm, số nhà, nhưng dù sao tôi cũng đang ở cái tuổi giỏi bô lô ba la và nhớ được bất cứ thứ gì bằng cách ám thị nên không khó lắm để học thuộc được, vậy mà mẹ lại lo lắng một cách thái quá. Chắc chắn đó là sự bứt rứt vì cái sự khai man địa chỉ khi nộp Bên ngoài cổng thành 67 hồ sơ nhập học cho tôi, nhưng rồi sau đó, thấy tôi làu làu luôn cả hai địa chỉ, mẹ lại bắt đầu thấy lo, sợ tôi sẽ viết nhầm lúc làm bài thi. Và như để làm cho bản thân mình thấy yên tâm, mẹ đã hành hạ tôi một cách vô cớ.

Đang yên đang lành, mẹ bỗng nổi hứng: “Con sống ở đâu? Nhà con ở đâu? Giả sử như lúc này con đang bị lạc đường.” Lúc ấy, tôi phải trả lời bằng địa chỉ phường Hyeonjeo-dong. Có lúc mẹ lại hỏi ngược lại: “Nhà con ở đâu? Bây giờ con đang ở trong phòng thi và trả lời cô giáo.” Nếu mẹ hỏi như thế, lập tức tôi phải đọc địa chỉ giả là phường Sajik-dong. Mẹ sốt ruột vì sợ nhớ đâu tôi lại lẫn lộn cả hai cái địa chỉ. Còn tôi thì vốn chẳng có vấn đề gì và cũng chẳng lo mình sẽ bị nhầm lẫn. Nhưng rồi đến lúc cứ bị mẹ căn vặn liên tục, đầu óc tôi thành ra mù mẫm, thỉnh thoảng lại hồi hộp như sắp sửa trả lời sai vậy. Mọi chuyện bắt đầu rối tung cả lên. Và kết quả là tôi bắt đầu trả lời sai những câu hỏi thi thử của mẹ một cách thường xuyên.

Mẹ thấy hối hận vì không dừng lại đi dạy cho một đứa ngớ ngẩn như tôi cùng một lúc hai cái địa chỉ, nên lại bắt tôi từ giờ đến lúc thi, phải quên địa chỉ phường Hyeonjeo-dong đi. Nhưng đâu phải bắt quên là có thể quên ngay được cơ chứ. Mẹ càng làm như vậy thì cái địa chỉ ấy lại càng khắc sâu thêm vào đầu óc của tôi. Sau này, địa chỉ phường Sajik-dong, rồi còn vô số địa chỉ khác ở Seoul mà tôi nhớ được ấy, tất cả hầu như đều bị lãng quên, chỉ duy nhất địa chỉ phường Hyeonjeo-dong là cho đến giờ tôi vẫn còn nhớ như in.

Rồi ngày thi tới vào giữa lúc đầu óc tôi bị lộn xộn bởi cái câu hỏi về địa chỉ chẳng biết liệu có xuất hiện hay không ở trong đề thi. Tôi mặc chiếc áo khoác in hoa màu vàng chanh, như lúc rời khỏi thôn Parkjeok, ra tiệm cắt tóc rồi mới lên đường đi thi. Mẹ cũng chẳng hỏi gì về địa chỉ này nọ nữa, thay vào đó, chỉ lấy ra ba bốn quân cờ vây, hỏi có mấy quân tất cả; sau đó, mẹ lại cho tôi xem

hai bức tranh, một bức vẽ hai người là thầy giáo và học sinh, bức kia vẽ một chiếc mũ phớt và một chiếc mũ học sinh. Mẹ bảo tôi chọn chiếc mũ thích hợp cho mỗi người. Rồi mẹ lại đưa ra bức vẽ một cái ống khói có khói đang thoát ra và hỏi gió thổi từ hướng nào đến.

Tôi chỉ trả lời được hai trong ba câu. Câu hỏi về hướng gió, tôi đã trả lời rằng gió thổi theo hướng ngược lại của hướng khói bay ra.

Không có câu hỏi địa chỉ nên phần nào tôi cũng đã vững tâm hơn một chút, vậy mà lúc tôi vừa mới trả lời sai, lập tức mẹ đã tỏ vẻ thất vọng ghê gớm. Thà mẹ cho luôn một câu ngắn gọn là thi trượt đi cho xong.

Đằng này, mẹ liên tiếp chỉ vào mái tóc, vạt áo choàng đang bay, rồi cả lá cờ Nhật phấp phới ở sân vận động, và gắt gỏng: “Gió đang thổi hướng nào hả? Hướng nào? Trời đất ơi, cái đó mà không biết thì hỏng, hỏng thật rồi”.

Mẹ đã cáu kỉnh như thế đấy. Chẳng hiểu sao ngày hôm đó, ở cái sân vận động mênh mông và không một bóng dáng nhà cửa ở gần trường Maedong ấy, gió lại thổi mạnh đến vậy. Ngay tối hôm đó, mẹ cứ than vãn chì chiết với anh tôi về chuyện tôi thi trượt là chắc rồi. Bên ngoài cổng thành 69

“Phải đợi mở vung ra mới biết thức ăn trong nồi thế nào chứ.” Người anh của tôi, dù hơn tôi khá nhiều tuổi nhưng mãi đến năm lên mười tuổi mới bắt đầu đi học, nên giờ, anh tôi vẫn đang ở cấp hai; anh lúc nào cũng kiệm lời và tỏ ra chín chắn.

Người ta sẽ gửi giấy báo đỗ hay trượt về nhà. Tất nhiên tờ giấy đó có được gửi hay không cũng sẽ đến địa chỉ giả là phường Sajik-dong. Giấy báo đến rồi mà mẹ tôi cũng vẫn chờ thêm vài ngày nữa cho chắc, sau đó mẹ mới mặc cho tôi chiếc áo khoác có in hoa như hôm đi thi và dắt tôi đến nhà họ hàng ở phường Sajik-dong.

Đó là lần đầu tiên tôi được đặt chân đến ngôi nhà mà tôi đã phải khổ khổ để nhớ cái địa chỉ của nó. Vừa đi mẹ vừa nhắc mấy lần rằng đây mới là ở trong thành.

Đây đúng là một nơi mà mọi thứ đều quy củ và yên tĩnh hơn nhiều so với phường Hyeonjeo-dong. Nhất là các ngôi nhà không dựa dẫm vào nhau một cách xiêu vẹo, tất cả đều ở trên một mặt đất bằng phẳng. Nhà họ hàng của mẹ

có phòng ngoài kéo dài ra tận ngoài mặt đường, nhà trong được tách biệt bằng một cửa giữa.

Phòng ngoài cũng được lợp ngói nhưng lại rất khác phòng khách ở quê. Ở đó lại còn có mùi ẩm mốc và nhếch nhác bốc lên. Sau này, tôi mới biết đó không phải là phòng khách mà là phòng của người giúp việc.

Bà giúp việc đang ngồi giặt ở cái sân dài như một con ngõ, ở ngay bên cạnh gian phòng ấy. Nhìn thấy mẹ tôi, bà ta liền đứng ngay dậy, đon đả: “Mợ à, mợ có tin vui nhé. Cô nhà đậu rồi.” Nói xong, bà ta cúi đầu chào mẹ tôi một cách vồn vã.

Lần đầu tiên trong đời, chúng tôi được người khác gọi một cách lễ phép là mợ, là cô. Và đó cũng là lần đầu tiên tôi thấy mẹ tỏ ra tự cao tự đại như thế. “Làm gì mà chị rỗi cả lên như vậy. Có mỗi việc đậu vào cái trường tiểu học thôi mà.” Bỗng nhiên, mẹ tôi lại làm ra vẻ kiêu kỳ. Vừa bước qua cái cửa giữa, lập tức ở trước mắt chúng tôi là một thế giới hoàn toàn khác lạ. Sảnh phòng khách với những tấm cửa kính lung linh hiện ra sừng sững trên bậc thềm đá hoa cương sạch sẽ. Sừng sững nơi cái sân được quét dọn sạch sẽ là một bể nước xi măng có gắn chiếc vòi nước. Bà giúp việc hứng nước vào xô từ trong cái bể tràn trề ấy. Tôi thấy hiếu kỳ và ghen tị với cái vòi nước đang tuôn chảy xối xả.

Ở phường Hyeonjeo-dong, chẳng có nhà nào có nước máy. Nhà nào cũng phải mua nước hoặc tự gánh lấy nước để dùng. Bên dưới dốc thang cao chót vót ấy là phần đất bằng, ở đó có vòi nước công cộng, lúc nào cũng có hai hàng thùng gánh nước xếp dài dằng dặc. Các thùng nước đều được làm bằng tôn, có tay cầm bằng gỗ và được khoét lỗ để móc vào cái móc sắt ở đòn gánh cho chắc, nhưng thùng của người gánh nước bán với thùng của những nhà tự gánh nước lại khác nhau. Thùng của người gánh nước bán là chiếc thùng hình vuông to như can đựng dầu, còn thùng của những nhà tự gánh nước thì lại có hình trụ bằng nửa chiếc thùng của người bán nước. Mỗi gánh nước giá một jeon *, không kể thùng to hay bé. Mỗi buổi sáng, người gánh nước phải cung cấp cho mấy chục nhà nên có lẽ với gánh nước của nhà khác thì họ thường gánh với cho đỡ mệt, còn với gánh nước nhà mình, dĩ nhiên là họ muốn gánh đầy rồi.

10 Đơn vị tiền tệ cũ của Hàn Quốc. Một jeon bằng một phần một trăm won ngày đó. Bên ngoài cổng thành 71

Mẹ tôi không gánh được nước nên chúng tôi phải mua nước của người bán nước mỗi ngày một gánh; không chỉ mỗi nước ăn mà cả nước tắm, nước giặt, tất cả đều trông cả vào hai cái thùng nước ấy. Điều mà tôi hay bị càu nhàu nhất, ngoài cái luật lệ nhà ba phòng trong thời gian hơn một tháng ở Seoul, là việc tiết kiệm nước. Nước rửa mặt không được đổ đi, mà phải để đấy để còn rửa chân. Nước rửa chân cũng không được đổ đi mà phải để đấy để mà giặt giẻ lau. Nước giặt giẻ lau cũng không được đổ đi mà cứ để nguyên đấy. Lát nữa quét sân còn dùng để vẩy sân. Đại loại như vậy. Mặt ngõ trước cửa nhà chúng tôi được mẹ gọi là sân và ngày nào mẹ cũng quét sân như để chì chiết những người trong xóm hiểu rằng đến cái sân trước cửa nhà họ, họ cũng chẳng bao giờ thềm quét. Lỡ chẳng may, chậu nước rửa mặt của tôi, mà mẹ vừa múc ra vừa tiếc rẻ ấy, không đi được đến công đoạn cuối cùng đã bị đổ ào đi mất thì lúc ấy thế nào mẹ chắc lười tiếc rẻ như vừa mới bị mất món đồ cực kỳ quý giá trong nhà vậy.

Chum đựng nước của chúng tôi được chôn ở dưới đất, chỗ góc quây làm bếp gần cửa lớn. Người gánh nước sáng nào cũng tới từ từ mờ sáng. Nhà chủ cũng mua nước ăn của họ. Cái xó xinh chẳng bao giờ có tên trộm nào thềm lên vào, mà có vào cũng chẳng có gì để trộm được ấy, không lúc nào được cài then. Vì thế, người trong nhà chẳng bao giờ nghe thấy tiếng mở cửa và chỉ tỉnh giấc khi nghe thấy tiếng nước trút ào ào vào chum. “Ào, ào” – hai âm thanh vang lên của hai lần trút nước vào chum ấy khiến tôi cảm nhận được rõ mồn một sự thiếu thốn không còn gì hơn thế một cách thật thảm hại. Hai thùng nước cho cuộc sống một ngày. Cái sự tiết kiệm nước ấy ở nhà quê không thể nào hình dung được.

Con suối lượn qua mảnh vườn, nơi có sân phòng khách và nhà xí, sau khi đã vòng quanh hàng rào hoa đầu xuân ở sân sau nhà. Sân sau lại là đầu hồi của nhà trong, nên vào mùa mưa, tiếng nước chảy ồ ạt nghe thật vui tai. Lúc bình thường, tiếng nước lại chảy róc rách một cách khoan khoái, nghe như tiếng rì rầm, thậm chí phải lắng tai mới nghe thấy được những âm thanh rí ra rí rách. Song, chưa bao giờ nước bị tràn hay bị khô cạn cả. Vào mùa đông, chỉ có trên bề mặt suối bị đóng băng, còn ở bên dưới, dòng nước vẫn chảy miệt mài.

Mặt băng hằn lên những hoa văn với đủ các hình vân kỳ lạ. Những lúc ấy, nếu bất chấp giá rét, dùng tay bẻ gãy những ván băng với những hình thù kỳ lạ

rồi đem bỏ vào miệng mà nhai rau rầu, thì sẽ có cảm giác sảng khoái vô cùng, như thể từng mạch máu trong cơ thể đang được làm mát vậy.

Nước ăn đã có mẹ và các thím tôi lấy về từ giếng nước ở giữa làng. Nhưng có nhiều lúc mãi chơi, khát quá, chúng tôi thường chạy ào ra suối, vốc lấy những vốc nước để làm thỏa cơn khát. Quần áo cũng được đem ra suối giặt; khoai lang, khoai tây đều được rửa ở đó; cả rau rừng cũng thế. Và tất nhiên, cả sau khi đi vệ sinh xong, chúng tôi cũng rửa tay ở đó. Mỗi khi làm việc gì, chúng tôi đều không bao giờ phải tự hỏi đây là nước mới hay nước cũ, cũng chẳng có ý nghĩ đó là nước bẩn. Bước chân đi đến đâu, tiếng nước đi theo đến đó.

Chúng tôi chỉ biết rằng phải tiết kiệm nước vào mùa đông khi rửa mặt bằng nước ấm. Nước lúc nào cũng được đun cả nồi to, nhưng nếu lỡ vục cả chiếc thau rửa mặt vào trong đó để múc nước thì thể nào cũng bị người lớn mắng cho một trận nên thân. Câu mắng rất nặng nề là: cái thói dùng nước lãng phí như thế, sau này chết đi, xuống âm phủ, sẽ bị phạt uống lại từng thau nước ấy. Giờ đây, mỗi ngày một lần, cơn khát lại ủa về trong tôi mỗi khi nằm trong chăn mà nghe cái tiếng nước trút “ào, ào” ấy; và mỗi lúc như vậy, tôi lại thường rơi vào nỗi sợ hãi mơ hồ như thể tôi không còn là tôi nữa, giống như những chú cá myeongtae * bị khô quắt lại thành những con cá bukeo *.

Bà chủ ngôi nhà phường Sajik-dong, nơi có vòi nước chảy xối xả, gọi mẹ tôi là bà trẻ và niềm nở tiếp đón chúng tôi. Xem ra bà ấy cũng trạc tuổi mẹ tôi nhưng vẫn mặc áo màu trắng ngà có cổ viền màu tím hồng, không quên bảo tôi: “Chúc mừng bác thi đậu nhé.” Sau này tôi mới biết, chúng tôi thuộc hàng vai trên rất to và người phụ nữ đó thuộc hàng cháu dâu. Mẹ nói trống không, còn bà ấy thì dùng những lời lẽ rất lễ phép. Bà ấy gọi người giúp việc vào, bảo sửa soạn cơm nóng để mời chúng tôi, đoạn đi tìm giấy nhập học đưa cho mẹ.

11 *Cá minh thái, cá pôlăc.* 12 *Tên gọi của cá minh thái khô trong tiếng Hàn.*

Mẹ chẳng buồn ngó ngang tới, giống như khi người ta nhìn thấy chiếc bánh teok thiu: “Mong trượt thế mà lại đỗ”.

Nét mặt của mẹ hết sức thản nhiên, chẳng tỏ ra một chút vui mừng. Không thể hiểu nổi tại sao mẹ tôi lại nghĩ trong bụng một đấng và biểu lộ ra ngoài một nẻo như vậy? Ngay lập tức, người phụ nữ ở phường Sajik-dong liền hết lời

khen ngợi tôi, bảo rằng kể cả những đứa được đi nhà trẻ ở khu này cũng có đến mấy đứa bị thi trượt. Hình như chỉ đợi có thế, mẹ tôi liền lập tức tuôn ra một tràng. Nào là đến cái đó mà cũng chẳng đỡ nổi thì không có tương học hành rồi; nào là thế thì còn học làm gì nữa, cho về quê để vừa nhẹ gánh mà còn vừa đỡ phải áy náy nữa; nào là đã cố tình không dạy cho gì trước thế mà cũng vẫn đỡ, vân vân và vân vân.

Lại vẫn là những lời nói dối mà người khác có thể nhìn thấu cả tâm can ấy. Tôi nhìn chăm chăm bằng ánh mắt khó hiểu vào vẻ mặt sốt sắng của mẹ, giả như tôi thi trượt thì có khi còn làm cả lễ gosa * không biết chừng.

Bà giúp việc hai tay bưng mâm cơm trưa xinh xắn bước vào. Những cái bát trắng được bày la liệt trên bàn ăn, cái nào cũng có nắp đậy. Mở nắp ra, trong bát chỉ có chút xíu thức ăn. Món đậu đen xào chỉ có vón vện hơn chục hạt. Mắm sò, cá ướp cũng chỉ được một gắp dũa. Bụng đói cồn cào mà tôi ăn chẳng thấy ngon. Bà chủ nhà đưa cho mẹ tôi một cái túi đựng toàn đồ cần khâu vá. Ngoài đồ của nhà đó ra, còn lại là đồ bà ấy nhận được sau khi đã đi hỏi han hết nơi này đến nơi khác và quảng bá về tài khâu vá của mẹ tôi. “Đúng là đã nợ chị nhiều quá”.

13 Lễ cầu an diễn ra vào tháng Mười hàng năm, cầu cho gia đình an khang, xua đuổi mọi tai ương và mong một mùa màng tốt đẹp.

Mẹ nhẹ nhàng cảm ơn, ánh mắt vẫn toát lên một vẻ đường hoàng. Thật lòng, tôi rất muốn tránh khỏi chỗ của người lớn, song mẹ và bà ấy vẫn còn nói thêm vài câu nữa.

“Có gì đâu ạ. Bà trẻ đừng áy náy chuyện đó. Bà thử nghĩ đến việc lần trước cháu nói nhé”.

“Việc khâu đồ cho kỹ nữ ấy hả? Thật lòng, tôi cũng chẳng có ý định làm cả việc đó đâu. Nhưng mà nghĩ đến cái sự nhân khẩu và học phí năm nay bỗng dựng nhiều lên như thế, tôi thực sự chẳng còn được ở cái thế chê cơm nóng cơm nguội rồi. Tiện đây, chị đã có lời như vậy thì chị thử giúp tôi liên hệ với người ta xem sao”.

“Bà trẻ, bà thật là sáng suốt. Thật ra, những nhà bình thường bao giờ may vá cũng cẩn thận hơn. Đám người ấy chỉ khoác thêm lên bên ngoài lớp đồ mỏng mặc bên trong thôi, thế nên chỉ cần cái cổ vừa và thoải mái là được chứ không

phân biệt được viền cổ hay vạt áo được khâu như thế nào đâu. Vừa không soi mói, vừa lại rộng rãi tiền công, còn gì hơn thế mà bà trẻ phải lưỡng lự ạ.”

“Chỉ vì tôi không thích người lớn trong nhà nói ra nói vào rằng là không biết ở Seoul làm cái trò trống gì mà nuôi được cả đứa con gái, lại còn cho cả nó đi học nữa, nên tôi cứ tránh xa những lời nhiếc móc là hơn”.

“Ui dào, nếu bà làm việc của kỹ nữ thì đã đành. May đồ cho kỹ nữ mà cũng bị nhiếc móc là sao?”

“Thì họ vốn là lưỡng ban mà.”

“Bà đừng lo. Ở nhà mà nói này nói nọ, cháu sẽ đứng ra làm chứng.”

“Ai đời cả công ăn việc làm cũng lại đến một tay chị lo liệu. Đã khiến chị phải bận tâm rồi.”

“Trong đống đồ may vá bà đem về hôm nay có cả đồ của mấy bà vợ lẽ ở xóm này. Bà còn lạ gì gốc gác của các bà vợ lẽ. Họ quen nhiều kỹ nữ lắm, để cháu nhờ họ hỏi hộ. Họ thích tài may vá của bà nên chắc sẽ ổn thôi. Mấy việc vặt cháu sẽ bảo bà giúp việc trong nhà làm, nên bà không phải đến tận nhà những người kỹ nữ đó đâu.”

Chỉ vì nghe lỏm mấy chuyện thì thăm to nhỏ của người lớn mà ngày nhận giấy báo trúng tuyển của tôi trở nên thật u ám. Tôi hối hận vì giá như mình làm sai thêm một câu nữa thì có khi bây giờ đã không trở thành gánh nặng vất vả cho mẹ, nhưng không thể quay đầu lại được nữa rồi. Trước đó, mẹ tôi cũng đã từng khâu đồ bán cho người khác. Cái hòm đựng đồ sặc sỡ, chiếc bếp lò nhỏ cùng với cái giỏ đựng đồ khâu vá là đồ đặc quý giá nhất trong nhà. Một hai bó củi mua về đủ để thổi cơm, nhưng trước khi củi cháy hết, phải nhanh tay gấp vào trong chậu than rồi ấn thanh bàn ủi xuống thì mới có thể dùng cả ngày được. Bởi không ủi vải trước thì không thể may vá được.

Ngay cả khi chưa may đồ cho kỹ nữ, những mảnh vải mà mẹ tôi nhận về là thứ vải lụa không pha, đẹp và mềm mại mà những loại vải thô được nhuộm màu ở nhà quê không thể nào sánh được. Mẹ gom những miếng vải đẹp còn thừa lại đó, cắt gọn gàng, và xếp đầy giỏ đựng đồ cũ. Những lúc buồn chán, tôi lại lôi cái giỏ vải thừa đó ra, định bắt chước mẹ khâu vá thì lập tức liền bị mẹ mắng và lấy lại cái giỏ. Bằng tuổi tôi, lũ bạn ở nhà quê hầu như đều biết khâu

hoặc viên. Không hiếm đứa còn biết chiết cả eo váy. Nhưng mẹ tôi lại bảo học những cái đấy để làm gì:

“Con phải học nhiều kiến thức, sau này còn trở thành thiếu nữ tân thời.” Đó là niềm tin duy nhất của mẹ tôi. Tôi không hiểu được thế nào là “thiếu nữ tân thời” và chắc là mẹ tôi cũng giống như vậy thôi. “Thiếu nữ tân thời” là cụm từ mới được sinh ra từ thời kỳ khai mông. Nhưng cụm từ mà ngay cả bản thân mẹ cũng không thể hiểu hết được là gì ấy tại sao lại có sức hấp dẫn đối với mẹ như vậy?

Tôi không thể hiểu được mẹ đã bị cuốn hút bởi điều gì từ những người phụ nữ có thể sống một cuộc đời hoàn toàn khác biệt với những gì vốn có từ xưa đến nay như thế? Dòng máu của mẹ đang tuần hoàn trong tôi và có thể tính cách của tôi cũng giống mẹ phần nào, nhưng tôi vẫn còn mới chỉ đang mấp mé ở ngưỡng cửa của cuộc sống phụ nữ. Với tôi, sự tự do trước mắt còn đáng tiếc hơn. Mẹ không chỉ cấm tôi không được chơi với đứa con gái nhà chủ, mà còn rất ghét việc tôi đàn đúm với lũ trẻ cùng xóm. “Con là con nhà dòng dõi. Chơi với lũ trẻ không được dạy dỗ tử tế ở xóm này thì chỉ có nhiễm thói hư tật xấu thôi. Đừng có ra ngoài chơi.” Mẹ đang may đồ cho kỹ nữ đấy thôi, vậy mà vẫn còn nhắc đến mấy chữ “dòng dõi”. “Dòng dõi” là gì, tôi chẳng hiểu rõ lắm, nhưng nó dễ hiểu hơn cụm từ “thiếu nữ tân thời”. Tôi chỉ láng máng hiểu được qua cung cách sống của nhà chúng tôi, những người luôn coi trọng việc thể diện và hành xử như một gia đình quyền thế ở nhà quê. Có thể tôi cảm nhận được điều đó vì tôi thấy nhớ cuộc sống cũ của mình, vì cảm giác mình khác với những đứa trẻ trong xóm. Nhưng còn mẹ, tại sao mẹ lại như thế? Câu hỏi đó đã châm ngòi cho những suy nghĩ thất vọng thầm kín về người mẹ lúc nào cũng tin mọi điều mình làm là đúng. Lúc ở Seoul thì lại đem nhà quê ra để lên mặt, còn lúc ở nhà quê thì lại lấy Seoul ra để ngạo mạn. Thái độ hai mặt ấy của mẹ khiến tôi nhiều lúc bị nhiễu loạn. Song, đó cũng chính là điểm yếu của mẹ mà chỉ có mình tôi biết thôi.

Lúc nào mẹ cũng không cho phép tôi được lại gần chỗ may vá. Kể cả những lúc chưa may xong hết nhưng vẫn phải đem những đồ đã xong tới nhà người họ hàng ở phường Sajik-dong, mẹ cũng tự làm lấy. Bà giúp việc có thể giúp họ việc tìm đến nhà của các kỹ nữ, nhưng điều đó không có nghĩa là bà ấy phải đến tận phường Hyeonjeo-dong. Nhà người họ hàng ở phường Sajik-dong là

nơi trung chuyển. Mẹ lúc nào cũng nhắc đi nhắc lại như đã thành câu cửa miệng rằng công lao của người họ hàng đó chẳng khác nào núi Thái Sơn.

Trong những lúc mẹ vắng nhà, không thể có chuyện một đứa trẻ tám tuổi chịu bị nhốt ở xó nhà. Dần dà tôi bắt đầu biết đến hương vị của thế giới bên ngoài. Hàng xóm xung quanh có nhà làm thợ hàn; nhà có bố là phu khuân đồ, mẹ đi bán sàng rong và cả nhà chuyên lau chùi ống khói. Bà bán sàng rong có vóc người nhỏ bé.

Những chiếc sàng mau có, thưa có, độ hai ba chục chiếc được tết lại với nhau thành hai vòng tròn, cuộn lấy hai vai. Cái đầu của bà ta lắp ló giữa hai vòng tròn lớn được tạo bởi vô số những vòng tròn nhỏ ấy nên có lúc thấy có lúc lại không thấy. Con gái nhà đó hơn tuổi tôi nhưng nó không đi học.

Bà bán sàng ra khỏi nhà một cách yên ắng, còn ông thợ lau chùi ống khói lại khua chiêng âm ì ngay từ lúc bước ra khỏi cửa. Ông ấy cũng khoác đồ nghề trên vai nhưng là một chiếc chổi tre vót dài được cuộn lại và khi cần có thể mở ra. Phần đầu chổi tre buộc một bó lá thông to bằng đầu người, không biết đã thò ra thụt vào ống khói bao nhiêu lần nên không còn trông rõ ra lá thông nữa, mà trông giống như một cục than. Ông thợ ống khói cũng có bộ ria đen ngòm như vừa véo một nhúm than dính ở đầu chổi ấy mà gắn lên ria mép, chẳng trông rõ được đâu là cái miệng. Vì thế, có vẻ rất hợp lý khi ông ta dùng chiêng để thay cho miệng.

Thật lạ là không chỉ có ông hàng xóm ấy, rất nhiều thợ sửa ống khói qua lại xóm này cũng đều có miệng hăn hoi nhưng tất cả đều dùng chiêng thay cho tiếng rao. Chiếc chiêng làm bằng đồng thau sáng chói trên nền thân người đen ngòm của họ. Mỗi khi họ vung chiếc dùi được bọc vải bông ở đầu ấy lên là tiếng chiêng lại được bắt đầu cất vang. Chúng có chung một điểm là vừa có gì đó thật êm ái lại vừa rất ngân nga. Không có ai vội vàng, gấp gáp. Tất cả đều đợi cho đến khi tiếng chiêng chạm đến tận trời xanh rồi mới đánh tiếp một tiếng lơ đễnh. Mỗi khi lắng tai nghe tiếng chiêng ấy, trong tôi lại trào dâng một thứ cảm xúc bí ẩn, giống như lúc đứng ngắm nhìn những mầm lúa ở đầu bờ ruộng nhà quê đang bông bênh trong những làn gió thu vậy.

Nhà ông thợ sửa ống khói rất đông con. Ngoài nhà đó ra, còn rất nhiều đứa trẻ tôi hay gặp ở ngoài ngõ và tôi cũng không biết nhà chúng sống bằng nghề

gì.

Một hôm, có đứa trẻ chọc tôi: “Lêu lêu, sigol teki, golteki *” và rồi những đứa trẻ khác cũng đồng thanh hô theo. Tôi cảm thấy thật nực cười khi đem so sánh cái có “nhà quê” mà bọn trẻ vin vào để trêu chọc tôi với hoàn cảnh sống hiện tại của chúng. Từ lúc nào trong tôi cũng đã ngự trị thói kiêu ngạo mà người khác có thể nhìn thấu được tâm can ấy của mẹ tôi. Nhưng đúng là khi không muốn khóc và cố gắng để không bật khóc trước mặt bọn trẻ, tôi đã cần đến hai từ “dòng dõi” mà mẹ vẫn thường nhắc. Tôi đã không thể không tỏ ra vênh váo, cho dù chỉ là để giữ lấy cái “danh dự của nhà quê”.

14 Từ có nghĩa là “con mực phủ”, phát âm giống với từ “sigol deki” (có nghĩa là “đồ nhà quê”).

Bọn trẻ lúc chỉ có vài đứa, chúng luôn luôn tỏ ra xa lánh và tìm cách chọc ghẹo tôi, nhưng khi chỉ còn có một, chúng lại quay sang tôi: “Mình chơi đi”. Máy tiếng “mình chơi đi” của lũ trẻ thành phố nghe thật dễ thương. “Mình chơi đi” ở nhà quê chỉ phát âm hơi khác một chút, còn âm điệu thì gần như giống với giọng Seoul, vậy mà “mình chơi đi” của nhà quê ấy lại không thể ngọt ngào và êm ái như thế được. Nhưng rồi, đồng ý “mình chơi đi” và trở thành bạn không có nghĩa là có trò gì đó đáng để chơi. Ngay cả không gian thích hợp để chơi trò trốn tìm cũng còn chẳng có nữa là.

Có lần hai đứa đang cùng nguệch ngoạc gì đó lên bờ tường của nhà người khác bằng mẩu bút chì màu nhạt được ở trên đường, đứa bạn bỗng dừng nãy ra một đề nghị lạ lùng. Nó rủ tôi cùng cời quần ngồi xuống và vẽ lên mặt đất bộ phận sinh dục của nhau. Tại sao ngày đó chúng tôi lại có thể nghĩ ra trò chơi quái đản như thế nhỉ? Có lẽ vì quá buồn chán chẳng? Sau này, khi lớn hơn một chút, mỗi khi nhìn thấy hình vẽ bộ phận sinh dục hay thứ gì đó tương tự như vậy ở những nơi như nhà xí công cộng, tôi lại chợt nhớ đến ngày đó và chẳng thấy thắc mắc hay xấu hổ, chỉ cảm thấy tội nghiệp cho những ngày tháng ấy, bởi nghĩ rằng: “Chao ôi, ngày đó mình đã thật buồn chán đến mức nào”.

Chúng tôi đã vẽ bộ phận sinh dục của nhau giống như thật, rồi thể hiện cái tài điêu luyện ấy lên cả bờ tường nhà, khiến mẹ tôi phát hiện được và thế là tôi đã được một trận đòn thừa sống thiếu chết. Dù đã thế sẽ không bao giờ chơi với đứa bạn ấy nữa, vậy mà thi thoảng tôi vẫn lén mẹ đi chơi với nó. Mẹ vừa đánh tôi vừa nguyên rủa đứa trẻ đó. Nhưng rõ ràng là tôi chơi với nó chứ

không phải tôi bị nó sai khiến. Thà là đòn roi chứ tôi không thể nào chịu được việc mẹ si và đưa bạn và cả bố mẹ của nó như vậy.

Một hôm, nhân lúc mẹ không có nhà, tôi đã trốn mẹ cùng với nó đi ra bên ngoài xóm. Tôi đi theo nó dẫn đường, qua con ngõ góc gác và cái dốc cầu thang tầng tầng lớp lớp, tới một nơi có thể nghe được tiếng tàu điện. Bất chợt, tôi cảm thấy bất an, bèn quay sang hỏi nó: “Cậu có nhớ địa chỉ nhà cậu không?” “Cái đó nhớ để làm gì?” “Tớ sợ nhớ đâu lạc đường.” “Đừng lo. Cậu đừng để lạc tớ là được. Hiểu chưa?” Nói rồi, tôi và nó cùng khoác vai nhau. Khoác vai cũng là một trò không có ở nhà quê. Tự dưng được khoác vai một đứa cao hơn mình hẳn một gang tay khiến tôi thấy mình hoạt bát lên hẳn. Đứa bạn đó rất đáng tin. Mẹ chẳng biết gì về nó, mặc nhiên coi nó là đứa hư hỏng và thỉnh thoảng lại còn hỏi: “Dạo này còn chơi với nó không?” Chúng tôi cùng căn nhíp bước chân và hào hứng tiến lên phía trước. Vượt qua đường ray tàu điện, trước mắt chúng tôi là một khoảng sân rộng lớn và một bức tường đồ dài phải đến hơn mười dặm ở trên mặt đường cao hơn hẳn khoảng sân rộng rãi ấy. Bức tường đó không những dài hút tầm mắt mà còn rất cao nữa, khiến chúng tôi chẳng hề có ý nghĩ tò mò muốn biết đằng sau bức tường ấy là gì.

Khoảng sân nằm sát con đường lớn và ôm lấy bức tường ấy, thấp hơn hẳn so với mặt đường, vì vậy có một lối cầu thang để lên xuống. Cầu thang rộng và bằng phẳng hơn nhiều so với những bậc thang ở phường Hyeonjeo-dong, hai bên có rãnh thoát nước cho nước mưa chảy xuống. Cái rãnh được tráng xi măng bóng láng, vừa khít với bàn tọa của trẻ con. Có mấy đứa trẻ đang hò nhau chơi trò cầu trượt ở đó.

Tôi cùng đứa bạn đồng hành chơi trò cầu trượt một cách hứng thú và mãi vui đến mức mặt trời lặn lúc nào cũng không biết. Đó là thứ cảm giác thú vị mới lạ tới độ lần đầu tiên, tôi cảm thấy hài lòng với việc đặt chân lên Seoul, bởi vì nếu chỉ quanh quẩn ở chốn nhà quê, tôi sẽ không bao giờ có được cảm giác này. Để thân mình có thể trôi tuột xuống, chúng tôi không thể không leo lên tận trên cao, và khi leo đến nơi, chúng tôi đã nhìn thấy một cánh cổng sắt cao vút ở phía bên kia của con đường lớn bao quanh bức tường. Cánh cửa sắt ấy cũng rất cao và trông thật gớm ghiếc như thể cắt bỏ lập tức ý định trèo qua của con người. Đã thế lại còn có hai cảnh sát mang kiếm ở hông đang đứng gác. Mỗi khi trông thấy tôi rụt rè, đứa bạn đi cùng lại bảo: “Đừng sợ, họ không

bắt đầu”. Mặc dù vậy, mỗi khi trượt xuống, tôi lại thấy ớn lạnh cả sống lưng, giống như mình bị những người lính gác đó bắt quả tang. Cảm giác đó lại càng khiến cho trò chơi cầu trượt thêm hứng thú.

Rồi một ngày, chúng tôi đi vòng theo con đường rộng lớn chẳng có mấy bóng người đi lại ấy và trông thấy một đám người kỳ dị đang tiến về phía chúng tôi. Đoàn người có cảnh sát đeo kiếm giám sát đi ở đằng trước và đằng sau ấy, tất cả bọn họ đều mặc quần áo giống nhau, màu áo đỏ thẫm trông thật phản cảm, bởi trông chẳng khác gì những vệt máu khô đọng lại trên áo. Lúc họ lại gần, chúng tôi còn thấy cả chân họ đeo những chiếc xích sắt. Bất chợt, khi ánh mắt đập phải những chiếc xích sắt, tôi liền khựng lại như thể đã bị đóng băng tại chỗ. Tôi thấy đứa bạn đi cùng lộ rõ vẻ sợ sệt, nó giậm chân “bụp, bụp, bụp” ba cái rồi nhổ một bãi nước bọt xuống đất. Đoàn nó giục tôi mau làm theo nó, bởi nếu không làm vậy thì sẽ bị đen đui. Tôi liền bắt chước nó mà chẳng kịp suy nghĩ gì.

Lúc hai đứa trốn khỏi nơi đó và ba chân bốn cẳng chạy về nhà, bạn tôi đã giải thích với tôi rằng những người mà chúng tôi trông thấy ấy chính là những tù nhân và vì chúng tôi nhìn thấy tù nhân nên đã bị dính đen đui, bị dính đen đui nên phải giải trừ bằng cách đó. Tù nhân là gì, đứa bạn đó của tôi cũng chẳng biết, nó chỉ biết những người sống ở đằng sau bức tường cao đó là những kẻ xấu. Nhớ đến những chiếc xích sắt phát ra các tiếng kêu leng xeng ở cổ chân, tôi chợt thấy việc mình trông thấy điều đó là một tội lỗi. Mặc dù đã giậm chân và cũng đã nhổ nước bọt theo lời của đứa bạn nhưng tôi vẫn không sao thoát khỏi cảm giác sợ hãi và hối hận, và thế là tôi đã kể chuyện nhìn thấy tù nhân cho mẹ nghe. Tôi cũng đã lường trước rằng thế nào cũng bị mẹ đánh vì mãi chơi trò cầu trượt làm sờn hết chỗ móng của chiếc quần kiêu mới mẹ mới mua cho, thay vì phải mặc chiếc quần pungja *.

15 Loại quần yếm truyền thống của trẻ con, phần móng và ống rất rộng, có thắt dây ở dưới, mặc bên trong áo truyền thống Hanbok.

Nhưng dường như mẹ tôi coi việc chúng tôi chơi ở sân trước nhà tù còn nghiêm trọng hơn việc tôi đã làm hỏng chiếc quần ấy. Sau một hồi mắng té tát, mẹ quay sang than vãn cái cảnh phải sống ở khu xóm trước nhà tù của chúng tôi và hình như mẹ còn khóc nữa. Mẹ cũng dọa tôi nếu còn chơi ở sân trước nhà tù, mẹ sẽ đuổi về quê ngay. Tôi đã thề với mẹ rằng sẽ không đến đó chơi

nữa. Chẳng phải vì tôi sợ sẽ bị đuổi về quê mà là việc khiến mẹ đã phải khóc, đó không còn là chuyện đơn giản nữa rồi.

Mẹ tôi vốn là người rất mạnh mẽ. Cùng bị mẹ chồng mắng, trong khi các thím tôi thường lên ra chái bếp, nước mắt ngăn nước mắt dài, thì mẹ tôi lại hay biến báo, xoay chuyển bầu không khí bằng những câu đùa tếu táo ngay tại chỗ. Tôi đã bị sốc trước việc mẹ tôi cảm thấy xấu hổ và nhục nhã bởi hoàn cảnh bắt buộc không còn cách nào khác phải để cho đứa con gái chơi ở sân trước nhà tù như vậy. Tôi đã ngoan ngoãn hứa với mẹ rằng sẽ không làm bạn với đứa bạn ấy nữa. Ông nội ở nhà quê vẫn hằng coi thường những người trong làng, gọi họ là “lũ thường dân”, nhưng mẹ tôi còn nặng nề hơn cả ông nội khi mẹ dùng đến mấy từ: “cặn bã xã hội”.

Đó là một khu xóm không bao giờ ngưng tiếng cãi vã. Vợ chồng cũng đánh nhau, gọi nhau là “con này”, “thằng kia”, rồi lôi nhau ra tận ngoài đường mà chửi bới. Họ gào lên: “Trời ơi, sao tôi khổ thế này? Thằng kia nó giết tôi rồi. Làng xóm không có ai à?” để kéo cả người khác vào cuộc. Khi ấy, mẹ tôi đang cầm thanh bàn là và miết thật mạnh những nếp nhăn ở áo của các kỹ nữ trên chiếc cầu là, vừa miết mẹ vừa rửa thắm: “Đúng là cái đồ cặn bã xã hội, không biết còn phải sống ở cái xó mạt vận này đến bao giờ đây?”. Có lẽ nào đó lại là những giây lát mẹ tôi quên mất một điều rằng chúng tôi cũng đang sống nhờ vào kỹ nữ chẳng?

Sự mâu thuẫn của mẹ không phải chỉ có vậy. Với những người trong xóm như nhà bà bán sàng, nhà ông thợ sửa ống khói, nhà người trát vữa, nhà thợ hàn nồi, v.v..., thái độ của mẹ thường là trong bụng coi thường còn ngoài mặt vừa tỏ ra nhũn nhặn, vừa ngấm ngầm tỏ ý không định thân thiết quá mức. Vậy mà với người gánh nước thuê, một người chẳng có gì khác biệt hơn so với bọn họ, thái độ của mẹ lại rất đặc biệt.

Những người gánh nước thuê thường làm việc suốt cả đêm, còn ban ngày thì họ có thể ngủ hay làm gì đó, nhưng hầu như lúc ban ngày ban mặt, tôi chưa bao giờ trông thấy họ. Bọn họ cũng lấy nước từ vòi nước công cộng nên hình như họ sắp xếp thời gian như vậy để tiện cho công việc, tránh hàng người đi lấy nước xếp dài dằng dặc. Những nhà mua nước ăn của họ có một nghĩa vụ là hàng tháng, ngoài việc trả tiền gánh nước, còn phải quay vòng thay nhau mời họ một bữa cơm tối.

Hầu hết các nhà mua nước đều trở thành khách quen của họ nên cứ lần lượt, khoảng một tháng lại đến lượt nhà mình mời họ cơm tối.

Hôm đó, mẹ tôi đã tiếp đón người gánh nước thuê giống như một thượng khách thực sự. Dù trước đó, mẹ cũng chưa từng dùng cụm từ “cận bã xã hội” dành cho ông ấy, song việc mẹ tiếp đón như thượng khách thì thật lạ thường. Từ trước tới giờ vốn làm gì có lệ không được phép coi thường người bán nước. Điều đó chỉ cần nhìn vào bữa cơm nhà chủ mời họ thì biết. Bát cơm độn ngũ cốc là chính, đã vậy lại còn được cố tình xới bông lên, mấy miếng kimchi củ cải với nồi canh đậu tương là chấm hết. Không những thế, họ không bao giờ dọn cơm ở trong nhà hay phòng khách, mà thường trải luôn tấm chiếu ở sân hoặc trong bếp cho người bán nước ngồi ăn.

Người ta thế nào mặc kệ, còn mẹ tôi thì thường đi chợ hăn hoi, nộm rau này rau kia, phi dầu mỡ thơm lừng và chuẩn bị cả những món rán. Cả thịt cũng tìm đến với cuộc sống khốn khó ấy. Một nồi cơm trắng to và cơm được xới vào một cái bát cũng thật to, trông rõ mồn một là một bát được xới chồng lên trên một bát. Đó cũng là sự khéo léo của mẹ tôi mà chẳng ai bắt chước được. Mẹ chuẩn bị chu đáo như thế nên từ sáng sớm, trong nhà đã đầy ắp không khí tiệc tùng.

Mà cũng phải thôi, bởi người nhà quê vốn có thói quen mặc dù hơi một tý là ra vẻ coi thường đấy, nhưng lại ghét cay ghét đắng việc phân biệt đối xử đồ ăn thức uống với người khác. Tôi cũng đã nhiều lần được nghe ông nội nghiêm khắc nhắc nhở con cháu trong nhà rằng chưa bao giờ ông thấy nhà nào phân biệt đồ ăn thức uống với khách khứa mà lại không suy sụp cả. Nhưng còn việc mâm cơm của người gánh nước thịnh soạn hơn bữa cơm mừng sinh nhật của anh tôi, điều ấy dù chỉ là sự ví von hơi ngược một chút, song chẳng phải vẫn là một sự phân biệt đối xử ăn uống đó sao?

Bữa cơm thịnh soạn như vậy chỉ cần dọn ra ở trước cửa nhà nơi chúng tôi dùng làm bếp ấy cũng đã đủ chu đáo lắm rồi, đằng này mẹ tôi còn trải tấm nệm mời người gánh nước vào tận trong phòng và tỏ ra lúng túng không biết phải tiếp đón thế nào. Có thể là mẹ cũng muốn tiếp đãi ở ngoài thềm trước cửa phòng, nhưng vì thềm nhà chúng tôi chật quá, không để nổi cả cái bàn ăn. Căn phòng trở nên hẹp lại khi có người gánh nước thuê, trông có vẻ đã nhiều tuổi nhưng còn rất khỏe mạnh ấy, bước vào. Thời đó, quan niệm nam nữ thụ thụ bất

thân vẫn còn khá nghiêm ngặt nên ngay cả trong mắt một đứa trẻ, việc đó trông cũng thật khó coi. Không chỉ mỗi cơm, mà cả thức ăn, đĩa nào đĩa nấy đều đầy ắp.

Người gánh nước không ăn hết được và đã bỏ thừa lại.

Lúc ấy, mẹ tôi liền vét sạch sẽ phần thức ăn thừa để sang một cái bát khác, rồi lấy khuôn đỡ ở dưới, gói thành từng nắm và bọc tất cả vào khăn cho người gánh nước mang về. Mẹ bảo cơm cho người gánh nước vốn phải như vậy. Hình như mẹ cố tình chuẩn bị dư dả như thế để người ta ăn no rồi mà vẫn còn thừa để đem về. Người gánh nước biết ơn chủ nhà, không biết nói sao, chỉ biết bảo rằng khi nào có việc cần dùng nhiều nước thì báo trước cho ông ấy. Điều đó có nghĩa là họ sẽ gánh miễn phí một gánh nước, song họ cũng thừa hiểu mẹ tôi sẽ chẳng đời nào để cho họ làm như vậy.

Ngay cả tôi cũng nhận ra rằng mẹ rất có cảm tình với người gánh nước ấy. Một người nghèo xơ xác nhưng lúc nào cũng tự cao tự đại như mẹ tôi lại đối xử một cách bình đẳng với người gánh nước, chuyện ấy thật là kỳ lạ. Dường như còn có vẻ gì đó gần như là sự cung kính nữa nên đã khiến tôi vô cùng bức bối. Vì thế mà tôi đã hiểu sai câu nói bảo ra bên ngoài chơi ấy của mẹ, và cứ ngồi yên không nhúc nhích ở xó phòng, nhìn chăm chăm vào người gánh nước đang ăn cơm. Trong tôi nảy ra ý nghĩ rằng bản thân đang đứng trước một thử thách ghê gớm nào đó, thế nên toàn bộ cơ thể tôi đã gồng lên để đối mặt với thử thách ấy.

Nhưng rồi sự ngờ vực vô căn cứ ấy của tôi cũng đã mau chóng được giải tỏa. Từng câu nói của mẹ đều biểu lộ không chỉ sự kính trọng mà còn cả sự ghen tị với người gánh nước thuê ấy. Mẹ bảo rằng người đó gánh nước thuê mà cũng cho được con đi học ở tận trường cao đẳng. “Ông đó trông thế thôi, chứ chỉ cần nghĩ đến việc ông ấy được đội cái mũ cử nhân lên đầu thẳng con trai là trong bụng mình đã phải kính nể rồi.” Nói xong, mẹ tôi lại thở dài. Hình như mẹ thấy nản lòng, vì tất cả những gì mẹ có thể cố gắng được với công việc khâu vá này lại chỉ có thể là trường trung học thương nghiệp mà thôi. Còn tôi thì trở nên nhẹ nhõm vì đã giải tỏa được mối ngờ vực của mình, nhưng rồi cũng lại thấy thật tội nghiệp cho mẹ vì giấc mơ của mẹ lớn quá.

Đến giờ, tôi vẫn thường nghe thấy người ta bảo mâm cơm được vét sạch sẽ không chừa lại một chút thức ăn nào là mâm cơm của người gánh nước. Không hiểu sự ví von ấy bắt nguồn từ cái sự ăn khỏe của người gánh nước hay từ thói quen gói thức ăn thừa mang về nhỉ?

Tự bao giờ tôi lại sinh ra cái thói quen tò mò đến cả những điều nhỏ nhặt ấy không biết. Có khi đó lại là một câu nghi vấn mang đậm dấu ấn xuất thân từ phường Hyeonjeo-dong của tôi cũng nên.

ĐỨA TRẺ KHÔNG CÓ BẠN

Lễ khai giảng của trường quốc lập vào tháng Tư. Tôi lại mặc chiếc áo khoác in hoa, nắm tay mẹ và vượt qua ngọn núi để tới trường. Đúng là những đứa trẻ ở các khu xóm tử tế trông thật khác với bọn trẻ xóm tôi. Chúng rất xinh xắn và hầu hết đều bận những bộ quần áo Tây ngấn cũn cỡn. Phụ huynh chỉ đi cùng con em mình đến trường trong vòng một tuần. Ròng rã suốt một tháng đầu tiên ấy, chúng tôi không vào lớp học mà chỉ học hát hoặc vui chơi gì đó ở ngoài sân trường và đi theo cô giáo để học phát âm bằng tiếng Nhật tên gọi của các tòa nhà trong trường.

Từ tiếng Nhật đầu tiên mà tôi được học đó là Houanten *.

Houanten có nghĩa là Phụng an điện, là một căn nhà nhỏ màu xám, nằm giữa những luống hoa lúc nào cũng được cắt tỉa, chăm sóc ở phía bên phải của sân trường.

16 Phụng an điện: Điện thờ, trong đó đặt ảnh của Nhật Hoàng và các sắc dụ của Nhật Hoàng v.v... Trước khi Thế chiến thứ hai kết thúc, ở các trường học dưới sự quản lý của Nhật Bản ở Triều Tiên đều có Phụng an điện.

Chúng tôi được dạy rằng khi vừa bước vào cổng trường, lập tức phải hướng về phía đó mà cúi đầu lạy và đó là nghi thức kính trọng bậc nhất, nên khi thực hiện điều đó, phải cúi đầu thấp hơn cả khi chào cô giáo, đến mức người phải gập xuống thành một góc vuông. Căn nhà đó không có cửa sổ, cửa ra vào được đóng chặt và chỉ được mở vào những ngày lễ. Vào những ngày lễ, chúng tôi không có buổi học mà chỉ thực hiện các nghi lễ và trước khi nghi lễ được bắt đầu, chúng tôi phải đứng xếp hàng chờ đợi từ chiếc bàn phủ khăn nhung đen có viền rua vàng óng đến tận Houanten.

Cuối cùng, thầy hiệu trưởng, trong bộ Âu phục màu đen, mang găng tay trắng và trên ngực có cài cả huân chương, đã xuất hiện và dẫn đầu phía trước, tiến về căn nhà Houanten với nét mặt rạng rỡ. Theo sau thầy là một vài vị đại biểu. Lúc đoàn người nghiêm trang đó tiến về phía Houanten điệt, chúng tôi chỉ cần đứng im là được, nhưng đến lúc họ quay về và khi khẩu lệnh “Đại kính” vang lên như sấm sét cũng là lúc chúng tôi phải cúi gằm xuống đến mức gần như chỉ trông thấy gót giày của họ.

Cũng giống như khi ngó trộm vào bàn thờ thổ địa ở quê, với một chút mặc cảm tội lỗi trong lòng, tôi hơi ngẩng đầu lên nhìn trộm thầy hiệu trưởng đang bước đi, tay nâng cái hộp sơn mài đen bóng lên cao hơn cả tầm mắt của mình. Đến lúc làm lễ, thầy mở cái hộp đó ra, cất giọng đọc run run rồi mới bước xuống phía dưới.

Thì ra Houanten chính là nơi cất giữ những sắc dụ của Thiên hoàng. Sắc dụ của Thiên hoàng thật dài và khó hiểu, ngay cả khi đã quen với tiếng Nhật rồi cũng không thể hiểu nổi. Những lời diễn thuyết của thầy hiệu trưởng lại còn dài hơn thế. Đó là một buổi lễ chán ngấy, đến mức chốc chốc, chỗ này chỗ kia lại có một vài đứa ngất xỉu, nhưng bù lại, khi kết thúc, họ phát cho những hai cái bánh mochi ***. Vì niềm vui đó mà tất cả đều cố chịu đựng cái lễ chẳng bao giờ hiểu nổi ấy như chịu đựng gông cùm vậy.

17 Tên gọi theo tiếng Nhật của bánh làm bằng bột nếp.

Sau Houanten, từ tiếng Nhật mà chúng tôi phải học đó là “nhà vệ sinh”, rồi tới “cô giáo”, “trường học”, “lớp học”, “sân trường”, “bạn”, “năm thứ mấy”, “lớp nào” v.v...

Trong vòng một tháng, chúng tôi vừa làm quen với tiếng Nhật vừa lon ton theo sau cô giáo đi khắp sân trường.

Ngay sau khi nhập học, chúng tôi đã không được sử dụng một từ tiếng Hàn nào, những gì nhìn thấy trước mắt và mọi hành động đều được lặp đi lặp lại bằng tiếng Nhật với mục đích nhồi nhét tiếng Nhật vào đầu chúng tôi. Mọi vật xung quanh đều được tái sinh. Đó quả là một quãng thời gian vất vả vô cùng với một đứa không hề có kiến thức về tiếng Nhật trước đó như tôi.

Vậy mà mẹ tôi lại tưởng rằng chúng tôi chỉ có học chữ. Mẹ hỏi: “Hôm nay không viết chữ nào à?” rồi quay sang bất mãn, than thở tiền học thì lấy đắt vậy

mà chẳng dạy dỗ gì cả. Tiền học hàng tháng là 80 jeon. Những đứa trẻ khác thì mang một tờ 1 won đến và đem theo ống tiết kiệm để bỏ 20 jeon còn thừa vào đó. Còn mẹ tôi thì chỉ cho đúng 80 jeon. Lúc thấy tôi tị với những đứa trẻ tiết kiệm được hàng tháng, mẹ bèn cho thêm vào thành 90 jeon. Quãng thời gian mà mẹ tôi ngồi than phiền về tiền học phí ấy, đối với cô giáo lại là giai đoạn quan trọng để dạy dỗ, làm sao để chúng tôi có thể giao tiếp với nhau được những điều tối thiểu mà không cần phải sử dụng một từ tiếng Hàn nào.

Cô giáo rất xinh và duyên dáng. Thì ra đây chính là thiếu nữ tân thời mà mẹ đã nhắc tới đó sao? Tôi có cảm giác như đang được tận mắt trông thấy hình mẫu bằng xương bằng thịt mà mình sẽ phải noi theo. Bọn trẻ đứa nào cũng theo cô giáo. Lúc phải xếp hàng theo lớp ở ngoài sân trường, đứa nào đứa nấy đều tranh nhau nắm tay cô giáo. Cô giáo xinh đẹp nên cũng rất tốt bụng. Cô luôn cố gắng phân phát tình cảm và sự quan tâm của mình một cách công bằng cho lũ trẻ, trông chẳng khác chi một bầy gà con đang líu ríu bám theo gà mẹ. Vì thế, cô liên tục thay đổi những đứa đang nắm tay hay những đứa đang bám váy và thường gọi những đứa ở đằng xa lại gần.

Chẳng hiểu sao tôi thường không chen được vào sự quan tâm tận tụy ấy của cô giáo và luôn tụt lại ở phía sau cùng. Ở vị trí sau chót ấy, tôi có thể trông thấy tất cả mọi việc xảy ra ở đoạn giữa và nhận ra rằng cho dù cô giáo có cố gắng để công bằng đến đâu thì những đứa trẻ có thể nắm được tay hay bám vào váy của cô đều đã được định sẵn. Những đứa trẻ đó nhìn chung đều xinh xắn, thông minh và thường tỏ ra kiêu ngạo. Chúng thật sự khác với những đứa bạn ở quê hay ở phường Hyeonjeo-dong.

Tôi cảm thấy ghen ghét và ganh tị với những đứa trẻ ở đoạn giữa đó đến mức có lúc miệng cứ há hốc để mặc cho nước miếng trào ra, song lại không đủ tự tin để giống với bọn chúng. Đúng là có những điều mà dầu chết đi sống lại, người ta cũng không thể bắt chước được, và với tôi, đó chính là việc chen vào giữa nhóm người ấy.

Đến khi vào học, điều đầu tiên chúng tôi được học trong sách là câu tiếng Nhật: “Mùa xuân đến rồi, mùa xuân đến kìa. Xuân đến từ đâu? Từ núi, từ vườn”. Hoa anh đào trong sách giáo khoa nở rộ và chúng tôi còn được học cả bài hát. Còn hoa anh đào ở công viên Sajik-dong đã tàn từ bao giờ, ngày nào

tôi cũng vượt qua ngọn núi để đến trường, vậy mà vẫn luôn cảm thấy khao khát về một ngọn núi thật sự và một mùa xuân thật sự.

Một dải của dãy núi Inwang nơi tôi đi qua ấy không có lấy một ngọn lá ngải, mà chỉ có những cây keo mọc lên ngoan cổ trên nền đất cằn cỗi giống như các mảnh vụn của những tảng đá vừa mới bị vỡ tan ra. Keo là loại cây mới, tôi chưa từng được trông thấy chúng ở quê nên không thể nào có cảm tình với chúng được.

Đã thế, dưới những tán cây ấy lại chẳng có loài cây nào mọc lên nổi và chúng cũng chẳng khiến người ta có cảm giác bị dụ dỗ như muốn thoát ra khỏi con đường quen thuộc để lạc bước vào khu rừng, dù chỉ là trong giây lát. Mùi hương của núi cũng chẳng có gì đặc biệt, đến cả tiếng chim hót líu lo cũng không có. Cũng chẳng gặp người hủi nào cả. Những người đàn bà chặt trộm củi, không ai khác, chính là những người phụ nữ ở phường Hyeonjeo-dong. Nghĩ vậy, tôi vừa thấy sợ vừa thấy xấu hổ.

Con đường đến trường của tôi lúc nào cũng chỉ có một mình. Mẹ chỉ có ý nghĩ nhét cho bằng được tôi vào trong trường học ở sau cánh cổng thành, còn thì không hề có ý định hiểu rằng việc không thể làm bạn với những đứa trẻ cùng tuổi là một bất hạnh lớn lao như thế nào đối với tôi. Mỗi lúc thấy cô đơn, tôi lại nhớ da diết ngọn núi nhỏ phía sau nhà ở quê, nhớ nó còn hơn cả nhớ chúng bạn. Còn ngọn núi thừa thớt chỉ với vài loài cây chẳng có chút sinh khí, để lộ những mảnh đất trống hoác như vừa trải qua một đợt hạn hán lâu ngày ở đây, trông mới dị thường làm sao.

Tôi luôn nghĩ rằng các ngọn núi, cũng giống như các khu vườn, luôn sản sinh ra những thứ ăn được một cách vô tận, và những thứ đồ ăn quen thuộc dành cho trẻ con không phải ở trên cây, mà là ở dưới bóng cây. Quả đồi ở quê tôi cũng có nhiều cây thông nhưng lại rất rậm rạp bởi những loài cây thay lá như hạt dẻ, dương tía, sồi, dẻ gai, cử,... nên mỗi độ thu về, các nhà lại chất được hàng đống lá rụng cao đến tận nóc nhà để làm củi đốt cho mùa đông. Ấy vậy mà hình như vẫn không thể cào hết được vô vàn những lớp lá cây ấy, nên mỗi năm, chúng vẫn phủ đầy và tan vào lòng đất, làm cho đất mềm và ẩm ướt, nuôi sống mọi loài cỏ cây, nấm và hoa rừng. Tất nhiên, không chỉ có những loài cây có ích mọc lên ở đó.

Phủ dọc con đường từ khúc queo chỗ nhà vệ sinh đi ra ngọn núi nhỏ sau nhà là những cây thài lài. Nếu vô ý giẫm lên những bông hoa xanh tím đang còn ngậm hơi sương ấy, bàn chân sẽ được gột rửa sạch và niềm hoan hỉ sáng khoái sẽ truyền từ lòng đất vào tận trong cơ thể.

Cảm giác vui sướng dâng trào ấy khiến người ta khó cưỡng lại được, bèn đưa tay bứt lấy lá cây thài lài làm sáo thổi và những tiếng mỏng mảnh, run rẩy cất lên.

Trên lối dẫn ra ngọn núi nhỏ sau làng, bất chợt hiện ra một rừng cỏ rậm rạp cao bằng cái đầu của lũ trẻ con. Ở đó, lúc nào cũng có thể tìm thấy các tấm da của những chú rắn trút lại. Có những tấm da rắn vô dụng, nhưng cũng có những tấm da màu trắng với những vân hoa tỉ mỉ, trông mà cứ ngỡ là chiếc thắt lưng được tháo ra và bị bỏ quên đúng lúc buồn đi vệ sinh của vị thần tiên mãi chơi nào đó. Tự lúc nào, tôi đã căng mắt dò dẫm xung quanh khu vực ấy xem có còn dấu vết của họ hay không. Nhưng thật ra, ngọn núi ấy cũng không hẳn là một ngọn núi hùng vĩ và diễm lệ khiến cho các thần tiên phải cư ngụ ở đấy.

Khi phát hiện được tấm da rắn, việc đầu tiên là phải mang ngay về nhà. Thời đó, mọi người làng tôi đều tin rằng nhà nào có tấm da rắn cất trong tủ quần áo, nhà đó sẽ trở nên giàu có. Vì thế, với người lớn, da rắn được hoan nghênh gấp bội so với nấm và rau rừng. Nhưng thường thường, ở những nơi cỏ mọc um tùm, đương nhiên sẽ có những loài cỏ dữ dẫn trốn ở trong đó và lúc nào cũng giương ra cái lưỡi sắc nhọn, thế nên nhiều khi thay vì tìm được da rắn, bấp chận lại bị cửa xước trầy trụa. Dù vậy, ngọn núi nhỏ sau làng của chúng tôi vẫn giống một đứa trẻ, vừa mũm mĩm vừa ngây ngô, lại vừa bí ẩn và tràn trề sức sống.

Những đứa trẻ ở Seoul làm sao có thể biết được màu lam tím của những cánh hoa thài lài phủ đầy trên đường đi lung linh đến nhường nào? Và cả thứ âm thanh đẹp dễ biết bao nhiêu ẩn chứa trong những cánh lá thài lài ấy? Bởi nếu dùng móng tay cào nhẹ phần thịt lá xôm xộp và óng mượt của lá thài lài thì sẽ thấy hiện ra mạch lá mỏng mảnh và rõ mồn một hơn cả những sợi voan, và khi đưa lên miệng thổi, sẽ còn phát ra được cả âm thanh nữa. Tôi chỉ biết thổi thành tiếng nhưng có những đứa bạn, chúng còn biết tạo thành cả một khúc nhạc du dương.

Tôi giống như một bà già lợm khộm với hơi thở khó nhọc, đang tự mình tạo ra những ký ức và tìm cách để coi thường bọn trẻ ở Seoul, hồng xoa dịu nỗi cô đơn cháy bỏng trên con đường hàng ngày một mình vượt qua ngọn núi cần cỗi và không có chút sinh khí ấy. Những cánh hoa anh đào ở công viên Sajik-dong đã bắt đầu héo úa, đó cũng là lúc cả ngọn núi ngập chìm trong một mùi sữa tanh tanh. Hoa keo bắt đầu nở. Hoa keo vừa rộ lên, lập tức lũ con trai liền tụ tập nhau thành từng nhóm như những kẻ đi săn bắn, chúng bẻ những cành hoa keo quăn rũ ấy và ăn một cách không thương tiếc.

Có lúc bọn chúng bẻ cả các cành rất to, khi ấy, người gác rừng lập tức xuất hiện, bẻ ngoéo tay chúng lại và mắng cho một trận toí bời. Bọn chúng thường là những đứa trẻ của phường Hyeonjeo-dong. Tất cả đều ở cái tuổi mà miệng lúc nào cũng cảm thấy nhạt nhẽo, vì ngày ngày chỉ có vòn vện ba bữa cơm. Nhưng điều đó chỉ là một phần, còn lý do chủ yếu lại là cảm giác khoái chí của sự hò nhau chạy trốn hay bị ăn mắng te tát mỗi lúc bị người gác rừng phát hiện. Mỗi khi lũ trẻ ào qua, những cánh hoa lại chợt héo rũ như những mảnh giấy bị xé nát, lả tả trên những cành keo nằm ngổn ngang ở góc này, góc kia.

Lần đầu tiên trong đời, tôi được biết đến hoa keo và cũng nhờ nó, tôi còn biết được rằng bọn trẻ ở Seoul cũng tìm thứ để ăn từ trong thiên nhiên. Có đứa ăn rất giỏi, nó cầm cả chùm hoa keo và nhai rau rầu một cách ngon lành như thể tay đang cầm chùm nho vậy. Tôi cũng thừa lúc không có ai trông thấy, đã lén bỏ vào miệng một bông hoa keo, nhưng chỉ thấy toàn một vị tanh lòm và lờ lợ. Cần có gì đó để đánh lừa cái miệng mới làm dịu xuống được thứ vị giác đang xộc lên ấy.

Tôi chợt nhớ đến sing-a. Sing-a ở quê tôi cũng là loài cây phổ biến như thài lài. Nó mọc khắp nơi ở chân núi và vệ đường. Thân cây có nhiều đốt, mập mạp và giòn nhất vào lúc hoa tầm xuân bắt đầu nở. Với tay ngắt lấy cành cây có màu hơi tím và tước đi lớp vỏ bên ngoài sẽ thấy còn lại một lớp thịt bên trong có vị chua rôn rớt.

Vị chua làm ứa nước miếng và hình như chỉ có nó mới có thể làm dịu bớt vị tanh của những cánh hoa keo.

Giống như loài thú hoang đang đi tìm một thứ lá thuốc để rịt lấy vết thương, tôi mãi miết lần sâu vào trong rừng đến nỗi lạc cả đường mà cũng chẳng tìm

thấy đâu, dù chỉ là một ngọn sing-a. Ai đã ăn hết những cây sing-a ngày ấy? Đến tận lúc mặt trời đã ửng vàng, tôi vẫn không ngớt ợ lên liên tiếp và lẫn lộn nơi đó với ngọn núi nhỏ phía sau nhà ở quê.

Những ngày đầu hè là khoảng thời gian cô giáo đến thăm gia đình. Mẹ đòi hỏi anh em chúng tôi một sự trung thực tuyệt đối và tin rằng bản thân mình cũng như vậy. Ở trường học, việc giáo dục sự trung thực cũng được đặt lên hàng đầu. Bởi thế, cách dạy học nguyên si những cuốn sách giáo khoa được cấp cho ấy cũng là một sự trung thực chỉ đứng sau sự trung thành với Thiên hoàng. Nói dối là hành vi đáng xấu hổ và bị cô giáo trách phạt nặng nề nhất. Chúng tôi thường xuyên được giáo dục rằng khi nhặt được của rơi hay tiền bạc, nếu là ở trong trường thì phải đưa lại cho cô giáo, còn nếu ở bên ngoài trường thì phải mang đến tận sở cảnh sát.

Tôi đem điều đó kể lại cho mẹ, vậy mà mẹ tôi đã đáp lại điều đó bằng một giọng giống như đang mĩa mai: “Con nhìn thấy của rơi thì cứ coi như không nhìn thấy. Sao mà phải nhặt? Người nào đánh rơi sẽ tự khắc quay lại tìm, nên cứ để ở đó cho người ta thấy. Chỉ có những đứa muốn ra vẻ ta đây mới đem nộp cho cô giáo hay sở cảnh sát thôi.” Nghe thì có vẻ có lý. “Nhưng nhờ đâu trước khi chủ nhân quay lại mà đã có người khác nhặt mất thì sao ạ?”. Tôi thể hiện sự lo lắng rất hợp lý nhưng lập tức liền bị mẹ cắt ngang: “Đó là lỗi của kẻ lượm đồ của người khác, không liên quan gì đến mình hết.” Hình như mẹ tôi đang mơ về một xã hội lý tưởng, khi đánh rơi hũ vàng vẫn có thể tìm lại được trên đường ở đúng vị trí của nó chẳng? Hay đó là một thứ chủ nghĩa vị kỷ của cách hành xử lương thiện? Điều đó ở đây không quan trọng. Vấn đề là ở chỗ chủ nghĩa hoàn hảo của sự trung thực ấy đang cố làm cho hoàn hảo cả những lời dối trá.

Mẹ chuyển hộ khẩu của tôi về địa chỉ giả và nhét vào trường học đúng như ý muốn của mình, như thế đã đủ lắm rồi, vậy mà vẫn còn cố tình tiếp diễn điều đó cả khi cô giáo đến thăm gia đình. Chắc có lẽ vì những ám ảnh ngây ngô quê mùa, sợ rằng nếu chuyện bị bại lộ giữa chừng, lúc ấy, có khi tôi sẽ bị đuổi học cũng nên.

Còn tôi thì cảm thấy phát ngấy với việc phải a dua theo cái sự hai mặt ấy của mẹ. Tôi muốn dừng lại. Mẹ tôi quá mù mờ về cuộc sống ở trường học, nên hình như mẹ tưởng rằng chỉ cần qua được ngày hôm đó là xong chuyện. Ngày

đến thăm nhà ở phường Sajik-dong đã được định trước, vì vậy, mẹ có thời gian để đến nhờ vả gia đình người họ hàng cho mẹ được đóng vai chủ nhà chỉ ngày hôm đó thôi.

Hôm ấy, những đứa nhà ở cùng hướng phường Sajik-dong ở lại phòng học và cùng đi về nhà với cô giáo.

Lũ bạn ấy là hàng xóm của nhau hoặc thường xuyên gặp nhau lúc đi học và lúc về nhà, vì thế chúng cũng biết sơ sơ nhà của nhau. Thứ tự đến thăm được xếp theo khoảng cách gần trường, nhưng vì tôi không lên tiếng nên được xếp ở vị trí sau cùng. Chẳng ai để ý, vì trong lớp, tôi là một đứa trẻ không tồn tại. Chợt có đứa nào đó kêu lên rằng lần đầu tiên nhìn thấy tôi ở khu này và những đứa khác cũng hòa theo: “Ừ nhỉ, ừ nhỉ”; rồi chúng liếc nhìn tôi bằng thứ ánh mắt lạ lùng. Chỉ nguyên bộ trang phục quê mùa khác một trời một vực với bọn chúng thôi cũng đủ bị coi như một kẻ dị giáo rồi. Nhưng tôi đã nhanh nhẹn ứng biến bảo rằng vừa mới chuyển từ dưới quê lên chưa được bao lâu.

Giây phút thót tim đã trôi qua một cách mập mờ như vậy, nhưng rồi đứa còn lại sau cùng lại chính là hàng xóm của nhà họ hàng chúng tôi. Nó trông rất lanh lợi và dễ gần. Nó rủ từ ngày mai, gọi nhau đi học nhé. Nhưng tôi đã lại dối trá thêm một lần nữa: “Không được, ngày mai ngày kia, nhà tao lại sắp chuyển nhà rồi.” Mẹ tôi, người không hề hay biết những chuyện xảy ra đó, đang ngồi chằm chệ nơi đại sảnh của nhà họ hàng và chạy ra đón cô giáo, còn bà giúp việc thì bưng chiếc khay sáng lên ánh mạ bạc đựng đầy hoa quả tươi tới.

Ngày hôm ấy, sau khi kết thúc mọi việc một cách bình yên vô sự, mẹ tôi thở phào nhẹ nhõm một cách yên trí, nhưng còn phần tôi, cái đứa bạn sống cạnh nhà họ hàng lại trở thành căn nguyên của mọi sự bực dọc trong một thời gian dài sau đó.

Kể từ sau hôm ấy, tôi đã không thể ngẩng mặt lên được trước đứa bạn đó. Tôi phải làm mọi việc nó sai bảo. Nó bắt tôi căng dây thun để nó một mình nhảy qua từng tầng. Nếu chỉ có vậy thì đã yên ổn. Không biết bao nhiêu lần, đang yên đang lành, tự dưng nó tháo giày quăng tận đâu rồi ra lệnh cho tôi phải đi nhặt về. Nó tỏ ra khoái chí với những gì nó làm, trong khi đó, những đứa khác trong lớp lại đồn nhau rằng tôi là đày tớ của con bé đó. Liệu có phải vì

con bé đó đã nắm chắc được điểm yếu của tôi là nói dối địa chỉ nên nó mới bắt nạt tôi như vậy, hay bởi sự tự ti khiến cho tôi thành ra nhút nhát và trở nên tầm thường trong mắt nó? Một trong hai điều đó, không rõ điều nào xảy ra trước.

Thế nhưng, trong thế giới của trẻ thơ, một khi quan hệ chủ tớ được xác lập, điều đó sẽ không dễ mà thay đổi được. Trường học trở thành địa ngục đối với tôi, về đến nhà, mọi thứ cũng buồn chán đến ngứa ngáy khó chịu. Bọn trẻ con trong xóm tôi, theo lẽ tự nhiên, chúng chơi với nhau vì cùng học chung một trường của khu đó. Chúng coi tôi là một kẻ dị giáo, một đứa nhà quê khác người, ngày nào cũng vượt qua ngọn núi để đi học tận trường ở bên trong thành.

Không phải hướng trường học Maedong, mà là ở hướng đi lên tiếp của xóm chúng tôi, vượt qua con dốc sẽ không còn dấu vết nhà dân nữa. Ở đó, có một hòn núi đá, người ta gọi đó là Seonbawi *. Từ Seonbawi men theo con suối cạn sẽ gặp một điện thờ ở bên phải con suối, còn bên kia sẽ là Hyeongjebawi *, hòn đá mà người ta đồn đại rằng rất thiêng. Bất cứ ai khi nhìn vào Hyeongjebawi cũng cảm nhận được sự linh thiêng của nó. Đó là một khối đá to lớn, có hình thù giống như hai người đang tựa vào nhau ở phía trước, còn đằng sau là bức tường đá. Lúc nào cũng có người đến đó để cầu khẩn gì đấy.

Kể cả vào những ngày có lễ cúng lớn ở điện thờ, người ta vẫn đến trước đó để rắc đồ làm phép. Vì vậy, ở phía trước hòn đá lúc nào cũng có những mẫu bánh teok vương vãi. Chợt tiếng nhạc nổi lên một cách bất thành linh, không báo trước, và hình như việc vừa chạy về điện thờ, vừa lắc hông nhảy nhót là sở thích của mọi người và nó khiến người ta thoát khỏi những ngày buồn chán.

18 Hòn Thiên, hòn đá trông giống hình nhà sư đang ngồi thiền. 19 Hòn Huynh đệ, hòn đá trông giống hình hai người tựa vào nhau.

Với tôi, lễ cầu tế không có gì lạ lắm, mà trái lại, còn rất đổi quen thuộc nữa. Thôn Parkjeok cách không xa lắm ngọn núi Deokmul, một nơi vốn nổi tiếng như là cội nguồn của tín ngưỡng dân gian. Ở đó rất nổi tiếng vì có miếu thờ tướng quân Choi Yeong * và cứ ba năm một lần, các mudang * từ khắp cả nước lại tụ về và mở lễ lên đồng lớn. Không chỉ bởi lễ lên đồng có quy mô cả nước như thế, mà còn bởi vì ngọn núi tụ hội được các mudang ở khắp nơi, khiến cho các nhà giàu có ở Gaeseong tìm đến cầu may, lễ to lễ nhỏ không bao giờ ngớt.

20 Vị tướng quân tài giỏi lỗi lạc của vương triều Korea (918-1932). 21 Thầy tế: người được coi là có khả năng cảm nghiệm linh thiêng, kết nối sự sống với thế giới tâm linh, ngăn ngừa cái xấu, chữa lành bệnh tật, giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột hay căng thẳng giữa sự sống và cái chết v.v... theo tín ngưỡng nguyên thủy của người Hàn Quốc, đó là đạo Shaman.

Chẳng cần biết tướng quân Choi Yeong lúc sinh thời có dạy phải coi vàng bạc châu báu là đá cuội hay không, chỉ thấy các nhà giàu vẫn tìm đến cầu khẩn Ngài ban cho thật nhiều vàng bạc bằng cách tổ chức những lễ cầu tế linh đình. Tin đồn về những lễ cầu tế lớn ấy có sức hấp dẫn mạnh mẽ đến cả những người chẳng có liên quan. Ở đây lại có nhiều nhà có đàn ông đi buôn ở các nơi nên họ cũng năng đi xem bói.

Với nhà nông, sau mấy ngày Tết, từ ngày rằm đổ lại là khoảng thời gian để mọi người đi xem vận số cho cả năm mới. Mặc dù không định ra khu vực quản lý một cách chính xác, nhưng thường cứ vài làng lại có một mudang chuyên lo việc hung cát, họa phúc cho người trong làng. Thôn Parkjeok không có mudang nên phải đi sang các làng khác.

Vào những ngày đầu năm mới, người ta đội trên đầu những thúng gạo đi xem bói đầu năm. Họ hay rủ nhau cùng đi nên cứ nhìn thấy những toán phụ nữ đội các thúng gạo giồng giống nhau ở trên đầu và đi về phía cửa Đông lúc tờ mờ sáng là có thể đoán ngay rằng bọn họ đang đi đến nhà mudang. Ở nhà tôi, bà nội là người đảm nhiệm công việc đó, và năm nào tôi cũng bám theo bà.

Ở nhà mudang, người đến xem bói ngồi chật kín cả nhà trên nhà dưới. Những câu hỏi thần linh của mudang về vận số cả năm thường na ná nhau. Cho dù có là một mudang giàu trí tưởng tượng thế nào đi chăng nữa thì mọi điều cũng chẳng khác nhau là mấy, bởi những người tìm đến đều có cuộc sống rất đơn giản. Bà nội xem số cho mọi thành viên trong gia đình, sau cùng, bà mới nhét tôi vào. Thế là lại tháng Năm, tháng Sáu không được gần nước; tháng cuối Đông chí phải cẩn thận lửa...; tất cả đều là những lời có thể nói với mọi đứa trẻ.

Thường thường, nếu không phải là những người bốc quẻ hay có một sự biến đặc biệt nào đó thì người ta cũng không mấy tin vào bói toán. Thay vào đấy, dường như điều gây hứng thú lại là việc những người khác làng lâu ngày mới

được gặp nhau nên có dịp chuyện trò rôm rả. Nhà của mudang trở thành nơi để các bà, các chị xả stress và trao đổi thông tin với nhau, thậm chí có khi còn là nơi bàn định hôn sự. Chẳng ai nói đã xem bói xong rồi và đứng lên đi về cả.

Những ngày xem bói cuối tháng Giêng lúc nào cũng có canh bánh teok. Nhà mudang không làm việc đồng áng nên họ thường giữ phần gạo được người ta mang tới vào những ngày đầu năm làm lương thực cần thiết cho cả năm, nên cũng đáng để cảm ơn mọi người bằng việc đãi canh bánh teok. Vì thế, nơi đây còn là nơi để chia sẻ. Canh bánh teok chorangi * ở nhà mudang ngon một cách lạ thường. Đó chính là lý do để tôi theo chân bà nội tới đây.

22 Canh được nấu từ nước sườn bò với loại teok viên hình số tám và một vài nguyên liệu khác như thịt bò, nấm, trứng, hành v.v..

Mẹ tôi không cấm việc tôi theo bà nội đến những nơi đó, nhưng lại tỏ thái độ mỉa mai cả mudang lẫn việc đi xem bói. Ngay cả lúc bà nội từ nhà mudang trở về, vận số của từng người trong nhà ra sao, bà đều kể lại nhưng hình như mẹ tôi đều bỏ ngoài tai. Sự bất bình về việc bà nội một mực tin vào mudang và trông chờ vào sự phù phép, trong khi bố tôi đang phải giành giật từng khắc với bệnh tật ngày ấy vẫn chưa thể nguôi ngoai.

Và mỗi khi có ai đó lau tau rồi làm hồng việc, mẹ vẫn thường buông câu tục ngữ: “Mudang chỉ giỏi bắt người hiền” – nghe như có gai ở trong đó.

Nhưng tôi vẫn là tôi. Mudang đối với tôi, ngoài sự gần gũi, còn có cả sự kính nể. Duy nhất một lần tôi được đến ngọn núi Deokmul, và đó cũng là lần tôi bám theo bà nội. Ngoài hai bà cháu tôi, còn có rất nhiều người làng khác cùng lũ lượt kéo nhau đi thành từng cụm nên có vẻ như mấy năm mới có một dịp lễ cầu tế được tổ chức to như vậy. Với những lễ lớn, đương nhiên bầu không khí tưng bừng sẽ được kéo dài trong vài ngày và trong số đó, lễ an ủi linh hồn tướng quân Choi Yeong đoán mệnh đã để lại ấn tượng không thể xóa nhòa trong đầu óc trẻ thơ của tôi.

Ở chính giữa sân làm lễ, người ta trải một cái chiếu, sau đó gánh đầy một gánh nước và đổ vào cái chum được đặt ở đấy. Họ đập một cái nắp gỗ lên cái chum, đoạn chất một bao gạo lên trên, trên bao gạo, họ đặt hai con dao phay sắc lém nằm song song với nhau. Tôi không nhớ rõ khi ấy là ban ngày hay ban

đêm, nhưng mỗi khi hình ảnh sáng lóa của những lưỡi dao hiện lên trong đầu, tôi lại thường thấy chúng lóe lên một cách kỳ quái trong ánh đuốc rực rỡ.

Mudang trong sắc phục tướng quân, đầu đội mũ cánh chuồn, đã cởi vớ ra. Bàn chân nhỏ xíu, trắng muốt và các ngón chân như chụm vào nhau bởi lúc nào cũng mang vớ thít chặt ấy của mudang bắt đầu đặt lên lưỡi dao.

Mudang bay bổng trên hai lưỡi dao song song một cách tự do và nhẹ bồng như loài bướm. Chợt tiếng nhạc cất lên cao vút, lên đến tận cao trào và mudang đột ngột biến mất, chỉ còn lại hai chú bướm trắng. Không chỉ là việc đi coi lễ cầu tế, mà hơn thế, đó còn là sự trải nghiệm duy nhất trong đời của tôi về những điều thần bí. Đây là lần duy nhất tôi được trông thấy quang cảnh nhập thần mà không có lý thuyết nào lý giải được.

So với ngày ấy, lễ cầu tế ở Seoul mà tôi nhìn thấy ở núi Inwang chẳng khác nào một trò nghịch ngợm của trẻ con. Tôi chỉ trông thấy những mudang cầm dao khua múa, chứ chưa từng thấy mudang nào dám đặt chân lên lưỡi dao cả. Mặc dù vậy, tôi vẫn thích đi xem lễ cầu tế. Tôi lại được nếm trải cảm giác hồi hộp nghẹt thở, run sợ đến sồn tóc gáy mỗi khi thấy vạt váy màu xanh thẫm bay phấp phới và bàn chân đi tất nhỏ như trái dưa chuột của các mudang chạy đi thoăn thoắt.

Nhưng khi mudang cuốn roàn roạt các lá cờ ngũ sắc, chìa ra cho những người đến xem bốc lấy rồi bắt đầu phán những câu nhập hồn, tôi chẳng hiểu gì cả nên cho rằng những câu nói ấy là những lời bịa đặt. Bởi thế nên tôi thấy những người lớn đang lẫn lộn hỷ, bi với từng lời phán ra dành cho bất kỳ ai của mudang kia thật đáng thương. Về điểm này, tự lúc nào không biết, tôi đã rất giống mẹ tôi.

Vào dịp lễ lớn, họ phát bánh teok hay những chiếc kẹo sặc sỡ đủ màu cho những người đến xem, không phân biệt trẻ con, người lớn. Thú thật, nếu không vì điều ấy, việc đi xem lễ cầu tế đã chẳng háo hức đến vậy. Đó là khoảng thời gian mà miệng tôi lúc nào cũng thấy thòm thèm. Không phải vì chưa đủ no với ba bữa cơm, mà là vì sự buồn chán của những buổi chiều hè dài thật là dài mà chẳng có thứ gì ăn vặt và chẳng biết phải ví với điều gì cả.

Cũng chính bởi cái bụng ham ăn ấy mà tôi đã bị cấm đi xem người ta làm lễ cầu tế. Đồng phục mùa hè của tôi là áo ngắn tay màu trắng với váy xanh có

dây đeo lưng. Có một lần, tôi đã dùng vạt váy đằng trước để hứng lấy khi người ta phát lộc và thế là mọi chuyện đã bị bại lộ. Những chiếc kẹo màu bị ngâm nước đã loang lổ ra khắp chiếc váy của tôi.

Giống như khi phát hiện ra việc chơi trò cầu trượt ở sân trước trại giam lần trước của tôi, mẹ tôi cũng đã nổi trận lôi đình, mắng tôi một trận rồi lại than vãn bài cũ, kêu trời rằng không biết phải chui rúc ở cái xó xinh này đến lúc nào đây? Chắc hẳn mẹ tôi cũng muốn ngay lập tức bứt khỏi cái xóm này một cách đường hoàng giống như mẹ của Mạnh Tử, nhưng thời đại của chúng tôi lại không phải là thời của Mạnh Tử. Mẹ tôi chẳng có tiền, còn tôi thì lại hành động một cách khôn ngoan hơn Mạnh Tử. Tôi đã hứa với mẹ rằng sẽ không bao giờ như thế nữa và mau chóng tìm ra trò khác để chơi.

Trời nóng dần khiến hàng may vá của mẹ tôi cũng chuyển sang kaeki * hay jeoksam * nên không thể không dùng đến máy khâu. Tiền để mua máy khâu dĩ nhiên là không có, vì vậy, mẹ lại phải nhờ vả người họ hàng ở phường Sajik-dong cả việc đó. Ngày nào cũng vậy, chờ chúng tôi đi học xong, mẹ mới đi đến nhà người họ hàng, may vá ở đó cả ngày, cậy nhờ họ cả bữa cơm trưa, xong đâu đấy, lại hấp tấp quay trở về nhà nấu cơm tối.

Giờ học của năm thứ nhất sao kết thúc đến là nhanh.

Trước khi tiếng chuông báo giờ chính Ngọ vang lên, tôi đã tan học và trở về đến nhà. Nhìn thấy bát cơm trưa nằm thu lu ở một góc trong căn nhà trọ tối om đang đợi mình, tôi chợt thấy bơ vơ, bơ vơ đến bực bội. Cái bát cơm bằng đồng thau và nhỏ bằng nắm tay của tôi được mang ở dưới quê lên ấy lúc nào cũng phát ra những ánh sáng thâm trầm và sâu lắng một cách hết sức xa lạ với gia cảnh đơn sơ.

Mẹ tôi là người chuyên làm những điều lạ lùng. Chẳng biết có phải do cái ý nghĩ tôi là đứa con nhà gia giáo bảo thủ ấy của mẹ đã ăn sâu vào đầu óc khiến tôi cũng thấy ghét bọn trẻ trong xóm và cả đứa con gái chủ nhà hay không. Bọn chúng hẳn cũng thấy ngứa mắt với cái việc tôi coi thường trường học của chúng và đi nơi khác học. Ngày thì dài mà cả trong nhà lẫn ngoài nhà, tôi chẳng tìm thấy hứng thú ở đâu cả.

23 Loại áo giống với jeogori (áo trong trang phục truyền thống Hanbok của Hàn Quốc), nhưng chất liệu thường là voan mỏng nên được may hai lớp, mặc

vào mùa hè. 24 Jeogori không có lớp lót, mặc vào mùa hè.

Lúc ấy, những đứa trẻ khác đã tìm trò gì để chơi nhỉ?

Tôi bắt đầu lục lọi đồ đạc của mẹ và ngăn kéo của anh tôi. Trong cái hòm đựng đồ được dán quanh bằng giấy màu sặc sỡ, tôi tìm thấy cái ví kẹp giữa các đôi vớ của mẹ. Thật ra, nó giống với hầu bao hơn là cái ví. Hầu bao của ông nội được làm bằng giấy dầu, còn hầu bao của mẹ lại được làm từ miếng vải.

Lúc sai tôi đi mua giá đỗ hay mua hành, mẹ thường rút ra đồng một jeon hay năm jeon đưa cho tôi. Tôi biết mẹ cất tiền ở đó. Vì thế, đây không phải là sự lục lọi đồ đạc vì buồn chán, mà là có mục đích rõ ràng hẳn hoi.

Còn mẹ, lúc nào đi vắng cả ngày, mới cất giấu kỹ cái ví như vậy, chứ lúc bình thường thì quăng quật bất kỳ chỗ nào. Có khi tôi đi mua đồ xong, còn thừa tiền lẻ, mẹ chỉ bảo là bỏ vào trong ví, còn thì chẳng để ý hay xem lại gì cả. Chỉ những lúc cần dùng nhiều đến tiền như nộp tiền nhà hay tiền học, mẹ mới móc sạch cả những đồng giấy bạc nhàu nhĩ ra đếm rồi thở vắn than dài rằng cứ như là bị mất trộm. Nhưng tôi biết đó chỉ là những lời than thở vì cái cảnh tiêu pha dù tiết kiệm từng đồng mà lúc nào cũng vẫn túng thiếu, chứ chẳng phải là nghi ngờ thật sự gì ai.

Tôi móc từ hầu bao của mẹ ra đồng một jeon vàng ươm. Vì hiểu được cái sự lỏng lẻo trong quản lý tiền bạc của mẹ nên tôi chẳng sợ sẽ bị phát hiện, thậm chí cũng chẳng cảm thấy đó là một hành động xấu xa. Lên quá cái dốc một đoạn, tới cái nhà ở đoạn rẽ là “cửa hàng lỗ thủng”. Cửa hàng đó khác với những cửa hàng bán đồ ăn sẵn ở dưới phần mặt đất bằng phẳng là ở chỗ nó chuyên dụ dỗ những đồng tiền dính trên mũi của bọn trẻ con, chỉ đơn giản bằng việc bán các loại kẹo ngọt từ một jeon đến năm jeon. Niềm ao ước của tôi vốn là được mua thứ gì ở cái cửa hàng ấy, vì thế, tôi liền chạy thẳng đến đó.

Một jeon được năm viên kẹo tròn. Ngay cả ở quê, tôi cũng chưa từng phải nhịn cơn thèm của ngọt. Kẹo kéo đánh từ mùa đông có thể ăn trong mấy tháng, còn mật hay mật ong thì lúc nào cũng cất ở trong tủ tường quanh năm suốt tháng, chỉ khi thật cần thiết mới lôi ra dùng.

Tôi có nhiều chiếc răng sâu đen hoắm hơn hẳn bọn trẻ con ở Seoul. Không những thế, bánh kẹo của ông nội mang từ Songdo về vẫn có một vị ngon lạ

thường. Một vị ngọt tinh túy hơn kẹo kéo chăng? Ăn mãi chẳng thấy đầy bụng nên lại càng muốn ăn nữa.

Hôm ấy, đó lại là vị ngọt sau vài tháng trời mới được nếm nên lại càng cảm thấy bồi hồi. Năm viên kẹo đã khiến những buổi chiều nặng trĩu và buồn chán trở thành khoảng thời gian hồi hộp và ngọt ngào một cách bất tận. Mẹ đã không phát hiện ra việc ngày nào cũng bị mất đi một jeon. Còn tôi thì cứ vài ngày lại một lần chìa ra đồng năm jeon có khoét một cái lỗ ở giữa. Với năm jeon, tôi đã có thể tận hưởng được những hương vị đa dạng hơn rất nhiều.

Chuyện xảy ra vào khoảng thời gian ấy. Lúc mẹ tôi đang ở nhà thì có một người khách đến chơi. Đúng lúc trời bắt đầu nóng nên những ông bán kem thường dạo qua dạo lại lên tận cả khu xóm trên dốc này một cách tấp nập. Khách thấy áy náy vì đến nhà mà chẳng mua gì cả nên lúc nghe thấy tiếng rao của ông bán kem, ông ấy liền đưa cho tôi đồng năm jeon, bảo ra mua kem về đây. “Mua hết cơ à?” – Mẹ đã hỏi thế. Khách vừa lau mồ hôi vừa bảo: “Mình cũng phải mỗi người làm một chiếc.” Mẹ tưởng tôi không cầm nổi những năm chiếc kem, liền đưa cho cái nôi. Tôi cầm nôi, chạy vụt ra ngoài nhưng chẳng thấy bóng dáng ông hàng kem đâu. Nghe như có tiếng rao ở đâu đó mà không thật rõ lắm.

Như vậy không có nghĩa là bỏ qua cơ hội tốt như thế này. Tôi cầm cái nôi chạy ra tận bến cuối của tàu điện.

Vì tôi biết ở bến cuối của tàu điện có cửa hàng bán kem rất lớn. Mua những năm jeon nên được khuyến mại thêm một chiếc. Con đường leo dốc chẳng dễ chút nào.

Những tia nắng chói chang rọi xuống gay gắt một cách không thương tiếc, trong khi tôi đang hỗn hà hỗn hển lết lên cái cầu thang tầng tầng lớp lớp đến phát ngấy.

Khi lên tới cửa nhà và tôi đứng lại thở dốc thì cũng là lúc những cây kem đã tan hết, gần như chỉ còn lại những chiếc que và lớp nước sanh sánh bên trong cái nôi. Khách vô cùng kinh ngạc, chặc lưỡi kêu lên: “Trời đất, sao cháu không ăn đi chứ? Ai lại để chảy hết thành nước một đồng thế kia mà đem về đây?” Trước những lời tỏ vẻ đáng tiếc của khách, mẹ tôi đã đáp lại chắc như đinh đóng cột: “Cháu nhà tôi thật thà lắm.” Ôi! Đứa con gái mà mẹ lúc nào cũng tin

tưởng như sắt đá về sự trung thực ấy lại đang bòn rút một đồng, hai đồng, từ ví của mẹ hàng ngày! Ngay cả cảm giác tội lỗi nơi tôi cũng không có! Nhưng chẳng phải người ta có câu: “Đuôi dài ắt có ngày bị tóm” đấy hay sao? Khi ấy, ở “cửa hàng lỗ thủng”, người ta để kẹo trong các hộp gỗ và bày la liệt ở tấm ván bên trái. Những chiếc hộp có kích thước giống nhau ấy, chiếc nào cũng có nắp đậy bằng thủy tinh. Một lần, tôi tì tay vào chiếc lọ đằng trước để mở cái nắp lọ ở bên trong và thế là ôi thôi, tôi đã làm vỡ cái nắp lọ thủy tinh ngay tại đó.

Người đàn ông chủ cửa hàng trông có vẻ cục cằn thô lỗ, vốn chỉ ngồi im trong căn phòng tối om đằng sau cửa hàng, chẳng bao giờ nói một lời, chỉ biết thu thứ tiền dính mũi của bọn trẻ và chưa bao giờ thò tay ra bên ngoài ấy, ngay cả khi trông thấy tôi chực khóc, nét mặt của ông ta cũng chẳng có gì biến đổi, mà chỉ bảo tôi lấy kẹo đi. Tôi nghĩ rằng lấy tiền thôi, mà không cho lấy kẹo, cũng đã là may mắn lắm rồi, đằng này lại còn bảo lấy kẹo đi, nên cứ tưởng mình được tha rồi và đã mau lẹ chạy trốn khỏi chỗ đó.

Đến buổi tối, đúng lúc mẹ tôi đã về và đang nấu cơm nơi xó cửa, còn anh tôi đang học bài, thì bỗng bên ngoài có tiếng ồn ào, lắng tai nghe thì hóa ra đó là tiếng mẹ cãi nhau. Bỗng dưng, như có một dự cảm nào đó, tôi chợt thấy tim mình đập thình thịch. Quả đúng như vậy, mẹ đã gọi tôi ra. Khi tôi ra ngoài thì thấy ông chủ cửa hàng cùng với bà vợ và mấy đứa con của họ đang giơ tay chỉ trỏ về phía mẹ. Những người nhà đó, ai nấy đều đăm đăm sát khí như sắp sửa xông vào uy hiếp. Đứa lớn hơn tôi một chút thì đang cầm cái nắp hộp chỉ còn trơ mỗi cái khung.

“Có đúng là con đã đánh vỡ không?” – Mẹ tôi hỏi nhỏ và tôi đã gật đầu xác nhận. Tôi cảm thấy sợ hãi và nhục nhã, vì lo ngại việc lấy trộm tiền bị bại lộ hơn là việc đánh vỡ cái nắp thủy tinh. Cảm giác nhục nhã khiến đầu óc tôi không còn được tỉnh táo và chỉ muốn chết ngay lúc đó. Còn mẹ thì quay ra hỏi giá cái nắp và bảo sẽ đền tiền một cách sòng phẳng. Ở khu xóm nghèo túng, đến nửa đồng cũng còn phải giành giật nhau cho bằng được này, thì việc kết thúc câu chuyện chỉ với chừng đó cũng đã là một cách xử lý đạo mạo hiếm có rồi. Nhưng lúc gia đình ấy đã kéo nhau ra về, sau khi để lại cái nắp bị vỡ một lỗ to và bắt chúng tôi trước khi trời tối phải thay miếng thủy tinh khác vào đó, mẹ tôi đã hướng về phía sau lưng họ và tuôn một tràng:

“Ờ đời, đúng là lắm thế loại người. Tưởng đây không đèn nổi cái nắp thủy tinh con nhà này làm vỡ chắc? Mà một thằng đàn ông chưa đủ, còn phải kéo cả làng, cả tổng đến chỉ này chỉ nọ. Đúng là một lũ giang hồ. Dạy con rõ hay chưa? Hay thật đấy.”

Có lẽ mẹ tôi cảm thấy bị xúc phạm không phải vì chuyện phải đèn tiền cái nắp thủy tinh, mà là vì cả vợ chồng họ cùng xúm lại, kéo nhau đến vì cái chuyện con con ấy. Họ cũng không cố tình coi như không nghe thấy những lời như cố ý rót vào tai họ của mẹ tôi. Những người đã dặt tay nhau ra về với vẻ hơi cụt hứng ấy, dường như chỉ đợi có vậy, họ lập tức quay lại, và thế là mọi chuyện đã trở nên không kiểm soát được, biến thành một trận cãi nhau to. Gã đàn ông túm lấy cổ áo của mẹ tôi trước, mẹ không chống cự mà lại gọi anh tôi. Chắc là mẹ cũng muốn cho biết ta đây cũng có con trai, nhưng mà một người kiêu lời và sâu sắc như anh tôi, hẳn là đã không muốn xen vào cuộc cãi vã ấy và muốn nó kết thúc cho nhanh.

Thế nhưng anh tôi đã chạy ra theo tiếng cầu cứu của mẹ. Trong lúc hỗn loạn ấy, ngay tức khắc, anh tôi đã giăng gã đó ra khỏi mẹ, kết quả là đã xô ngã gã. Người đàn bà nhà đó liền chỉ vào người đàn ông và mồm loa mép giải luôn rằng: “Ồi làng nước ơi, ra mà xem thằng mất dạy nó đánh người lớn kia kìa.” Những người kéo đến xem mỗi lúc một đông hơn và những người đàn bà có hứng thú liền trả đũa mẹ tôi, họ bảo “Bà dạy con rõ khéo nhỉ?”, còn mẹ tôi, từ lúc đó đã không nói một câu nào nữa. Anh tôi cũng cúi gằm mặt xuống. Cả ba chúng tôi chẳng nói được lời nào, đã phải rút lui trước.

Trận cãi vã đã kết thúc một cách dớ dẩn như thế.

Ba người chúng tôi trở vào trong nhà với tâm trạng buồn bã và chờ đợi cơn thịnh nộ chưa thể nguôi ngoai của người đàn bà cửa hàng ấy chấm dứt. Còn tôi, trong lúc đó lại tranh thủ chuẩn bị những lời nói dối để ứng phó. Mẹ tôi đương nhiên sẽ hỏi tiền ở đâu ra mà mua mấy thứ đồ ngọt ấy, tôi định nếu vậy sẽ trả lời rằng nhặt được ở đường. Hình như dù có chết, tôi cũng không thể nói được là đã lấy trộm của mẹ.

Nhưng mẹ đã không hỏi tôi xuất xứ của những đồng tiền mua mấy thứ đồ ngọt ấy. Mẹ đã rơi vào trạng thái trầm uất một lúc thật lâu. Hẳn là do mẹ bị sốc khi anh tôi bị người khác rửa là “đồ mất dạy”. Thậm chí, mẹ còn cảm thấy

không phải với anh tôi nên đã xin lỗi anh, còn anh tôi thì cũng mấy lần lắc đầu xin mẹ tha lỗi. Cả hai đã không nói ra nhưng đều hiểu rằng đó là việc xin lỗi vì phải để nghe thấy mấy tiếng: “đồ mất dạy”.

Có vẻ mẹ tôi rầu lòng lắm khi phải nghe người ta chửi con mình là “đồ mất dạy”, nên quên hẳn việc ngắm nghĩ xem đầu đuôi tại sao lại xảy ra chuyện đó. Nhờ vậy mà tôi thoát được khỏi việc bị mẹ hỏi tội. Không phải chỉ thoát được ngày hôm đó, mà cả ngày hôm sau, khi đi ra tận bến tàu điện để lấp lại miếng thủy tinh, mẹ cũng chẳng lôi chuyện đó ra. Và mãi mãi chẳng bao giờ mẹ lôi chuyện đó ra.

Cứ tưởng mẹ tôi là một người căn cơ không có kẽ hở, vậy mà cũng có những phần lỏng lẻo như thế. Ai cũng phải công nhận mẹ tôi là người khéo tính toán, nhưng việc cái hầu bao nghèo rớt của mình bị mất trộm mà cũng không biết ấy lại là một khía cạnh khác của mẹ.

Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn biết ơn mẹ bởi cái phần lỏng lẻo ấy và thấy yêu mẹ hơn.

Giả sử lúc đó mẹ có nghi ngờ và căn vặn thì biết làm thế nào nhỉ? Chắc mẹ sẽ tra hỏi bằng được sự thật và lúc đó, tôi chỉ còn mỗi cách là nếm trải cảm giác nhục nhã. Cho đến giờ, mỗi khi nghĩ đến điều ấy, tôi vẫn thấy mặt mũi tối sầm lại. Kể từ sau hôm đó, tôi không lấy trộm tiền của mẹ nữa. Cả với đồ của người khác, tôi cũng như vậy, và đúng như mong muốn của mẹ, cho đến giờ, tiền của người khác rơi trên đường, tôi cũng chưa bao giờ nhặt lên.

Mà cũng đúng thôi, vì chưa bao giờ tôi được thấy tiền bạc hay đồ đạc có giá đến mức động lòng tham ở trên đường. Mỗi lần bỏ qua, đi thẳng và không nhặt những đồng tiền nhỏ nhoi rơi trên đường ấy, tôi lại nhớ đến mẹ tôi và tự dừng bật cười. Điều đó đương nhiên là chẳng có chút xíu móng tay nào liên quan đến sự lương thiện. Đó chỉ là một thói quen được ăn sâu một cách tự nhiên, nửa đáng ghét, nửa đáng yêu, mà chỉ mình tôi biết, giống như thứ đồ dùng lâu ngày đã trở nên quen hơi vậy.

Giả sử lúc đó, mẹ phát hiện ra thói quen lấy trộm và những xúc cảm bẽ bàng vốn đã rất nhạy cảm một cách khác thường đó của tôi không được bảo vệ, thì mọi chuyện sẽ ra sao nhỉ? “Nhạy cảm” cũng đồng nghĩa với “dễ đổ vỡ”. Tôi chắc sẽ thành một đứa trẻ hư hỏng không ghìm lại được. Cho nên, tôi cho rằng

không phải con người ta sinh ra đã là người hiền lành hay kẻ độc ác, mà trong cuộc sống này chỉ tồn tại muôn vàn những ngã ba của thiện và ác mà thôi.

Ngay cả khi mùa hè đến, vẻ hoang tàn của ngọn núi Inwang cũng chẳng có gì thay đổi. Con suối phải đợi đến lúc mùa mưa nước mới chảy đôi chút. Con đường lên điện thờ chỉ toàn dốc đá dựng thẳng đứng, bên phải còn vương lại chút rừng cây bụi rậm, đến lúc trời nhập nhoạng, bất chợt vẳng nghe có tiếng kêu liều mạng của ai đó đang định bắt chó. Đám thanh niên cứ nghe thấy tiếng kêu ấy là mắt lại sáng lên, ngay lập tức tụ tập nhau lại thành đám, xông vào rừng, trên tay cũng cầm sẵn những cành cây dùng làm gậy bắt chó. Trên đầu những cành cây đó treo sợi dây thừng và ở đó luôn phảng phất mùi hôi của thịt chó cháy. Bởi thế mà khu rừng vốn đã rất hoang vu lại càng thêm đáng sợ và bốc lên mùi tanh tưởi.

Trời trở nên nóng nực, và chẳng biết có phải một người nghiêm chỉnh như anh tôi đã không thể kiên nhẫn ở trong phòng hay không, mà cứ ăn tối xong, lại dắt tay tôi đi hóng gió mãi tận Seonbawi. Đó là lúc tôi cảm thấy thích nhất. Không tự hào sao được khi chỉ có anh tôi là người nổi bật nhất trong số những người ra hóng gió ở đó.

Để khoe với người khác về sự gắn bó giữa hai anh em, tôi chạy ra tận xa xa, bắt lấy cỏ gà rồi ngồi xuống ngay bên cạnh anh tôi và bắt đầu tét. Mỗi lần bắt cỏ gà, như thói quen vốn có, tôi lại tìm thứ cỏ ăn được. Nhưng ở vùng đất cằn cỗi xung quanh ngọn núi Seonbawi này, chỉ có những loài cỏ thô ráp, cứng ngắt, mọc lên. Chốc chốc, tôi lại ngừng tay, ngăn người, ngơ ngác: “Ai đã ăn hết những cây sing-a mọc đầy ở quê tôi?”. Người anh ít nói của tôi dường như cũng hiểu được nỗi niềm mong nhớ quê hương của tôi, nên mỗi lần như vậy, lại đưa tay ra đếm, báo cho tôi biết chỉ còn mấy ngày nữa là nghỉ hè rồi.

Kỳ nghỉ hè đang tới rất gần, chỉ còn khoảng năm đầu ngón tay, lúc ấy, mẹ đưa tôi đi chợ đêm. Từ đoạn Yeongcheon * đến ngã tư Seodaemun * cứ đến đêm lại có họp chợ. Ở đó, họ bán từ con dao, cái bô, cái chổi... đến cả các đồ tạp hóa dùng một lần, nhưng chủ yếu là các quầy bán vải la liệt. Ba bề quầy hàng được quây lại bằng những tấm vải rủ xuống như những tấm rèm, còn những người bán hàng thì vô cùng khéo miệng, tiếng rao của họ hết sức mời gọi. Những thước vải dưới ánh đèn điện, tấm nào cũng như tấm nào, tất cả đều

rực rỡ, rủ xuống mềm mại, khiến tôi như bị hút mất nửa hồn vào trong đó. Chỗ các quầy bán vải là nơi người ta tụ tập nhộn nhịp nhất.

25 Phường Yeongcheon-dong, quận Seodaemun-gu, thành phố Seoul. 26 Cửa phía tây trong số bốn cửa dẫn vào thành thời Choson, được xây dựng từ năm 1396. Hiện nay, cửa này không còn nữa.

Mẹ tôi mặc cả một vài quầy bán vải nhưng chưa ưng giá nên mẹ lại thôi. Hình như mẹ định may cho tôi một cái áo đầm thì phải. Mỗi khi mẹ ướm thử tấm vải lên người tôi, những người bán hàng lại khéo mồm khen sao mà hợp thể, còn tôi thì thấy thật rợn rợn, nhưng mẹ tôi lại không phải là người mặc cả dễ dàng như vậy.

Cuối cùng, khó khăn lắm mới cắt được một mảnh nền trắng có chấm hoa màu xanh tím than. Mẹ tôi chỉ định mua vừa khít, đủ để may một chiếc áo đầm, trong khi đó, ở chợ đêm, họ không để cả tấm vải, mà xé riêng ra thành từng bộ của áo và váy. Chính vì thế, việc mặc cả mới khó khăn như vậy.

Lúc này tôi mới thật sự có cảm giác được trở về quê hương. Hồi hộp không sao ngủ được. Buổi dã ngoại đầu tiên của năm thứ nhất, tôi cũng không có cảm giác thế này. Lần dã ngoại ấy, chúng tôi đã đi thăm sân sau của Phủ toàn quyền. Phủ toàn quyền là một tòa nhà choáng ngợp, đủ khiến một đứa nhà quê như tôi phải run rẩy.

Lúc bước chân vào trong khu vườn rộng mênh mông ở phía sau tòa nhà, chúng tôi được nghe cô giáo nhắc đi nhắc lại vô số những điều cấm kỵ tuyệt đối không được làm ở trong đó. Rồi tất cả ra về, và tôi cùng đi ăn trưa với mẹ tôi - lúc ấy đã đợi sẵn ở bên ngoài. Buổi dã ngoại là một chuyến tham quan chán ngắt, chỉ có mỗi một điều là tôi được tận mắt trông thấy tòa nhà to lớn, thay vì tường thành là những chấn song sắt cao vút bao quanh, nên có thể nhìn thỏa thích bên trong và những cái cửa, cửa nào cũng có lính canh gác đeo gươm đứng đó. Đây chính là nơi mà mẹ tôi muốn xin cho đứa con trai vào làm việc.

Mẹ lấy thước đo qua loa chiều cao và bề ngang của tôi, cắt vải một cách đại khái, rồi lại ướm thử lên người tôi rồi mới khâu lược qua. Để sang ngày mai, đến nhà họ hàng, ở đó có máy khâu, mẹ sẽ hoàn thiện thành chiếc váy một mảnh. Bây giờ người ta gọi là one-piece [*](#), còn thời đó chúng tôi gọi là “váy

một mảnh”. Tài may vá của mẹ tôi có tiếng, ngoài may đồ cho kỹ nữ, mẹ còn từng lo chuyện may mặc cho những nhà có đám cưới, vậy mà có vẻ như mẹ không tự tin lắm với đồ Âu thì phải. Mẹ bắt tôi thử đi thử lại, tháo đăng trước rồi lại đăng sau, nhưng vẫn có vẻ như không chắc chắn, và mẹ đã rất vui trước lời nhận xét một cách đầy hà tiện của anh tôi: “Trông không kỳ lắm”.

27 Áo đầm.

Vào buổi lễ bế giảng năm học, cô giáo bảo những ai sẽ về quê trong dịp nghỉ hè thì giơ tay lên. Thời gian nghỉ hè vẫn có hai đợt tập trung, nhưng những học sinh nào về quê, nếu xin phép trước, sẽ không bị coi là vắng mặt. Đến tận lúc đó, tôi mới biết mỗi lớp chỉ có khoảng chừng hai, ba học sinh được tận hưởng thời gian nghỉ hè ở quê và thực lòng trong bụng, tôi thấy thương hại cho những đứa trẻ gốc gác Seoul, chúng chỉ có thể ở Seoul trong suốt thời gian nghỉ hè ấy. “A ha, trong khi cả ngày, bọn bay chỉ có thể chơi bóng hay nhảy dây ở trong con ngõ chật chội, hay có chăng là vùi người lớn một jeon để mua quà vặt, thì ta đây lại có thể tung tăng chạy nhảy như một chú chó con trên cánh đồng lượn sóng mênh mông với tất cả mọi thứ đều sống động, rập rờn.” Chỉ ngày mai thôi là mình lại được trèo qua đồi, lội qua cánh đồng và băng qua con suối. Mình sẽ được hít thở thỏa thích thứ không khí hòa trộn từ mùi hương của cỏ cây, hoa rừng và phân xanh. Chỉ cần tưởng tượng thôi, tôi đã thấy sung sướng đến ngây ngô, giống như khi được bước những bước chân trần giữa đám sương trên con đường màu xanh trải hoa thài lài, trong buổi bình minh sớm nhất của những ngày đầu hạ. Điều đó giống như cơn khát của loài thú hơn là nỗi nhớ quê hương, và cũng là lần đầu tiên tôi có được cảm giác mình có ưu thế hơn hẳn những đứa trẻ Seoul. Tâm trạng vui sướng của tôi không thể tả nổi bởi ý nghĩ thương hại bọn trẻ ấy. Nhưng, tất cả không phải chỉ có mỗi niềm vui sớm sủa ấy.

Ngày bế giảng năm học cũng là ngày tôi được nhận số liên lạc. Ngày ấy chỉ có kỳ một của lớp một là điểm số được đánh từ 6 đến 10. Điểm trung bình của tôi là 8, nhưng đó hình như là điểm 8 đã được làm tròn, bởi tôi có hai con 9, còn lại toàn 7, môn hát là thấp nhất - được 6 điểm. Chưa bao giờ mẹ cau gắt với tôi vì phải nhắc nhở chuyện học hành, mẹ cũng chưa từng xem kỹ bài tập.

Một người không chấp hành quy định học đúng tuyến đến cùng như mẹ tôi lại chẳng bao giờ quan tâm đến việc học hành của con cái, ngoài việc chỉ biết

cho con đi học. Bởi thế, điệu bộ kinh ngạc của mẹ lúc nhìn vào sổ liên lạc của tôi có gì đó như là một sự tự kiêu theo cách của mẹ, khi mà chẳng những không quan tâm mà còn mặc nhiên tin rằng con của mình không cần dạy dỗ cũng vẫn học tốt. Cùng là bị bỏ mặc theo cách ấy, song anh tôi vẫn luôn luôn đứng đầu lớp từ lúc còn học tiểu học ở quê cho đến cả khi chuyển cấp, và đó là niềm tự hào lớn của mẹ. Chao ôi, những lời rên rỉ của mẹ sau khi nhìn sổ liên lạc của tôi mới đặc biệt làm sao! “Trời đất ơi. Học hành nông nổi này thì biết làm sao?”

Ai dè sổ con nhà mình cũng toàn ngỗng bay thế này.”

Tôi hiểu vì sao mẹ tôi lại gọi con số 7 là ngỗng. Thằng con trai nhà bà giúp việc ở nhà họ hàng phường Sajik-dong, nơi mẹ vẫn hàng ngày đến khâu vá, cũng học tiểu học và hình như bà ấy lúc nào cũng tự hào là con mình học rất giỏi. Một lần, mẹ được xem sổ liên lạc của nó, tất cả đều là điểm 7 nên mẹ mới bảo rằng các chữ “thất” * đó xếp thành một hàng trông giống như những con ngỗng đang bay vậy. Dù đó là tài biến hóa những tình huống căng thẳng thành những câu chuyện khôi hài của mẹ, nhưng tôi lại cho rằng những con ngỗng trong sổ liên lạc của đứa trẻ đó không đơn thuần là một sự cố gây cười, mà đó là ví dụ điển hình nhất cho sự tự kiêu của mẹ khi lúc nào cũng coi con mình là nhất và giỏi coi thường con nhà người khác. Những câu nói đầy vẻ thất vọng ấy của mẹ mới nặng nề làm sao, đến mức làm cho tôi ngộ được cả những điều ấy.

28 Số 7 trong chữ Hán.

Phải đến lúc mẹ tôi nói rằng mẹ không còn mặt mũi nào và chẳng còn muốn về quê nữa, lúc ấy tôi mới giãy giụa, khóc lóc, nhưng không hề có suy nghĩ mình đã mắc phải lỗi gì, cũng chẳng tự tin rằng sau này mình sẽ làm tốt hơn. Anh tôi là người an ủi được lòng tự trọng bị tổn thương ấy của mẹ một cách khéo léo. Anh bảo hai môn văn, toán đều được điểm 9 rồi, nên những môn còn lại có kém một tý cũng không sao. Mẹ đã rất hài lòng với cách xem sổ liên lạc của anh tôi. Không những thế, mẹ còn lập tức tán dương những đứa kém về hát, thể dục, mỹ thuật... là những đứa học giỏi.

Hôm đó vừa là ngày anh em chúng tôi được nhận sổ liên lạc, vừa là hôm sau sẽ về quê, nên buổi tối muộn, vợ chồng chú út đã tới nhà chúng tôi. Đến lúc ấy, mẹ tôi vẫn còn chưa hết hưng phấn, lôi sổ liên lạc của tôi ra cho chú thím

xem và dùng cách xem số liên lạc của anh tôi rồi thêm thắt này nọ để giải thích; cứ như thể chưa thấy những đĩa nào có điểm môn nhạc và môn thể dục cao là những đĩa học giỏi ấy. Người ta vẫn chẳng bảo học dốt thì đổ tại tổ tiên đó sao, nên kể từ sau đó, cho đến giờ, tôi vẫn cho rằng cái sự mù mờ về âm điệu của tôi là lỗi tại mẹ.

Vợ chồng chú út thì hoàn toàn nhất trí với những lời lẽ lập luận rần rỏi của mẹ. Chúng tôi phần vì là họ hàng duy nhất của nhau sống ở Seoul, phần vì theo phong tục thời đó, anh em của bố phải làm thay trách nhiệm của người bố đối với những đứa cháu sớm mồ côi bố, nên hai nhà chúng tôi thường xuyên qua lại, cùng lo lắng và bàn bạc mọi chuyện. Hơn nữa, nhà chú út tôi lại không có con, thế nên quan hệ giữa hai nhà lại càng thân thiết, vượt trên cả mức nghĩa vụ.

Vợ chồng chú thím út ở phường Bongnae-dong, bên kia cầu Yeomcheon ^{*}. Chú tôi làm nhân viên đưa hàng cho một hiệu buôn bán cá của người Nhật, còn thím tôi thì làm công việc thu hóa đơn của hàng hóa nhập vào ở một cửa hàng buôn bán tạp hóa. Khác với người lúc nào cũng bốc mùi cá và lộ rõ vẻ làm thuê cuốc mướn là chú tôi, thím tôi chải đầu rẽ ngôi kiểu Hisashigami (kiểu tóc được chải nhô về phía trước), lại còn trang điểm một chút nên càng ngày thím càng trở nên tân thời và là hình mẫu mơ ước của tôi.

29 Cây cầu nằm giữa ga Seoul và phường Manli-dong. Vào những năm 1960-1970, đây là nơi trú ngụ của tầng lớp dân nghèo và những thanh thiếu niên bụi đời.

Tôi đã từng đi cùng với mẹ đến nơi thím làm việc. Đó là một tòa nhà trông giống như một cái kho rộng mênh mông, trong đó có các thùng hàng được chất cao ngất ngưỡng như núi và một số các thanh niên khoác áo giống như áo choàng Haori của Nhật, có in tên cửa hàng ở đằng sau lưng. Thím tôi cũng mặc váy áo Hanbok, bên ngoài khoác chiếc áo lao động màu xanh; cũng gắn thêm từ “anh” vào sau tên gọi bọn họ và chỉ thị cái này cái kia.

Sau này tôi mới biết, ngày đầu, thím đã từng được nhận vào làm giúp việc cho một nhà người Nhật. Khi thím đi làm osin thì chú tôi ngủ ở căn gác của kho đông lạnh của cửa hàng cá. Khổ sở không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng rồi nhờ học tiếng Nhật nhanh, lại tinh ý, nên chỉ sau vài tháng, thím đã được chủ nhà tin nhiệm, cho ra trông hàng ở cửa hiệu buôn bán tạp hóa của chủ nhà.

Đến tận lúc đó, vợ chồng chú thím mới về ở cùng với nhau được.

Mấy lần, chú thím tranh thủ những ngày cả hai vợ chồng được nghỉ, mời cả nhà chúng tôi đến, thết đãi nào thịt, nào cá rất thịnh soạn. Nhìn vào bữa ăn, thấy có vẻ như chú thím cũng kiếm được, nhưng hoàn cảnh sống thì lại không bằng nhà chúng tôi. Mảnh sân chỗ nhà chú thím tôi giống như cái ngõ với khoảng mười hộ ở trọ bám dài ở hai bên ấy được che bằng tấm kềm, vì vậy chẳng bao giờ có ánh nắng mặt trời và nền đất thì lồi lõm và ẩm ướt.

Khi tìm vào căn nhà của chú thím nằm ở tận trong cùng và hình như sau nó chẳng còn có nhà nào nữa, nếu không cẩn thận là giẫm phải vào những vũng nước thải ngay. Có thể nước ở đây không quý như ở phường Hyeonjeo-dong, nhưng dù sao cũng là một khu xóm mất vệ sinh hơn nhiều. Mẹ tôi lúc nào cũng nhất nhất gọi khu bên trong bốn cửa thành là “bên trong thành”, rồi đề cao những người sống ở trong đó, và nguyện vọng của mẹ là ngày nào đó sẽ được sống ở bên trong thành; nhưng ở bên trong thành cũng có những khu ổ chuột như thế này đây.

Cuối cùng thì cũng đến ga Gaeseong. Mẹ tôi đi đằng trước, theo sau là đứa con trai bảnh bao trong bộ quần áo đồng phục mùa hè và đứa con gái diện chiếc váy một mảnh có chấm hoa. Bà tôi và vợ chồng chú thím đã đợi sẵn ở đó để đón chúng tôi. Bà ôm tôi xong liền vòng tay ra sau lưng, bảo: “Lên đây bà công”, nhưng tôi đã từ chối. Sông núi quê hương tất cả đều phủ một màu xanh tươi mát. Lúc đi qua ngọn núi nhỏ, tôi với tay hái lấy những bông hoa rừng và vốc những vốc nước suối rửa mặt. Lúc ấy, tôi thực sự cảm thấy tội nghiệp lũ bạn ở Seoul làm sao. Những cây sing-a vẫn tràn ngập cả một vùng, nhưng đã quá già, không thể ăn được nữa.

Nhưng đó lại là thời gian vườn nhà ngập tràn đồ ăn.

Lấy gì để sánh với vị ngọt của những bắp ngô nếu đem bẻ mà hấp ngay lúc này nhỉ? Không thể diễn tả được hết niềm vui khi phát hiện ra những trái bí mảnh mai, gọt cảm đang ngòì e ấp dưới những cánh lá còn ướt đẫm sương mai trước khi cái nắng nóng mùa hè kịp lan tỏa ấy. Người ta bảo xấu như trái bí, nhưng đó là cái sự ví von của những người thành phố thiếu hiểu biết tự đặt ra. Ngay cả với những trái bí già, sự so sánh ấy cũng thật bất công. Hiển nhiên người ta hay ví người già giống như những trái bí già, nhưng cái sự già nua của

con người nếu được đẩy đặng và hữu ích như những trái bí già ấy thì có lẽ sẽ chẳng còn có ai sợ bị già nữa.

Lúc này, người lớn khá bận rộn. Thế nên ở đây lại càng là thiên đường của lũ trẻ. Có nổi sung sướng nào bằng nổi sung sướng khi nhảy tòm xuống suối, để kết thúc cơn những nhiều của đám ruồi đang chao đi chao lại nặng xị trên những cái bụng căng tròn, nhỏ ròng ròng nước dừa lê của những đứa trẻ không mặc áo và đôi khi còn trần truồng để lộ thiên cả những “trái ớt” ấy? Con suối cắt ngang trên đường ra nhà vệ sinh không sâu, đủ để nhảy tòm xuống đó. Hai bên bờ suối rộ lên cả một vùng hoa loa kèn đỏ. Những cây mơ, cây mận cơm, cây lê dại đã quá kỳ trở hoa và thay vào đó là những cánh hoa màu cam ửng đỏ của những bông loa kèn rực rỡ đến lạ thường.

Tôi mừng rỡ khi được gặp lại tất cả, và người chào đón tôi nồng nhiệt nhất tất nhiên là ông nội. Ông nội yêu quý của tôi trông thật cô độc và già nua đi nhiều so với nửa năm trước. Phần má bên phải bị liệt như bị lưỡi dao lẹm phải ấy sọp đi, thỉnh thoảng lại giật giật.

Hình như ông tôi chẳng còn giận dữ như lúc ném những đồng năm mươi jeon nữa, mà trông ông thật tội nghiệp đến rớt nước mắt. Tôi quỳ xuống lạy ông giống như anh tôi và tự nhủ suốt thời gian nghỉ này, sẽ ở bên cạnh để làm mọi việc chăm sóc ông.

Kỳ nghỉ hè năm ấy cũng là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy đứa em họ. Đó là em gái. Thím thứ của tôi chỉ quanh quẩn ở quê coi sóc nhà cửa nên người lớn trong nhà được nhìn thấy từ lúc thím mang bầu. Thím tôi quá ba mươi tuổi mới sinh nở lần đầu, nên chắc hẳn có những câu chuyện liên quan đến việc mọi người trong nhà vừa mừng lại vừa mong cho thím được mẹ tròn con vuông. Vậy mà trong trí nhớ của tôi lại chẳng đọng lại gì cả, chỉ nhớ mỗi sự kiện đứa em họ bỗng nhiên được sinh ra mà thôi.

Vào lúc giữa đêm, không biết có phải do bên cạnh không có ai nằm cùng hay là do những tiếng rì rầm mà tôi tỉnh giấc hay không, nhưng dù sao, cơn buồn ngủ cũng đã biến mất. Không phải phòng trong, cũng không phải phòng đối diện, bên cạnh tôi lúc ấy chẳng có ai cả. Tôi chạy ra phòng ngoài với bà thì thấy hình như phòng trong có đèn. Tôi liền chạy tới, khẽ kéo cửa ra thì thấy mẹ tôi ra hiệu đóng mau cửa vào, còn bà tôi thì đang mân mê gì đó với cái thau

rửa mặt. Tôi cất giọng ngái ngủ hỏi: “Bà đang làm thịt gà ạ?”. Mẹ tôi cố nhịn cười, đuổi tôi ra ngoài. Tôi quay trở về phòng đối diện và thiếp đi lúc nào không biết.

Thịt bò và thịt lợn chỉ được dùng vào dịp Tết hay Chuseok, còn vào những dịp sinh nhật hay có khách, nhà chúng tôi lại thường bắt gà, vì vậy từ nhỏ, tôi đã được chứng kiến cảnh làm thịt gà. Nếu lúc đó, bà tôi đang tắm cho em bé thì kiểu gì cũng phải có tiếng khóc chứ?

Nhưng sao lúc đó tôi lại trông như là đang làm thịt gà ấy? Câu hỏi lạ đời của tôi đêm đó đã trở thành chuyện cười của người lớn trong nhà suốt một thời gian dài.

Lâu lắm rồi mới có em bé nên bầu không khí trong nhà lại trở nên tràn đầy sinh khí. Một sinh linh bé nhỏ đã xua tan màn đêm tăm tối của sự chết chóc, ưu phiền bao phủ lên ngôi nhà bấy lâu nay và mang lại tiếng cười trong trẻo. Ông tôi cũng vui lắm, ông cho thêm chữ seo vào bên cạnh chữ myeong (có nghĩa là “sáng”) và đặt tên cho em bé là Myeong seo, rồi tận tay run run viết mấy chữ “Sản hậu kị bất tịnh” dán lên cửa lớn. Ở quê tôi, thay vì treo sợi dây thừng, người ta thường dán bùa lên những nhà vừa mới có em bé được sinh ra ^{*}.

30 Theo phong tục truyền thống của người Hàn Quốc, khi trong nhà có em bé mới sinh, người ta sẽ treo trước cửa nhà một sợi dây thừng, trên đó tết những quả ớt (nếu là bé trai) hoặc những miếng than hoa (nếu là bé gái) với ý nghĩa mong muốn cho em bé khỏe mạnh, sống lâu. Ở vùng quê tác giả, người ta lại thay điều đó bằng việc dán mấy chữ “Sản hậu kị bất tịnh”, có ý nghĩa là “nhà mới sinh em bé, cần được kiêng kị và giữ gìn sạch sẽ”.

Ông nội tôi khéo léo trách móc những người họ hàng hay những người hàng xóm tỏ vẻ tiếc rẻ giá mà sinh được cháu trai thì tốt hơn biết mấy ấy rằng nhà có trẻ con là biết ơn lắm rồi, đòi hỏi thêm nữa có khi lại bị ông trời trách tội. Tôi cũng quanh quẩn bên cạnh em bé suốt cả ngày, gần như chẳng chạy ra ngoài.

Thực ra, có gặp lại lũ bạn ngày xưa, tôi cũng chẳng thấy hứng thú như trước nữa. Cũng bởi cái chất Seoul mà mẹ tôi dày công tạo dựng đã khiến cho tôi cảm thấy có khoảng cách xa lạ với bọn chúng, nhưng vấn đề lại là ý muốn của tôi. Nửa năm sống ở Seoul ấy thôi đã khiến tôi thấy dường như mình không

hợp với lũ trẻ ở nhà quê và còn cố tình hành động như thế, nên trong mắt bọn chúng, tôi thật đáng ghét biết bao.

Lần trở về quê hương tiếp theo vào kỳ nghỉ đông năm ấy, tôi ra dáng hơn hẳn. Đồng phục mùa đông không có, mà thay vào đó là chiếc áo gown * màu xanh tím than. Tôi diện chiếc váy màu đen, khoác chiếc áo gown thay cho áo durumagi, vai đeo đôi giày trượt tuyết, trở về làng.

31 Áo choàng dài, may giống như áo của các giáo sư, quan tòa, thường được mặc vào những dịp đặc biệt.

Chẳng hiểu anh tôi biết trượt tuyết từ lúc nào, chỉ biết có lần anh còn đoạt giải gì đó và tôi cũng từng có dịp được xem anh tôi trượt ở ngoài hồ của Changkyeongwon *.

32 Một cách gọi khác của cung điện Changkyeonggung ở quận Jongno, Seoul. Tên gọi này bắt nguồn từ việc Nhật Bản biến cung điện Changkyeonggung, nơi vua và hoàng hậu vương triều Choson nghỉ ngơi, thành vườn thực vật và vườn bách thú. Hiện tên gọi này không còn được người Hàn sử dụng, mà họ gọi theo tên gọi vốn có của nó là Changkyeonggung.

Thế nên đây cũng là môn chơi mà tôi không thấy lạ lắm nhất trong số các môn thể thao của những người ở Seoul, nhưng lại chưa bao giờ thích chơi và chưa từng đi thử đôi giày đó. Vậy mà chẳng hiểu mẹ tôi lôi ở đâu về một đôi, bắt tôi đi thử, thấy vừa chân nên mẹ bảo đem cái này về mà trượt ở trên ruộng. Giày thì vừa chân nhưng khi xỏ nó vào, tôi đã không thể đứng vững trên nền nhà được nữa. Mẹ bảo không đứng được trong nhà nhưng lúc ở ngoài sân băng thì sẽ đứng được. Từng được chứng kiến cảnh anh tôi lướt đi nhẹ nhàng cùng với những người khác, nên tôi cứ tưởng rằng hễ đi đôi giày đó vào thì tự nhiên sẽ làm được như vậy.

Song, điều khiến tôi hài lòng hơn cả là việc khoác trên vai đôi giày mà lũ bạn ở nhà quê chưa một lần trông thấy ấy để ra về với bọn chúng. Lẽ nào tôi và mẹ, cả hai chúng tôi đã đồng lòng đồng dạ với nhau? Những kẻ sống cuộc đời cùng cực có một không hai nơi ngoại thành Seoul ấy, hễ về tới quê thì việc làm đầu tiên là ra về ta đây. Đến tận bây giờ, mỗi khi nghĩ tới việc hai mẹ con ý hợp tâm đầu, mùa hè thì áo đầm, mùa đông thì giày trượt tuyết, để cùng theo dệt giấc mơ “cắm y hoàn hương” * một cách nhọc nhằn ấy, tôi lại thấy điều đó chẳng khác nào một vở hài kịch.

33 Mặc áo gấm và trở về quê hương. Câu nói ví sự trở về quê sau khi đã thành đạt ở xứ khác.

Chẳng nhớ đôi giày trượt tuyết ấy có làm cho lũ bạn ở nhà quê ghen tị hay hào hứng đến đâu, chỉ nhớ rằng hôm đó đã trở thành một màn trình diễn ngoạn mục.

Mùa đông ngày ấy lạnh hơn bây giờ rất nhiều. Ngay ngày hôm sau, tôi đã mang đôi giày ra ngoài thửa ruộng đang đóng băng trơn nhẵn. Trước ánh mắt lộ rõ vẻ hiếu kỳ của những đứa bạn đang trượt trên những tấm ván, tôi đã xỏ giày rồi thắt dây lại, nhưng chỉ có thể làm được đến đó, còn không có lý nào mà tự dừng tôi lại có thể trượt được. Đứng lên rồi lại ngã xuống, tôi đã chỉ có thể lặp đi lặp lại cái việc đứng lên, ngã xuống. Bộ dạng cố gắng tập trung vào môn thể thao không được trời phú cho ấy, cộng thêm nỗi ám ảnh rằng phải cho lũ bạn thấy tài năng bẩm sinh của tôi lúc đó mới thật thảm hại làm sao, đến mức bọn trẻ không thể không bật cười. May sao, lúc đó ông tôi ở trong phòng khách nhìn ra và đã mau chóng giúp tôi thoát khỏi màn trình diễn trượt tuyết giống như cơn ác mộng ấy.

Thửa ruộng ấy không phải của nhà chúng tôi, nhưng nó lại nằm ở khoảng giữa của con đường xe bò thông với cửa Đông và con suối gần nhà chúng tôi. Từ bao giờ, ông nội đã cho gắn miếng kính nhỏ thay cho lớp giấy dán changhoji * và tìm thú vui bằng cách nhìn ra bên ngoài đó. Ông đã trông thấy bộ dạng quái gở của tôi và đã gọi um nhà dưới lên, cái gắt ầm ĩ, bắt người trong nhà lập tức ra ngoài tóm tôi vào nhà. Chẳng thèm hỏi đầu đuôi thế nào, ông bắt nờ vớ lấy cái tẩu thuốc dài ngoẵng và nhắm trúng đỉnh đầu của tôi mà giáng thật mạnh, vừa giáng vừa cái gắt om sòm: “Con gái con lừa bôi xấu dòng tộc vừa vừa thôi chứ.

34 Loại giấy mỏng, màu vàng nhạt, dùng để dán cửa sổ và cửa ra vào của những ngôi nhà truyền thống của Hàn Quốc.

Định bắt chước thầy cúng trên núi Deokmul nhảy lên dao phay để múa à?” Tôi vừa đau như có lửa bốc trên đỉnh đầu, lại vừa buồn cười không sao nhịn nổi. Lúc đó, tôi thấy mình thật hỗn hào bởi đã coi thường ông nội, người không thể hiểu nổi giày trượt tuyết là cái gì và khả năng tưởng tượng chỉ có thể hạn chế trong điệu nhảy trên dao phay của các mudang trên núi Deokmul mà thôi. Nhưng kể từ sau đó, và đến tận bây giờ, tôi chẳng hề xỏ lại và cũng chưa

từng ước ao giá mình có thể đi được đôi giày đó. Cảm giác bối rối và xấu hổ khi nhận ra rằng mình không thể làm được ngay cả lúc ở trên mặt băng ấy đã đeo đẳng tôi suốt cuộc đời.

Trừ mỗi việc đó ra, còn lại thì kỳ nghỉ đông đã diễn ra vui vẻ không kém gì kỳ nghỉ hè. Thời gian đó, đưa em họ sinh vào mùa hè trông thật ngộ nghĩnh và trong nhà đầy ắp những món ăn ngon, vì nhà chúng tôi ăn Tết Dương lịch theo ý của ông nội. Ngày đó, Tết Dương lịch được gọi Tết Nhật Bản, còn Tết Âm lịch gọi là Tết Triều Tiên. Đương nhiên, chính phủ Nhật Bản khuyến khích người dân ăn Tết Nhật Bản. Còn vào những ngày Tết của Triều Tiên, trường học hay những cơ quan công sở vẫn mở cửa và hoạt động như bình thường. Dù vậy, ngày đó, việc ăn Tết vẫn chưa bị áp đặt. Ở thành phố cũng có người ăn Tết theo cả hai, còn ở nông thôn, người ta vẫn không biết đến Tết Nhật Bản là ngày nào.

Ngày Tết ở nông thôn dài một cách lạ thường. Tết bắt đầu với khoảng thời gian bận rộn tối mắt tối mũi, nào là khâu đồ diện Tết, nấu kẹo kéo, giã bánh teok, làm đậu phụ; nào là mấy nhà chung nhau vào bắt lợn làm thịt, nặn sủi cảo; rồi sau đó lại là thời gian của một loạt hoạt động ngày Tết kéo dài đến tận rằm tháng Giêng như bái lạy năm mới, thăm mộ tổ tiên, chúc mừng năm mới, xem bói đầu năm, ăn rồi lại chơi với đủ mọi trò chơi dành cho mọi lứa tuổi, nam, nữ... Gộp cả hai thời gian ấy vào cũng thành hơn một tháng. Đó là khoảng thời gian lễ hội vừa dài, vừa rảnh rang nhất trong một năm của nhà nông.

Việc ông nội quyết định ăn Tết Nhật Bản để kết hợp thời gian nghỉ hè với thời gian nghỉ Tết có lẽ xuất phát từ tình cảm da diết dành cho con cháu, bởi ngày Tết mà không có con cháu thì sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa.

Nhưng ngoài ra, đó còn là vì từ trước tới giờ, ông tôi luôn cho rằng Dương lịch thì đúng hơn. Năm nào cũng có lịch của ai đó ở đài khí tượng gửi cho ông. Trên lịch ấy, không chỉ có lịch dương, lịch âm, mà còn có hai mươi tư tiết khí, hiệu Can-Chi của ngày và tháng... Thời bấy giờ, lịch rất quý, nên những ngày như ngày làm tương, ngày lễ gosa, ngày đi xa..., mọi người trong làng đều tìm đến hỏi ông tôi.

Thậm chí cả những thắc mắc như mùa đông năm nay có lạnh không? Lạnh đến mức nào? Có mưa dầm không hay lại hạn hán.., ông nội đều nhìn lịch và dự đoán. Nhất là từ sau khi ông bị liệt nửa người, việc coi lịch vạn niên đã trở thành một thú vui, nên có vẻ như cuối cùng, ông đã đúc kết được một điều gì đó. Theo ông, cái suy nghĩ phổ biến cho rằng nếu không dùng lịch âm thì sẽ không làm ruộng được của những anh thợ nhà nông ấy là không đúng, và cứ như thế không kìm chế được, mỗi lần có cơ hội, ông lại giảng giải cho họ hiểu điều đó. “Này nhé, tại sao phải hỏi Lập xuân là vào tháng chạp hay tháng Giêng nhỉ? Cứ theo Dương lịch thì nó cùng một ngày cả. Từ đó suy ra, tiết khí đã được định sẵn rồi, nên thứ lịch định sẵn các ngày như ngày có đêm và ngày dài như nhau hay ngày có đêm dài nhất, ngày dài nhất hàng năm ấy chả đúng quá còn gì? Còn thứ lịch cứ mỗi năm lại thay đổi, hễ một tý lại có một tháng nhuận, thứ lịch ấy chính xác làm sao được? Lịch của bọn người Oa * thì đã sao nào, cái gì đúng vẫn phải coi là đúng chứ, chẳng lẽ người Oa bảo màu trắng là trắng nên chúng ta phải khăng khăng là đen thì mới đúng sao?” Dù cho ông nội có tỏ ra bực bội và sôi nổi nhiệt tình như vậy, thì những điều đó cũng chẳng thâm nhập được vào đầu óc của những người nông dân, vốn đã quen thuộc với sự kỳ bí của những dấu hiệu báo trước sự thay đổi tùy từng năm ấy hơn là sự định sẵn hai mươi tư tiết khí. Với ông tôi, đó là tư tưởng khai sáng duy nhất mà ông tự học được, nhưng điều đó chưa đủ để xóa bỏ rào cản quan niệm đó là Tết của người Nhật, vốn đã có từ lâu và ăn sâu vào gốc rễ trong tư tưởng của mọi người. Bởi thế, đối với cả cộng đồng người làng, ngày Tết của nhà chúng tôi đã trở thành ngày Tết của “vị tướng quân độc đoán”.

35 Cách gọi hạ thấp người Nhật.

Hai nhà họ Park cùng rủ nhau làm thịt lợn, nhưng việc bắt lợn thì lại phải thuê người trong làng làm. Vào một đêm đóng băng lạnh buốt của những ngày cuối tháng Chạp, trong ánh lửa sáng rực rọi từ sân trong tới đầu hồi căn phòng rẽ ra sân sau, đám thanh niên chọt cật tiếng ồn ào và tiếp đó là tiếng con lợn bị chọc tiết nghe vô cùng thảm thiết. Căn buồng trong được sưởi ấm áp bởi mọi người đang đun kẹo kéo ở dưới bếp *, tôi nằm ở trong chăn và thay vì thương hại con lợn đang hấp hối, tôi lại thấy bầu không khí lễ tết vô cùng rộn ràng, từ ánh lửa sáng bừng trên nền giấy changhoji, với giọng nói tràn đầy sinh khí của con người xen lẫn tiếng rú của con lợn gào lên với tất cả sức cùng lực kiệt.

Nhưng người trực tiếp mục sở thị cảnh giết lợn là anh tôi đã khiến cho cả nhà một phen sững sốt, vì anh không động tới một miếng thịt lợn nào, kể cả dồi lợn.

Anh tôi vừa là cháu trưởng lại vừa là đứa cháu trai duy nhất trong nhà; món ăn mà anh tôi đã không động tới thì dù có bày biện ngon lành đến đâu, tự dưng cũng bị mất hết ý nghĩa. Ông nội nổi cáu với anh tôi: “Đàn ông con trai mà yếu bóng vía như thế thì làm nên trò trống gì? Không ăn được thì cũng phải cố mà ăn.” Thậm chí, ông còn chỉ vào tôi và nặng lời bảo giá mà hoán đổi cháu gái thành cháu trai được. Câu nói của ông quả thật rất nặng nề. Nó không chỉ khiến anh tôi, mà ngay cả tôi, cũng cảm thấy bị tổn thương ghê gớm.

36 Hệ thống sưởi sàn truyền thống của Hàn Quốc có tên gọi là ondol.

Khi bếp lửa trong phòng bếp được thắp lửa, hơi nóng sẽ được truyền qua các ống dẫn dưới toàn bộ nền nhà, làm ấm các phòng.

Món ăn để cúng hầu như chỉ có canh là dùng thịt bò, còn lại thì sủi cảo, thịt lợn tẩm bột rán, thịt lợn tẩm bột đậu xanh... chẳng có món nào là không có thịt lợn, nên mọi người phải làm riêng cho anh tôi món cua ướp xì dầu. Tôi được thừa hưởng cái mai cua sau khi anh tôi đã dùng cả thìa cả đũa vét sạch sẽ bên trong ấy. Chỉ cần bỏ ít cơm, trộn với chút nước xì dầu ướp cua vào trong đó thôi cũng thấy ngon đến lạ. Trước đây, tôi cũng làm như vậy với mâm cơm của ông. Kể cả cái mai cua không còn gì nữa, nhưng ăn cơm trộn trong đó thấy ngon hơn nhiều so với ăn ở bát.

Cua ở Paju * nổi tiếng khắp nước, song, cua ở vùng quê nhà chúng tôi cũng ngon chẳng kém. Điều này chắc sẽ khó hiểu đối với những người bây giờ chỉ ăn thứ cua sông lẻo khẻo nên chẳng thể biết được vị ngon thật sự của món cua ướp xì dầu. Nếu bảo tôi kể ra món ngon thật sự và không thể quên được trong số những món ăn đã được nếm thử từ thuở bé tới giờ, chắc là tôi sẽ chẳng ngập ngừng đắn đo mà bảo ngay đó là món cua ướp xì dầu ấy. Lúc lúa chín vàng trên đồng cũng là lúc trong bụng các con cua cái được lấp đầy thịt và đen bóng như sáp. Nếu đem cua ướp với xì dầu lúc này, càng để lâu, vị lại càng ngon, ngon đến mức không thể diễn tả một cách thông thường được, mà phải dùng cách nói hơi man dại một chút là: “Mười thăng ngồi ăn, chín thăng lăn đùng ra chết, thăng còn lại vẫn chẳng hề hay biết” mới diễn tả được hết cái cảm giác ngon miệng đó.

37 Thành phố Paju, tỉnh Gyeonggi-do.

Ông nội đã mất vui khá lâu bởi cái sự anh tôi bỗng dưng không ăn được thịt lợn. Có vẻ như niềm tin tuyệt đối vào đứa cháu đích tôn đã bị suy giảm. Đến khi kỳ nghỉ kết thúc và chúng tôi phải quay trở lại Seoul, ông đã gọi anh tôi tới, giáo huấn cho một bài rằng con trai thì phải thế này phải thế kia một cách dài dòng nhưng cũng rất tha thiết. Còn bà nội thì gói cho tôi một bọc kẹo vừng, bảo đem biếu cô giáo chủ nhiệm.

Trong số những món ăn truyền thống vào dịp Tết ở quê tôi, không thể không kể tới các loại kẹo được làm từ mật. Những loại kẹo bông làm từ gạo rang, đậu rang hay lạc rang chẳng tròn cũng chẳng vuông và trông ngon mắt ấy thường là đồ ăn vặt của bọn trẻ; còn kẹo vừng lại là thứ kẹo được làm rất kỳ công, nào là phải rang riêng hai loại vừng đen và vừng trắng, rồi cán mỏng, rồi xắt thành những hình quả trám vuông vắn đều nhau, nên thường chỉ được đem ra mời khách. Bà nội vừa gói kẹo vừng cho tôi vừa bảo rằng khi làm món này, lúc nào bà cũng nhớ tới cô chủ nhiệm, nên món này là món đặc biệt gói cả tấm lòng của bà vào đây đấy.

Thế nhưng, tôi đã rất khó xử khi phải đem biếu cô giáo cái bọc mà chưa cần biết bên trong thế nào, chỉ thấy bên ngoài được gói bằng thứ giấy xi măng vàng khè, nhàu nhĩ và được túm lại bằng sợi dây thừng ấy. Ngày đó, tôi còn có ý nghĩ rằng chắc cô giáo chẳng bao giờ bước chân vào những nơi như chuồng xí. Cô giáo xinh đẹp và thân thiện, lúc nào xung quanh cô cũng có những đứa trẻ ganh tị, tìm mọi cách để nắm được bàn tay của cô như những chú gà con quần quít bên gà mẹ. Còn cô giáo cũng cố gắng theo cách của mình để phân phát nụ cười và cánh tay một cách bình đẳng với mọi đứa trẻ.

Thế nhưng không hiểu sao, đối với cả sự phân phát tình cảm công bằng ấy, tôi vẫn luôn có cảm giác mình bị gạt ra ngoài ngay từ lúc đầu. Tôi thành thoi khi an phận với cảm giác bị bỏ rơi và sự tự ti của một đứa trẻ không tồn tại trong lớp, mà ngay cả đến cái tên của tôi, cô giáo cũng không nhớ nổi, hơn là việc làm cho cô chú ý đến mình nhờ cái bọc kẹo quê mùa. Trên đường đi đến trường, qua công viên Sajik-dong tràn ngập ánh nắng, tôi đã gọi bọn trẻ lại và phân phát những chiếc kẹo vừng vừa ngọt vừa bùi. Thế là tôi đã xử lý gọn gàng cái bọc kẹo vừng ấy.

Việc xử lý nhanh gọn bọc kẹo vừng thật đơn giản.

Chỉ cần làm bộ ra vẻ ta đây, gọi mấy đứa trông có vẻ thân thiện tới và cho chúng nếm thử một cái, sau đó bảo chúng rằng đứa nào thích ăn nữa thì lại cả đây. Lúc ấy, tâm trạng tôi thật khoan khoái, như thể vừa thoát ra khỏi cái vỏ bọc và bay lên trời cao, sau một hồi cảm đầu chạy một mạch và hỗn hển đặt những bước chân vào công viên Sajik. Tôi làm bộ vờ như không thấy những đứa trẻ bỗng đứng tỏ ra nịnh bợ và cố tình cho thêm những đứa trẻ trông có vẻ quê mùa. Đây không phải là cơ hội để tôi có thêm những đứa bạn thân thiết, nhưng lại là lần đầu tiên tôi được nếm trải cảm giác thống lĩnh bọn trẻ ở Seoul, đồng thời phục thù người chẳng thèm đếm xỉa đến tôi là cô giáo. Nhưng sau đó lại là cái cảm giác cô đơn thật khó diễn tả làm sao.

Đến khi tiết trời chuyển sang thu, mẹ lại bắt đầu nhận may vá ở nhà và điều đó trở thành nguồn an ủi lớn đối với tôi. Ý nghĩ trong đầu rằng về tới nhà sẽ có mẹ đã khiến cho những bước chân leo núi của tôi như được tiếp thêm sức lực. Đồ may mà mẹ nhận về hầu như toàn là những loại vải đẹp và lóng lánh đủ màu sắc, nào xanh, nào đỏ, hồng, vàng, tím, tím than... khiến cho căn phòng ảm đạm của chúng tôi trở nên rực rỡ như biến thành một thế giới khác. Kỳ nghỉ đông kết thúc cũng là lúc Tết âm lịch tới gần nên hàng nhận về cứ đùn lại cả đống, tưởng chừng thức cả đêm làm cũng chẳng xong nổi. Những lúc ấy, mẹ thường hỏi tôi: “Mẹ kể chuyện ngày xưa cho nghe nhé?”, như vừa để nghe tôi cất tiếng nói, lại vừa để nhắc bản thân cố lên và còn xua tan được cơn buồn ngủ nữa.

Kho truyện của mẹ tôi dường như bất tận. Câu chuyện về bà già nếu được cho bánh toek thì sẽ không bắt trẻ con để làm thịt hay đem bán cho người khác, chuyện về anh chàng hay đánh rắm, truyện Đâu đỏ Đâu đen,

truyện Hai chị em gái Tường Hoa và Hồng Liên... Tất

cả đều là những câu chuyện tôi đã được nghe bà nội kể nhiều lần, vậy mà lúc nghe mẹ kể, tôi lại thấy chúng mới mẻ đến lạ thường. Ngoài những câu chuyện đó ra, hình như không còn truyện nào mà mẹ tôi không biết

cả. Park thị phu nhân truyện, Tạ thị nam chinh ký, Cửu vân mộng, Thủy Hử, Tam Quốc chí... Ngay cả

những câu chuyện không thuộc về lứa tuổi của tôi ấy, mẹ vẫn thể hiện tài năng biến hóa chúng thành những câu chuyện phù hợp với tôi.

Trong số đó, tôi đặc biệt thích câu chuyện Park thị phu nhân truyện nên thỉnh thoảng lại đòi mẹ kể cho nghe. Thấy tôi mê mẩn câu chuyện mà lúc đầu mẹ chỉ có ý định kể để cho đỡ buồn ngủ ấy, mẹ liền tỏ ra lo lắng: “Kể chuyện cho cô nghe thế này thì nghèo đi đấy.”

Nói vậy, nhưng sau đó, mẹ lại tỏ ra khoan nhượng và tiếp tục tháo nút cái bở đưng chuyện kể của mình ra.

Liệu có ai trên đời này kể được câu chuyện Tam Quốc chỉ một cách thú vị bằng mẹ tôi? Mẹ cất giọng: “Này, Tào Tháo, hãy nhận lấy lưỡi gươm của ta đây!”, và bắt chước cả động tác ấy nữa. Bởi thế, mỗi khi mẹ đưa tay cầm kim lên cao, ánh kim lấp lánh ở đầu ngón tay mẹ rực sáng và sắc lạnh chẳng thua kém gì ánh gươm sáng lóa ấy, còn tôi lại thường tiếc rỏ bởi lưỡi gươm của mẹ chỉ vung được ra trong tầm tay khâu vá, nhưng vẫn thấy thật rung động bởi cảm giác hồi hộp đang xâm chiếm khắp lồng ngực.

Trong những tháng ngày khốn khó ấy, các câu chuyện của mẹ đã trở thành nguồn an ủi lớn lao của tôi. Chúng đúng là đã tiếp thêm sức mạnh cho tôi, nhưng đồng thời cũng không phải là đã không để lại những ảnh hưởng tiêu cực đến tôi. Trong suốt những tháng ngày học cấp một, tôi hầu như hoàn toàn cảm thấy vui vẻ và chẳng thấy có gì là bất hạnh nghiêm trọng với tình cảnh đơn độc không có lấy một đứa bạn nào ấy. Mà chẳng phải là bản tính kiêu ngạo của tôi đã bắt nguồn từ những câu chuyện lấp đầy tâm trí ngày ấy đó sao?

Sau này, mỗi lần nhìn lại, tôi vẫn không thể lý giải được. Trong suốt sáu năm ròng rã ấy, một mình vượt qua ngọn núi để đến trường, hiếm khi nào tôi có, dù chỉ là một chút thôi, ý nghĩ sợ hãi hay buồn chán. Cũng có thể do tôi cảm thấy thoải mái và tự do nếu đi một mình, còn hơn là cảm giác phiền toái khi có bạn đồng hành mà chẳng biết phải nói với nhau điều gì. Hoặc có khi đó là niềm vui sướng khi được thỏa thê với những tưởng tượng vô biên bắt nguồn từ những câu chuyện kể ấy, bởi thế giới của trẻ thơ vẫn luôn luôn như vậy.

Song, tôi lại không nghĩ rằng tất cả điều đó là một sự phát triển tâm hồn bình thường.

NGÔI NHÀ CÓ MẢNH SÂN HÌNH NORIGAE *

Cuối cùng thì anh tôi cũng tốt nghiệp và đi làm. Anh xin vào làm ở Phủ toàn quyền, thỏa lòng mong ước của ông nội và mẹ tôi. Song từ trước đó, người lúc nào cũng một mình ngộp thở với công việc đồng áng ở nhà là chú thứ của tôi đã xin được chân thư ký ủy ban xã.

38 Vật trang trí đi kèm với trang phục Hanbok, được làm bằng vải nhiều màu sắc, nhồi bông bên trong, bên ngoài thêu hoa văn và có sợi rua; được làm thành nhiều hình dạng khác nhau như tam giác, tứ giác v.v...

Chú tôi giao hết mấy chục sào ruộng cho những người lính canh, chỉ chừa lại mảnh vườn ở đầu nhà. Ở làng, không có những người chuyên lính canh, mà đó là nhà chúng tôi đã nhờ vả được một số nông dân tự canh, họ cũng có đất nông nghiệp như nhà chúng tôi, song vẫn còn dư dả người làm.

Ý thức lưỡng ban, lúc nào cũng tự phụ ra vẻ ta đây có học hơn những người trong làng, động một tý lại coi thường họ là “một lũ tiện dân” của ông nội thật nhỏ mọn biết bao, thế nên chỉ mỗi việc cháu trai làm ở Phủ toàn quyền và con trai làm ở ủy ban xã cũng đã đủ khiến ông tôi cảm thấy vô cùng hãnh diện. Không cần biết tình cảnh đất nước ra sao, miễn là cầm được bút kiếm sống, điều ấy vẫn còn tốt hơn là việc bán đất đi mà ăn, vả lại, chẳng nào cũng dùng bút thì việc dùng bút ở chốn cơ quan hành chính vẫn có giá hơn. Mỗi lần nghĩ tới điều đó, tôi lại tự hỏi rằng thứ ý thức lưỡng ban đã vứt bỏ tinh thần nhà nho và chỉ còn lại sự nhỏ nhen của những những viên quan Á thuyên * ấy lại chính là nét gia giáo của gia đình chúng tôi đó sao?

39 Chức quan đứng dưới chức quan Thuyên tào (một chức vụ chuyên lo việc tuyển chọn quan văn, võ trong triều đình Choson).

Việc chú tôi xin được vào làm thư ký của ủy ban xã cũng phải cần có hậu thuẫn và người làm hậu thuẫn ấy là một người họ hàng xa cùng vai vế với ông nội. Cha của người đó chính là kẻ đã đóng dấu vào văn tự bán nước và vẫn thường hay được nhắc đến trong sách giáo khoa, còn người đó hiện cũng đang giữ cả tước vị của Nhật Bản. Chính vì ông tôi cho rằng cái chân thư ký xã là một sự hậu thuẫn vượt quá phận sự của người ấy và tầm thư ký xã thôi cũng là một sự ghi danh với đời, nên lúc nào ông cũng tỏ ra khúm núm trước người ấy, đến mức trông thật khó coi.

Không biết thế nào mà người đó lại có việc về tận quê và cách tiếp đón người họ hàng ngang vai với mình ấy của ông tôi giống hệt như của một kẻ thuộc hạ tiếp đón chủ nhân. Để đón tiếp ân cần chu đáo vị thượng khách đã vượt quá phận sự của mình ấy, ngay từ mấy hôm trước, ông nội đã bắt đầu nạt nộ những người phụ nữ trong nhà. Sự nạt nộ của ông quá đáng đến mức mấy lần, bà tôi phải thốt ra những lời mỉa mai với các con dâu rằng: “Thằng cha tử tước * này một năm mà về hai lần thì chắc mấy mẹ con mình ra bã hết cả.” Đúng vậy, với một gia đình lưỡng ban thấp cổ bé họng như thế này, việc con cháu đi làm ở Phủ toàn quyền đúng là một niềm vinh dự của cả gia đình. Khỏi phải bàn tới việc mẹ tôi trở nên kiêu hãnh thế nào. Vậy mà chỉ được nửa năm, anh tôi đã xin nghỉ việc ở đó. Nơi làm việc kế tiếp của anh là xưởng sắt Watanabe, một công ty tư nhân của người Nhật.

40 Tước vị đứng sau bá tước và trước nam tước.

Khỏi phải nói, mẹ tôi đã thất kinh rụng rời thế nào khi nghe thấy mấy tiếng: “xưởng sắt”. Mẹ hỏi: “Mất bao công nuôi cho ăn học như vậy, giờ lại nói chuyện “lò rèn” là sao?”. Anh tôi đã an ủi mẹ rằng đúng là công ty đó là một cái lò rèn lớn, nhưng công việc của anh là công việc bàn giấy và lương ở đó lại nhiều gấp đôi so với lương ở Phủ toàn quyền. Mẹ dặn rằng phải nói với ông nội và những người trong làng là đi làm ở công ty, tuyệt đối không được hé ra mấy tiếng “xưởng sắt” ấy; mẹ nhắc đi nhắc lại điều đó một cách đầy vương vấn với Phủ toàn quyền.

Khoản tiền thưởng đầu tiên mà anh tôi được nhận ở xưởng sắt là một trăm mấy chục won. Chúng tôi và cả vợ chồng chú út sống ở Seoul xúm lại và hồi hộp truyền tay nhau ngắm nghía đồng một trăm won xanh biếc.

Không biết vợ chồng chú thím thế nào, chứ còn riêng đối với mẹ con tôi thì đó là lần đầu tiên được trông thấy đồng một trăm won. Trên đó có hình ông cụ trông rất phúc hậu đang vác một cái bao tải trên vai. Chúng tôi vô cùng thắc mắc, không hiểu cái bao đó là bao đựng gạo hay bao đựng tiền.

Anh tôi muốn mẹ ngừng công việc khâu vá và ở nhà nghỉ ngơi cho thoải mái, nhưng mẹ tuyên bố rằng sẽ không nghỉ cho đến lúc nào mua được nhà mới thôi.

Giấc mơ tậu nhà đến sớm hơn nhờ bốn mươi won tiền lương hàng tháng và hơn một trăm won tiền thưởng ấy không chỉ làm vợ đi nổi thất vọng vì việc đưa con trai nghỉ việc ở Phủ toàn quyền của mẹ, mà còn làm được cả những điều khác nữa. Mặc dù công việc khâu vá vẫn còn chồng chất, nhưng mẹ tôi đã có thêm một thú vui mới, đó là thỉnh thoảng lại dành chút thời gian đi xem nhà.

Những lúc đi xem nhà, mẹ tôi thường diện những bộ cánh đẹp nhất và nét mặt cũng thể hiện vẻ giàu có.

Có thể do mẹ tôi e ngại những Bokteokbang * sẽ nhìn ra chân tướng của mình, bởi lúc đó mẹ chưa có tiền, mới chỉ đi xem để lấy kinh nghiệm mà thôi. Tuy nhiên, nói vậy không có nghĩa là mẹ tìm đến những ngôi nhà to, vượt quá sức của mình, mà mẹ chỉ đi xem những căn nhà tử tế ở trong thành. Thỉnh thoảng, mẹ lại than thở về cái sự khác nhau một trời một vực của giá nhà trong thành với nhà ngoài thành. Còn tôi thì luôn tin tưởng rằng một ngày nào đó, chúng tôi sẽ mua được nhà và ngày ấy sẽ là ngày thoát khỏi phường Hyeonjeo-dong.

Nhưng rồi việc mua nhà đã diễn ra một cách chóng vánh, và vẫn là phường Hyeonjeo-dong. Mẹ tôi vốn đã có kế hoạch mua nhà từng bước, vậy mà đột nhiên lại cố mua ngôi nhà vượt quá cả khả năng của mình, điều ấy hoàn toàn là tại tôi. Mẹ chúa ghét việc tôi chơi với đứa con gái nhà chủ, nhưng sống chung dưới một mái nhà, dù có gây thù chuốc oán với nhau đi nữa, cũng không thể tuyệt đối không chạm mặt nhau. Vả lại, trong thế giới của trẻ con, có thể gọi là sự cuốn hút hay chẳng, bởi ít nhiều đều có cảm giác thân thiện, và khi người lớn càng cấm đoán thì bản năng muốn làm điều bị cấm ấy càng trở dậy mạnh mẽ. Vì vậy, giữa hai chúng tôi đã có một mối kết giao khá thân tình.

Một hôm, cả hai mang phấn ra ngoài ngõ cùng chơi trò viết vẽ gì đó thì xảy ra cãi vã. Đúng lúc đó, anh tôi đi làm về, nhìn thấy, liền ngăn không cho hai đứa đánh nhau nữa. Nhưng, vì đột nhiên có thêm hậu phương vững chắc là anh tôi nên tôi đã giáng cho con bé ấy một đòn cuối cùng là cào vào mặt, rốt cuộc là chuyện của trẻ con đã trở thành chuyện của người lớn.

41 Trong tiếng Hàn có nghĩa là “nhà phúc đức”. Đây là cách gọi cũ của văn phòng môi giới nhà đất của Hàn Quốc.

Đó không phải là lần đầu tiên tôi cào hay cấu bọn trẻ ở trong xóm. Chắc bởi sự tự ti với thân hình còm nhom và yếu ớt của bản thân, mà khi đánh nhau, thay vì đánh đấm bằng tay chân, tự lúc nào không biết, tôi đã dùng đến móng tay. Mẹ đã nhiều lần nhắc nhở rằng khi bị người khác đánh, phải đánh trả lại bằng nắm đấm, tuyệt đối không được để lại vết móng tay, vậy mà tôi lại lỡ phạm phải lỗi ấy mất rồi.

Bà chủ nhà nổi giận một phần vì những vết móng tay trên mặt đứa con gái, ngoài ra còn vì trong mắt bà ta, tôi là một đứa trẻ vốn bình thường đã không thể hòa hợp, hơi một tý là làm hại đứa khác, theo như cách nói thời nay, người ta gọi là đứa trẻ có vấn đề nghiêm trọng. Bà ta còn mạt sát mẹ tôi rằng không biết dạy con. Cả anh tôi cũng bị nghe chửi, vì đứng ngay ở đấy mà không biết ngăn hai đứa lại.

Mẹ vốn là người có tính cách mạnh mẽ, luôn tin rằng mình đúng, quyết xử lý mọi việc bằng được; vả lại, mẹ cũng rất tự kiêu nên trong bụng lúc nào cũng coi thường gia đình chủ nhà. Về phía gia đình nhà chủ lại rất phức tạp, vừa có vợ bé, vừa có con của vợ trước. Mỗi lần được dịp, mẹ lại mỉa mai, giễu cợt cả cái sự khốn khó vì thu nhập bấp bênh, tiền tiêu hàng tháng cũng không đủ nổi của chủ nhà ấy. Thỉnh thoảng, có vài lần bà chủ nhà còn vay tiền của mẹ. Trước mặt bà ấy, lúc nào mẹ cũng tỏ ra rộng rãi, vui vẻ lấy tiền cho vay, nhưng rồi sau đó lại lăm bằm nguyên rủa: “Đời cũng lắm loại, lắm kiểu. Hết gạo, hết củi mới phải cố sống cố chết, muối mặt mà vay mượn. Đàng này đã đi vay rồi lại còn mở mồm khoe khoang rằng cái mồm quen ăn ngon nên phải vay tiền mua xương để hầm canh. Chẳng qua đây cũng vì cái cảnh đi thuê nhà nên mới phải cho vay nhé, chứ gặp người khác có mà bị ăn chửi cho biết thân biết phận, đừng hòng mà vay được tiền đấy.” Hình như bà chủ nhà hỏi vay tiền mẹ để mua xương hầm canh. Vậy mà những đứa con quý giá tựa nghìn vàng nghìn

bạc của mẹ lại bị ăn chửi, bị giáo huấn bởi chính kẻ đáng khinh ấy hẳn khiến mẹ đã bị tổn thương ghê gớm lắm. Thế nhưng mẹ đã chẳng hề mắng mỏ anh em chúng tôi, mà cũng chẳng chửi rửa người đàn bà đó. Mẹ như vậy, tôi lại thấy sợ hơn. Bởi chắc chắn mẹ sẽ làm một điều gì đó. Diễn biến sau đây của việc mua nhà ở phường Hyeonjeo-dong tôi đã kể rất chi tiết ở tờ Gyeongje jeongui *, nên tôi chỉ trích ra mấy đoạn sau: Ngay lập tức ngày hôm sau, mẹ tôi bắt đầu đi tìm nhà, và chưa đến mấy ngày, mẹ đã ký xong hợp đồng với người ta. Đó là một ngôi nhà nhỏ chia làm sáu buồng, ở tận trên đỉnh chót vót, nằm cao hơn nữa của cùng cái xóm nghèo ấy, nhưng việc mua nhà của chúng tôi, nếu không phải ăn cắp ăn trộm ở đâu ra, thì không thể có được. Đến cả đầu óc non nớt của tôi cũng vẫn nhận ra được rằng lúc đó mẹ tôi dường như không còn đủ tỉnh táo. Nói cho đúng, khi ấy, hành động của mẹ thực sự là một hành vi trộm cắp.

42 Tạp chí Kinh tế chính nghĩa.

Bấy giờ, những người ở dưới quê thường qua lại nhà chúng tôi tấp nập, bởi họ vẫn bảo rằng dù sao, nhà chúng tôi cũng là những người đã đặt chân lên Seoul trước họ. Lại đúng lúc có một người trong số đó định sẽ buôn bán ở Seoul, nên đã bán cả đất để lấy tiền làm vốn, rồi đến nhờ vả nhà chúng tôi một vài hôm, nhưng rồi bất chợt ở quê lại có việc đột xuất nên người đó đã gửi lại mẹ tôi số tiền, và thế là mọi chuyện đã xảy ra chỉ trong khoảng thời gian người đó quay về quê. Tức là mẹ đã tạm thời lợi dụng tiền của người khác để ký hợp đồng nhà. Mọi việc lờ mờ ra như vậy, mẹ mới thưa đầu đuôi câu chuyện với ông bà và chú thứ ở quê, nhờ cậy giúp đỡ, vậy nên ở nhà mới phải bán gấp đi ít đất rồi vay mượn này nọ..., cả nhà cùng chung sức vào lo thu xếp khoản tiền đã mượn của người ta nên cũng không làm hại gì đến người kia, mà cũng tránh được việc bị mang tiếng.

Nhưng rồi sau đó, suốt một thời gian dài, mẹ đã không thể ngừng mặt lên được với những người lớn và anh chị em trong nhà. Ngay cả tôi cũng thấy mẹ thật lạ lùng. Tại sao mẹ lại có thể hành động như vậy được? (Lược đoạn giữa) Từ trước tới giờ, với tôi, mẹ vẫn luôn là một người hoàn hảo về mặt đạo đức, thế nên trước tình huống mẹ phải xử sự không khác nào một kẻ phạm tội, tâm trí trẻ con lúc nào cũng thấy thật hoang mang. Cái lứa tuổi này vẫn còn quá sớm để hiểu được rằng đó là thứ tình mẫu tử thiêng liêng và mù quáng, chẳng

khác nào việc người mẹ ăn trộm những hạt cơm nguội để đem về cho những đứa con đang sắp chết đói.

Ngôi nhà ở Seoul lần đầu tiên chúng tôi có được nhờ vào sự liêu lĩnh một cách ngông cuồng, còn hơn bị người khác lăng mạ hay xúc phạm nặng nề ấy của mẹ, dù sao cũng là nhà ngói. Ngôi nhà sáu buồng được chia làm ba phòng rồi mà cũng vẫn còn đủ chỗ cho một gian bếp, một sảnh tiếp khách, một phòng cạnh cửa, và tất cả các không gian này đều được chia đều nhau. Ngôi nhà quả là được xây cất khéo léo trên mảnh đất đầu thừa đuôi thẹo, bởi có cả chỗ được gọi là sân, mảnh sân hình tam giác và có phần bờ đất khá cao.

Ngày ấy hay bây giờ, thời nào cũng vậy, chẳng thể đòi hỏi việc chăm chút nhà cửa với những người làm ngày nào xào ngày ấy, vả lại, chủ cũ của ngôi nhà là thợ hàn, lại đông con, nên gia cảnh của họ lại càng khốn khó.

Thời ấy, nhà nào cũng có ổ rệp nhưng nhúc, tới mức người ta có câu rằng: “Nhà không có rệp không phải là nhà Seoul”. Ngôi nhà này chẳng biết đã dán tường từ khi nào mà trên nền tường nhem nhuốc, cũ kỹ chi chít những vệt máu của rệp, trông thật hãi hùng. Không cần biết anh em chúng tôi khiếp sợ thế nào, khi vừa giải quyết xong vấn đề tiền nong gấp gáp, mẹ liền trở lại vui vẻ, nhẹ nhõm ngay và bắt đầu dỡ hết các cánh cửa xuống, dùng nước xà phòng đánh một lượt, rồi cả cột nhà, xà nhà, tất cả những chỗ với tay đến được, mẹ đều đánh cho thật sạch.

Theo lời của mẹ thì ngôi nhà này có phần khung rất tốt, nên vẻ bề ngoài gồm ghiếc đó không thành vấn đề. Khung nhà tốt đồng nghĩa với cột nhà và xà nhà đó vững chãi. Quả thật, sau mấy hôm cọ rửa, lau chùi, dán lại tường, ngôi nhà trông cũng có dáng vẻ của một ngôi nhà, nhưng chỉ mãi đến sau, này tôi mới hiểu tại sao mẹ tôi chỉ nhìn vào khung nhà là quyết định mua ngôi nhà nhếch nhác ấy. Đó chính là dự định cầm cố cho ngân hàng để lấy tiền trả nợ cho chú thím, khoản tiền còn thiếu, ngoài số tiền có được nhờ bán đất, thuộc về phần của chúng tôi lúc mua ngôi nhà ấy.

Thời gian đó, cơ quan tín dụng mà tầng lớp bình dân có thể dễ dàng tiếp xúc được chính là Hiệp hội tài chính. Nếu đăng ký xin thế chấp, Hiệp hội sẽ cử người đến giám định xem vật thế chấp có tương đương với khoản xin vay hay không, và khi ngày đến giám định nhà được báo trước chắc chắn, mẹ tôi đã

dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ để chờ người ấy tới, giống như hôm có cô giáo tới thăm nhà vậy.

Quả nhiên, đúng như dự đoán của mẹ, viên giám định đã chú ý xem phần khung nhà hơn là phần tường dán hay sàn nhà, rồi hỏi mẹ muốn thế chấp bao nhiêu.

Mẹ đánh liều bảo: “Ngôi nhà thế này chí ít cũng phải được tám trăm won chứ nhỉ?”. Người đó không trả lời mà cứ thế ra về, cũng chẳng thể hiện hứa hẹn điều gì cả. Nhưng mẹ đã không hề tỏ vẻ lo lắng, đến một chén nước lọc cũng chẳng tiếp, một miếng thuốc lá cũng không mời, chẳng tỏ ra khúm núm hay nịnh bợ gì hết.

Không lâu sau đó, chúng tôi đã nhận được số tiền thế chấp tám trăm won và với số tiền ấy, mẹ tôi đã thu xếp được mọi chuyện đâu vào đấy, tuy nhiên, có vẻ như mẹ chẳng mấy may lấy làm cảm ơn hay may mắn về số tiền thế chấp đó thì phải. Ngày đó, chừng ấy ưu đãi tín dụng đối với người dân là quyền lợi của mọi người, chỉ cần qua một vài thủ tục, ai ai cũng đều có thể dễ dàng tận hưởng được điều ấy.

Mẹ tôi đã mua căn nhà ngói sáu buồng trên đỉnh phường Hyeonjeo-dong với giá một ngàn rưỡi won, trong đó hơn một nửa là từ số tiền thế chấp tám trăm won ấy.

Việc đó chẳng phải do mẹ có người quen gì ở Hiệp hội tín dụng, cũng chẳng phải nhờ có tài ngoại giao hơn người gì cả. Mẹ cũng chỉ là một người phụ nữ nhà quê bình thường, nét mặt vẫn đột nhiên biến sắc chút ít mỗi khi đứng trước tòa nhà công vụ hay đồn cảnh sát. Vậy mà người phụ nữ quê mùa ấy lại có thể gõ cửa ngân hàng mà không hề biết sợ và cũng đã nhận được những quyền lợi như mình mong muốn.

Điều đó hoàn toàn là sự thật, nhưng tại sao chúng ta vẫn luôn lo sợ người khác không tin mình? Có lẽ đây là do định kiến của chúng ta khi cho rằng chế độ tài chính tín dụng xiêu vẹo sau chiến tranh ngày ấy, hễ muốn cầm cố là phải có đặc quyền hay đặc lợi, không thì cũng phải có tài cán khác người mới có thể chạm được vào may mắn đó.

Những nhân viên hành chính hạng bét như thư ký xã, thư ký phường, những kẻ chuyên chỉ biết nói những lời thiếu tôn trọng người khác; hay những tay

lính tuần tra mà chỉ chớm trông thấy lưỡi gươm sáng lóa của họ từ đằng xa thôi, cũng đã thấy hồn xiêu phách lạc, chẳng có tội cũng ba chân bốn cẳng tháo chạy cho nhanh; những tên cai ngục đối xử với phạm nhân bị xích đầy xiềng xích ở cổ chân chẳng khác nào như với loài thú vật; cô giáo người Nhật với ánh mắt tỏ vẻ vừa khinh miệt lẫn thương hại, nhìn một người không biết một chữ tiếng Nhật như mẹ tôi như nhìn một kẻ man di lúc đến nhà, vâng vâng và vâng vâng... Có lẽ sẽ chẳng bao giờ có thể chấm dứt được khi phải liệt kê những cơn ác mộng chán ngấy của đế quốc Nhật Bản đè nặng lên tâm tư tôi những ngày thơ ấu và những ngày niên thiếu ấy.

Không chỉ có lúc đó, ngay cả sau này, đối với cơ quan tín dụng mà mẹ tôi vẫn thường nhận sự giúp đỡ một cách suôn sẻ mỗi lần thay đổi nhà cửa, tôi lại có suy nghĩ tách biệt với chủ nghĩa quan liêu phát chán và hầu như không hề có ấn tượng phản cảm về nó. Tất nhiên, không phải tôi làm ngơ với sự thật rằng ở thời kỳ Nhật Bản thống trị, cánh cửa ngân hàng hạ thấp cũng là nguyên nhân chủ yếu khiến người ta vay tiền một cách tùy tiện, rồi không trả được nợ, dẫn đến bị tước đoạt cả tài sản.

Chúng tôi gọi ngôi nhà ấy là “ngôi nhà mảnh sân hình norigae”. Bởi sân của ngôi nhà có hình tam giác trông giống như một chiếc norigae. Tất cả chúng tôi cùng hài lòng và yêu ngôi nhà đó. Anh tôi được một mình sử dụng căn buồng bên cạnh gian tiếp khách, còn căn buồng ở gần cửa được đem cho thuê. Nếu nối hai căn buồng ở hai đầu hồi của ngôi nhà hình chữ gi-yeok * ấy, sẽ thấy mảnh sân ngôi nhà có hình tam giác. Cạnh của hình tam giác không thuộc về ngôi nhà là bờ đất cao, dưới bờ đất ấy là sân sau của nhà bên dưới. Mẹ tôi đã thương lượng với nhà ở bên dưới bờ đất và đã nói rộng sân của nhà chúng tôi lấn sang cả khoảng không bên trong hàng rào, tựa như làm thành mái hiên của sân sau nhà họ. Phần sân mở rộng được chúng tôi tạo thành vườn hoa. Nhà dưới rất vui vẻ vì phía sân sau của họ bỗng dưng có mái che, còn tôi thì thích thú vô cùng vì được sở hữu cả một vườn hoa.

43 *Chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái tiếng Hàn, trông giống như chữ L.*

Chúng tôi dựng cột trong vườn bằng những thanh gỗ, lót ván ở dưới và đổ đất lên trên. Những cây hoa phấn hay những cây cúc susi cứ thế mọc lên thật tốt tươi, trông đến thích mắt. Đến mùa thu, lại có những cây dương xỉ điều hâu mọc lên um tùm, thừa sức cho chúng tôi đem chia cho cả nhà hàng xóm cùng

ăn. Nhà mới ở tận trên đỉnh, cao hơn nhiều so với căn buồng thuê lần trước, nhưng mẹ tôi lại rất hài lòng với những người hàng xóm mới. Chẳng thấy mẹ dận dưng có chơi với bọn trẻ con trong xóm nữa. Dường như điều khiến mẹ tôi thấy ghét và nói đến là rùng mình ấy là những người nhà chủ và cách sống của họ, còn với những người trong xóm, không phải với ai mẹ cũng như vậy.

Ngôi nhà ở ngay phía trước “ngôi nhà mảnh sân hình norigae” của chúng tôi là nhà của ông trưởng xóm. Nhà đó cũng sạch sẽ, tinh tươm và trồng rất nhiều hoa. Đặc biệt, họ có đến mấy luống hoa ngọc trâm, nên vào những sớm tinh mơ hoa nở, hương hoa ngào ngạt lan đến tận nhà chúng tôi. Thời ấy, con ngõ chật, nên mọi người đều chẳng đóng cửa ngoài sân bao giờ. Chúng tôi không gọi nhà đó là nhà trưởng xóm, mà gọi là nhà hoa ngọc trâm. Trong nhà ấy có một chị hơn tôi hai tuổi, mấy lần, chị đó đã đem sang cho nhà chúng tôi củ cây hoa ngọc trâm để trồng thử, nhưng chúng tôi trồng cây ấy không tốt lắm. Chúng tôi gọi nhà ở phía bên trên nhà tôi là nhà cổng lớn ***. Mẹ tôi thân thiết với cả nhà hoa ngọc trâm và nhà cổng lớn.

44 Nhà có cổng lớn riêng trước khi bước vào sân, cổng cao và có cả mái hiên.

Vừa có tiền cho thuê nhà, lại vừa có lương của anh tôi, nên mẹ tôi bớt dần công việc may vá. Hình như mẹ chỉ nhận giấu anh tôi những chỗ người ta biết tài may vá của mẹ và muốn nhờ mẹ giúp. Anh tôi thì cực kỳ có hiếu, mỗi lần thấy mẹ may đồ của người khác là lại rầu rĩ trách móc. Dù còn bé nhưng tôi vẫn nhận được ra rằng cuộc sống được sống tại chính ngôi nhà của mình, hàng tháng được nhận tiền lương, được định ra kế hoạch hàng tháng và mọi thành viên trong gia đình cùng hòa thuận đầm ấm với nhau thật đẹp để biết bao. Cho dẫu chúng tôi không già từ được phường Hyeonjeo-dong, nhưng đó cũng là thời gian chúng tôi thích nghi và bắt đầu hòa mình vào cuộc sống đô thị cả về vật chất lẫn tinh thần.

Kỳ nghỉ bắt đầu và sự chuẩn bị về quê cũng không có gì khác trước. Ngay cả tâm trạng bồi hồi trước lúc về quê và cảm giác tội nghiệp những đứa bạn học phải ở lại Seoul suốt thời gian nghỉ ấy cũng không có gì thay đổi. Song, có vẻ như bây giờ, nếu phải về quê ở hẳn thì có khi lại chẳng sống được ở quê. Khó chịu nhất là ánh đèn dầu hiu hắt. Tới gần ngày khai giảng, lúc trở lại Seoul mới thấy ánh đèn điện thật đáng mừng biết bao.

Niềm vui chẳng kém gì so với lúc được hít hà hương cỏ man mác của quê hương.

Anh tôi đã đi làm nên suốt kỳ nghỉ, anh ở lại Seoul một mình và dọn đến ngủ ở nhà chú thím để hàng ngày đi làm ở đó. Chú út tôi, sau bao nhiêu gian nan, cực khổ, cuối cùng cũng dành dụm đủ tiền mua một cửa hàng ở khu chợ Namdaemun. Cho nên lúc chúng tôi mua nhà, chú mới có thể cho mượn được một khoản không hề ít ỏi ấy. Chẳng biết có dây mơ rễ má gì với cửa hàng bán buôn cá đã từng làm thuê ngày trước hay không mà mặt hàng kinh doanh đầu tiên của chú út lại là đá. Có lẽ do gần cửa hàng thực phẩm tươi nên cửa hàng đá của vợ chồng chú út lúc nào cũng bận rộn và tấp nập.

Một trong những niềm vui của tôi ở Seoul là việc đến chơi nhà chú út. Đến tận lúc đó, hai vợ chồng chú út vẫn chưa có con, vì thế, tình thương của chú thím dành cho hai anh em chúng tôi thật vô bờ bến. Lần nào được nghỉ học trước khi về quê, tôi cũng đều đem sổ liên lạc đến khoe chú thím để nhận được những lời khen ngợi cùng bao nhiêu là thứ mang theo ngồi ăn trên tàu về quê. Điểm của tôi đến tận năm lớp ba, lớp bốn cũng vẫn thuộc hàng từ giữa lớp trở xuống một chút xíu. Nhưng chú tôi cũng tuân theo một cách vô điều kiện cách xem sổ liên lạc là văn và toán càng giỏi thì hát và thể dục càng kém càng tốt ấy của mẹ, nên tôi chẳng lấy làm cụt hứng tẹo nào. Những lần đến nhà chú út thật thích, vì được chiều chuộng, nhưng ngoài ra, tôi còn bị cuốn hút bởi không khí đặc biệt của khu cửa hàng một nửa là của người Nhật, một nửa là của người Triều Tiên, một thế giới hoàn toàn khác lạ với phường Hyeonjeo-dong. Cửa hàng nhà chú thím có kho lạnh rất to và có cả một thứ vô cùng quý hiếm vào thời đó là chiếc điện thoại. Mùa đông, chú tôi bán cả than củi, nhưng tên của cửa hàng lại lấy chung là Kouriya *.

45 Cửa hàng bán đá.

Tin vợ chồng chú út làm ăn phát đạt ở Seoul được thổi phồng lên ở nhà quê, hơn rất nhiều so với thực tế. Không ngớt những người tin tưởng chú tôi và đã tìm đến tận Seoul, người thì để tìm hiểu cách làm ăn buôn bán, người thì để tìm công việc làm thuê cho cửa hàng khác. Những người ấy đều phải nghe câu chuyện lập thân dài thật là dài của chú tôi. Đó là những ngày tháng nếm mật nằm gai khi chỉ có hai bàn tay trắng đặt chân lên đất này, rồi co ro suốt cả mùa đông dài trên căn gác xép ở kho lạnh của cửa hàng buôn bán cá của người

Nhật. Với những người đó, chú tôi cũng chỉ biết kể lẽ huyền thuyên chứ cũng chẳng giúp gì mấy cho họ, mà chú tôi cũng chẳng có đủ tiềm lực ấy. Việc nhà chú út lúc nào cũng không thừa bước chân của những người ở quê tới, điều này cũng không phải không có liên quan đến việc cửa hàng của chú nằm ngay sát cạnh ga Gyeongseong *.

Rồi cuối cùng, cũng chính từ sự đi lại ấy mà chú thím đã nhận một thanh niên cùng làng ở quê và cũng định huấn luyện anh đó theo đúng cái cách trong câu chuyện lập thân của chú. Giống như bản thân mình đã từng phải khổ sở, chú tôi cũng để người đó ngủ trên căn buồng gác xép trên trần nhà kho lạnh. Mặc dù vậy, vì thím tôi là một người gọn gàng và tốt tính, nên cách bài trí căn phòng đó cũng không đến nỗi nào. Ngày ấy, suốt một thời gian dài, người ta chuộng kiểu nhà hai tầng. Việc phải leo cầu thang mới lên được tới nơi, giống như cảm giác đang được ở nhà hai tầng vậy. Sàn nhà cũng được trải tatami * nên lại càng giống như vậy. Mà có khi cảm giác đó cũng là do tự bao giờ tôi đã mê mẩn kiểu sinh hoạt của người Nhật cũng nên.

46 Ga xuất phát và cũng là ga cuối cùng của các tuyến tàu hỏa đi và đến của các tỉnh lúc bấy giờ, nằm ở vị trí ga Seoul hiện nay. Gyeongseong còn là tên gọi cũ của Seoul. 47 Nệm rơm đặc trưng trong kiểu sàn của những ngôi nhà Nhật Bản.

Chính từ căn buồng gác xép đó, tôi bắt đầu được tiếp xúc với truyện tranh, đó là một cuốn truyện về cuộc đọ kiếm của các võ sĩ samurai, nhưng rồi đã mau chóng bị chú tôi phát hiện và mắng cho một trận. Mắng tôi xong, chú còn gọi cả người thanh niên đó đến và bảo: “Cháu đi học lớp buổi tối về, lúc nào cũng bật đèn cả đêm. Học bài, chú còn châm chước được, đằng này cháu thức đêm để ngón tiền điện vào đọc mấy thứ sách tầm bậy này há?” Vừa mắng, chú vừa lấy quyển truyện đập bôm bốp vào cái đầu trọc lóc của anh ta. Tự dưng tôi thấy có lỗi với anh chàng đó và rồi sau đấy, dù tôi có đọc sách gì đi nữa cũng chẳng thấy thú vị như truyện tranh. Đã thế, việc này chẳng được suy xét đã bị quy luôn thành hành vi bậy bạ, nên tôi lại càng chẳng thể nào quên được những cảm xúc thú vị của lần đọc cuốn truyện tranh ấy.

Một thời gian dài sau đó, những hình ảnh trong cuốn truyện cứ lớn vờn mãi trong đầu tôi. Tôi tò mò ghê gớm, không biết diễn biến câu chuyện tiếp theo sẽ như thế nào, đến mức, giá có lấy trộm ở đâu được cuốn truyện đó, tôi cũng

muốn thử một phen. Có thể đối với tư duy bây giờ, điều này thật khó tin, nhưng đó là lần đầu tiên trong đời, tôi được tiếp xúc với những câu chuyện không có trong sách giáo khoa. Cũng bởi nhà chúng tôi nghèo khó, nhưng ngày ấy, tôi chẳng nhìn thấy đứa nào trong lũ bạn học cầm đọc những cuốn truyện tranh cả.

Mẹ chỉ biết dựa vào tài kể chuyện của mình để làm cho tôi thích truyện, còn thì hoàn toàn buông lơ trách nhiệm với những ham muốn nảy sinh tự nhiên sau đó của tôi. Mỗi lần nhận sách giáo khoa mới vào đầu kỳ học, tôi lại lật giở những cuốn tập đọc hay sách đạo đức, đánh dấu lại các câu chuyện thú vị ở bên trong, và mỗi khi cảm thấy buồn chán, tôi lại lôi chúng ra, đọc thật to, điều đó chính là cách giải tỏa cơn khát truyện theo cách của tôi. Thấy tôi cất giọng đọc oang oang, mẹ lại rất vui, vì nghĩ rằng tôi đang học bài. Thấy thế, tôi lại thè ra thụt vào cái lưỡi một cách khoan khoái đến khó tả, bởi mẹ tôi đang bị tôi đánh lừa.

Phòng anh tôi cũng có một ít sách, song hầu hết chúng đều là những cuốn truyện bằng chữ Hàn, nên với tôi chẳng mấy thú vị. Ở trường không dạy chữ Hàn, vì thế ở lứa tuổi của tôi rất hiếm đứa biết đọc và biết viết chữ Hangul ***. Tôi là một trong số những đứa hiếm hoi này, nhưng vẫn còn quá non nớt để biết tự hào về điều đó.

Chữ Hangul tôi được học từ khi còn bé, lúc ở quê nhà, nên nếu có quên cũng là một việc hết sức bình thường.

48 Bảng chữ cái của người Triều Tiên, dùng để ghi lại tiếng Triều Tiên.

Nhưng tôi lại không quên được, vì thỉnh thoảng vẫn có dịp sử dụng chữ Hangul, mà tôi lại không thể không thích những dịp ấy. Đó chính là việc viết thư hỏi thăm sức khỏe ông bà nội ở quê. Tự đáy lòng, tôi luôn yêu quý ông bà nội của mình. Với tôi, quê hương và ông bà nội không phải là hai phần tách biệt, mà cùng là một khối. Tôi hiểu rằng nếu như ông bà nội tôi không ở quê thì một năm hai lần về quê ấy không thể bồi hồi và náo nức đến thế được. Nhưng nếu ông bà lại không sống ở thôn Parkjeok, mà là một nơi khác, có lẽ tôi lại chẳng nhớ hai người nhiều đến như vậy.

Ngay cả cái sự liệt nửa người của ông nội, tôi cũng thấy nó thật giống với vị thần thổ địa của thôn Parkjeok. Mỗi khi kỳ nghỉ đến gần, tôi lại thấy nhớ quay

quất những miếng hồng khô hay những viên hạt dẻ bọc trong cái khăn bốc mùi chua lôm, ướt đẫm nước miếng của ông nội. Điều đó hoàn toàn khác với cảm giác thèm ăn những thứ ấy. Bởi đó là thứ cảm xúc ngọt ngào và cô quạnh, như khi muốn nhìn thấy những mầm lá ngô rung rinh trên nền trời hoàng hôn ửng màu máu. Ai sẽ giúp ông tôi châm thuốc khi lò than của ông bị tắt lửa đây? Đứa em họ của tôi còn quá bé. À không, kỳ nghỉ lần này, nhất định tôi sẽ làm tốt mọi việc ông sai bảo, như vẫn thường được ông khen là “cái lưỡi của ông”. Bức thư mà tôi muốn viết là bức thư thể hiện những suy nghĩ tự đáy lòng ấy của tôi.

Nhưng mẹ không để cho tôi được viết thư theo ý mình. Mẹ cho rằng rằng thư từ đều có kiểu cách viết nhất định của nó, hơn nữa, không phải ai khác mà chính là những người lớn tuổi trong nhà sẽ đọc, nên lại càng không thể gửi về những bức thư không đúng kiểu cách ấy. Vì lí do đó, lúc nào mẹ cũng gọi tôi lại gần và bắt viết thư như đang chép chính tả vậy.

Thư nào cũng bắt đầu bằng một câu giống nhau. Đại loại kiểu như: “Kính gửi ông nội, thời gian qua, ông có được bình an, mạnh khỏe không ạ?”. Sau đó, lần lượt hỏi thăm mọi thành viên trong gia đình theo thứ tự vai vế, và thông báo cho tất cả mọi người rằng: “Nhờ ông bà và các chú thím ở quê, gia đình cháu trên này vẫn khỏe”. Lời lẽ chỉ hơi đổi khác đi một chút, tùy từng mùa xuân hạ thu đông, nào là: “Thời tiết bất ổn thế này thế kia nên lo lắng không biết ngọc thể ông bà ra sao”, rồi gửi lời hỏi thăm đến người nọ người kia trong gia đình, vân vân và kết thư.

Tôi phát ngấy và chẳng có chút hứng thú nào với kiểu viết chính tả như vậy, nên mỗi khi ngồi viết thư là lại cựa quậy, bứt rứt trong người không yên, thậm chí còn có suy nghĩ là giá mà không biết chữ Hàn thì đã không phải chịu đựng sự khổ sai này. Ứng dụng duy nhất của chữ Hàn với tôi tẻ nhạt như vậy, nên tôi cũng chẳng thèm để ý tới những cuốn sách viết bằng tiếng Triều Tiên. Ất hẳn nó chẳng có gì thú vị và chán ngấy hết như thế chứ không có chi khác.

Chiến tranh Thế giới Thứ hai bùng nổ đúng vào thời gian chúng tôi ở “ngôi nhà mảnh sân hình norigae”. Người Nhật gọi đó là “chiến tranh Đại Đông Á”. Chẳng biết điều này có nghĩa là gì nhưng vẫn thấy thật hào hứng.

Từ trước đó, chúng tôi đã được dạy cho quen với suy nghĩ tích cực về chiến tranh. Khi ấy, người Nhật đang tham gia vào cuộc chiến tranh Trung-Nhật mà họ gọi là “China sự biến”, còn chúng tôi thì gọi Trung Quốc là Changgolla *, và gọi Tưởng Giới Thạch là Shoukaiseki một cách miệt thị, không cần biết đúng hay sai. Những khi đánh nhau với lũ bạn, mấy tiếng “Changgolla” là câu chửi xúc phạm nặng nề nhất. Những lần chào cờ ở sân vận động buổi sáng hàng ngày, chúng tôi lại cùng tuyên thệ lời thề của “những công dân mới của Hoàng quốc”, và cùng đi đều bước vào lớp học theo tiếng nhạc của khúc quân hành. Mỗi lúc như vậy, tôi lại chợt thấy máu trong người nóng lên và đó chính là nhiệt huyết hiếu chiến giống như cần phải đánh bại điều gì để thỏa mãn lòng kiêu hãnh.

49 Từ gọi người Trung Quốc một cách miệt thị ở Hàn Quốc thời đó.

Chỉ cần nghe người ta bảo: “Sắp chiến thắng Changgolla”, thì mọi quân địch đều trở nên tầm thường. Chúng tôi cũng không ngờ được rằng trong mình lại tràn trề niềm kiêu hãnh về kẻ thù lớn của chính mình như thế. Tiếp theo “Shoukaiseki” là hàng loạt các quái vật khác cần phải tiêu diệt như “Roosevelt”, “Churchill”, và rồi tin thắng trận được báo về mỗi ngày. Lời hát “Singapore thức dậy rồi, lùi về đi nước Anh” của giọng nữ cao nổi tiếng khắp Triều Tiên lập tức trở thành câu hát thời thượng.

Ban đêm, hàng đoàn người cầm đuốc diễu quanh đường phố Seoul để tự chúc mừng cho sự kiện Nhật Bản lần lượt chiến thắng các hòn đảo ở Nam Thái Bình Dương.

Người ta còn phát cho mỗi học sinh trường quốc lập trên toàn quốc một quả bóng cao su, vì họ bảo quần đảo Nam Thái Bình Dương có nguồn tài nguyên cao su dồi dào giờ đã trở thành đất của Nhật Bản.

Thế nhưng, đúng như người ta nói: “Sự sung túc nào cũng có giới hạn của nó”. Chỉ ít lâu sau, gạo chuyển sang được phát theo chế độ bao cấp, cả giày thể thao, dép cao su cũng thành mặt hàng bao cấp. Gạo được cấp theo số cấp gạo, căn cứ theo số nhân khẩu gia đình, nhưng còn dép cao su thì lại chỉ được phân phát thông qua “lớp ái quốc”. Mỗi lớp chỉ được phát một đến hai đôi và tổ chức bốc thăm. Mỗi lần chúng tôi bốc thăm trượt ở lớp, mẹ lại than thở, bảo rằng nhà này không có duyên với bốc thăm. Đồ dùng sinh hoạt trở nên quý giá theo từng ngày.

Trước đó, lệnh thay đổi họ tên * được ban bố và khi cuộc sống trở nên khó khăn, mệnh lệnh đó lại càng được thắt chặt hơn, khiến bầu không khí thời cuộc càng trở nên ngột ngạt. Chúng tôi đã không đổi họ, vì ông tôi đã kịch liệt phản đối: “Trước khi đất rơi vào mắt ông đây, cấm đứa nào làm cái việc ấy”. Chủ hộ có quyền tuyệt đối như vậy. Chú út đang buôn bán ở khu Namdaemun thì oán trách ông nội, bởi không được đổi họ nên công việc buôn bán của chú tím mới khó khăn như vậy.

50 Chính sách thay đổi họ tên chuyển sang họ tên giống như của người Nhật Bản. Chính sách này được chính quyền Nhật ban hành năm 1940, nhằm tách biệt người Triều Tiên ra khỏi ảnh hưởng của văn hóa truyền thống của người Triều Tiên.

Còn mẹ thì kiên nhẫn chờ đợi, mong ông nghĩ lại, bởi sợ rằng việc không thay đổi họ tên sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bên ngoài xã hội của anh tôi và việc học ở trường của tôi.

Liên tiếp cả hai năm lớp bốn và lớp năm của tôi, giáo viên chủ nhiệm đều là người Nhật. Mẹ rất hay hỏi tôi rằng: “Cô giáo người Nhật đó thấy con không đổi họ như thế có nói gì hay gây rắc rối gì không?”. Tôi trả lời mẹ rằng: “Làm gì có chuyện đó hả mẹ”, lập tức, mẹ lại quay sang tự mình suy diễn: “Đây là do con không tinh ý, chứ làm gì có chuyện cô giáo không trách mắng gì”. Chẳng biết có phải vì tôi may mắn nên gặp được cô giáo tốt chăng, chứ trong ký ức của tôi hoàn toàn không có chuyện cô giáo mắng mỏ hay gây áp lực gì thậm tệ với chúng tôi, ngay cả khi trong lớp chỉ còn ba, bốn đứa không đổi họ.

Không biết những gia đình cá biệt bị liệt vào hàng “người Triều Tiên bất tuân lệnh” họ như thế nào, chứ còn với những gia đình bình thường khác như nhà chúng tôi, tất cả đều có suy nghĩ giống nhau như vậy. Chỉ trong một thời gian ngắn, việc đổi họ đã mau chóng trở nên phổ biến ở khắp nơi. Song, đó là do tôi dựa vào những gì mắt thấy tai nghe và suy đoán như vậy, chứ vẫn còn có điều gì đó thật khó hiểu. Ở thôn Parkjeok, trừ hai nhà họ Park, những nhà họ Hong còn lại, ngay từ đầu, đã mau lẹ đổi ngay sang họ Tokuyama. Người lo nhất trong nhà là chú thứ của tôi, vì chú đang giữ chân thư ký ủy ban xã, còn người luôn coi cái chức thư ký xã là sự nghiệp danh giá ở đời là ông nội. Vậy mà riêng với chuyện đổi họ thay tên này, ông lại cương quyết không chịu thay đổi ý kiến của mình, thế mới thật lạ lùng.

Đó là sự mâu thuẫn của ông nội, nhưng đồng thời cũng là sự mâu thuẫn của những người dân trong làng, những người bất chấp mọi cản trở để giữ lấy cái Tết Âm lịch là Tết của Triều Tiên, chính họ lại tỏ ra thế nào cũng được đối với việc đổi họ. Mẹ tôi cũng là một trường hợp điển hình của việc “gió thổi chiều nào, ngả theo chiều ấy”, còn tôi, tôi khao khát được đổi họ, nhưng lý do của tôi lại hơi khác với mẹ một chút. Tên của tôi nếu gọi theo tiếng Nhật là “Bokuenso”, bấy giờ tình hình căng thẳng nên hàng ngày chúng tôi phải tham gia diễn tập phòng không, mà “diễn tập phòng không” trong tiếng Nhật lại là “Bokuenso”. Phát âm hai từ giống nhau nên mỗi lúc có diễn tập phòng không, bọn trẻ lại lôi tôi ra trêu chọc. Nếu được đổi họ, tên tôi sẽ không đọc theo âm chữ Hán, mà sẽ được đọc theo nghĩa thành Hanako hay Haruko gì đó, những cái tên của con gái, nghe vừa dễ thương lại vừa chẳng thể không thấy ghen tị được.

Lại còn có đứa khoe ở nhà, chúng cũng nói tiếng Nhật. Thường thường, mẹ của những đứa như vậy còn trẻ và rất tân thời. Với nhà chúng tôi, đó là câu chuyện ngay cả trong mơ cũng không thể xảy ra được. Mẹ tôi nghe thấy chuyện đó liền tỏ ra phẫn nộ, mẹ bảo đó là những kẻ đã đánh rơi mất cả mặt. Những buổi họp phụ huynh, lúc nào mẹ tôi cũng tham dự. Cô giáo là người Nhật sẽ gọi lớp trưởng lên phiên dịch khi có phụ huynh không biết nói tiếng Nhật. Với tôi, điều đau khổ chẳng khác nào như đang bị tra tấn, đó là khi phải chứng kiến cảnh mẹ tôi trong bộ cánh sợi bông cứng đơ vì hồ quá lâu, búi tóc dựng thẳng đứng cài chiếc trâm làm bằng sừng bò và tỏ ra trịnh trọng trước cô giáo người Nhật, nói hết mọi suy nghĩ của mình mà chẳng có một chút lưu tâm đến đứa bé phiên dịch.

Song, tôi vẫn thường tự nhủ rằng hành động của mẹ ở chừng mực nào đó, chỉ là sự tự trọng mang tính cá nhân, còn chẳng liên quan gì đến ý thức dân tộc cả. Có lẽ mẹ chỉ sốt ruột bởi ý nghĩ rằng việc không thay đổi họ tên sẽ gây bất lợi nào đó cho những đứa con của mình. Còn ngoài ra, mẹ chẳng có sự chuẩn bị giúp đỡ các con trong trường hợp bị thua thiệt hay bị bức hại, phải biết cách chịu đựng vượt qua một cách hiên ngang như thế nào. Sự thành công ngoài xã hội của con cái mà mẹ trông đợi ấy, tất nhiên vẫn chỉ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của cái bóng đế quốc Nhật Bản, và mẹ tôi cũng không hơn gì những

người phụ nữ bình thường, chẳng có lấy một chút, dù chỉ bé bằng cái lỗ kim khâu, những dự cảm về vận mệnh tự chủ của Triều Tiên.

ÔNG NỘI VÀ BÀ NỘI

Việc mẹ tôi không bỏ sót một buổi họp phụ huynh nào, chỉ việc ấy thôi cũng đã đủ khiến tôi xấu hổ lắm rồi, vậy mà một ngày, đúng lúc chúng tôi đang học ở trong lớp, mẹ lại bất ngờ xuất hiện, chẳng thềm tháo cả dép cao su mà cứ thế mở toang cửa lớp, bước vào.

Thầy giáo chủ nhiệm lúc đó là người Nhật, vậy mà mẹ cứ tuôn liền một tràng tiếng Triều Tiên với những lời lẽ kính trọng vốn rất khó hiểu, như thể không biết thầy giáo là người Nhật, mẹ nói với thầy là ở quê có điện báo lên rằng ông nội đang nguy kịch, nên xin phép thầy cho đón con gái về.

Thầy giáo cũng đoán có điều gì bất thường, nên đã không gọi lớp trưởng mà gọi tôi lên để dịch. Lúc đó, tôi vô cùng hồi hộp và bị ức chế vì không thể dịch nguyên văn được những ngôn từ kính trọng hoa mỹ của mẹ, nên mếu máo như sắp khóc đến nơi, và thành ra cuộc phiên dịch trở nên lộn xộn hết cả. Nhưng dù sao, tôi cũng đã chuyển đại khái được hết ý tứ của mẹ, nên thầy giáo đã cho phép nghỉ học và giục mau lên đường về quê.

Trong lúc gấp gáp như vậy mà mẹ vẫn còn cố vớt vát, bắt tôi dịch thêm câu: “Nội quy của trường là nghỉ học trong thời gian đám tang ông nội sẽ không bị coi là vắng mặt, đúng không ạ?” để chắc chắn lại điều đó rồi mới nắm tay tôi rời khỏi phòng học. Mẹ đã chuẩn bị sẵn sàng đồ đạc để về quê, sau đấy mới ghé vào trường, nên tôi cứ thế vai đeo cặp sách, đi cùng mẹ tới thẳng ga Gyeongseong, nơi có chú thím và anh tôi đang chờ sẵn.

Mọi lần về quê, chúng tôi vẫn thường bắt tàu chậm về hướng Toseong, nhưng hôm đó, lần đầu tiên chúng tôi đã đi bằng tàu nhanh về hướng Sinuiju. Tàu chạy suốt, không dừng lại ở một ga nào và đến ga Gaeseong mới dừng lại

lần đầu. Ban đêm trời tối om, nhưng cả năm người chúng tôi chẳng ai nghỉ chân cả, tất cả cùng nhau vượt qua con đường hai mươi dặm về phía trước.

Bên trong phòng khách, ánh đèn sáng trưng và mọi người đang xì xào trò chuyện. Người ta bảo ông tôi không còn biết gì nhưng vẫn còn sống. Lần thứ ba, ông bị trúng gió nên tất cả mọi người đều hiểu đây là giây phút lâm chung. Những người ở phòng khách không cho tôi vào vì họ bảo tôi còn bé quá. Tôi cũng sợ phải nhìn thấy cảnh ông tôi nằm đó, với bóng tối chết chóc bao trùm lên toàn bộ thân thể, nên đã lẹ làng lánh đi.

Phòng trong cũng sáng đèn và chẳng có ai ngủ cả, nhưng tôi thì lại ngủ rất say và bị đánh thức bởi những tiếng kêu khóc thảm thiết. Đó là lúc bình minh. Ngay cả khi nghe thấy mọi người báo cho hay rằng ông nội mất rồi, tôi cũng chẳng nhỏ được lấy một giọt nước mắt nào. Trong suốt năm ngày diễn ra tang lễ, theo phong tục thời đó, trong nhà không lúc nào được ngưng tiếng khóc, nhưng với nhà chúng tôi, bầu không khí trong nhà lại không mang vẻ trầm uất đơn thuần, mà còn hơn thế nữa, đó thật sự là một lễ tang tận nghĩa với người đã khuất.

Người ở thôn Parkjeok và cả những làng bên cạnh mang cả con cháu tới và mọi vấn đề ăn ngủ của họ đều được tang gia thu xếp. Mọi người ai nấy đều xuýt xoa bảo người quá cố đúng là có phước, vì trong lúc tang gia bối rối mà con cháu còn chu đáo được cả những việc đó.

Tất cả đều nhờ người chú ở cùng với ông tôi đến giây phút cuối cùng. Lúc trong nhà xảy ra chuyện lớn, uy thế của viên thư ký xã đã tỏa sáng hơn cả những người lên Seoul lập nghiệp thành tài là chú út và anh tôi. Lúc đó, chú thứ nhà tôi đã là phó phòng hành chính của xã.

Trong đám tang, anh tôi là người đau buồn nhất trước sự ra đi của ông nội. Mọi người bảo lúc bố tôi mất, anh tôi cũng buồn bã ghê gớm, tới mức gầy rộc cả người, khiến mẹ tôi xót cả ruột cả gan. Lúc đó, tôi mới ba tuổi, nên trong ký ức của tôi không hề có sự ra đi của bố.

Lần này, tang chủ cũng vẫn là anh tôi nên anh tôi phải mặc tang phục và đội khăn tang đứng đó. Giờ anh tôi đã là một thanh niên đỉnh đạc, nhưng cứ nghĩ đến cảnh anh tôi, khi ấy mới chỉ là một cậu bé chưa đầy mười tuổi, đã phải mặc tang phục đứng khóc ròngh bên linh cữu của bố, tôi chợt thấy buồn đến nao

lòng, bởi hình như đó là số phận của chỉ riêng anh tôi mà tôi không được đồng sở hữu. Có vẻ như đó là nỗi niềm thương xót của tôi đối với sự mềm yếu và nhạy cảm của anh tôi.

Tôi nghĩ tới cả chuyện anh tôi không ăn được nổi một miếng thịt nào, sau khi chứng kiến cảnh người ta giết lợn, đã làm cho người lớn trong nhà phải lo lắng. Bất chợt trong tôi cũng nảy sinh một nỗi âu lo giống như thế.

Đến ngày đưa tang, một phần cũng vì phần mộ gia đình nhà chúng tôi ở gần, song, chính những tấm trướng được xếp tiếp nối nhau đã tạo thành một hàng kéo dài từ trước cửa nhà đến tận chân núi. Chiếc quan tài lộng lẫy đã làm nên một quang cảnh đám tang xa xỉ mà có lẽ ngay cả Seoul cũng không được như vậy. Không rõ có phải là phong tục thời đó không, hay là tập tục của riêng gia đình chúng tôi, mà con cháu, phụ nữ trong nhà chỉ được bám lấy quan tài kêu khóc thảm thiết rồi lặng lẽ rút lui, chứ không đưa ra tận mộ.

Xong công việc chính, mọi người được mời đến đông đủ hơn cả lúc đầu. Sau năm ngày trở thành tâm điểm ngày đêm với bao nhiêu nghi thức và trình tự phức tạp chẳng rõ đầu cuối thế nào ấy, di hài người quá cố giờ đã được yên nghỉ, nhưng sự trống vắng đi cùng với hụt hẫng sau đó mới khiến cho tang gia rối bời, không biết phải làm gì, dù rằng có nhiều người đã ở lại giúp đỡ. Bầu không khí trống rỗng, không biết phải khóa lấp bằng cách nào, còn khiến cho cả tâm hồn trẻ thơ chìm ngập trong một nỗi sợ hãi mơ hồ đến bất an. Đứng vào lúc tất cả trở nên vô cùng nhạy cảm và chỉ cần có ai động tới là có thể òa lên khóc được, mẹ tôi lại buông ra những lời thật cay nghiệt: “Cái con hơi động một tý là lại khóc với lóc, vậy mà đến lúc ông nội mất lại chẳng thèm nhỏ lấy một giọt nước mắt nào. Thế là kiểu gì hả? Thế mà lúc nào ông cũng chiều chuộng. Con chó được chủ yêu chiều những lúc như thế này còn biết nhịn ăn, nhịn uống vài ngày.

Chả thế mà người ta bảo con gái, cháu gái là một lũ nuôi tốn công vô ích có sai đâu.” Không chỉ có những lời cay độc ấy, ánh mắt của mẹ nhìn tôi cũng sắc lẹm và lạnh lùng như không còn một chút tình nào cả. Từ lúc đó, tôi bắt đầu khóc. Tôi lăn ra gào lên thảm thiết, cho đến khi mọi thứ trước mắt mờ đi và không còn thấy một chút sức lực nào nữa. Bà nội và các thím tôi thì ngỡ rằng tôi đã cố gắng kìm nén những buồn rầu trong lòng và giờ là lúc tất cả đang

bùng phát, nên họ đã chạy tới an ủi vỗ về tôi và trách mẹ tôi đã không hiểu người khác.

Tuy nhiên, cho đến tận bây giờ, tôi vẫn còn thấy rất rõ một điều rằng màn khóc lóc của tôi lúc đó không phải là do buồn rầu, mà là bởi cảm giác bị xúc phạm.

Nói thế không có nghĩa là mẹ đã đoán trúng tim đen của tôi. Cho dù trong lễ tang của ông nội, tôi chẳng hề cất lên được một tiếng khóc, nhưng hơn ai hết, lúc đó tôi đang khắc sâu vào lòng sự mất mát lớn lao khi ông ra đi, cùng tất cả những ký ức, kể cả những điều nhỏ bé, vụn vặt nhất về ông nội. Ngay đến những chi tiết tỉ mỉ trên khuôn mặt của ông mà chẳng có tấm hình nào ghi lại được, đến những câu chuyện hay thói quen nhỏ nhặt của ông mà mọi người đều lãng quên ấy, tôi vẫn nhớ được như in, dù rằng sau này, khi đã lấy chồng và mọi người đều bảo tôi có trí nhớ tốt. Song, tôi lại cho rằng điều đó không thuộc về trí nhớ và mà là do vấn đề tình cảm.

Sợi dây thừng được bện bằng sợi gai một cách chắc chắn treo lơ lửng trên xà nhà ấy dài vừa đủ cho một người có thể bám lấy, trèo lên hiên phòng khách. Trước khi bị trúng gió, ông tôi vẫn thường bám nhẹ vào sợi dây ấy mỗi lúc trèo lên trèo xuống. Sau lần ông bị trúng gió đầu tiên, tôi đã nhìn thấy mấy lần ông run rẩy bám vào sợi dây, khi ấy, ông đã hồi phục được phần nào và có thể tự ra sân hoặc chuồng xí sau nhà.

Sau khi ông mất, sợi dây thừng ấy vẫn còn được treo lơ lửng ở đó. Mỗi lần nghỉ học về quê, ngay từ đằng xa, sợi dây thừng buông dài trước gian phòng khách trống trải đã đập vào mắt tôi, khiến trong tôi chột dạ lên một nỗi niềm đau đớn, cơn đau như xâm chiếm khắp lồng ngực, tựa như trái tim đang rạn vỡ. Vì thế, việc tôi thường làm đầu tiên là chạy lại, nắm lấy sợi dây ấy như thể chạy tới một người đang chờ đợi tôi ở đó đã rất lâu rồi. Không hiểu sao tôi lại thấy yêu đến thế sợi dây nhợt nháp vì thấm đầy mồ hôi tay của ông nội. Tôi thường bám lấy sợi dây như để tận hưởng cảm xúc giống như lúc được ngồi trong lòng ông tôi, và tôi đã làm điều đó một cách kín đáo, không để cho ai phát hiện.

Tình hình chiến sự ngày càng trở nên bất lợi, những buổi diễn tập phòng không diễn ra thường xuyên hơn và chúng tôi phải mặc những chiếc quần

mompe * thay cho đồng phục. Vốn là người chấp hành nghiêm chỉnh những gì ở trường quy định, vì nghĩ rằng nếu không làm sẽ xảy ra chuyện lớn, mẹ tôi đã cắt ngay tấm vải thô đã được nhuộm đen và khâu cho tôi một chiếc quần mompe. Ấy vậy mà đến lúc tôi mặc thử, mẹ đã không kìm được những lời than vãn: “Trời đất ơi, bọn người Oa này, cái thứ khố fundoshi * tưởng đã tệ hại lắm rồi, giờ lại còn thêm cái kiểu quần gì mà lộ hết cả đũng ra thế này. Không biết còn điều gì quái gở hơn nữa đây.” Cách ăn mặc của người Nhật là điều mẹ tôi coi thường nhất trong số những phong tục tập quán của họ. Câu chuyện mà mẹ vẫn thường nhắc đi nhắc lại cho chúng tôi nghe như một sự thật lịch sử, đó là những người Nhật ngày xưa chỉ đi chân đất và bên dưới thì che bằng một mảnh vải giống như chiếc tã, họ đã đến Triều Tiên và cầu cạnh người Triều Tiên thiết kế cho họ một mẫu quần áo, giày dép phù hợp với họ. Bởi thế nên áo của họ giống như tang phục của ta, còn giày dép thì được tạo ra nhờ việc học làm cái thớt của người Triều Tiên, và đó chính là chiếc áo Haori * và guốc geta * của người Nhật bây giờ.

51 Quần của phụ nữ, ống rộng, bó ở gấu, có nguồn gốc từ Nhật Bản, thường được mặc khi lao động. 52 Còn gọi là khố Nhật - một loại quần lót truyền thống của người Nhật Bản dành cho nam giới, được làm từ miếng vải dài. 53 Áo choàng dài truyền thống của Nhật Bản. 54 Guốc gỗ truyền thống của Nhật Bản.

Lại là những định kiến vững chắc không ai có thể lay chuyển được, giống như việc mẹ tin vào câu chuyện thiếu căn cứ rằng vua Sejong đã dựa vào hoa văn trên cánh cửa để sáng tạo ra chữ Hangul, chỉ sau một đêm, như một sự thật lịch sử. Mỗi lần trông thấy những người Nhật mặc khố fundoshi, đeo kiếm và lảng vảng trên những con phố ở Namdaemun hay ở khu trung tâm vào những đêm khuya lắc khuya lơ, mẹ vẫn thường bảo đó là minh chứng sống của những phong tục Nhật Bản thời kỳ trước khi họ yêu cầu người Triều Tiên may thường phục hay lễ phục cho họ.

Nói như vậy không có nghĩa là có thể tin tưởng tuyệt đối vào những ác cảm với Nhật Bản của mẹ. Lo xong tang lễ cho ông nội, ngay sau khi chúng tôi trở lại Seoul, mẹ đã giục chú và anh tôi mau thay đổi họ tên. Đó cũng là điều tôi thầm mong muốn và đoán rằng sẽ thành hiện thực. Nhưng lần này, anh tôi lại là người đứng ra phản đối. Anh tôi bảo đã chịu được đến giờ rồi, giờ chịu thêm

chút nữa xem thế nào. Câu nói chịu đựng thêm chút nữa có gì đó giống như sự chờ đợi xem kết cục của tình hình chiến sự khẩn cấp hiện giờ sẽ ra sao, thế nên nghe thật rờn rợn.

Thái độ của anh tôi thật dứt khoát, đi cùng với khí khái thật anh hùng, chẳng giống với anh tôi lúc bình thường vốn rất yếu bóng vía một chút nào. Tôi còn bé nên có thể như vậy. Nhưng còn mẹ, người lúc nào cũng tỏ ra hơn người và ghét Nhật Bản, động một tý là miệt thị ấy, lại đinh ninh rằng kết cục của Nhật Bản cũng chính là kết cục của chúng tôi, nên ngay cả trong mơ, mẹ cũng chẳng bao giờ nghĩ rằng ngày tận thế của Nhật Bản lại là ngày mở ra một lối rẽ cho tất cả chúng tôi.

Chú út còn khiến mọi người kinh ngạc hơn cả mẹ. Chú than thở rằng nếu không đổi họ thì việc làm ăn buôn bán ở khu phố Nhật Bản của chú sẽ gặp nhiều rắc rối giống như hạt sạn lẫn trong thùng gạo. Thấy thế, anh tôi bèn đề nghị rằng nếu chú sợ như vậy thì chi bằng vợ chồng chú tách hộ khẩu rồi đổi họ đi. Sau ông nội, anh tôi là người được thừa hưởng cái quyền chủ hộ gia đình và đến tận lúc đó, quyền chủ hộ vẫn còn lớn lắm.

Đề nghị mới mẻ này của anh tôi đã khiến chú tôi rất giận và buồn lòng. “Mình đã chẳng có con cái, lúc nào cũng coi hai anh em chúng nó như con đẻ, chẳng bao giờ biết giận chúng nó. Giờ thì lại bị chính thằng cháu ấy sỉ nhục là có ý muốn cắt mình ra khỏi hộ khẩu”. Chú út than thở với mẹ tôi như thế, còn mẹ tôi thì đứng ở giữa van vỉ xin chú bỏ qua và cố hòa giải hai chú cháu.

Đến cả một viên chức tép riu ở quê như chú thứ cũng đã gặp không biết bao nhiêu phiền phức chỉ vì cái sự không đổi họ, vậy mà cũng chẳng làm gì được anh tôi.

Còn mẹ tôi thì bồn chồn lo lắng, không hiểu tại sao đứa con lúc bình thường vốn rất biết nghe lời và không bao giờ làm người lớn buồn phiền như anh tôi, bỗng dưng lại khăng khăng theo ý riêng của mình một cách hỗn hào như vậy. Ba gia đình nhỏ chưa từng có một lần bất đồng ý kiến, vậy mà giờ vì vấn đề đổi họ lại thành ra mỗi nhà một phách. Tuy nhiên, kì thực, tất cả đều ngầm thống nhất tuân thủ theo ý của anh tôi. Điều đó chứng tỏ các chú trong nhà không xem thường ý kiến của anh.

Lần đầu tiên, tôi thấy anh tôi khác hẳn với mọi người nên thấy hãnh diện một cách khó tả. Chẳng phải vì tôi đã hiểu thấu được một điều gì đó, mà chỉ đơn giản đây là một thứ ảo giác như đang chứng kiến một tinh thần cao vời với nào đó đang hiện ra sừng sững giữa thế giới vụn vặt, tầm thường. Những xúc cảm ngạo mạn đó không phải không có liên quan gì tới những trải nghiệm đọc sách tuyệt vời của tôi trong khoảng thời gian ấy.

Đó là vào năm học lớp năm, lần đầu tiên tôi có bạn thân. Đứa bạn đó chuyển từ trường khác tới và cô giáo đã ghép chúng tôi thành một cặp. Thường thường, các cô giáo có một thói quen là hay xếp đôi những học sinh mới chuyển đến với những đứa hiền lành trong thời gian thích nghi với môi trường mới. Ở lớp, tôi vốn là đứa trẻ chẳng tồn tại và chẳng được chọn giao việc gì khác ngoài cái việc ấy. Trong thâm tâm, tôi thấy mình bị coi thường, nhưng không thể để lộ điều ấy ra bên ngoài, và lại cũng không thể tỏ vẻ không thích làm việc đó.

Tôi biết rõ là mình chẳng hiền lành hay thân thiện gì, nhưng lại không có đủ dũng khí để phản bác lại niềm tin duy nhất của cô giáo dành cho tôi, nên đành phải giả vờ như vậy. Đứa bạn đó đã đổi họ thành họ của người Nhật, nhưng vẫn giữ nguyên cái tên thật quê mùa, đó là Bok-sun. Mặt mũi của nó trông cũng quê mùa và quần áo thì thuộc diện xoàng xĩnh.

Giờ học đầu tiên khi thành cặp với đứa trẻ đó là giờ Tập đọc và chúng tôi được học về thư viện. Mặc dù trong sách dạy rất tỉ mỉ về việc đến thư viện mượn sách, đọc sách xong, đem trả sách như thế nào, nhưng vì cô giáo muốn chúng tôi có kinh nghiệm thực tế về việc sử dụng thư viện nên cô đã chỉ cả đường đi đến thư viện cho chúng tôi. Tuy nhiên, chuyện đó vẫn chẳng có gì khác biệt với mọi khi. Giống như lúc có bài học về tấm gương chăm chỉ, cần mẫn và đạt được thành công, cô vẫn thường nhắc chúng tôi phải như thế, hoặc như khi học về tính trung thực, cô lại nhấn mạnh trung thực là phẩm chất đạo đức cao quý nhất. Tất cả đều chỉ là sự nghe xong rồi để đấy mà thôi.

Vậy mà Bok-sun quê mùa ấy đã rủ tôi: “Chủ nhật tới, cùng đi thư viện nhé”. Nó bảo: “Cô giáo đã nói rất rõ vị trí của thư viện công lập ấy rồi, nên tìm dễ thôi. Mình đến đó, được mượn sách thỏa thích như trong sách giáo khoa viết, như thế mới đã”. Hình như nó rành hơn tôi một điều gì đó thú vị của việc đọc sách thì phải. So với nó, tôi thật chẳng khác nào một miền đất hoang đại chưa

được khai phá. Thư viện mà cô giáo chỉ đường nằm ở vị trí Trung tâm thương mại Lotte bây giờ. Khi ấy, chúng tôi gọi thư viện đó là “Thư viện công lập” hay “Thư viện Phủ toàn quyền”. Sau ngày giải phóng, tòa nhà đó được đổi thành “Thư viện quốc gia”. Chúng tôi đã quyết định cùng nhau đến đó vào ngày chủ nhật, và trước tiên là đi về nhà nó cho biết nhà trước đã.

Nhà của Bok-sun ở phường Nusang-dong. Tôi không khỏi ngạc nhiên vì hóa ra trong thành cũng có những ngôi nhà như vậy. Phần mái hiên của ngôi nhà rơm sao lại có thể thấp đến thế, gần như chạm cả xuống đất, đúng như câu “chỉ đủ để chui ra chui vào”. Trừ mỗi điểm ngôi nhà ở trên mặt đất bằng phẳng nên có nước máy, còn lại mọi thứ kém hơn hẳn nhà chúng tôi. Ba anh em với bố mẹ, lại thêm cả bà, tổng cộng là sáu nhân khẩu, sống chui rúc trong căn nhà hai phòng bé bằng cái lỗ mũi trông thật khó có thể sống cùng nhau được. Thêm vào đó, đứa em trai duy nhất lại bị thiếu năng, cả ngày lúc nào nước dãi cũng chảy ròn ròn và luôn miệng lải nhải một điều gì đó. Mẹ nó thì hình như đang cáu giận, nên trước mặt mẹ chồng mà vẫn thản nhiên đốt thuốc hết điếu này tới điếu khác.

Tôi cảm thấy vừa thương hại lại vừa cảm phục Bok-sun, vì sống trong hoàn cảnh đó mà dường như nó vẫn giữ được nét hồn nhiên, không một chút vẩn đục. Nó tự chạy vào bếp, lấy cái thìa gầy cào cào mấy nhát, lột vỏ củ khoai tây rồi đem hấp lên để đãi tôi. Cả thái độ không một chút giả tạo ấy của nó cũng đã khiến tôi vô cùng cảm động. Tôi nhận ra rằng có lẽ cuối cùng thì mình cũng đã có bạn. Điều này không có nghĩa là cho đến lúc đó, tôi chẳng có nổi một đứa bạn nào để chơi.

Vậy mà Bok-sun lại là đứa bạn lần đầu tiên có thể lấp đầy cơn khát tình bạn trong tôi.

Tôi nói với mẹ rằng việc đến thư viện là bài tập ở trường, thế là lập tức được mẹ cho phép ngay. Đó là một buổi sáng ngày nghỉ, con đường từ nhà Bok-sun đến thư viện với tôi quả thật vừa xa vừa lạ. Với Bok-sun cũng là lần đầu tiên, và tòa nhà mà hai chúng tôi không biết ngại ngùng, phải hỏi hết người này đến người nọ, vất vả mãi mới tìm được ấy, trông không có vẻ đơn giản như một tòa nhà dành cho những đứa trẻ. Tòa nhà thư viện có tường gạch màu đỏ, được bao phủ bởi một không gian tĩnh mịch đầy quyền uy, khiến chúng tôi chẳng thể

nào định thần lại được để mà bước vào đâu hay phải làm những gì để mượn được sách.

Chúng tôi sợ đến mức không dám cả việc đưa mắt nhìn quanh không gian lạnh lẽo, tối tăm, âm đạm, mà chỉ thót tim lại, rón rén ngó qua lần lượt những cánh cửa đang mở, đúng ngay vào lúc ấy, có một người bảo vệ mặc đồng phục chạy tới. Trong khi tôi còn đang đứng ngây ra đó như thể bị bắt quả tang vì vừa gây ra chuyện gì đó tồi tệ, thì đứa bạn đi cùng đã trả lời rất rõ ràng, rành mạch rằng chúng tôi đến đây để trực tiếp tham quan và học cách sử dụng thư viện vừa được học ở sách giáo khoa. Người bảo vệ, trước đó còn trợn mắt lên như thể sẽ tống cổ chúng tôi ra khỏi đây ngay lập tức ấy, dường như đã cảm động trước sự thông minh của đứa bạn tôi. Ông ấy thốt lên: “À, ra là thế, mấy đứa này đúng thật là...” và bảo chúng tôi rằng ở thư viện này không có phòng đọc cho trẻ em, phải sang thư viện khác cơ.

Thư viện khác mà người bảo vệ chỉ cho chúng tôi cũng ở gần đó. Đó là Thư viện Phủ * lập, ở ngay phía đối diện với cửa chính của khách sạn Choson bây giờ. Sau ngày giải phóng, nơi ấy được biến thành Khoa răng hàm mặt của trường đại học Seoul và còn thay đổi mấy lần sau đó. Nhưng vào thời điểm ấy, nó là tòa nhà thư viện lớn thứ hai sau thư viện Phủ toàn quyền. Tòa nhà thư viện ấy cũng sừng sững và âm u, không dễ gì cho những đứa trẻ quê mùa như chúng tôi có thể sử dụng được. Phòng đọc dành cho thiếu nhi là tòa nhà một tầng nhỏ bằng phòng học ở trường, tách biệt hẳn với tòa nhà chính.

55 Đơn vị hành chính cao hơn “gun (quận)” trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng. Tương ứng với “si (thành phố)” ngày nay.

Chúng tôi vào được bên trong và chẳng cần bất cứ trình tự thủ tục nào, chỉ có một bác trông giống như thầy giáo đang ngồi trước một cái bàn. Toàn bộ bức tường đằng sau bác ấy là các giá sách và tất cả được thực hiện theo chế độ đọc tự chọn, ai cũng có thể tự do lấy sách ra đọc. Chẳng có trình tự hay thủ tục nào để mượn đọc như ghi chú trong sách giáo khoa. Hệt như giá sách ở nhà mình vậy, có thể tùy ý lấy sách ra đọc, chán thì lại cất vào và lấy quyển khác và dẫu có lặp đi lặp lại vài lần như vậy cũng không sao. Thậm chí, có những đứa chẳng đọc tý gì, chỉ toàn nghịch ngợm như thế. Bác đó chỉ ngồi nhìn bọn trẻ chứ cũng chẳng quát mắng phải thế này thế nọ. Và bác ấy cũng đọc sách cả

ngày. Đó thật là một nơi đặc biệt, mà ngay cả trong mơ, tôi cũng chẳng bao giờ trông thấy.

Hôm đó, cuốn sách lần đầu tiên tôi mượn đọc là cuốn *Les Misérables* * dành cho thiếu nhi, đã được lược gọn cho dễ đọc, dưới cái tên “A, a, vô tình”. Tất nhiên là sách bằng tiếng Nhật và được kể lại bằng các tranh vẽ đẹp không thể tả, nên lúc đọc, vừa thấy hào hứng, lại vừa không khỏi thốt lên trầm trồ. Cuốn sách tuy đã được lược gọn nhưng vẫn khá dày, dù tôi đã cố đọc nhanh cho kịp giờ thư viện đóng cửa, vậy mà vẫn không thể đọc hết được. Họ không cho mượn về nhà. Tâm trạng của tôi khi phải bỏ lại cuốn sách còn đang đọc dang dở ấy giống như bị bỏ lại một nửa linh hồn ở đấy. Cảm giác hụt hẫng vừa giống lúc bị lấy mất cuốn truyện tranh ở căn gác nhà chú tôi, lại vừa nhiều hơn cả thế. Thậm chí có thể nói quá lên rằng sắp phát điên lên được. Đứa bạn của tôi thì đọc *Nàng công chúa nhỏ* * và nó khoe đã đọc hết rồi. Cả hai chúng tôi đều rất hào hứng kể cho nhau nghe những nội dung đã đọc trong sách và hẹn nhau chủ nhật tuần sau sẽ lại tới đây.

56 *Tiểu thuyết Những người khốn khổ của đại văn hào Pháp Victor Hugo (1802-1885).* 57 *Truyện dịch từ cuốn A little Princess của nữ văn sĩ người Anh Frances Hodgson Burnett (1849-1924).*

Mẹ tôi chẳng cần biết sự thể ra sao, chỉ thấy vô cùng thán phục trước việc tôi đến thư viện vào ngày nghỉ hàng tuần. Còn anh tôi thì biết tôi đến đó không phải để học, mà là để đọc truyện tranh, nhưng vì tin tưởng vào những cuốn sách được trang bị ở thư viện nên anh đã chẳng nói gì. Kể từ ngày hôm đó, với tôi, việc cuối tuần đi đến thư viện và đọc một cuốn sách đã trở thành những tia sáng huy hoàng của những ngày thơ ấu, đồng thời, Bok-sun với tôi đã trở thành một đôi bạn ngày càng thân thiết.

Khi ấy, tôi đã đọc câu chuyện về người ăn mày hạnh phúc vì nằm mơ được trở thành ông vua, hay câu chuyện ông vua bất hạnh vì đêm nào cũng mơ thấy mình trở thành ăn mày, và tất nhiên là cả câu chuyện “*Nàng công chúa nhỏ*” mà Bok-sun đã đọc. Cô công chúa Sara bé nhỏ đã bị bắt làm hầu gái, đêm nào, cô bé cũng tự mình trải nghiệm sự ấm cúng của chiếc lò sưởi ấm áp và những món ăn ngon lành, nóng hổi đang chờ đợi cô bé trở về nhà trong những giấc mơ. Với tôi, phòng đọc dành cho thiếu nhi của Thư viện Phủ lập chính là thế giới của tất cả những giấc mơ ấy.

Những cây dương ở bên ngoài cửa sổ thế giới giấc mơ của tôi mọc cao hơn rất nhiều so với mái nhà một tầng của phòng đọc thiếu nhi. Vào mùa hè, tán cây tỏa sáng lấp lánh tựa như vô số những đồng bạc đang treo lơ lửng trên đó. Đến mùa đông, những nhành cây vươn lên khỏe khoắn hướng về phía bầu trời buốt giá như muốn thể hiện một ý chí mãnh liệt và ẩn giấu một sức cảm hóa tiềm tàng. Đôi khi, những cảm xúc thú vị của việc đọc sách lại không có trong sách, mà lại ở ngoài sách. Đang đọc nửa chừng, tôi chợt ngược nhìn lên bầu trời hay những tán lá xanh bên ngoài cửa sổ. Khi đó, những thứ tưởng chừng thật bình thường khi ta nhìn thấy chúng lúc đi ở bên ngoài ấy trông mới thật khác lạ làm sao. Tôi cảm nhận được niềm vui đến bồi hồi trước vẻ mới lạ của sự vật.

Lên lớp sáu, mặc dù việc chuẩn bị thi vượt cấp không giống như bây giờ nhưng cô giáo chủ nhiệm lớp lại nghiêm khắc hơn, cho nên sau khi kết thúc giờ học chính quy, chúng tôi phải ở lại học muộn hơn và làm cả bài thi thử nữa. Tuy nhiên, Bok-sun và tôi vẫn không thể từ bỏ được thói quen đến thư viện đọc sách vào những ngày cuối tuần. Bài tập được giao rất nhiều, nhưng chỉ đến thứ bảy thôi là cả hai đã cùng nhau hoàn thành tất cả. Bok-sun và tôi luôn đi cùng nhau nên cô giáo và các đứa bạn trong lớp đều biết chúng tôi là một đôi bạn. Bok-sun học rất giỏi. Còn tôi, sau khi ghép cặp với Bok-sun, điểm số của tôi cũng cao hơn. Có vẻ như ý nghĩ không muốn đánh mất người bạn cùng cặp với mình đã khiến cho ý thức cạnh tranh chẳng thể hình thành được giữa hai đứa thì phải.

Quy định của tất cả các trường học quốc lập là từ năm lớp bốn, những buổi dã ngoại được thay thế bằng những chuyến đi tham quan. Địa điểm tham quan cũng được định sẵn từ trước, năm lớp bốn là Incheon, năm lớp năm là Suwon, năm lớp sáu là Gaeseong. Gọi là tham quan nhưng không phải ngủ đêm tại đó, mà chỉ đi bằng tàu hỏa một ngày rồi về, song, người ta vẫn gọi như vậy.

Tôi chẳng thích việc đi tham quan ở quê nhà chúng tôi chút nào và đã rất lo lắng về điều đó. Chẳng phải vì tôi đã quá biết về Gaeseong nên không còn thấy hào hứng nữa. Thật ra, mỗi lần về quê, tôi thường chỉ về thẳng nhà chúng tôi chứ chẳng kịp thăm thú đây đó ở Gaeseong. Điều tôi lo lắng chính là việc mẹ tôi đã viết thư báo trước cho bà nội, thế nên nếu bà nội và chú tôi ra đón thì tôi sẽ phải làm như thế nào đây?

Tất cả mọi thành viên trong gia đình chúng tôi đều rất coi trọng việc ra đón và đưa tiễn ở ga mỗi lần chúng tôi về quê. Lúc nào về quê nghỉ hè cũng vậy, mẹ nhất định phải gửi anh tôi cho vợ chồng chú út để cùng về quê rồi cùng quay lại Seoul với tôi, đã vậy, mẹ lại còn làm náo động đến cả gia đình của hai chú, khiến mọi người đều phải ra tiễn và đón chúng tôi. Càng lớn, tôi càng thấy ghét điều đó. Thật vô lý khi gia đình nhỏ và gia đình lớn lúc nào cũng dính chặt với nhau như chẳng có sự riêng tư của một gia đình. Đã vậy, lại càng ghét hơn khi mẹ và bà nội lúc nào cũng coi tôi như một đứa trẻ con vậy.

Ngày ấy, để mua vé tàu đi Gaeseong, chúng tôi thường phải đứng sát vào chỗ bán vé đi Bongcheon, vì cả hai đều cùng hướng đi Gyeonguiseon. Lúc soát vé cũng giống y chang như vậy. Tôi không nhớ rõ hai chuyến tàu đều chạy cùng hay khác thời điểm nữa, chỉ nhớ đó là khoảng thời gian khổ khổ nhất, vì phải ra sớm, rồi chờ đợi xếp hàng, giống như bị số phận khổ ải dày đọa vậy. Khi lại gần mới thấy những người khách đi Bongcheon trông hoàn toàn khác với những người khách trong nước. Họ mang theo nào là chăn gối, bọc nọ bọc kia... rất nhiều đồ đạc. Chỗ này có ông già đang ngồi ngủ gật bên chiếc bọc treo tùm tùm những chiếc gáo múc nước, chỗ kia lại có những đứa trẻ ngồi chày nước miếng vây quanh những chiếc bánh gaeteok, chobap ^{*}.

58 *Gaeteok*: Bánh bột nếp trộn vừng nặn hình tròn dẹt; *chobap*: cơm nắm.

Đa số là cả gia đình già trẻ lớn bé cùng di chuyển, nên tất cả thật ồn ào và nhếch nhác.

Bongcheon là vùng đất không có trên bản đồ của Triều Tiên. Người ta bảo đó là vùng đất Mãn Châu, ở rất xa, phải đi mất một đêm một ngày nữa mới tới. Bongcheon là một nơi duy nhất của nước ngoài mà tôi chỉ bước chân dịch sang bên cạnh chút xíu là có thể tới được. “Bongcheon, tàu đi Bongcheon sắp khởi hành”, tiếng loa thông báo soát vé đi Bongcheon vừa vang lên, lập tức hàng người đó trở nên nhốn nháo hẳn; bản thân tôi cũng thấy tim mình đập loạn xạ trước ý nghĩ muốn thử khẽ nhích vào dòng người hàng lối lộn xộn ấy để một lần thoát khỏi vòng tay che chở của gia đình xem thế nào. Điều ấy không phải là giấc mơ về một vùng đất chưa được biết đến, mà đơn giản chỉ là một giấc mơ dạt nhà mà thôi.

Đó là lúc tôi chẳng nghĩ ngợi gì cả, chỉ thấy chán ngấy sự can thiệp của gia đình. Càng như vậy, tình bạn của tôi và Bok-sun lại càng trở nên gần bó hơn.

Ngày chúng tôi đi tham quan Gaeseong, mẹ tôi ra tận ga Gyeongseong để tiễn và còn dặn dò rằng: “Đến ga Gaeseong, nếu không thấy ai ra đón thì đừng có buồn, cứ đi chơi vui vẻ rồi về”. Cầu trời cho đừng có ai ra đón. Nhưng ý nghĩ rằng nhất định sẽ có ai ra đón ấy đã khiến suốt cả quãng đường ngồi trên tàu của tôi chẳng thể thư thái được chút nào. Và rồi tàu đã tới ga Gaeseong. Học sinh lớp sáu có tất cả sáu lớp. Đúng lúc chúng tôi đang xếp hàng theo lớp để kiểm tra sĩ số ở trước sảnh của nhà ga Gaeseong, bất chợt ở đâu đó có tiếng gọi tên tôi: “Wan-suh, Wan-suh à”. Bà nội tôi đang chen vào giữa đám đông và cất tiếng gọi to như một người chẳng cần biết đến luật lệ hay quy tắc nào hết. Không phải chú tôi mà lại là bà tôi. Thật là xấu hổ chết đi được, giá mà có thể tan biến ngay được lúc đó thì tôi cũng muốn tan biến đi.

Bà tôi mặc chiếc áo Hanbok bằng vải phin hồ cứng, trên đầu đội một cái bọc bằng vải gai dầu. Tôi cúi gằm xuống đất, giấu đi khuôn mặt đỏ ửng vì xấu hổ và tức giận, định giả vờ coi như không biết và nắm chặt lấy tay của Bok-sun. Tên tiếng Hàn của tôi hình như chỉ có Bok-sun biết thì phải. Thật đúng là không phải với bà nội của tôi, nhưng tôi vẫn nhắm chặt hai mắt lại và coi như tai không nghe thấy gì để thoát khỏi tình cảnh này, ý đồ của tôi là như vậy đó.

Nhưng rồi bỗng nhiên, bởi gọi mãi mà chẳng thấy tác dụng và hỏi hết đứa này đứa nọ đều không được, nên bà tôi bắt đầu gọi bằng cái tên tiếng Nhật của tôi mà chẳng biết bà đã học được từ đâu. Dù đó là một giọng phát âm ngắn lười mà chẳng ai có thể nghe được, nhưng tôi đã không thể chịu đựng được hơn nữa. Tôi run lên, cảm thấy phẫn nộ với chính bản thân mình vì đã bắt bà nội phải phát âm thứ tiếng khó nhọc ấy. Những lúc ấy, khóc lóc là sở trường của tôi. Tôi gào lên: “Bà ơi!” và chạy nhào tới ôm chầm lấy vạt váy cứng đờ của bà, bắt đầu thốn thức. Bà tôi cũng nghẹn ngào: “Trời đất ơi, con chó con của bà, con chó con của bà”, rồi liên tục vỗ nhẹ vào lưng tôi.

Vậy là hai bà cháu chúng tôi đã có một cuộc tao ngộ đầy cảm động giống như ở cách nhau tới vài ngàn dặm mà lâu lắm mới được gặp nhau vậy. Tất cả bọn trẻ đều vây quanh và chú mục vào chúng tôi. Bà tôi bắt đầu tháo chiếc bọc vải gai dầu ra. Trong đó lại có ba chiếc bọc nhỏ nữa. Đó là bánh songpyeon *. Hình như bà đã bắt con dâu phải thức cả đêm để nặn bánh cho kịp buổi sáng còn hấp và mang ra ngoài này, nên bánh vẫn còn ngào ngạt mùi lá thông và mùi dầu vừng.

59 *Bánh bột gạo tẻ hấp, nhân táo đỏ, vừng, đậu v.v... được nặn hình con sò, là món ăn không thể thiếu của người Hàn Quốc vào ngày lễ Chuseok.*

Chẳng hiểu sao lúc ấy trong tôi lại chỉ tồn tại có mỗi một suy nghĩ là xấu hổ với lũ bạn. Mong sao cho khoảng thời gian nhục nhã này qua mau. Tiếng còi chình đốn lại hàng ngũ đang tán loạn của cô giáo vừa vang lên, bà tôi liền dặn dò kỹ càng rằng ba bọc songpyeon này, một bọc để biếu cô giáo, một bọc để mang lên Seoul chia cho nhà chú út, một bọc để chia cho các bạn. Dặn dò xong xuôi, lúc đó bà mới quyến luyến chia tay với tôi.

May là hôm ấy cô giáo chủ nhiệm của tôi bị gãy chân nên đã không đi tham quan được, một cô giáo khác lãnh trách nhiệm phụ trách chúng tôi. Tôi cứ sợ biết đâu bà tôi lại muốn chào cô giáo chủ nhiệm, nên đã mau lẹ thì thầm vào tai bà việc đó rồi bảo bà về luôn đi. Lòng dạ tôi thật ngổn ngang khi biết rằng bà tôi vẫn đứng từ xa ngóng về phía chúng tôi đang xếp hàng và lần lượt rời khỏi sân ga Gaeseong. May sao Bok-sun chẳng nói gì, chỉ lẳng lặng mang cùng tôi số đồ đạc bỗng dưng phát sinh ấy.

Trong suốt khoảng thời gian đi theo hành trình đã được định sẵn từ trước đó là cung điện Manwoldae *, cầu Seonjukkyo *..., tâm trạng của tôi thật u ám. Cả lúc nghỉ ăn trưa, tôi cũng không đem chia bánh songpyeon.

60 *Cung điện của vương triều Korea (918-1392) ở Gaeseong.* 61 *Cầu đá có từ thời Korea ở Gaeseong.*

Tất nhiên tôi cũng chẳng đem biếu cô giáo. Bởi dù gì thì tôi cũng đã lớn rồi nên không thể không cảm thấy hối hận vì tại sao mình lại có suy nghĩ xấu hổ do bà cơ chứ. Tuy nhiên, không rõ có phải chỉ vì mỗi sự ăn năn ấy làm cho tâm trạng tôi buồn chán như vậy hay không. Trong lòng tôi chia ra làm hai nửa, một nửa là cảm giác hối hận vì tại sao mình lại như thế, một nửa là suy nghĩ không thể cưỡng lại được, rằng tại sao gia đình chúng tôi lại như vậy? Mỗi quan hệ gần bó khăng khít và sự quan tâm quá mức của những thành viên ruột thịt trong gia đình đã dần dần khiến tôi cảm thấy phát cáu, như đang bị kìm kẹp đến mức không thể chịu đựng hơn được nữa.

Đêm đến, khi tôi về tới ga Gyeongseong, đã có anh tôi chờ sẵn ở đó. Bok-sun, người bạn tận tụy mang giúp tôi bọc bánh songpyeon cho đến tận lúc trao cho anh tôi và thấu hiểu được tâm trạng rối như tơ vò của tôi, cuối cùng cũng

chẳng được nếm thử một miếng bánh songpyeon nào. Tôi và anh tôi rẽ vào khu vực Namdaemun để qua nhà chú út và tháo bọc bánh ra chia đều cho hai nhà.

Vợ chồng chú út tấm tắc bảo giá mà vợ chồng chú thứ nghe được những lời khen nhỉ? Chuyến đi tham quan của năm cuối trường quốc lập đã kết thúc một cách buồn bã như thế.

ANH TRAI VÀ MẸ

Bầu không khí bại trận của Nhật Bản ngày một dày đặc khiến cho cuộc sống càng trở nên khó khăn. Chế độ tòng quân tự nguyện áp dụng cho thanh niên Triều Tiên được đổi thành chế độ nhập ngũ bắt buộc. Anh tôi tuy không bị gọi nhập ngũ nhưng lại có chế độ huy động người lao động tòng quân, nên cũng chẳng biết sẽ bị gọi nhập ngũ lúc nào. Mẹ than thở bảo giá mà anh cứ chịu ở Phủ toàn quyền thì đã chẳng bị vướng vào chuyện nhập ngũ. Anh tôi thì lại trấn an mẹ rằng xưởng sắt Watanabe giờ đã thành nhà máy sản xuất quân dụng rồi nên mẹ không cần phải lo lắng. Song, dường như anh tôi không cảm thấy may mắn với điều đó thì phải.

Khi ấy, ở Triều Tiên có một hạ sĩ tên là Lee In-seok, người này đã xung phong nhập ngũ sớm nhất và được phong tặng danh hiệu anh hùng, đồng thời cuộc đời của anh ta đã được viết hẳn thành một bản naniwabushi, một loại hình ca kịch Nhật Bản giống như thể loại kịch hát diễn xướng của Triều Tiên. Kể từ lúc việc tòng quân trở thành phong trào, ngày nào bài hát đó cũng được phát sóng. Anh tôi cứ nghe thấy tiếng nhạc ấy là lại gắt gỏng bực mình, bắt tắt đi ngay lập tức.

Từ học kỳ thứ hai trở đi, không thể không chuyên tâm vào việc ôn thi chuyển cấp. Chân cô giáo chủ nhiệm lại đau khá nặng, trong lúc nghỉ ở nhà, cô vẫn liên lạc thường xuyên với lớp trưởng để giao đề thi thử, chấm điểm, rồi gửi lại cho chúng tôi, thậm chí chỉ đạo cả việc phạt. Cô giáo là người Triều Tiên, cô có một con gái và mẹ tôi rất hài lòng với cô chủ nhiệm. Bởi có những cô giáo là người Triều Tiên dùng tiếng Nhật và thông qua phiên dịch để nói chuyện với những phụ huynh không biết tiếng Nhật, còn cô giáo chủ nhiệm

của tôi, chỉ với việc cô không giống như họ cũng đã đủ gây thiện cảm với mẹ tôi rồi.

Vậy mà hình phạt của cô giáo dành cho chúng tôi thật kỳ quặc và hãi hùng hết chỗ nói. Lớp sáu có sáu lớp, trong đó có hai lớp học sinh nữ. Cô giáo liên tục khơi dậy ý thức cạnh tranh với các lớp khác, tất nhiên cũng vì mục đích nâng cao điểm số của chúng tôi. Bởi thế, chỉ cần sau kỳ thi đánh giá toàn quốc, điểm của lớp chúng tôi thấp hơn lớp đó một chút thôi, lúc ấy không cần biết điểm số cá nhân thế nào, cả lớp đều bị phạt và cô giáo biết dùng hình phạt để chẳng phải động đến một ngón tay cũng vẫn có thể trừng phạt chúng tôi một cách vô cùng nghiêm khắc. Đó là bắt từng cặp chúng tôi đứng đối diện nhau và tát vào má của nhau cho đến khi nào cô giáo bảo dừng lại mới thôi.

Có vẻ như nếu để cho chúng tôi được tự tát nhau thì sẽ chỉ tát nhẹ, song thực tế lại không phải như vậy. Bởi chỉ cần phát hiện ra cặp nào có dấu hiệu tát nhau nhẹ, cô chỉ khẽ cười khẩy và dọa rằng nếu tiếp tục giở trò lừa bịp như thế, cô sẽ để cho đứng tát nhau không bao giờ được ngưng tay. Nhưng hơn thế, đó còn là việc không thể thoát khỏi cảm giác đối phương vừa đánh mình đau hơn, nên cho dù có cảm thấy oan ức, khi được tát, vẫn chột có ý muốn tát mạnh hơn cả đối phương. Hãy thử tưởng tượng xem. Cảnh những đứa con gái mới mười ba, mười bốn tuổi, đứng đối diện nhau và cùng đẩy lòng thù hận lên đến vô hạn, trừng phạt lẫn nhau cho đến khi những gò má đẹp như những bông hoa bị tấy đỏ lên mới ngừng. Đó thật đúng là con đường dẫn đến địa ngục, không có lối thoát.

Bok-sun và tôi điểm số thường giống nhau, chiều cao cũng sần sần như nhau, nên khi xếp theo thứ tự điểm số hay chiều cao, chúng tôi rất hay bị ghép thành một cặp. Hai đứa tôi cũng không ngoại lệ. Niềm căm phẫn tăng dần theo những cái tát với cường độ mỗi lúc một mạnh hơn. Đến một ngưỡng nào đó, với chúng tôi, việc đứa nào tát đau hơn chẳng thành vấn đề, mà chỉ còn lại một động lực phi nhân tính trong người khiến cả hai đứa không thể dừng tay được. Khi cô giáo ra lệnh ngừng tay, nỗi căm hờn trong chúng tôi lập tức biến thành cảm giác xấu hổ và ngay lúc ấy, không thể nào nhìn mặt nhau được. Đó quả là một thứ hình phạt mà chỉ nghĩ đến thôi cũng đủ thấy rùng mình. Thật không hiểu nổi tại sao cô giáo tôi, một người mà theo như lời của mẹ, thật nhã nhặn và có cảm tình nhất trong số những cô giáo chủ nhiệm từ trước tới giờ ấy, lại

có thể ép những đứa trẻ ở lứa tuổi chúng tôi phải trải qua những giờ phút đầy thú tính như thế.

Mẹ tôi muốn tôi đỗ vào trường trung học nữ Gyeonggi. “Chỉ cần muốn thì chẳng có chỗ nào là không thể vào được”. Câu nói này của cô giáo chủ nhiệm đã trở thành nguyên nhân của mọi tai họa. Sáu năm trời, tôi chưa từng một lần đạt học sinh ưu tú, bản thân tôi cũng tự biết rằng điểm số của tôi không bằng những đứa nằm trong danh sách sẽ đậu vào trường nữ Gyeonggi của cô giáo. Không có lý nào mẹ lại không nhận ra điều đó.

Mẹ vốn là người tham lam nhưng lại không có gan đối với những điều quá mạo hiểm. Vì thế, với mẹ tôi, cần có cơ gì đó để từ bỏ bớt lòng tham. Và thế là mẹ lại bắt đầu oán trách anh tôi một cách vô cớ rằng giá mà ngày trước chịu cho đổi họ, thì giờ có thể để tôi thi vào trường nữ Gyeonggi được rồi, giờ mà nếu thi vào đó, thế nào cũng lại vướng vào chuyện ấy cho coi. Câu chuyện đổi họ đã im ắng khá lâu, nay lại được đem ra bàn cãi.

Mẹ đã đem vấn đề đó ra thảo luận với cô giáo chủ nhiệm để nhận được sự chắc chắn cho suy nghĩ của mình. Cô giáo đã tránh câu trả lời rõ ràng và chỉ đưa ra ý kiến chung chung, là tuy không có quy định ấy, nhưng vì đó là trường công lập nên có thể sẽ gặp bất lợi trong trường hợp xét bằng điểm. Với mẹ, điều đó đã trở thành một cái cớ rất chính đáng. Tôi thấy bức mình với mẹ, vì biết đó là điều bất đắc dĩ, thế mà mẹ vẫn quấy rầy anh, tôi thấy phục anh tôi vì có thể kiên nhẫn chịu đựng được những cơn bức bối của mẹ. Tôi có cảm giác phải giúp đỡ anh tôi, người mang trong mình một niềm tin nào đó mà cả mẹ lẫn tôi đều không thể đoán biết được.

Tôi đã thuyết phục mẹ và thi vào trường nữ Sukmyeong.

Ngày đó, trường học được cô giáo dựa vào điểm số để gợi ý chỉ có tính chất tham khảo, còn quyền tự do lựa chọn thi vào trường nào tùy thuộc vào hoàn cảnh và sở thích của cá nhân vẫn được tôn trọng hơn cả. Bok-sun chọn trường Gyeonggi, điều ấy cũng là một trong những lý do khiến tôi tránh trường đó. Liệu có phải vì chúng tôi suốt ngày dính với nhau nên đã chán nhau rồi chẳng? Hay như bây giờ người ta nói tình cảm cần thời gian xa nhau để thử thách? Bạn tôi cũng đồng cảm với suy nghĩ rằng chúng tôi phải chia tay. Hai chúng tôi, những đứa trẻ đã bị nhiễm ảnh hưởng của các cuốn truyện thiếu nữ ủy mị,

đã cùng quyết định sẽ đổi trao nhân duyên bằng những lá thư và lên kế hoạch cho cuộc ly biệt một cách thật khác người.

Ngay cả khi tôi nộp đơn vào trường Sukmyeong, mẹ vẫn không ngừng lo lắng về việc không đổi họ. Giờ lại thêm cả nỗi lo tôi sẽ bị đánh trượt khi kiểm tra sức khỏe.

Tôi thấu hiểu được sự lo lắng ấy của mẹ và biết rằng mẹ tôi đã đang âm thầm chuẩn bị một lý do nào đó khi chẳng may tôi không đỗ vào trường đó được. Ngay cả trong mơ, mẹ cũng không muốn nói rằng tôi bị trượt vì học lực không đủ. Chẳng hiểu mẹ nghe được thông tin vu vơ từ đâu rằng nếu cân nặng không đủ bao nhiêu đây thì người ta sẽ đánh trượt, thế là mẹ đã ra sức làm mọi việc chỉ để khiến cho trọng lượng của tôi tăng nhanh.

Tôi thuộc diện rảnh rỗi nhưng người lại ốm nhom. Bok-sun cũng chỉ cao bằng tôi, nhưng khuôn mặt bầu bĩnh và dáng người lại mập mạp, nên ở lớp nó có biệt danh là “đa phúc”. Chúng tôi lúc nào cũng cặp kè với nhau, thân đến mức chẳng bao giờ phân biệt cái này của tớ, của đấng ấy, nên ngay cả cô giáo cũng thường đùa với Bok-sun là: “Sẻ cho bạn ấy ít thịt đi”. Không có lý nào những thứ thịt lại mọc thêm ra được chỉ vì sự nóng lòng của mẹ. Hôm kiểm tra sức khỏe, mẹ nhét đầy nhẫn bạc này nọ vào mọi góc ngách bên trong áo của tôi cho vừa đủ số cân nặng. May mà ngày đó mẹ tôi là người tiên phong trong việc chế giễu cái chuyện cho con ăn kẹo kéo hay cơm nếp vào ngày thi mà ai ai cũng làm. Chứ giả sử mẹ tôi là một người u mê với những điều mông muội ấy thì mọi chuyện sẽ thế nào nhỉ? Chỉ cần tưởng tượng thôi, tôi cũng đã muốn ôm lấy bụng mà cười. Cả Bok-sun và tôi đều vượt qua kỳ thi một cách không mấy khó khăn. Kỳ thi vượt cấp diễn ra trước khi tốt nghiệp nên ngay cả khi đã thi đỗ, chúng tôi cũng vẫn đi học như mọi ngày, còn cô giáo thì giảng bài qua loa.

Có lúc cô còn kể chuyện về những vở ca kịch cô vừa mới xem, có lúc lại nói những chuyện giống như giáo dục giới tính ngày nay. Cô còn bảo những đứa trẻ thi đỗ nên dành thời gian để đi điện thờ tạ lễ. Trước ngày thi, chúng tôi cũng đã xếp thành từng đoàn, đến đó để cầu được thi đỗ.

Một hôm, Bok-sun rủ tôi đi điện thờ tạ lễ. Dù trước đó cô giáo đã nhắc tới rồi, nhưng khi nghe Bok-sun đề nghị, tôi vẫn thấy có gì đó thật lạ. Chúng tôi cũng chẳng phải là những đứa học sinh gương mẫu một cách máy móc tới

mức thực hiện cả những lời nói thoảng qua của cô giáo và điện thờ cũng chẳng có gì đáng để tò mò giống như thư viện cả. Song, chẳng đợi đến câu thứ hai, tôi đã đồng ý và thấy rằng Bok-sun quả thật đã có một sự lựa chọn rất đúng đắn.

Chỉ còn vài ngày nữa là đến lễ tốt nghiệp. Cả hai chúng tôi đều ngậm hổi hận vì đã chọn thi vào hai trường khác nhau và không thể cứ thế này mà chia tay nhau được.

Chúng tôi, dù bằng cách nào, cũng cần phải có ý thức về sự chia tay. Nhưng cả hai đều không biết phải bắt đầu từ đâu, và bắt đầu như thế nào. Căn phòng của tôi không đủ để cho tôi được bắt chước người lớn, được ủy mị một cách thỏa thuê, và Bok-sun cũng như thế. Do đó, một nơi ở bên ngoài nhà mà chúng tôi nghĩ ra được, đó chính là điện thờ.

Ngày hôm đó, mưa tuyết rơi thật dày. Tháng ba rồi mà trời vẫn lạnh và hun hút gió như những ngày đông giá. Con đường bậc thang dẫn đến Choson Singung * cao thật là cao và gần như không một bóng người. Bàn chân chúng tôi ngập sâu trong những vũng tuyết ẩm ướt, mặc cho nước ngấm cả vào vớ và các đầu ngón chân như bị đóng băng lại, chúng tôi đã cùng nhau hỗn hển chinh phục chiếc cầu thang ngắt ngưỡng, tầng tầng lớp lớp, như cố tình thách thức con người. Con đường rải sỏi dẫn đến Singung hiện ra trước mắt một cách bằng phẳng, bởi đã được phủ đầy tuyết trắng và không một dấu chân người giẫm lên. Chúng tôi nhìn về phía Singung, ở đó có lối rẽ xuống con đường dốc thoai thoải dẫn tới điện Gyeongseong. Con đường đó nổi tiếng bởi là nơi dạo bộ của những cặp tình nhân vào những ngày trời đẹp. Khi chúng tôi nhận ra rằng giữa hai đứa cần một thứ, mà theo như cách gọi bây giờ là “tâm trạng”, nơi đó được nhớ tới có lẽ cũng vì lý do ấy.

62 Thần Cung Triều Tiên. Đây là công trình điện thờ được Nhật Bản xây dựng vào năm 1920 ở công viên Hanyang, núi Namsan, Seoul, thờ thần dựng nước của Nhật Bản là Amaterasu và Thiên hoàng Minh Trị. Đây là một trong những công trình đền thờ của người Nhật Bản xây dựng ở Triều Tiên trong thời kỳ thống trị nhằm thực hiện chính sách đồng hóa tôn giáo và tín ngưỡng đối với người Triều Tiên.

Nhưng ngày hôm đó, trời lạnh đến buốt giá và chúng tôi chẳng gặp được một ai qua lại. Cả hai đều cảm thấy có một mối tơ vò cần được gỡ rối, nhưng

không thể nào gỡ được và rồi tự lúc nào, hai đứa đã đặt chân tới khu Vọng Namsan, nơi chỉ có những người Nhật Bản sống ở đó. Cả hai đều đứng ngây ra nhìn ánh đèn lờ mờ lóe sáng ở những ngôi nhà nằm chen chúc nhau nơi con phố chính bên phía đối diện.

Con đường sấm hối ảm đạm đến phát khóc. Hai đứa vốn cứ gặp nhau là như cá gặp nước, chuyện cả ngày cũng không hết, ấy vậy mà ngày hôm đó lại gần như chẳng nói với nhau câu nào. Và chúng tôi đã chia tay trong tâm trạng đầy ngượng ngùng. Chúng tôi ý thức được những mâu thuẫn chông chéo trong lòng của cả hai và cố tìm mọi cách để “truyện tranh hóa” điều đó, nhưng thật vô ích. Trận cảm ngày hôm đó đã khiến tôi phải nghỉ học tới tận ngày lễ tốt nghiệp.

Trong suốt khoảng thời gian ấy, Bok-sun cũng chẳng đến thăm tôi. Anh tôi hứa sẽ mua cho một bộ quần áo kiểu Âu để mừng tôi thi đậu và đã đưa tôi đi cửa hàng Bách hóa Hwashin *. Với anh tôi, đó là một cách thể hiện vai trò làm anh, còn với tôi, đó lại là lần đầu tiên trong đời được bước chân vào một nhà hàng Âu. Ngày ấy, cuộc sống của những người dân thường mà người Nhật đã mặc nhiên coi như “hậu phương” của họ, càng ngày càng trở nên khốn khó. Chúng tôi đã phải xếp hàng cả ngày từ tầng dưới để vào được nhà hàng đồ Âu ở tầng bốn hay năm gì đó của cửa hàng bách hóa Hwashin.

63 Trung tâm thương mại theo phong cách hiện đại đầu tiên của người Triều Tiên, được xây dựng vào tháng 9 năm 1929, nhằm cạnh tranh với các cửa hàng bách hóa khác của người Nhật Bản.

Lúc anh tôi dẫn tôi ra khỏi nhà, mẹ còn bảo: “Có anh trai tốt bụng, tha hồ mà sướng nhé”. Thế nhưng đến khi được như vậy, tôi lại chẳng thấy sung sướng một chút nào. Tôi chỉ nhớ được những người cố ý chen lên phía trước trong hàng người đứng xếp hàng ấy, nhớ được chiếc khăn trải bàn sạch sẽ hay nước canh được đựng trong cái đĩa và hai chiếc bánh mì nhỏ bằng nắm tay của cái nhà hàng, nơi chúng tôi đã phải chờ đợi lâu thật lâu mới đặt chân được vào đó. Ngoài ra, chẳng thể nào nhớ nổi món ăn chính của ngày hôm ấy là gì.

Đến ngày lễ tốt nghiệp, tất cả thành viên trong gia đình, đương nhiên là cả vợ chồng chú út, đều đến trường.

Bok-sun được nhận phần thưởng học sinh ưu tú và cả phần thưởng học sinh cần mẫn. Còn tôi chẳng được nhận phần thưởng nào. Mọi người trong nhà

chúng tôi chẳng ai thấy buồn vì điều đó. Cứ theo như suy luận bảo thủ của mẹ tôi thì môn nhạc và môn thể dục kém, nên đương nhiên người ta không thể trao phần thưởng học sinh ưu tú được, còn tôi thì đương nhiên là giỏi giang vô cùng, vì không cần đổi họ mà vẫn đậu vào trường tốt như vậy. Với mẹ, khi chưa gạt bỏ được nỗi niềm tiếc nuối, rằng trường Gyeonggi là một “trường tốt”, thì khi tôi đã quyết định và thi đỗ vào trường Sukmyeong, “trường tốt” mới chính là Sukmyeong. Nhưng tôi lại thấy rầu rĩ hơn cả và xấu hổ đến bực bội với việc cả gia đình kéo đến trường. Tôi ghen tị với Bok-sun, vì chỉ có mỗi mình bố nó đến dự.

Buổi lễ tốt nghiệp vừa kết thúc, chúng tôi cùng các học sinh khác của trường đến tạ lễ ở đền và sau đó, tất cả chia tay. Bok-sun và tôi trao nhau những ánh nhìn thâm bại. Tôi nhận ra rằng Bok-sun và tôi có cùng một tâm trạng. Chúng tôi đều hổ thẹn với những gì cả hai đã trải qua. Và chỉ mới đó cách đây không lâu, sau lần chúng tôi hẹn hò, không khí của mùa xuân đã tràn ngập khắp nơi. Chúng tôi vẫn là một cặp cho tới ngày ra khỏi trường, nên đã không tránh được việc cùng nắm tay nhau đi từ phường Pilul-dong đến đỉnh núi Namsan.

Trận mưa tuyết của ngày hai đứa chúng tôi chơi với ấy đã không còn lại bất kỳ dấu vết nào.

Giữa Bok-sun và tôi có gì đó trở nên vô cùng xa lạ.

Tôi càng buồn hơn khi nhận ra rằng tâm trạng của tôi lúc đó là sự đổ kỵ và cả sự tự ti. Bok-sun và tôi đã chia tay nhau như thế. Cho đến tận sau ngày giải phóng, Bok-sun thôi học, về quê làm cô giáo trường công và tìm đến tôi, chúng tôi đã không gửi cho nhau dù chỉ một lá thư. Bây giờ hồi niệm lại, đó là một câu chuyện khiến tôi không thể không cảm thấy hổ thẹn về lòng dạ hẹp hòi của mình.

Tôi nhập học trường trung học nữ, thoát khỏi cảnh ngày nào cũng đi bộ vượt qua dải núi Inwang, tôi đi tàu điện đến trường. Ngày đầu tôi chẳng thể có cảm tình với ngọn núi căn cứ ở Seoul ấy, nhưng dù sao đó cũng là con đường núi, nơi tôi đã từng đặt chân bước qua trong suốt sáu năm trời, ngày nào cũng như ngày nào.

Hoa anh đào tháng Tư, hoa cẩm chướng tháng Năm, bức tranh phong cảnh tuyết rơi mùa đông... tất cả đã trở thành những hồi tưởng nhớ nhung về con

đường đi học của riêng tôi mà những đứa trẻ ở Seoul không bao giờ có được. Song, tôi cũng nhận ra rằng khoảng thời gian sáu năm rông rã một mình trên con đường ấy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính cách của tôi. Nói thế nào đây nhỉ? Phải chăng đó là khả năng kìm nén, để dù chỉ có một mình cũng không bao giờ cảm thấy buồn chán? Cho đến tận bây giờ, cho dù đi bộ hay đi bằng phương tiện gì, đi đâu hay trở về từ đâu, nếu có ai đó ở bên cạnh, trừ trường hợp đó là người thân thiết quá đến mức không cần phải để tâm tới, còn với tôi, được đi một mình vẫn là điều thích hơn cả.

Lên lớp lớn hơn, hầu hết bọn trẻ đều muốn chơi với nhau thành từng cặp, chúng cùng rủ nhau đi học, cùng rủ nhau về nhà, những ngày một đứa về muộn vì phải trực nhật, đứa còn lại sẽ đợi để về cùng và cho rằng những đứa làm gì cũng chỉ có một mình thật tội nghiệp.

Nhưng tôi thì đi ngược lại với điều đó và cố tình lẩn tránh những cơ hội có bạn đồng hành. Nói như vậy không có nghĩa rằng tính cách của tôi là thích được ở một mình mọi lúc mọi nơi, chỉ là tôi cảm thấy thoải mái và thích thú khi chỉ có một mình trên con đường đến trường; và chẳng phải sự tha hồ để trôi cảm xúc, ngó nghiêng, mơ mộng, tưởng tượng, quan sát và tự mình tận hưởng những giây phút ngọt ngào ấy chẳng phải là thói quen đã được hình thành trong những ngày tháng theo học ở trường cấp một đó sao?

Cuộc sống nữ sinh trung học bắt đầu cũng là lúc cục diện đất nước bước vào giai đoạn cuối của thời kỳ Nhật Bản thống trị. Những giờ học chính quy không kéo dài nổi vài ngày. Chúng tôi được huy động phục vụ cho công việc sản xuất đồ quân dụng. Sáng nào cũng như sáng nào, sau hai tiếng nghe giảng kết thúc, phòng học nhanh chóng biến thành công xưởng. Chúng tôi làm cả những công việc như khâu khuy áo của quân phục, nhưng việc kéo dài nhất là tróc vỏ mica. Tất cả đều tỏ ra rất thành thạo trong việc tróc vỏ những tấm mica màu đục hình lục giác, ngũ giác, tứ giác... Chúng tôi nhận từng thùng mica rồi dùng dao nhọn tróc đi những mảng thật mỏng.

Cái đó dùng để làm gì, chẳng ai giải thích cho tôi điều ấy, mà tôi cũng chẳng có ý định tìm hiểu. Chỉ biết xung quanh, người ta bàn tán rằng cái đó dùng để làm kính của máy bay, nhưng chẳng có gì rõ ràng cả. Chẳng biết có loại máy bay nào chỉ toàn làm bằng kính hay không và trong lúc còn đang hoài nghi về vật liệu chế tạo thân máy bay, chúng tôi đã được cấp thêm hàng đồng mica để

làm. Ngay cả những chiếc bát ăn cơm bằng đồng của các gia đình cũng được huy động để sản xuất đạn đại bác. Sự thiếu thốn đã đến mức cùng cực. Có những ngày thời tiết lạnh giá đến khắc nghiệt, chúng tôi được huy động mò mẫm trên ngọn núi nào đó ở Sinchon để nhặt các quả thông và run lấy bầy đốn lấy những bát cơm đã bị đóng băng. Quả thông thật không dễ tìm.

Chỉ khi nhìn thấy những cây thông khắp nơi, cây nào cũng bị tước hết cả vỏ và đang chết dần chết mòn ấy mới có thể cảm nhận được tình cảnh quốc thổ đang bị bóc trần và trở nên hoang phế một cách thảm hại hơn cả con người.

Những giờ diễn tập phòng không diễn ra một cách thường xuyên. Địa điểm ẩn náu của trường chúng tôi là căn hầm ở ký túc xá, nơi chứa than đá và có cả ống khói. Mỗi lần chui ra từ đó là hai lỗ mũi lại đen kịt. Có những lúc không phải diễn tập mà là báo động oanh tạc trên không thật sự, nhà trường thường cho học sinh về nhà, khi đó, tôi vẫn sống ở phường Hyeonjeo-dong nên trong những lần chạy về nhà ấy, tôi đã từng có cảm giác lo sợ rằng có thể mình sẽ chết ở giữa đường. Có những ngày đến trường không cần mang cặp sách, nhưng thứ lúc nào chúng tôi cũng phải có ở bên mình là túi thuốc cứu thương. Trong ấy đựng mấy viên thuốc cấp cứu đơn giản, chiếc khăn tam giác dùng để cầm máu khi bị thương và tên tuổi, địa chỉ, nhóm máu của bản thân đều phải được ghi rõ. Chúng tôi được thực hành nhiều lần cách băng bó bằng khăn tam giác, nhưng chẳng ai nghĩ rằng cái đó sẽ là vật hữu dụng trong tình huống thực tế.

Tin Tokyo và Osaka bị oanh tạc nặng nề được đăng ở trên báo, nhưng những lời đồn đại còn sinh động hơn nhiều. Các tin đồn lan truyền ấy bị Nhật Bản khẹp vào tội tung tin đồn thất thiệt và nghiêm cấm khắp nơi. Chẳng hiểu mẹ tôi nghe được từ đâu mà thỉnh thoảng lại tự tin nói rằng nước Mỹ không bao giờ ném bom Triều Tiên.

Một ngày, đi học về, tôi thấy sắc mặt của mẹ xám ngoét. Cuối cùng thì anh tôi cũng có giấy gọi nhập ngũ.

Hình như điều họ bảo xưởng sắt Watanabe đã trở thành nhà máy quân dụng nên sẽ không bị gọi nhập ngũ nữa là không đúng. Mẹ bảo phải đưa anh tôi đi trốn ở đâu đó và cả nhà chúng tôi sẽ trốn đi trong đêm. Mẹ gần như không còn giữ được tỉnh táo. Niềm tin vững chắc như sắt đá vào xưởng sắt Watanabe đã

khiến mẹ không hề có một chút kế hoạch nào đề phòng trường hợp xấu nhất có thể xảy ra. Tình thế căng thẳng đến mức trong tay không có số cấp phát thì đi đâu cũng không thể xin nổi một bữa cơm ăn. Nơi mà chúng tôi có thể trông chờ được là thôn Parkjeok, nhưng ở đâu thì được chứ địa chỉ bản quán ghi rõ như ban ngày ấy không thể nào trở thành nơi trú thân trong lúc này được. Nếu là bây giờ thì có thể gọi một cú điện thoại bàn bạc ngay tức khắc, nhưng ngày đó, chúng tôi chỉ có thể ngồi chờ đợi anh tôi trở về với từng khắc dài tựa ba thu.

Nơi đó là nhà máy quân dụng, nên ngày nào anh tôi cũng phải làm thêm ca tối và tới tận gần nửa đêm mới về được đến nhà. Mẹ nén giấu nỗi bất an, dọn cơm tối cho anh. Chờ anh tôi ăn xong đâu đấy, mẹ mới đưa giấy gọi nhập ngũ ra. Anh tôi bảo mẹ đừng lo và lên giường nằm một cách bình thản. Đó là thói quen tuyệt đối không bao giờ khiến người lớn phải phiền lòng hay thực sự anh tôi có đủ bình tĩnh như thế? Tôi không thể cắt nghĩa được điều đó. Chắc là mẹ cũng nghĩ giống tôi, vì vậy không đã động được đến chuyện bỏ trốn trong đêm nữa. Rồi thì ngoài trời đã bắt đầu hừng sáng.

Ngày hôm sau, anh tôi chỉ nói lại rằng nhà máy đã lo cho giấy chứng nhận xong rồi. Bốn ngày trôi qua, hôm đó cũng là kỳ hạn tập hợp nhập ngũ, anh tôi vẫn đi làm như bình thường và không có điều gì đặc biệt xảy ra, hình như anh tôi đã chắc chắn được miễn nhập ngũ thì phải. Mẹ không ngớt lời cảm kích trước uy thế của xưởng sắt Watanabe và ngạc nhiên không hiểu một đứa cố chấp không chịu đối họ như thế có gì mà lại khiến ông chủ nhà máy người Nhật ưu ái như vậy.

Suy nghĩ của mẹ thật không nhất quán. Những lúc nhà mất điện vì bị cắt tổng thể, mẹ ngồi lặng im một chỗ trong căn phòng tối om, và không ngớt lời xỉ vả, bảo rằng: “Giá được nhìn thấy cảnh lũ Nhật Bản thảm bại thì có trúng bom mà chết cũng không oán thán gì” nghe mà phát hoảng vì chỉ sợ ai đó nghe thấy được những lời ấy của mẹ. Giờ thì mẹ lại tự hào vì đứa con trai được người Nhật coi trọng đến vậy. Hẳn là mẹ tôi cũng muốn hãnh diện khoe khoang với những người khác lắm, nhưng thời thế ngày ấy không đúng lúc nên mẹ đành phải chịu đẩy thôi.

Tôi biết được những cái tên như Rhee Syng-man *, Kim Il-sung * cũng từ những thông tin thiếu căn cứ đã được mẹ tôi biến hóa thành những câu chuyện

cổ tích trong những tối mất điện, phải lên giường ngủ sớm, vì bên ngoài diễn tập phòng không, hay có khi còn là báo động không kích thật sự. Mẹ kể rằng Kim Il-sung là người đứng đầu phong trào độc lập ở vùng Mãn Châu, ông ấy không chỉ có tài thao lược mà còn biết dùng phép cân đẩu vân, chỉ sau một đêm có thể vượt được con đường núi gập ghềnh dài nghìn dặm. Còn Rhee Syng-man là một nhà nho, học rộng hiểu sâu về phong trào độc lập ở Mỹ, nên sẽ không bao giờ ném bom vào đất Triều Tiên, ông ấy còn phát loa kêu gọi dân chúng yên tâm và rải cả truyền đơn từ trên máy bay nữa. Bọn người Oa cứ thấy máy bay của Mỹ là lại ấn nhét toàn bộ chúng ta xuống hầm. Việc làm đó không phải để cứu sống chúng ta mà là ngăn cho chúng ta không xem được những truyền đơn được rải xuống từ trên máy bay ấy. Mẹ phá lên cười tinh nghịch như một đứa trẻ khi bảo rằng bọn người Oa lúc đọc những truyền đơn đó đã tức điên lên.

64 Tổng thống đầu tiên của Hàn Quốc. Tên gọi theo chữ Hán là Lý Thừa Vãn. Ông đã từng tốt nghiệp tiến sĩ ở trường đại học Princeton của Mỹ. 65 Nhà lãnh đạo đầu tiên của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên từ năm 1948 cho đến khi ông mất. Tên gọi theo chữ Hán là Kim Nhật Thành.

Lúc ấy, tôi thấy mẹ tôi trở nên thật hồn nhiên như một người bạn nhỏ tuổi hơn cả tôi. Những điều trầm trọng ấy đã được mẹ biến hóa thành các câu chuyện khôi hài và không có gì đáng phải lo lắng. Bởi thế, chúng đã trở thành nguồn an ủi lớn lao cho chúng tôi trong bóng tối của căn phòng đơn ấy, nhưng chúng lại quá thiếu thốn để có thể trở thành nguồn sinh khí hay ánh hào quang nào đó rọi sáng bóng đen của thời đại. Rốt cuộc, điều đó cũng là sự hạn chế của mẹ tôi.

Nhưng anh tôi thì lại khác. Mẹ con tôi đã quá cảm kích trước việc anh tôi đang đi làm ở một nơi mà có thể miễn được việc nhập ngũ, nên đã bỏ qua những nỗi khổ tâm của anh tôi.

Anh tôi đã từng xin việc cho một người vào làm thợ tiện ở nhà máy. Nghe nói người đó nhiều tuổi hơn anh tôi, đã có vợ và con. Thế nhưng, khi người đó có giấy gọi nhập ngũ, nhà máy đã từ chối làm giấy chứng nhận xin miễn cho ông ta. Hình như vì việc ấy mà anh tôi và giám đốc đã xảy ra cãi vã. Thậm chí, có vẻ như anh tôi còn hỏi cho ra nhẽ rằng nếu căn cứ vào sức đóng góp cho nhà máy, thì người đó phải được ưu tiên hơn cả anh tôi, tại sao anh tôi thì được

chúng nhận mà người đó lại không được? Người thợ tiện đó cuối cùng cũng vẫn phải lên đường nhập ngũ. Song, vì việc đó mà ông ấy đã tới chào từ biệt để cảm ơn anh tôi và kể lại câu chuyện đó nên chúng tôi mới biết. Đương nhiên là mẹ tôi đã vô cùng kinh ngạc. Đến tôi cũng còn thấy như vậy. Trong lúc thời thế còn chẳng biết có lo nổi an toàn cho bản thân hay không, anh tôi lại còn đi lo cho người khác khiến bản thân rơi vào nguy hiểm, nên trông anh vừa đáng thương, vừa thật trẻ con. Những ngày anh đi đến nhà máy là những ngày không thể yên tâm, tình thế chẳng khác nào đang thả cho một đứa trẻ đứng gần bờ nước, và rồi những ngày ấy cứ tiếp tục diễn ra.

Lương thực cấp phát cũng giảm dần đến mức phải trộn lẫn cả những thứ không thể ăn được như bã đậu và những ngày về quê của mẹ tôi ngày một dày lên. Mẹ về quê để lấy gạo. Ở nhà quê, chú thứ là thư ký xã nên lúc nhà nước bắt nộp một phần lương thực bắt buộc, chúng tôi có thể tránh khỏi việc bị bóc lột một cách uất ức. Nhưng hầu hết các chân thư ký xã phải đứng ra làm công việc thu gom lương thực, điều đó có nghĩa là chú tôi đã trở thành đối tượng gây thù chuốc oán với ngần ấy dân làng. Dù cho anh tôi có khổ tâm đến mức nào đi nữa, rốt cuộc, chúng tôi cũng thoát được cái đói nhờ đeo bám vào cái đặc quyền đáng khinh ấy của chú tôi ở nhà quê.

Kỳ nghỉ đông năm 1944, tôi trở về quê. Lúc ấy ở thôn Parkjeok, tình hình cũng thật hỗn loạn. Mỗi lúc thư ký xã và lính tuần tra đi thu vét lương thực cũng là những lúc họ lật tung cả làng lên. Song, trước hết phải kể chính là những vật họ cầm trên tay, trông thật kinh hãi hơn cả vũ khí. Họ cắm vào đầu các cây gậy những miếng sắt sắc nhọn như các lưỡi kiếm, rồi thì cứ thế họ xiên một cách thô bạo vào các mái nhà, ống khói, đồng rơm và cả các đồng lá khô. Chuyện ấy không xảy ra ở làng chúng tôi, nhưng người ta kể lại rằng ở làng bên cạnh, có đứa bé gái đang trốn trong đồng lá khô bị xiên thủng cả bụng, nghe thật rùng rợn không khác nào nằm mơ thấy cơn ác mộng giữa ban ngày.

Cô bé ấy trốn ở trong đó là vì cái họa Jeongsindae*. Bố mẹ nó nghe người ta đồn rằng trước đó mấy hôm, ở làng khác, có một đứa bé gái đang múc nước ở giếng thì bị lính Nhật bắt đi làm Jeongsindae. Thế nên lúc nhìn thấy ở cửa Đông có mấy người mặc Âu phục xuất hiện, họ đã vô cùng hoảng hốt nên giấu luôn đứa con gái vào trong đồng lá khô. Nỗi sợ bị cướp người còn lớn hơn cả

nỗi sợ bị cướp cái ăn, vậy mà cả người lẫn cái ăn đều bị tước đoạt. Cuộc sống đã tới ngày tận thế. Dấu hiệu của ngày tận thế hiện hiện ở khắp mọi nơi.

66 Danh từ chỉ chung những người phụ nữ trẻ của Triều Tiên bị bắt cóc và bị cưỡng đoạt thân thể, phục vụ cho nhu cầu tình dục của binh lính Nhật Bản trong Chiến tranh Thế Giới thứ hai.

Đứa bạn cùng tuổi tôi, ngày bé hai đứa thường chơi đồ hàng với nhau, vừa mới được gả đi lấy chồng xa. Mẹ nó cứ ôm lấy tôi mà khóc ròng. Bằng tuổi tôi mà đã phải lấy rồi chồng ư? Khi ấy, tôi mới gần mười bốn. Ở nhà quê, vốn có tục lệ tảo hôn. Song, trong lúc nạn thiếu lương thực hoành hành đến cùng cực thế này, những nhà có con gái, dù chỉ một miệng ăn thôi cũng đã muốn bớt đi rồi, giờ lại còn thêm cả vấn nạn Jeongsindae nên họ chỉ còn có cách giải quyết như vậy, sớm được ngày nào hay ngày nấy, còn những nhà có con trai, trước khi con bị bắt đi lính, họ cũng muốn có cháu cho yên dạ.

Nhà chú thứ ở quê tránh được cảnh bóc lột nghiệt ngã ấy nhờ vào chức thư ký xã hèn mọn, song sự né tránh ấy hiểu ra mới thấy thật ti tiện. Chú tôi là phó phòng hành chính nên không trực tiếp đi đào bới nhà người khác, nhưng nhóm người đi trưng thu lương thực cho nhà nước lại là những tay thư ký tép riu cấp dưới và lính tuần tra ở đồn cảnh sát nên, họ đã làm lơ nhà chú tôi.

Nói vậy không có nghĩa là nhà chúng tôi cứ thế được bỏ qua, mà ngược lại đã bị đâm, bị chọc, bị sục sạo hết góc này đến góc khác. Nhưng với những thùng chứa gạo thật sự thì họ lại làm ngơ bỏ qua. Đơn giản chỉ là sự giễu võ giương oai. Không phải những người làng họ không tinh ý nhận ra cái đặc quyền ấy của nhà chúng tôi. Thậm chí có cả những người hàng xóm, ngay trước lúc những tên cướp ngày kéo đến, họ đã vội vàng ném những bao gạo qua hàng rào nhà chúng tôi, xong đâu đấy lại tìm đến viện cớ rằng đó là gạo dùng để cúng giỗ và xin mang về.

Tình hình thời thế như vậy nên không có lý nào nhà chú tôi lại dư dả lương thực. Mặc dù vậy, chú lúc nào cũng ưu tiên cho nhà chúng tôi trước nên chúng tôi cứ lớn lên trong sự vô tư, tưởng rằng tất cả lương thực ở quê nhà là của chúng tôi. Trong mắt người khác, đó có thể là một điều hiển nhiên, vì ruộng nhà chúng tôi tuy không nhiều nhưng anh tôi vẫn có thể được thừa hưởng một cách chính đáng, vì là đứa cháu đích tôn. Song, hơn thế, đó là vì chú thứ lúc nào cũng có trách nhiệm hết mình với việc thay bố tôi thực hiện vai trò làm bố

của những đứa cháu sớm mồ côi bố. Nếu như với chú út, người chú mà đến tận sau này cũng không có được một mụn con ấy, tôi luôn cảm nhận được sự yêu thương và chiều chuộng không khác gì của người cha ruột thịt, thì với chú thứ, người có đến những bốn đứa con cả trai lẫn gái, tôi lại nhận thấy ở đó sự uy quyền và nghĩa vụ của một người làm cha.

Nhưng, như người ta bảo: “Muối ở ngay cạnh bếp mà cũng không bỏ vào thì món ăn sao mặn được” *, dù gạo có sẵn như vậy nhưng nếu chúng tôi không vận chuyển về nhà thì cũng chẳng có gì để bỏ vào mồm, mà việc vận chuyển gạo lại không dễ chút nào. Lính tuần tra lục soát gạo không chỉ đến nhà của những người nông dân.

67 Câu tục ngữ có ý rằng dù mọi việc có thuận lợi đến mấy nhưng nếu không mót tay vào thì cũng không thành được

Sự lục soát trên tàu còn kinh hãi hơn. Bất cứ lúc nào đội lính tuần tra chuyên săn lùng những kẻ buôn lậu gạo cũng có thể lượn qua các toa tàu, lật đi lật lại, thậm chí chọc thủng những bao tải bị nghi là gạo. Nếu bị phát hiện ra, không chỉ bị nhục nhã mà đương nhiên còn bị cướp mất cả gạo. Nhưng có thể vì những người lính tuần tra đó cũng là con người, hoặc họ chỉ bắt những người buôn lậu gạo như đúng tên gọi của mình, cho nên nếu chịu khó xin xỏ họ rằng: “Đây chỉ là vài doetpak * cho mấy miệng ăn ở nhà chứ buôn bán gì”, thì họ sẽ cho qua. Thế nên mẹ tôi cứ thường xuyên đi đi lại lại, mỗi lần một ít, tiền tàu xe tốn kém vô cùng, thấy xót cả ruột gan. Dần dần, mẹ liều lĩnh hơn, không chỉ giấu gạo vào trong bọc quần áo mà còn giắt cả vào bụng. Mỗi lúc mẹ về quê, tôi lại bồn chồn, còn cào ruột gan cho đến tận lúc mẹ trở về an toàn mới thôi. Để tránh việc nền kinh tế hậu phương bị rối loạn, sự kiểm soát buôn lậu ngày càng trở nên gắt gao, đặc biệt là việc buôn lậu gạo bị cấm đoán một cách nghiêm ngặt. Nhưng càng như vậy, những mảnh khóe buôn lậu lại càng trở nên tinh vi hơn.

Người ta đồn rằng có những người buôn gạo lậu nhồi hàng ba bốn mal * gạo vào giữa quần áo mà vẫn đi lại một cách nhẹ nhõm bình thường.

68 Còn gọi là doe. Vật đong đếm bột, gạo, chất lỏng của Hàn Quốc, bằng khoảng 1.8 lít. 69 Thùng đựng gạo, ngũ cốc, chất lỏng. Một mal gấp mười lần doe, tương đương với 18 lít.

Ở quê bảo không việc gì phải khổ sở như thế, cứ mạnh dạn xin hẳn giấy phép xuất gạo để đem lên thành phố được nhiều, nhưng anh tôi lại cực kỳ ghét điều đó. Người ta cấp cho địa chủ có đất ở quê một loại giấy gọi là giấy phép xuất gạo và cho phép mang một lượng gạo nhất định lên Seoul, nhưng thay vào đó lại không được hưởng bao cấp. Anh tôi bảo: “Nhà mình mà là địa chủ gì? Sao phải từ chối gạo họ cấp cho trong khi lại đi về bòn mót ở quê?”. Anh tôi nói cũng có phần đúng, nhưng nhờ có mẹ mà anh tôi chưa bao giờ phải ăn cơm trộn bã đậu.

Một người chưa bao giờ phân biệt đối xử thức ăn giữa con trai với con gái như mẹ tôi, vậy mà đến lúc cam go ấy, mẹ cũng đã phải thổi cơm riêng cho anh tôi. Mùi bã đậu vốn rất ghê nên khi đem nấu cùng với cơm, đến cả bới cơm cũng không muốn bới nữa. Mẹ và tôi ăn cơm trộn bã đậu và tất nhiên ở đó cũng có sự phân biệt.

Phần trên của hai bát cơm, có vẻ như được trộn giống nhau, nhưng càng bới sâu xuống dưới thì bát của mẹ lại chỉ toàn bã đậu. Tôi biết điều đó nhưng thật sự tôi rất ghét phải ăn mỗi bã đậu không, nên cứ giả vờ coi như không biết gì cả.

Các thím tôi đều bảo mẹ thật khác người, vì mẹ chẳng bao giờ phân biệt thức ăn giữa con trai với con gái. Đó là cái thời mà người ta nuôi con trai và con gái có sự phân biệt hẳn hoi là một điều hết sức bình thường. Phải đến mức nào các thím mới la ó mẹ tôi rằng nuôi con gái như vậy thì sau này định gả chồng thế nào đây?

Những lúc ấy, mẹ lại thản nhiên đáp: “Tôi định cho con gái vác cái miệng không về nhà chồng đấy”. Thật sự, mẹ đã không hề thay đổi ý nghĩ đó cho đến tận ngày tôi đi lấy chồng. Mẹ tôi cho rằng càng là con gái thì lại càng phải coi trọng vị giác, không ăn thử, sao nấu được những món ăn ngon. Ở cái thời buổi mà người ta vẫn còn chuộng dùng câu nói độc địa: “Con dâu có bệnh ở mồm còn dùng được, chứ bệnh ở mắt thì mất nhờ” ấy, tư duy của mẹ tôi mới thật khác người làm sao. Đến mức cho tới tận lúc tôi đi lấy chồng, vẫn còn bị các thím gán cho cái biệt danh với giọng lưỡi đầy châm chọc là: “Đứa định vác mồm không về nhà chồng”.

MÙA XUÂN QUÊ HƯƠNG

Anh tôi đã thôi việc ở nhà máy Watanabe. Câu chuyện tranh cãi tại sao bản thân được miễn nhập ngũ còn người thợ tiện mình đã xin việc cho lại không được đã đi đến kết cục anh tôi bỏ việc ở nhà máy. Anh tôi về quê, bảo không mơ tưởng gì nữa mà sẽ chỉ làm ruộng. Chẳng ai hiểu cho anh tôi, hiểu cho nỗi khổ tâm vì không chịu được cảnh người ta phân biệt đối xử với người làm thợ, và trong khi bản thân lại là nhân viên bàn giấy mà lại vẫn phản kháng quyết liệt, thế chấp cả chiếc cần câu cơm như thế. Thời này đã là thời đại nào rồi? Giờ là lúc người ta chỉ cần biết đến bản thân và bất chấp mọi thủ đoạn để có thể tồn tại và trụ lại được ở cái cuộc sống này.

Hành động xả thân vì quyền lợi của người khác một cách không đếm xỉa đến lợi ích của bản thân ấy, mới nhìn qua sẽ tưởng đó là một cử chỉ nghĩa hiệp, song thực chất đó lại là một sự chạy trốn. Anh tôi đã không chịu đựng được cảnh ngày nào cũng phải đi làm ở nhà máy quân dụng với bộ quân phục thắt nịt ở ống chân và đôi giày đinh nữa. Nếu không vì chú thứ làm đến chức phó phòng phụ trách lao động của xã thì anh tôi đã chẳng dễ dàng từ bỏ một công việc yên ổn như thế.

Phòng lao động của xã là nơi chuyên lựa chọn thanh niên trai tráng nhập ngũ hoặc tham gia lao động công ích phục vụ đất nước. Nếu đúng sự thật là anh tôi ít nhiều trông đợi vào cái bóng của chú tôi nên mới dám ra quyết định quả cảm ấy, thì đó không phải là một hành động dũng khí, mà chỉ là một thói ương ngạnh của trẻ con.

Vừa lúc ấy, ở Gyeongseong có “lệnh khai thông”. Đó là một thứ chính sách lấy cơ phục vụ diễn tập phòng không và giải quyết nạn thiếu lương thực, song thực chất lại nhằm mục đích sơ tán các gia đình giàu có ở Gyeongseong về

quê. Không chỉ người phải sơ tán mà cả một số ngôi nhà ở khu trung tâm thành phố cũng bị dỡ bỏ vì cái lệnh khai thông ấy. Ngày đó, người nào người nấy cũng đều run rẩy không biết Seoul liệu có bị biến thành biển lửa như Tokyo, hay có khi lại chết đói cả lượt vì đến cả con đường vận chuyển lương thực cũng sắp bị chặn đứng? Thành thử cú sốc tinh thần với anh tôi của mẹ đã được vơi đi rất nhiều.

Thêm vào đó, chú thứ ở quê liên tục nhắc lên bảo chúng tôi về quê theo lệnh khai thông. Nhưng điều quyết định hơn cả là mẹ tôi không còn e ngại người làng dị nghị về tình cảnh ngay cả chiếc cần câu cơm cũng bị đứt ấy của chúng tôi. Điều đó cũng đáng kể lắm chứ. Mất bao công sức mẹ tôi mới trụ lại được ở đất Seoul này. Thế nên dù không được “áo gấm hồi hương”, mẹ cũng vẫn muốn trở về quê với lý do tại thời thế đất nước ấy rồi.

Cửa hàng bán buôn đá của chú út ở Seoul cũng đang lâm vào tình trạng phá sản. Đá đã trở thành mặt hàng xa xỉ, vì thế trong cửa hàng chỉ bày mỗi than hoặc vài bó củi trống hơ trống hoác. Nhưng, vốn là người nhạy bén với kinh doanh, chú út đã tìm thấy hứng thú với công việc mạo hiểm của một Yamitorihiki [*](#). Nền kinh tế bị khống chế và tình trạng thiếu hụt hàng hóa tất yếu sẽ dẫn đến bùng phát hiện tượng chợ đen, chuyên buôn bán những mặt hàng quý hiếm và họ gọi những người bất chấp mọi nguy hiểm, chỉ cần thu được lợi nhuận cao nhất trong thế giới buôn bán ngầm ấy bằng danh từ như vậy. Có lẽ tiềm lực kinh tế tiềm ẩn của chú út, một người không khác gì cha đẻ của chúng tôi ấy, cũng là động lực khiến anh tôi mạnh dạn từ bỏ nơi làm việc vốn nhiều bất mãn một cách dễ dàng như thế. Vợ chồng chú út cũng sẽ đi sơ tán cùng chúng tôi. Chú út bảo đã tìm được lý do để đóng cửa hàng. Dân chợ đen thường gặp nhau một cách bí mật, họ chỉ rì rầm to nhỏ với nhau rồi lên tàu đi lại khắp nơi nên không nhất thiết phải sống ở Seoul.

70 Chợ đen.

Những việc ấy xảy ra vào khoảng nửa năm trước ngày giải phóng, lúc tôi chuẩn bị bước sang năm thứ hai.

Việc chuyển trường của những học sinh sơ tán về quê cũng rất dễ dàng. Chỉ cần đến Phòng học vụ đăng ký nơi sơ tán và trường học ở nơi sơ tán mà mình thích là được. Tôi đã đăng ký vào trường cấp ba nữ Hosudon ở Gaeseong và chúng tôi cũng rao bán ngôi nhà có mảnh sân hình norigae. Mọi người đều

thấy rằng không thể ngày nào cũng đi lại từ thôn Parkjeok đến Gaeseong, nên bán được nhà, chúng tôi sẽ mua một căn ở trung tâm Gaeseong và vợ chồng chú út sẽ dọn về ở cùng với chúng tôi. Dân chợ đen dù sao cũng là những người kinh doanh buôn bán nên họ vẫn cần phải có căn cứ ở những khu sầm uất nhộn nhịp. Vì thế, cả hai nhà đều không thể bám trụ được ở một nơi là thôn Parkjeok.

Anh tôi đã lựa đúng lúc mẹ còn đang chưa hết cơn phờ để giáng cho cả nhà một cú sốc. Anh nói đã có người yêu và muốn cưới. “Hóa ra cả anh cũng vướng vào yêu đương cơ đấy?” - Ngay cả tôi cũng cảm thấy thật khó nghe với cách nói ấy của mẹ. Anh tôi đã rất khó chịu thì phải. Anh chau mày hỏi tại sao mẹ lại nói kiểu đó.

Thời nay, nếu ai đó không có người yêu thì sẽ bị coi là dãn, không cần biết người đó là nam hay nữ. Còn ngày đó, cách tư duy của mẹ tôi lại là thằng con trai trong giây phút nông nổi có thể vướng vào chuyện yêu đương, nhưng còn đứa con gái phải dễ dãi thế nào thì mới để xảy ra chuyện như thế chứ. Việc vướng vào chuyện yêu đương nam nữ bị coi như một hành động ngoại tình và chúng tôi vẫn được giáo dục rằng phải biết giữ mình để tránh xảy ra chuyện ấy, thế nên câu nói của mẹ nghe thật giống như đang miệt thị cô gái đó vậy.

Nhưng, ở địa vị của mẹ, thái độ bất kính của anh tôi lại giống như đang bênh vực cô gái ấy. Anh tôi, người vốn luôn tự nhận mình, và được cả mọi người xung quanh công nhận, là đứa con có hiếu ấy đã khiến mẹ tôi rơi nước mắt vì cảm giác mình đã bị phản bội. Anh tôi dù tỏ ra biết lỗi nhưng nhất định không chịu từ bỏ việc cầu xin mẹ đi xem mặt cô gái ấy, dù chỉ một lần. “Tôi thua anh rồi. Tôi cũng chỉ nhìn mặt nó thôi. Có nhìn thì mặt mũi đứa con gái đó cũng chẳng biến dạng được, mà tôi cũng chẳng có gì mất thể diện cả”. Mẹ tôi đã nhượng bộ anh tôi, chấp nhận đi xem mặt cô gái ấy như thế đó.

Nhưng tại sao nơi xem mặt lại nhất định phải là phòng bệnh ở bệnh viện chữ thập đỏ cơ chứ? Lúc ấy nhà chúng tôi cũng đã bán xong và đang gói ghém đồ đạc. Tôi đã đi cùng với mẹ, vì tuy học kỳ mới đã bắt đầu nhưng tôi vẫn được nghỉ, vì vừa mới hoàn thành xong thủ tục chuyển trường. Quãng đường từ nhà đến bệnh viện chữ thập đỏ rất gần. Tôi vô cùng hào hứng như thể sắp được mở ra cánh cửa còn nhiều điều chưa biết ấy. Còn mẹ tôi trông lại rất mệt mỏi vì cùng một lúc phải giải quyết biết bao nhiêu là việc. Người yêu của anh tôi nằm

ở phòng chăm sóc đặc biệt, đó là một nơi rộng rãi, sạch sẽ và trông chị ấy khỏe mạnh như người bình thường, đến mức không hiểu tại sao lại phải nhập viện. Đường như đã được anh tôi báo trước nên lúc gặp chúng tôi, chị ấy đã gọi là “mẹ” và “cô út”. Mẹ tôi hỏi han: “Đau ốm thế nào mà đến mức phải vào viện?” Cô gái ấy trả lời rằng vì bị cảm nên đã phải nằm viện nhưng giờ đã khỏi hẳn rồi. Dù sao cũng có gì đó thật không bình thường.

Anh tôi chỉ nói rằng nếu mẹ định xem mặt trước khi chúng tôi về quê thì phải tới bệnh viện, còn thì ập a ập úng không trả lời được câu hỏi chị ấy bị bệnh gì và vì sao phải nhập viện nên chúng tôi cứ tưởng rằng chị ấy sắp phải phẫu thuật gì đó nên không thể ra viện ngay được. Vì thế, lúc đi đến bệnh viện, mẹ tôi nhắc đi nhắc lại rằng nhất định sẽ không cho phép một đứa con gái đã tự do yêu đương vốn chẳng ra thế thống gì, giờ lại còn mang cả vết dao kéo trên người bước vào nhà này.

Song cô gái ấy đã chẳng có vẻ gì là sẽ mang vết dao kéo trên người mà lại còn rất đẹp. Vẻ đẹp không phải vì có một nét đẹp khác thường nào đó, mà như cách nói bây giờ gọi là “có duyên” chẳng. So với các cô gái mà chúng tôi từng gặp thì chị ấy có một dáng vẻ cuốn hút rất riêng.

Tôi cảm thấy mẹ tôi vừa như bị cuốn hút, lại vừa như trở nên bé nhỏ trước chị ấy. Dù thật không phải với mẹ nhưng tôi vẫn phải nghĩ rằng mẹ lại thua rồi.

Tôi có thoáng chút ghen tị nhưng rồi cũng không thể không đồng lòng với họ. Hình như mẹ tôi cũng nhận ra một điều rằng một nửa trong mẹ đã không thể phản đối cuộc hôn nhân này.

Trên đường về nhà, mẹ hỏi:

“Hôm nay là ngày bao nhiêu rồi?” và nhấm lại những sự kiện xảy ra liên tiếp chỉ sau mấy hôm kể từ sau ngày anh tôi nghỉ việc, và rồi lại thở ra một cái thật là dài. Sau bao nhiêu vất vả, vật lộn bằng được để bám trụ lại mảnh đất Seoul này, sự kỳ vọng và niềm tin vào đứa con trai duy nhất ấy cuối cùng lại trở thành vô vọng. Đêm đó, mẹ đã gắng hỏi anh tôi chị ấy vì bệnh gì mà phải nhập viện. Còn anh tôi lại chỉ hỏi mẹ tôi thấy chị ấy thế nào.

“Đúng là đã ăn phải bùa mê thuốc lú mà.”

Mẹ đã tỏ ra thật cay nghiệt. Anh tôi bảo chị ấy bị viêm phổi nên phải nhập viện, giờ đã khỏi rồi và sẽ mau chóng xuất viện thôi.

“Trời ạ, không biết còn chuyện gì nữa đây hả trời?”

Mẹ tôi rên rỉ nhưng lại không mất bình tĩnh, mà bắt đầu hỏi han hoàn cảnh nhà chị ấy. Theo lời anh tôi kể thì chị ấy là con gái út trong số bốn đứa con của một gia đình chỉ toàn con gái ở Cheonan. Chỉ trừ mỗi việc tốt nghiệp từ trường nữ danh tiếng ra, còn lại toàn là những điều khiến mẹ tôi thất vọng. Bố mẹ đều còn đủ nhưng gia đình chẳng khá giả gì. Hết hết điều này đến điều kia mới biết, hóa ra việc nằm ở phòng chăm sóc đặc biệt trong bệnh viện cũng là nhờ vào anh tôi. Hết thất vọng này đến thất vọng khác, hết phần nộ này đến phần nộ khác, hình như càng lúc mẹ tôi lại càng không đủ tự tin để chia lìa anh tôi và chị ấy. Khi chỉ còn tôi với mẹ, mẹ thắc mắc: “Không phải cứ bệnh viêm phổi là sẽ biến chứng thành lao, đúng không?” Câu hỏi ấy như để tìm lấy một cái cố an ủi cho mình. Ngày đó, bệnh viêm phổi được coi là căn bệnh đáng sợ, vì hầu hết đều biến chứng thành bệnh lao, mà bệnh lao là căn bệnh phổi bị coi là phá hủy hoàn toàn.

Trong lúc bộn bề ấy, tôi chẳng có thời gian để đến trường cũ chào từ biệt, mà cứ thế chuyển về Gaeseong.

Chỉ mất có mấy ngày, tôi đã nhận được giấy phép chuyển trường của Phòng học vụ, họ tự chuyển trường cho tôi và tôi lại đi học bình thường ở trường cấp ba nữ Hosudon.

Anh tôi cũng đã quá mệt mỏi với Seoul, còn chị ấy thì đã bình phục, ra viện và đang nghỉ ở quê để tĩnh dưỡng.

Nhà mới của chúng tôi ở Gaeseong nằm ở chân đồi Nongbawi, thuộc phường Namsan-dong. Hình như người lớn quyết định ở đó để tiện cho việc đi lại thôn Parkjeok.

Nơi đó cũng cách trường học của tôi không xa lắm.

Buổi đầu đến trường, tôi đi cùng với mẹ. Trường nữ Hosudon nằm trên một vùng đất cao với những phiến đá hoa cương trông thật uy nghiêm, cô giáo cũng thật đoan trang, sân trường rất rộng và có nhiều bãi cỏ, vườn cây. Vừa lúc hoa anh đào nở rộ nên trông ngôi trường thật giống như thiên đường của những vì sao. Vậy mà chẳng hiểu sao tôi lại không có cảm giác rằng đây sẽ là ngôi trường mà tôi sẽ đặt chân tới trong những ngày tháng sau này. Thậm chí, tôi còn chẳng có ý nghĩ đây sẽ là trường của mình, chẳng có cả cảm giác gắn bó

với ngôi trường, mà chỉ thấy trào dâng trong lòng cảm giác hờn giận khiến tôi chẳng buồn ngó ngang xem khuôn mặt của đứa bạn được ghép cặp như thế nào nữa. Tôi thấy bất bình và u uất bởi những thay đổi diễn ra quá đột ngột, chỉ với hơn một tháng ngắn ngủi giữa mọi thứ xung quanh mình, nên lúc nào tôi cũng như muốn òa lên khóc.

Đi học được khoảng mười ngày, viện cố bị cảm, tôi nghỉ học liền mấy hôm. Thật ra, tôi chỉ có ý định giả vờ ốm thôi, vậy mà lại bị lên cơn sốt nhẹ kéo dài một cách liên tục. Tôi được đưa đi khám ở bệnh viện gần đó và người ta bảo phải đi chụp X-quang ở bệnh viện tỉnh. Kể từ lúc đó, mẹ tôi bắt đầu lo lắng một cách thái quá. Kết quả chụp X-quang ở bệnh viện tỉnh cho thấy phổi của tôi đã bị nhiễm khuẩn. Chỉ cần nghe thấy tiếng “phổi” thôi, mẹ tôi đã giật thót cả mình. Mẹ hỏi bác sĩ là liệu có bị biến chứng thành bệnh lao không? Và mẹ đã nhận được câu trả lời rằng nếu không điều trị đúng cách thì sẽ có khả năng dẫn đến biến chứng ấy.

Vậy là tôi đã được khăn gói một bọc thuốc nam và lên đường về thôn Parkjeok. Mẹ chỉ có thể nghĩ được rằng điều mẹ âm thầm lo lắng đã xảy ra, cô gái mà anh tôi yêu đã bị bệnh lao và làm lây sang cả tôi. Từ trước tới giờ, tôi chưa bao giờ bị cảm dù chỉ một lần, thậm chí cả những khi bị bệnh nặng hơn như đi ngoài, sốt rét, đau bụng giun sán... tôi cũng chưa từng phải nghỉ học đến vài ngày như thế. Với tôi, nếu không phải là bệnh nguy kịch thì sẽ không được phép nghỉ học. Lần đầu tiên trong đời, tôi chụp X-quang. Tôi nghĩ rằng chắc là mình bị bệnh đó thật rồi và phải trở về thôn Parkjeok.

Mùa xuân nơi đây chưa bao giờ đẹp đến như vậy. Từ sau khi chuyển lên Seoul, đây là lần đầu tiên tôi trở về quê đúng vào mùa xuân. Ngày ấy, tôi vốn chỉ là một đứa bé vô tư, nghịch ngợm, còn giờ đây tôi đã trở thành một thiếu nữ mười sáu tuổi, lứa tuổi tràn đầy tâm tư tình cảm. Tôi lang thang một mình, không có ai làm bạn và đi hết ngọn núi này đến mảnh vườn kia như một kẻ mộng du. Có lúc tôi còn dẫn đầu lũ em họ bé con líu ríu chạy theo sau và hái nhiều thật là nhiều rau rừng.

Không có gì dễ chịu hơn khi được đeo bên hông chiếc giỏ trông giống như những cô gái ở thôn Parkjeok. Cái đó hình như hợp với tôi hơn nhiều so với chiếc cặp sách.

Mẹ tôi nghĩ rằng hình như dù mẹ có cố gắng thế nào thì tôi cũng không phải là đứa có số học hành. Tôi thấy thật có lỗi vì tất cả những tâm tư cùng niềm hy vọng của mẹ dành cho tôi thời gian qua đã trở thành vô ích, nhưng tôi vẫn không có ý định trở lại trường học.

Vậy mà chẳng hiểu sao tôi lại thấy tim mình xót xa và cồn cào nỗi nhớ khi chợt phát hiện ra nơi trú ẩn của những bông hoa linh lan. Một mình lang thang trên con đường núi, không biết tự lúc nào, tôi đã lạc bước vào trong một thung lũng ẩm thấp. Tôi bị lạc đến đây bởi mùi hương vừa man mát lại vừa giòn ngọt, vừa đậm đà lại vừa tinh khiết, một mùi hương không có thực khiến người ta phải tự hỏi liệu đó có phải là ảo giác hay không? Trong thung lũng bằng phẳng và rợp bóng mát, những bông hoa linh lan chỉ có thể nhìn thấy ở trong tranh ấy đang trải ra trước mắt tôi. À mà không, không phải là những bông hoa, mà là những phiến lá um tùm xanh mát thì đúng hơn. Những bông hoa trắng muốt treo lủng lẳng trên cành tựa như những quả chuông bé xíu bằng hạt gạo ấy tuy đang cúi đầu e ấp giữa các tán lá nhưng trong chúng lại ẩn giấu một tuyến mật ngọt ngào, quyến rũ đến lạ thường.

Hoa linh lan còn có sứ mệnh của một “giáo hoa”.

Chiếc huy hiệu gắn một cách đầy tự hào trên ngực áo được lấy mẫu từ hoa linh lan, bài hát truyền thống của trường cũng mang nội dung ca ngợi sự khiêm nhường và hương thơm của loài hoa linh lan. Nhưng, liệu có phải vì những ngày cắp sách đến trường của tôi là những ngày ngọt ngào của thời đại nên chưa bao giờ tôi được tận mắt nhìn thấy những đóa hoa linh lan? Cái ngày mà tôi phát hiện ra thực thể của những bông hoa linh lan vốn được người ta mỹ hóa bằng quan niệm một cách mơ hồ, chẳng hiểu sao cả ngày hôm đó, tôi lại thấy buồn bã và đau đớn đến vậy? Cuộc sống sau này sẽ ra sao?

Tôi sẽ như thế nào? Có phải vì tôi đã hiểu quá rõ rằng niềm sung sướng khi được trông thấy sự hoàn mỹ lúc này sẽ không thể kéo dài bất tận được chăng? Dù mơ hồ nhưng tôi không còn tin tưởng vào chính tôi, vào con người đang hạnh phúc vì được hòa mình với thiên nhiên tại giờ khắc ấy. Tôi thấy dường như một phần quan trọng của mình đã để lại ở Seoul.

Vợ chồng chú út cũng sơ tán về Gaeseong gần như cùng thời gian với gia đình tôi và cứ mấy ngày lại về thôn Parkjeok một lần để nghỉ ở đó, rồi lại đi

tiếp. Ban đầu, chúng tôi cùng sống chung ở ngôi nhà phường Namsan-dong mới mua, nhưng rồi chú tôi lại tìm nhà để thuê và tách ra sống riêng. Việc chuẩn bị cho đám cưới của anh tôi với cô gái mà anh lựa chọn đang được diễn ra mau chóng, ngày cưới cũng đã được định đoạt.

Người mới sắp về, nếu cả vợ chồng chú út cũng sống cùng ở đây thì sẽ rất bất tiện, thế nên chú út đã chuyển đi trước. Mọi vốn liếng của chú cũng đổ vào chợ đen nên lúc này chú tôi không muốn mất tiền vào việc mua nhà cửa. Thường, những lúc trở về thôn Parkjeok là lúc chú tôi vừa mới thực hiện xong trót lọt một phi vụ làm ăn nào đó nên tâm trạng của chú thường rất vui.

Với tôi, những ngày chú út về nhà là những ngày vui nhất. Chúng tôi thân thiết với nhau hơn cả những đứa bạn cùng tuổi thân với bố của chúng. Tình thân đó giống như tình cảm cha con bây giờ, không một chút ngại ngùng, có lúc hồn dỗi như trẻ con nhưng có lúc lại nhõng nhẽo, đòi được chiều chuộng. Nhiều lúc trong tôi còn có suy nghĩ nếu chú tôi có con thì chắc tôi sẽ không được chiều như thế này và thoáng chút ghen tị thầm kín với cả đứa trẻ chưa được sinh ra ấy.

Chú tôi có sở thích là câu cá. Chú không dùng cần câu mà lại câu bằng lưới. Thế nên mỗi khi chú tôi mở cửa nhà kho ra và khoác tấm lưới lên vai, tôi lại xách lấy cái giỏ đựng cá, tíu tíu chạy theo sau. Phải mất hơn mười dặm mới đến được hồ nước. Ngoài nơi đó ra, chúng tôi có thể thả lưới ở các đầm lầy hay con suối. Dáng vẻ chú út hướng ra phía mặt nước đằng xa và quăng lưới thật mạnh mới oai phong làm sao.

Tấm lưới ấy ở quê tôi người ta gọi là “lưới joengi”. Lúc được quăng ra, nó sẽ bung thật rộng thành một vòng tròn to buông xuống làn nước rồi mới chìm xuống dưới đáy hồ. Tấm lưới tròn được gắn những quả nặng xen kẽ nhau với khoảng cách nhất định. Lũ cá ở dưới nước cứ thế bị hút sạch vào trong vùng bao phủ của tấm lưới. Và rồi tấm lưới nặng trĩu được thu về từ từ theo tay của chú tôi. Mỗi lần nhặt những con cá vảy sáng trắng lóa đang nhảy tanh tách trong cái lưới ấy bỏ vào giỏ, tôi lại thấy vui sướng vô cùng như muốn vỡ bụng cả lồng ngực. Thành thạo, có lúc lưới bị vướng phải những cành củi khô chết tiệt. Lúc đó, chú út phải lặn xuống và vất vả mãi mới gỡ được nó ra, có khi còn bị rách cả lưới. Song điều đó họa hoằn lắm mới xảy ra.

Có lần chúng tôi còn bắt được cả cá chình. Cá chình là giống cực kỳ khỏe. Nó trườn rất nhanh, vì thế tôi không thể tóm cho vào giỏ được. Một lần, chú út bắt được một con cá chình khá to nhưng rồi nó trườn nhanh quá và lập tức lao biến khỏi chỗ đó. Chú tôi phải nâng cả tảng đá lên, choảng vỡ đầu của nó. Cảnh tượng ấy phải dùng hai từ “cuộc chiến” mới có thể miêu tả chính xác được.

Bắt được cá chình rồi, chú út bảo: “Phần của cháu đấy” và thu lưới quay trở về nhà. Con cá chình được lọc xương và đem nướng khi vẫn còn tươi sống. Bếp nhà chúng tôi lúc nào cũng đỏ lửa ngay cả khi trời đã hừng nắng và ấm lên từng ngày. Chẳng còn gì ngon hơn cá chình lọc xương nướng trên tấm vỉ sắt ấy. Lúc mỡ cá cháy xèo xèo cũng là lúc cá chín và ở lò than bốc lên những tia lửa tựa như những bông pháo hoa phát sáng rực rỡ. Lũ em họ có chạy tới thì chú út cũng vẫn muốn con cá đó để dành riêng cho tôi. Lúc ấy tôi được coi là một đứa yếu phổi. Mọi người vẫn bảo tôi có tính cách bạo dạn nhưng lại liệt tôi vào hàng ốm yếu cơ thể, vì thế chẳng mấy khi tôi tự nhận là mình khỏe khoắn cả.

Vậy mà khoảng thời gian của mùa xuân và mùa hè năm ấy ở thôn Parkjeok, có thể đó là niềm hoan hỉ của cuộc sống chẳng, tôi cảm thấy sung sức hơn bao giờ hết, cứ như có một dòng nước tươi mát đang trào dâng trong cơ thể. Tôi còn thấy kỳ lạ khi mình bị coi là đứa đang có bệnh. Song, tôi cũng chẳng có ý định nói với mọi người rằng: “Con đã khỏe rồi”, để lại quay trở về cuộc sống cũ. Tôi không muốn trở lại trường Hosudon.

Việc tôi bị coi là đứa có bệnh cũng xuất phát từ sự vô tâm của mẹ. Mẹ chỉ gửi tôi về đây để dưỡng bệnh, còn thì dồn hết tâm sức vào chuyện bận rộn với việc chuẩn bị đám cưới cho anh tôi. Mẹ muốn tận hết sức mình để lo chu đáo cho đại hỷ trong số các hỷ sự, đó là việc đón nàng dâu duy nhất của đứa con trai duy nhất. Mọi chuyện lại càng rối tinh rối mù bởi không thể an tâm với sức khỏe của nàng dâu tương lai này.

“Chẳng hiểu sao tay chân cứ lóng nga lóng ngóng, chẳng làm được việc gì. Đi mua đồ, ra đến nơi mới ngẩn người ra không hiểu mình định mua gì? Đầu óc cứ bấn loạn cả lên, chỉ toàn thấy lo lắng phập phồng. Không hiểu mình có nhất thiết phải tiến hành chuyện hôn sự này hay không nữa đây?”

Mẹ tôi than vắn thở dài với các thím như vậy. Mỗi lần nhìn thấy mẹ thở dài, bất giác, tôi lại có một dự cảm không lành nào đó. Dường như các thím tôi cũng vậy.

“Chị à, nếu mà lặn tẩn như thế thì thà hủy hôn cho xong, giờ cũng chưa muộn. Ôi dào, người ta chẳng bảo nhà trai có lợi thế ấy còn gì? Con trai ấy mà, có yêu đương vài lần cũng có bị nhớ nuốc gì đâu mà sao chị lại gật đầu dễ dàng như vậy?”

“Nếu tôi phản đối chuyện hôn nhân này mà không hủy hoại cả đời con gái nhà người ta thì ngay từ đầu, sao tôi lại không sống chết ngăn cản chúng nó cơ chứ?”

Tôi cũng có mắt chứ có phải không đâu. Thế nên mới thấy thẳng con trai tôi nó chết mê chết mệt con nhà người ta rồi thì tôi còn biết làm thế nào? Mọi cái đều là vận số của gia đình hết. Trong nhà sinh ra thứ bệnh tật ấy âu cũng là số phận. Nhưng mà ai biết đâu đấy, tai ương mà con tôi gánh chịu chẳng qua là gánh hộ con nhà người khác mà thôi.” Tôi tự hỏi tại sao mẹ tôi lại có thể có những suy nghĩ như vậy? Tôi lặng đi không nói được lời nào trước sự ích kỷ đến tàn nhẫn của tình mẫu tử ấy. Tôi vẫn giữ trong lòng những thiện cảm và cảm giác nhớ nhung mong manh sau lần đầu gặp chị dâu ở bệnh viện. Biết đâu mẹ cũng chỉ nói vậy thôi, còn thực ra mẹ cũng giống như tôi. Mẹ vốn là người thích tất cả những gì con cái thích, nên hẳn mẹ đã hài lòng với ái nữ của nhà người khác mà anh tôi đã lựa chọn. Chắc chỉ vì mẹ thấy bận lòng với sức khỏe tồi tệ của chị ấy đó thôi. Cũng bởi những lo lắng ấy của mẹ mà tôi gần như bị lãng quên.

Rồi ngày cưới cũng tới thật gần. Chẳng hiểu gấp gáp đến mức nào mà lại còn xảy ra chuyện nhà gái nhắn tới bảo thông cảm, vì tủ đựng quần áo họ đã nhờ thợ mộc đóng rồi nhưng có khi chẳng gửi kịp ngày cưới, vậy nên xin hoãn lại vài ngày để gửi sau ^{*}.

71 Theo phong tục cưới hỏi truyền thống của Hàn Quốc, nhà trai sẽ chuẩn bị nhà còn nhà gái sẽ chuẩn bị mọi đồ đạc sử dụng trong căn nhà mới.

Đám cưới được tổ chức theo kiểu mới ở Seoul và theo cả kiểu truyền thống ở thôn Parkjeok. Chẳng biết có phải vì tình yêu đã khiến anh tôi bị mờ mắt nên anh chẳng giản dị giống như mọi khi, anh muốn cô dâu phải thật đẹp và lễ cưới

phải được tiến hành theo đúng mọi trình tự nghi thức. Tôi lấy cớ là đang dưỡng bệnh nên không lên Seoul và ở nhà quan sát mọi người chuẩn bị tiệc cưới linh đình ở nhà quê ra sao.

Đó là khoảng thời gian đầu mùa hè năm 1945, thời gian khoảng hai tháng trước ngày giải phóng, lúc mà mọi thứ đều trở nên vô cùng khốn khó. Vậy mà nhà tôi vẫn cho mời người trang điểm nổi tiếng ở Gaeseong về và trang điểm cho cô dâu đúng theo kiểu truyền thống của Gaeseong. Chị dâu đội mũ miện nhỏ trên đầu, xinh đẹp đến mức ai cũng phải nín thở. Làn da trắng mịn màng với màu son hồng thắm trên đôi môi và đôi gò má ấy như đã làm lu mờ cả vẻ lộng lẫy của chiếc mũ miện. Anh tôi hân hoan sung sướng, miệng không lúc nào ngậm lại được. Hẳn anh tôi rất hãnh diện về cô dâu với họ hàng khách khứa và cũng đang tự hào về phong tục Gaeseong với cả cô dâu và nhà gái.

Còn tôi, tận mãi sau đó, tôi cũng không thể nào quên được ấn tượng sững sốt khi trông thấy hình ảnh chị dâu đội chiếc mũ miện trên đầu ngày hôm ấy. Sau này, khi viết cuốn “Chưa thể quên”, trong đó có cảnh lễ cưới truyền thống của nhân vật nữ chính, tôi vẫn mượn hình ảnh ấy. Đám cưới xong, hai vợ chồng trẻ về lại mặt nhà gái rồi mới về ngôi nhà ở phường Namsan-dong. Chị dâu tôi đúng là chỉ mang mỗi bọc quần áo về còn không có tú đựng quần áo. Ngày ấy, không chỉ việc vận chuyển đồ đạc mà tất cả mọi thứ đều rất khó khăn. Nhưng mặc cho thế giới bên ngoài có biến đổi ra sao, anh chị tôi vẫn chỉ biết chìm đắm trong cuộc sống tân hôn, chẳng cần biết thời gian trôi đi thế nào. Còn mẹ tôi vẫn ôm trong lòng mối hoài nghi về sức khỏe của nàng dâu mới, vì vậy mẹ đã để cho vợ chồng anh chị tôi được thoải mái và ghé về thôn Parkjeok thường xuyên hơn.

Đã có một ngày như thế. Trong ký ức của tôi chợt nhớ tới một ngày hè thật dài và thanh bình đến kỳ lạ.

Hôm đó, bà tôi đi đâu không rõ, chỉ có mẹ tôi và hai thím lâu lắm rồi mới ngồi với nhau ở ngôi nhà thôn Parkjeok. Bữa cơm trưa với món mỳ kiều mạch vừa kết thúc, ba chị em dâu ngồi quây quần, vừa làm bát vừa chuyện trò đưa đẩy. Có những cái bát to bằng chiếc khay gỗ, nhưng cũng có những cái chỉ nhỏ như bát ăn cơm bằng đồng thau.

Ngày ấy, ở quê chúng tôi đang rộ lên phong trào làm bát giấy. Những cuốn sách, hoặc những tấm giấy changhoji được bóc từ những cánh cửa, bất kể loại giấy nào cũng có thể trở thành nguyên liệu của Hanji *. Không rõ là họ dùng nước tự nhiên hay có pha thêm thuốc tẩy hay không, chỉ biết những tấm giấy Hanji cũ kỹ được ngâm cho đến lúc trắng phau mới đem ra vắt kiệt rồi bỏ vào cối giã nhuyễn với hồ dính đặc quánh. Giã cho đến khi nào dẻo ra như đất sét mới thôi. Sau đó, người ta mới dùng khay gỗ to hoặc những đồ đựng nhỏ như cái bát để làm khuôn và bôi một lớp có độ dày vừa phải lên đó. Ai không dùng khuôn cũng có thể nặn tự nhiên bằng tay. Lúc lớp bột khô cứng sẽ cho hình cái bát. Không chỉ có thế, người ta còn bôi một lớp nước quả dành dành hoặc nước đậu đen lên đó để tạo ra những chiếc bát vừa đẹp vừa chắc chắn. Tùy thuộc vào đôi bàn tay khéo léo của mỗi người, thỉnh thoảng lại xuất hiện những cái bát vừa đẹp hoàn hảo, lại vừa có ích.

72 Loại giấy dán truyền thống, rất mỏng, được làm bằng tay của Hàn Quốc.

Đó là dịp để mọi người vừa trổ tài khéo tay của mình, vừa tạo ra những đồ đựng hữu dụng để đựng kẹo, ngũ cốc, hạt giống v.v...

Chú thứ tôi ở quê thấy vậy thì hưởng ứng ngay lập tức, chú lôi một loạt các cuốn sách cũ của ông tôi ở căn phòng nhỏ bên trong phòng khách ra và ngâm tất cả vào nước để dùng làm nguyên liệu nặn chén bát. Có lẽ nhà chúng tôi trở thành nhà giàu bát đĩa nhất làng nhờ vào kho sách cổ chất đầy trong căn phòng nhỏ ấy của ông nội. Thi thoảng nhà tôi còn chia bớt sách cho những người làng ghen tị với điều đó. Hình ảnh ba cô con dâu ngồi quây quần làm bát trông thật hạnh phúc và không còn gì có thể mãn nguyện hơn thế. Người vốn rất tinh tế là thím út tôi thì đang bôi một lớp dày vừa phải vào bên trong chiếc khay gỗ to vẫn còn hằn lên vết đục. Chắc là thím định lấy nguyên cả những vân gỗ xù xì ấy. Thím thứ thì lại đang bôi lên chiếc hộp làm từ sợi liễu gai. Mẹ tôi thì chẳng dùng mẫu nào, cứ thế mà nặn bằng tay nên liên tục thất bại, mẹ chủ yếu đóng góp bằng những câu chuyện là chính.

Nhờ đóng sách của ông tôi mới có được những ngày như thế nên đề tài chủ yếu của các câu chuyện tất nhiên là về ông tôi. Đa phần là những câu chuyện nói xấu, nhưng trong đó vẫn chắt chứa rất nhiều tình cảm của con cháu nên tôi rất thích nghe. Đó là chuyện nàng dâu chết đuối khi nghe thấy tiếng ho nghiêm nghị và tiếng guốc mộc bước ra sân sau của ông lúc trời còn tờ mờ

sáng thế nào, hay những lần ông muốn thể hiện sự yêu quý con dâu bằng cách cố tình để lại một ít canh thịt mà râu của ông đã dính cả vào trong đó và giục cô con dâu đang ngồi hầu hạ bên cạnh húp nốt, khiến nàng dâu húp không nổi mà không húp cũng chẳng được ra sao, vân vân và vân vân. Không hiểu những câu chuyện ấy có gì mà buồn cười ghê gớm đến thế, bởi cứ mỗi lần dứt chuyện, các nàng dâu lại ôm bụng cười ngặt nghẽo và cái việc làm bát chẳng qua chỉ là cái cố mà thôi.

Phải chăng tất cả những điều đó có được là nhờ cảm giác bình an và sự trống rỗng sau bao bộn bề căng thẳng của một đám cưới chu toàn, và bởi khát vọng yên bình không thể không ý thức được về thời cuộc đầy bất an mà chẳng ai biết được ngày mai sẽ ra sao ấy? Hay đó là cảm giác được giải phóng sung sướng bởi thái độ táo bạo trước thứ chủ nghĩa gia trưởng đã đè nặng lên đôi vai của họ trách nhiệm làm dâu trong suốt nửa cuộc đời? Tôi chỉ là người ngồi ở ngoài quan sát nhưng mỗi khi nhớ tới những ngày ấy, quang cảnh đó vẫn luôn hiện ra rõ mồn một và vô cùng ấm áp.

Mãi sau này, mỗi khi báo chí đưa tin rằng mới phát hiện tư liệu cổ quý hiếm hay những giấy tờ có giá trị quốc bảo tại nhà của một nhà nho nào đó ở nông thôn, mẹ tôi lại mỉm cười ngượng nghịu: “Ngày ấy nhà mình quả là ấu trĩ quá”. Chắc là mẹ tôi thấy hối hận vì biết đâu trong đống sách của ông tôi lại có những tài liệu quý hiếm như thế. Song, tôi lại không nghĩ như vậy.

Chẳng phải vì tôi coi thường kho sách của ông nội, mà bởi tôi cho rằng giá trị của văn tự cũng rất quan trọng, nhưng cảm giác thanh thoi của các nàng dâu ngày ấy cũng thật quý giá không kém gì điều đó.

Đến tận bây giờ, mỗi lần nghĩ lại, tôi lại mỉm cười vì hình ảnh hồn nhiên và ngộ nghĩnh đáng yêu như trẻ thơ của những người lớn trong mắt tôi ngày ấy. Những người có tuổi không dễ gì lộ được vẻ đáng yêu một cách không hề có chủ ý đó. Sách cổ không giữ được mà những cái bát cũng chẳng còn. Song, theo cách nói bây giờ, mẹ và các thím của tôi đã xả được hết mọi stress và có lẽ cho đến tận lúc nhắm mắt, ở đâu đó trong tâm hồn của họ vẫn cảm nhận được niềm vui khỏe khoắn ấy. Nhưng rồi đó lại là sự bình an cuối cùng của ngôi nhà ở thôn Parkjeok. Mỗi lần đi thăm anh chị tôi ở Gaeseong về, mẹ lại tỏ vẻ đầy âu lo:

“Chẳng hiểu nổi nhà thông gia thế nào mà đến giờ cũng chẳng gửi đồ đạc tới? Chỉ toàn thấy gửi thuốc bổ đến thôi. Nhà vợ chồng mới cưới mà không lúc nào là không có mùi thuốc sắc...”

“Chị cũng thật là mẹ chồng có một không hai. Lâu lâu mới về nhà thì phải nghỉ ngơi thoải mái cho con cái nó hầu hạ chứ. Sao lại chỉ về để gửi mùi thuốc một cái là đi ngay như thế?”

Các thím cho rằng mẹ tôi đã lo lắng thái quá, còn tôi thì lại có linh cảm về một điều gì đó đang xảy ra với chị dâu mà không qua được mắt mẹ tôi. Những ngày nghỉ giữa kỳ của mùa hè ấy thật nóng nực. Tôi thấy bồn chồn vì giờ mình đã hoàn toàn khỏe mạnh và đến lúc hết hè, tôi không có mặt mũi nào để nói với mẹ rằng sẽ không đi học nữa. Có vẻ như tôi cũng phải tự quyết định cho mình một điều hệ trọng nào đó, nhưng việc ấy quả thật không dễ chút nào.

Trước ngày khai giảng, Nhật Bản đã thua trận và chúng tôi được giải phóng. Tin Nhật Bản thua trận đến với thôn Parkjeok chậm hơn những ba, bốn hôm sau ngày 15 tháng 8 ấy. Ngày 16 tháng 8, chú thứ tôi vẫn đi làm ở xã như mọi ngày và hôm sau đó, chú đã không về nhà. Trước đây chú cũng vẫn thường như vậy. Ngày ấy có tin đồn rằng chú tôi có vợ lẽ ở gần văn phòng của xã nhưng chú đã phủ nhận hoàn toàn điều đó. Lấy cơ bản việc của xã, chú thường xuyên nhiều ngày không về nhà. Chú biện minh rằng giờ phải đốc thúc cấp dưới liên tục. Và hơn ai hết, người nhạy cảm nhất với chuyện đó là thím tôi thì lại chẳng có vấn đề gì. Vì thế, chẳng có ai lo lắng về việc đó cả.

CHIẾC BIỂN TÊN NHÀ BỊ NÉM VỠ

Chi đến khi có một toán thanh niên cầm gậy gộc bất ngờ xông vào nhà, chúng tôi mới biết được tin Nhật Bản thất bại hoàn toàn. Chúng thay nhau hò hét, tháo cả cánh cửa, đập phá đồ đạc trong nhà chúng tôi. Trong số ấy, có một hai thanh niên là người làng, còn lại hầu như là những khuôn mặt lạ.

Nhưng người sống ở làng là thím tôi lại biết gần hết những người đó, thế nên, dù run rẩy, thím vẫn tỏ vẻ bình tĩnh và mắng nhiếc cả bọn: “Các anh định làm loạn ở đây à? Đang yên đang lành sao lại giở trò gì thế này?”. Lập tức đám người đó liền bảo mấy thanh niên thôn Parkjeok, những kẻ đang không dám đứng lên phía trước mà chỉ núp ở đằng sau, tạm thời tránh mặt đi chỗ khác. Rồi họ nói cho chúng tôi biết rằng Nhật Bản đã thua rồi, đất nước giờ đã được giải phóng. Thì ra ở thôn Parkjeok này, nhà chúng tôi bị coi là gia đình thân Nhật và giờ chúng tôi phải hứng chịu sự trút giận của người làng.

Đám người đó đã đi qua mấy làng rồi. Họ đi từ làng này sang làng khác để hỏi tội. Mỗi khi làng nào có những nhà thân Nhật bị đập phá, các thanh niên của làng đó sẽ không ra mặt mà chỉ đứng nhìn ở phía sau. Đó là đạo lý cơ bản của những người cùng ăn chung nước một giếng và cùng lo công việc lớn nhỏ của các nhà đã sống ở cái làng này mấy chục năm trời. Đúng lúc ấy, anh tôi lại từ Gaeseong trở về. Có vẻ như anh tôi thấy thời thế bên ngoài bất ngờ đảo lộn mà lại không thấy tin tức gì của cả nhà nên đã chạy về, trong lòng vừa lo lắng lại vừa muốn được chia vui với mọi người ở nhà. Trong số đám người đến đập phá có cả những người mừng rỡ khi gặp anh tôi. Nhưng đâu phải vì mấy gương mặt quen biết ngượng ngừng ấy mà mọi chuyện có thể kết thúc.

Đám thanh niên đó lại hùng hổ xông lên như những kẻ man rợ. Có tên còn bẻ gãy cả cánh cửa lớn kiên cố của nhà tôi rồi đập nát tan tành. Sau đó, hẳn

còn bóc cả biển tên và bắt đầu quăng mạnh. Đó là chiếc biển đề tên nhà đã quen thuộc với tôi từ bé, trên đó có tên của ông tôi.

Kể cả sau khi ông mất rồi, biển tên cũng không bị tháo xuống mà vẫn được gắn ở đó, thậm chí chúng tôi còn không gắn thêm biển ghi tên chú tôi hay anh tôi ở bên cạnh hay bên dưới chiếc biển ấy.

Tôi gào lên một cách vô vọng và xông thẳng vào tên đó. Chẳng hiểu sao tôi có thể thích thú khi toàn bộ những cuốn sách của ông nội bị lấy ra làm bát, nhưng lại không thể chịu đựng được lúc biển tên nhà bị đập vỡ. Lúc ấy, tôi không hề cảm thấy sợ hãi trước cảnh bạo lực mà lần đầu tiên trong đời được chứng kiến ấy.

Trong tôi chỉ có suy nghĩ quyết sống mái một trận với lũ người ấy. Nếu không phải vì anh tôi ngăn lại thì tôi đã xông vào cắn xé một kẻ nào đó cho đến lúc kiệt sức và ngất lịm đi. Trước đây, tôi vẫn thỉnh thoảng bị ngất vì những cơn giận dữ mà bản thân tôi cũng không thể tìm chế nổi.

Anh tôi đã lôi tôi xềnh xệch ra khỏi chỗ đó và kéo lên ngọn đồi phía sau nhà. Mẹ và các thím tôi thì vật vã, gào khóc thảm thiết. Một số người trong đám bọn họ quay ra khuyên nhủ bảo mẹ tôi và các thím bình tĩnh lại. Điều đó chứng tỏ họ không có ý định làm tổn thương đến người. Tôi cảm thấy sốc khi anh tôi đang lôi tôi đi mà vẫn cố đứng lại rồi tỏ ra lễ phép nhờ bọn họ giữ an toàn cho người lớn trong nhà. Lúc ấy, trông anh tôi thật ngớ ngẩn, giống như một kẻ điên. Tôi quay sang chất vấn một cách gay gắt: “Tại sao chúng ta lại bị coi là thân Nhật? Chẳng phải nhà chúng ta đã không đối họ đó sao? Bọn họ đúng là một lũ không biết xấu hổ. Tokuyama, Arai, Kimura là cái thá gì mà dám kéo đến đập phá nhà họ Park cơ chứ?”

Như một kẻ bị trói chặt cả tay chân, anh tôi lặng yên đứng nhìn người ta đập phá nhà cho đến tận khi đám người hung dữ đó rút khỏi đấy. Rồi anh quay ra vỗ về, cố thuyết phục tôi rằng suy nghĩ của tôi là không đúng.

Tôi bất chấp tất cả và khẳng khái cho rằng mình đúng.

Anh tôi hết lời giải thích, nhiều đến mức tôi cũng chẳng nhớ được hết. Đại khái là: “Đúng là Tokuyama, Arai đã khiến chúng ta thành ra nông nổi này. Mọi chuyện thật bạc bẽo, nhục nhã và đây đúng là một tai họa. Nhưng thời

gian qua, chúng ta đã được bình yên mà hưởng thụ hơn người quá nhiều rồi. Chính vì điều đó mà anh thấy rất xấu hổ đến mức không ngừng mặt lên được”.

Anh tôi bảo: “Dù gì thì cứ để yên cho họ trút giận xong, mình cũng cảm thấy đỡ nhức hơn mỗi khi nhìn thấy người trong làng”.

Tôi lặng yên và chợt cảm thấy vô cùng đau đớn. Không phải tôi đã bị những lý lẽ của anh tôi thuyết phục, mà đó là vì cảm giác trống rỗng bất ngờ ập đến sau cao trào phần nộ vô tác dụng, và bởi quang cảnh tan hoang của ngôi nhà chúng tôi. Ôi ngôi nhà thân yêu của chúng tôi! Hình như anh tôi đã đọc được những suy nghĩ ấy trong lòng của tôi. Anh để tôi khóc một cách thỏa thuê rồi mới bảo đi về nhà.

Tai họa ập đến nhà chúng tôi ngày hôm ấy không phải do một nhóm côn đồ có tổ chức từ trước, mà chỉ là vì những thù oán đã ăn sâu vào đầu óc họ bất chợt bùng lên sau bao ngày bị đè nén. Đám người đó còn điểu qua mấy làng nữa rồi mới bình tĩnh trở lại. Người trong làng chạy đến an ủi, giúp đỡ những nhà bị đập phá thu dọn nhà cửa để ổn định lại cuộc sống. Những chuyện đó xảy ra trước khi các nhóm người mang màu sắc chính trị, nào là đoàn thanh niên, đội tự vệ, cánh tả, cánh hữu xuất hiện và làm xáo trộn tâm can của người dân trong làng.

Đúng như tin đồn, chú tôi đã tới ở nhà cô vợ lẽ và ngồi đó khoanh tay nhìn mọi sự đổi thay rồi mới trở về nhà.

Lúc nhìn thấy nhà cửa ra nông nổi ấy, chú bảo: “Nếu mấy tháng trước không được cái chức trưởng phòng lao động thì chắc đã không phải hứng chịu chuyện này. Đó là cái ghế ngồi gây nhiều oán thù nhưng chú đã không thể tránh được”. Những người trong làng giúp từ cái đình để đóng lại cánh cửa ấy đã trở thành chỗ dựa vững chãi hơn nhiều so với chú tôi, một người đến giờ vẫn còn hối hận về những điều không thể lấy lại được ấy. Người chuyên sống bằng nghề cầm bút khi không còn được làm nghề đó nữa thì chẳng khác nào một kẻ vô dụng cả.

Bầu không khí căng thẳng và mọi sự chẳng lành đổ ập xuống ngôi nhà ở thôn Parkjeok. Đã vậy, tất cả lại càng rối tung hơn khi chị dâu tôi ho ra máu. Anh tôi phải đưa chị quay trở lại Seoul. Ngôi nhà ở phường Namsan-dong cũng không thể bỏ không được nên chúng tôi lại phải chuyển nhà lên Seoul.

Mẹ con tôi đã gấp gáp quay về Gaeseong. Vợ chồng chú út vốn sống tạm bợ ở căn nhà trọ nên chẳng vướng bận gì, đã lên Seoul ngay sau anh tôi. Tình hình có vẻ thuận lợi cho việc làm ăn nên vợ chồng chú út hy vọng sẽ kiếm được thật nhiều tiền.

Hai mẹ con tôi trở về thu dọn căn nhà ở Namsan-dong, nơi anh chị tôi đã phải rời đi một cách gấp gáp. Mỗi câu nói của mẹ lại được kết thúc bằng những tiếng thở dài não nề và cả những giọt nước mắt. Đến tận lúc đó, giường tủ cũng vẫn chưa được chuyển tới. Chẳng có gì toát lên về ảm áp của cuộc sống một đôi vợ chồng mới cưới. Tất cả tựa như một chỗ trú ẩn tạm thời rồi lại mau chóng rời đi của những kẻ bị săn lùng và trong đồng bừa bọn đó chỉ còn lại nỗi niềm của hai kẻ tuyệt vọng.

Góc này góc kia chỉ thấy toàn những bọc thuốc lá chữa bệnh. Những con rết dài hơn cả gang tay chết khô trông đến phát khiếp. Lại còn có cả lũ dòi bọ bám nhung nhúc ở đây nữa. Lúc dọn đến cái đồng ấy, khuôn mặt mẹ tôi chợt biến sắc, hai bàn tay mẹ run run: “Ông trời ơi, tôi nuôi thằng con trai là để chứng kiến cảnh này sao?” Tôi đứng nhìn cảnh mẹ thở dài não nề, bản thân cũng không thể hiểu nổi anh tôi. Rõ ràng, hơn ai hết, anh tôi hiểu rõ về bệnh tình của chị dâu. Vậy tại sao chẳng đợi chữa khỏi bệnh rồi hãy cưới? Vì lý do gì mà phải nhất định làm cái việc chẳng có gì tốt cho bệnh tình là chuyện cưới xin ấy một cách gấp gáp như bị ai đó đuổi ở đằng sau vậy? Mẹ và tôi mãi mãi không thể hiểu được điều ấy. Nhưng liệu có ai trên đời hiểu được ngọn lửa tình yêu bùng lên bất ngờ và cuốn lấy tuổi trẻ một cách lạ kỳ mang tính chất định mệnh ấy? Có thể anh tôi không muốn giấu giếm mọi người, mà đơn giản chỉ là không thể giải thích được điều đó nên anh đã chẳng nói ra.

Doanh trại quân lính nước ngoài đầu tiên đóng ở Gaeseong là lính Mỹ. Lúc họ kéo vào, tôi cũng đi xem và vô cùng ngạc nhiên trước vẻ thư thái của đoàn quân ấy. Có người còn nhai kẹo cao su nhóp nhép, có người thỉnh thoảng lại nheo mắt với các cô gái, và có người còn bế bổng đứa trẻ nào đó lên. Hình như đó là đoàn quân không có vũ khí. Bên lề đường, trên các bức tường nhà bắt đầu xuất hiện vô số các tờ áp phích. Nào là “tự do”, “chủ nghĩa dân chủ”, “nhân dân”... Tất cả đều là những từ ngữ hết sức cảm thán mà từ bé đến giờ tôi mới được trông thấy. Khắp nơi ngập tràn những khẩu hiệu trừng phạt kẻ thân

Nhật mãi quốc và kiên quyết không chịu thua ai đó hay kiên quyết phản đối ai đó đến cùng.

Chị dâu tôi đã nhập viện ở bệnh viện Severance. Anh tôi nhắn về bảo mẹ bán được nhà lúc nào thì lên ngay lúc đó. Mẹ tôi lại càng gấp gáp hơn sau lúc trở về từ Seoul. Mẹ nói rằng bên nhà chị dâu cũng có mẹ tới chăm sóc, nhưng bà ấy nhiều tuổi rồi, chẳng giúp được gì, vả lại, chị dâu giờ đã là người nhà của chúng tôi rồi nên chúng tôi phải gánh vác thôi. Tất nhiên cũng vì cả chuyện mẹ tôi lo lắng khi thấy anh tôi cứ bám chặt bên cạnh chị dâu. Trong lúc chúng tôi còn đang mải miết với chuyện của chị dâu thì chú út lại tha hồ phát huy sở trường của mình tại mảnh đất Seoul lộn xộn ấy. Chú tôi đã chuyển về sống ở ngôi nhà lợp ngói của một người Nhật quen biết nên lại càng nôn nóng giục giã chúng tôi. Chú bảo có thể góp tiền giúp chúng tôi mua căn nhà khác ở Seoul, vì thế dù phải bán rẻ cũng phải mau bán căn nhà ở Namsan-dong đi. Đó là thời gian chúng tôi đang chuẩn bị bán nhà.

Quân đội Mỹ tràn vào Gaeseong là do đường vạch ranh giới vĩ tuyến 38 bị vẽ sai. Vì thế, ngay sau đó, quân Mỹ lại lập tức rút lui và quân Liên Xô tiến vào đóng quân ở đó. Ngay từ trước khi quân Mỹ tràn vào, người ta đã hiểu được sự mong manh của cái ranh giới vĩ tuyến 38 ấy, vì không thể biết được quân Mỹ hay quân Liên Xô, quân nào sẽ vào đồn trú, và người ta xôn xao thích thú với những dự đoán và cả những tranh luận xung quanh việc quân nào vào sẽ có lợi hơn. Song, chẳng ai hiểu được sức ràng buộc thực tế của cái vĩ tuyến 38 trừu tượng ấy. Quân Mỹ rút đi một cách im ắng, khác hẳn với lúc tiến vào. Và cả thế gian đã bị đảo lộn kể từ khi quân Liên Xô bắt đầu đồn trú.

Từ “Dawai” * bỗng trở nên phổ biến. Chợ cũng bị “dawai”, rau trên cánh đồng cũng bị “dawai”, đến cả phụ nữ cũng bị “dawai”. Mọi thứ trở nên vô cùng hỗn loạn. Người ta bảo bọn họ không phân biệt được đâu là con gái, đâu là phụ nữ đã có chồng. Ngay cả phụ nữ có chồng cũng thấy sợ hãi như vậy. Người ta còn bảo lính Liên Xô thích đồng hồ lắm nên hễ nhìn thấy là họ lại lao vào cướp, vì thế có cả những tên đeo cả chục chiếc đồng hồ từ cổ tay đến cùi chỏ.

73 Từ trong tiếng Nga, có nghĩa là “đưa đây”. Trong thời kỳ chiến tranh hai miền Nam - Bắc Hàn, quân đội Liên Xô tràn vào bán đảo Hàn và mỗi lần cướp bóc đồ của dân thường, họ đều nói từ “Dawai”.

Mẹ tôi vốn là người hay lo lắng, vậy mà lại hầu như chẳng màng đến tình thế căng thẳng ấy. Mẹ bảo tất cả chỉ là tin đồn phóng đại thôi. Nhà chúng tôi ở gần đường tàu. Dòng người lũ lượt kéo nhau đi từ Bắc xuống Nam theo con đường sắt cứ ngày một đông dần. Khi đó, việc đi lại giữa vĩ tuyến 38 còn khá dễ dàng và chưa có nhiều người ở phía Bắc di chuyển tìm tự do ở phía Nam. Vì thế, con đường đó chỉ là con đường hồi hương của rất nhiều đồng bào từng lưu lạc đến Mãn Châu vì miếng cơm manh áo. Vậy mà từ sau lúc quân đội Liên Xô tiến vào, chẳng hiểu sao tuyến đường sắt đi từ Gaeseong về phía Nam bỗng dưng bị cắt đứt. Chẳng còn cách nào ngoài con đường bộ ấy. Kể cả tàu đến Gaeseong cũng thế. May thì có tàu, còn không cũng phải đi bộ mới tới được. Tất cả trông đều kiệt sức và đói bụng.

Các chuyến tàu cũng trở nên lộn xộn. Để đến được Seoul phải đi bộ đến ga Bongdong mới có tàu. Khắp nơi diễn ra cảnh tượng những gia đình mất chồng mất con vì bị gọi nhập ngũ hay gọi đi lao dịch, họ tràn ra ngoài đường sắt để bám lấy dòng người đổ về và hỏi thăm họ đi từ đâu đến, đi từ lúc nào. Trong dòng người kéo về ấy có lẫn cả những người Nhật Bản. Lúc người ta phát hiện ra kẻ được hỏi là người Nhật, họ liền chửi rủa thậm tệ, bảo: “Thật đáng kiếp”, thậm chí có người còn nhổ cả nước bọt. Nhưng sự nhục nhã của những người Nhật bị trục xuất đó chẳng thấm tháp gì so với những nỗi khổ sở của những đồng bào trở về quê hương vừa mới được giải phóng. Thời thế vô cùng hỗn loạn, chẳng biết phải bám tựa vào đâu.

Đó cũng là lúc tôi bắt đầu được tiếp xúc với những quyển truyện bằng chữ Hàn. Lần đầu tiên tôi thấy tò mò với những cuốn truyện viết bằng chữ Hàn trong đồng sách ở phòng anh tôi. Những đứa trẻ bằng tuổi tôi ngày ấy, hầu như không biết đến Hangul. Tất cả đều như phát sốt cả lên vì phải gấp rút học thứ văn tự mới. Còn tôi, vì đã biết từ trước, nên có thể tha hồ đọc những tấm áp phích hay truyền đơn được dán la liệt trước mắt. Mỗi lần như vậy, trong tôi lại trào dâng một cảm giác sung sướng đến kỳ lạ và niềm tự hào, hãnh diện về bản thân. Niềm tự hào bởi một sự thật vô cùng hiển nhiên, đó là hiểu được văn tự của nước mình. Điều ấy đã gợi lên mối quan tâm về văn học nước nhà, lần đầu tiên nảy nở trong tôi.

Sau khi đọc xong cuốn sách hấp dẫn bởi cái tiêu đề của nó, đó là cuốn Vô tình của của Lee Wang-su, tôi chuyển sang Danjong ai sử [*](#), Bạch hoa của Park

Wan-seong, Bản ký về việc chạy trốn của Choi Seo-hae. Tôi còn đọc cả một truyện ngắn của Kang Gyeong-ae nữa, nhưng tôi lại quên mất tiêu đề của cuốn truyện đó. Trong số ấy, tôi ấn tượng nhất với Danjong ai sử và truyện ngắn của Kang Gyeong-ae. Tôi không tài nào ngủ được sau khi kết thúc cuốn Danjong ai sử. Truyện ngắn của Kang Gyeong-ae cũng đã khiến tôi bị sốc và đánh mất cả vị giác, không nuốt nổi cơm trong suốt mấy ngày liền.

74 Lịch sử bí ẩn về vua Danjong (1441-1457), vị vua đời thứ 6 của vương triều Choson. Đây là cuốn tiểu thuyết lịch sử được đăng trên tờ Dong a Il bo (Đông Á nhật báo) từ tháng 11 năm 1928 đến tháng 12 năm 1929, ghi lại sự thật lịch sử về cái chết bí ẩn của vua Danjong, vị vua lên ngôi khi mới 12 tuổi nhưng sau đó đã bị người chú của mình là Suyang Daegun (Sejo) cướp ngôi và bị đày đến Yeongual, tỉnh Gangwon-do.

Câu chuyện kể về cách họ chữa mụn nhọt cho đứa trẻ. Người ta bắt lấy con chuột, lột da của nó rồi phủ lên cái đầu đầy mụn nhọt của đứa trẻ như đội chiếc mũ. Kết quả là trên đầu chỉ toàn nhung nhúc một lũ ròi bọ.

Tôi cũng chẳng lạ gì khi người ta vẫn lấy tương bôi vào những vết bỏng, nhưng hành động trong câu chuyện lại là một điều vô cùng kinh dị và hãi hùng, đến mức đọc xong rồi mà tôi vẫn cứ bị nấc mãi.

Với tôi, nếu như trước đó, việc đọc sách đem lại cảm giác thú vị khi bỗng đứng đôi chân như được chấp cánh, thoát ra khỏi thế giới thực tại và bay vào không gian không tưởng, thì lần này lại là một điều hoàn toàn khác biệt, bởi nó khiến tôi phải nhìn thẳng vào hiện thực ngao ngán trước mắt. Danjong ai sử là một cuốn tiểu thuyết nhưng tôi đã đón nhận nó như một sự thật hoàn toàn. Đó cũng là nấc thang đầu tiên dẫn tôi tới sự quan tâm một cách sâu hơn và toàn diện hơn về lịch sử của đất nước.

Sau này, tôi được tìm hiểu về lịch sử đất nước một cách chính thức ở trường học. Những cuốn sách lịch sử đa dạng với những nhãn quan sử học khác nhau của các tác giả đã trở thành sở thích cá nhân của tôi. Song, những tri thức đa dạng gắn với nguồn cảm hứng bất chợt ấy chỉ dừng lại ở một mớ kiến thức hỗn tạp chẳng có tác dụng gì, giống như chiếc ngán kéo lộn xộn chỉ biết tống bừa đồ vật vào trong ấy. Dù vậy, hình như tôi vẫn nắm rõ giai đoạn từ đời Sejong đến đời Sejo hơn cả. Phải chăng sự lầm tưởng ấy đơn thuần chỉ là do ảnh hưởng của Danjong ai sử?

Thật ám ức mỗi khi nhận ra rằng thời kỳ mà tình cảm và trí nhớ được phát huy một cách cao độ nhất và những điều được ghi nhớ sẽ ảnh hưởng đến cả cuộc đời là thời kỳ này của tôi, cả môi trường văn hóa lẫn hoàn cảnh gia đình đều thật căn cỗi. Nhưng dù sao, mặc dù lớn lên trong tận đáy của cái nghèo, chúng tôi vẫn duy trì được sự cân bằng hài hòa giữa lý trí và tình cảm một cách hiếm hoi. Điều đó là nhờ mẹ tôi và sự suy nghĩ biết ơn mẹ sâu sắc ấy có được là sau khi tôi đã đọc xong cuốn tiểu thuyết của Kang Gyeong-ae.

Mùa hè đi qua, đã đến lúc phải kéo những tấm chăn mỏng mà đắp vào lúc ban đêm và tảng sáng, đến tận khi đó, mẹ và tôi mới rời khỏi được Gaeseong. Quân Liên Xô vẫn chiếm đóng ở Gaeseong và vì vậy, ở ga Gaeseong vẫn không có tàu đi đến Seoul. Người ta bảo muốn đi Seoul thì phải đến ga Bongdong mới có tàu.

Người lại bảo phải đi đến tận Jangdan. Tất cả chỉ là tin đồn. Chỉ duy nhất việc ở Gaeseong không có tàu đi về phía nam là sự thật. Quãng đường đến ga Bongdong dài độ hai mươi dặm, còn tới ga Jangdan thì lại những năm mươi dặm. Đồ đạc của chúng tôi chỉ toàn những thứ thiết yếu nhất, nhưng cả mẹ và tôi hết đội lại khoác cũng không xuể. Nghĩ đến con đường mấy chục dặm sắp tới, chúng tôi không thể tham lam được. May mà gia đình mua nhà của chúng tôi cũng ít người nên chúng tôi đã gửi nhờ họ số đồ đạc còn lại. Con đường dẫn đến ga Bongdong phải đi qua chiếc cầu Ya.

Tên gọi của cầu Ya bắt nguồn từ những thương nhân Ai Cập tới Gaeseong buôn bán dưới thời kỳ hưng thịnh của vương triều Korea và họ thường buộc lạc đà * ở đây. Cầu Ya là cây cầu gắn bó thân thiết nhất với người Gaeseong, đến mức gần như tất cả những người sinh ra và lớn lên ở Gaeseong, chẳng có ai là không bị trêu đùa hay mắng mỏ là “được nhật về ở dưới chân cầu Ya” cả. Tôi nhớ là ngày còn bé, tôi rất hay khóc nhè và câu mắng thường xuyên nhất của người lớn chính là: “Chắc cái con này ngày xưa được nhật về từ chân cầu Ya hay sao ấy”. Hai mẹ con tôi hòa mình vào dòng người mang vác lấp đầy con đường tiến về phía chân cầu Ya đó. Nơi đây vốn là vùng đất chẳng mấy khi những người qua lại Seoul đặt chân tới, nhưng giờ chỉ còn mỗi cách này, vì đường tàu đã bị chặn lại. Tại hai đầu cầu Ya đều có lính đứng gác, bên này là lính Liên Xô, bên kia là lính Mỹ.

75 Trong tiếng Hàn lạc đà còn được gọi là Yakta nên tên cầu được lấy bằng âm đầu của chữ này.

Mặc dù vậy, việc thông hành giữa hai bên cầu lại không bị tra hỏi hay bị hạn chế gì hết. Vì những tin đồn khiếp sợ mà thỉnh thoảng lại có cả những cô gái trẻ đội những chiếc khăn nhàu nhĩ trên đầu, mặt cúi gằm xuống đất và đi thẳng về phía trước. Còn những lính Mỹ hay lính Liên Xô, tất cả họ đều mang vẻ ngoài hao hao giống nhau với cặp mắt phơn phớt vàng, mái tóc màu nâu và vẻ mặt lúc nào cũng tỏ ra tếu táo. Giữa cây cầu Ya cũng chẳng có vạch nào được kẻ, thậm chí cũng chẳng có nổi một đoạn dây thừng được căng ra đánh dấu để biết được đâu là vĩ tuyến 38.

Ngày ấy, người ta không hề biết rằng vĩ tuyến 38 đó đáng sợ thế nào. Còn thói quen sợ sệt quân lính một cách vô cớ ấy lại vốn là tàn dư của thời kỳ đế quốc Nhật Bản thống trị, thế nên dù không mắc phải tội gì, lòng ngực của họ vẫn run rẩy và vẻ mặt lại tỏ ra căng thẳng mỗi khi đi ngang qua quân lính hai nước. Không có biển chỉ dẫn nào, nhưng đoàn người đều tụ tập lại ở ga Bongdong. Chúng tôi vì thế cũng chẳng đi tới ga Jangdan nữa, mà đứng lại và chờ ở đó. Lúc nào cũng chỉ chờ đợi và chờ đợi một cách nhẫn nại. Không có nơi bán vé mà tất cả mọi người, ai nấy đều đổ ra bên cạnh đường ray.

Cuối cùng, con tàu từ phía nam cũng đến và tất cả đồng loạt xô tới phía trước. Người ta lên tàu bằng cửa sổ đông hơn bằng cửa ra vào. Những tấm cửa sổ đang đóng liền bị đập vỡ kính và có rất nhiều cửa sổ đã bị vỡ kính từ trước. Mẹ nhắc tôi lên, đẩy vào bên trong cửa sổ, và ai đó đã kéo hộ chúng tôi. Tôi cũng lấy hết sức bình sinh để kéo mẹ, lúc ấy vẫn còn đang ở bên ngoài.

Cả hai chúng tôi đều chẳng mong sẽ kiếm được chỗ ngồi và trong tàu quả là một mớ hỗn độn. Không còn một tấm cửa kính nào nguyên vẹn, đến cả những chiếc ghế cũng bị phá hỏng, ngổn ngang. Nhưng, nếu chỉ có vậy thì mấy ngày cũng xong, đằng này không thể hiểu được tại sao họ còn dùng lưỡi dao lam sắc lẹm khoét chỗ này chỗ kia của những tấm vải bọc ghế bằng nhung, để lộ toàn bộ phần ruột bần thiêu và trơ ra khung sắt cong queo ấy? Trong mớ hỗn độn đó, có người đã phải buồn bã than trời rằng đây mà gọi là giải phóng ư?

Con tàu nghỉ ở mọi nơi không hề báo trước và phải mất một thời gian lâu sau đó, nó mới tới được Seoul.

Mọi người xuống hết lúc tàu qua Sinchon, ga trước của ga Seoul nên chúng tôi cũng xuống theo. Chắc là người ta sợ rằng nếu đi đến tận ga Seoul thì sẽ bị tra hỏi là: “Tại sao không mua vé?”, thế nên tất cả đều xuống trước một ga.

Việc đầu tiên là chúng tôi mang đồ đạc tới ngôi nhà ngói “địch sản” * của vợ chồng chú út ở đường Hangang-ro. May sao chị dâu tôi đã đỡ nhiều, chỉ cần nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Bệnh viện khuyên nên về nhà điều trị nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở Cheonan. Chúng tôi phải mua nhà gấp, ít nhất cũng là vì chị dâu. Ngôi nhà hai tầng của vợ chồng chú út vốn là căn nhà mà chúng tôi hằng mơ ước, nhưng rốt cục, không thể gắn bó với nó được vì cảm giác bất an như thể đang ngồi trên chiếc nệm cắm kim. Thông báo của quận hay những thông tin trên báo đều nói rằng tài sản hay nhà cửa của người Nhật đều được coi là “địch sản” và sẽ bị nhà nước tịch thu, nên cấm người dân không được mua bán trao tay hoặc coi đó là vật sở hữu của mình, mà phải chấp hành rời bỏ, để nguyên hiện trường. Chúng tôi quá biết điều đó.

76 Từ để chỉ tài sản của nhà nước, là những tài sản được thu về từ người Nhật tính từ 15 tháng 8 năm 1945 trở về trước.

Chúng tôi không thích và thấy thật xấu hổ vì việc sống ở đó chẳng khác nào một hành vi phạm pháp cả. Anh tôi thì lại càng như thế. Đó cũng chính là điểm khác biệt của vợ chồng chú út với chúng tôi.

Vậy mà hầu hết các ngôi nhà ngói “địch sản” đều bị những người nhanh mắt nhanh tay “nhảy dù”, bởi vậy, ngày ấy là thời điểm giá nhà ở Seoul rẻ nhất. Chỉ với số tiền bán nhà ở Gaeseong và thêm một ít tiền của chú út giúp đỡ, chúng tôi đã mua được một căn nhà ở đường Sinmun-ro gần Gwanghwamun, nơi có giá đất đắt nhất ở Seoul ngày ấy. Và thế là mẹ tôi đã trở thành “người trong thành” như bấy lâu ao ước. Căn nhà không chỉ có địa thế đẹp mà lại còn mới được xây, bóng bẩy và hào nhoáng như cái lưng của chú cá voi. Ở đây có cả một thứ thuộc hàng hiếm vào thời đó là bồn tắm. Dù hơi quá sức nhưng vẫn phải gắng tậu cho được căn nhà tử tế. Điều ấy cũng bao gồm cả sự phù phiếm của một tân lang là anh tôi, người vẫn không thể từ bỏ được hoài bão về một cuộc sống hạnh phúc với chị dâu.

Mẹ tôi mãi mê với việc trang trí căn phòng mới, chờ ngày con dâu trở về, còn tôi bắt đầu đi học lại ở trường Sukmyeong. Tôi được nhận lại vào trường như không có chuyện gì xảy ra, chỉ giống như một sự nghỉ học lâu ngày mới đi

học lại. Trong sổ điểm danh vẫn có tên tôi. Đất nước được giải phóng đúng vào thời gian nghỉ hè, nên có nhiều đứa bạn quê ở phía bắc vẫn chưa về và chỗ ngồi của chúng vẫn được để trống. Tôi lẫn lộn giữa mọi chuyện xảy ra với tôi và khoảng thời gian trên thực tế, vì vậy không thể nào tin được rằng mình mới chỉ nghỉ học gần một học kỳ.

Chẳng có điều gì khác cả. Tất nhiên, không thể nhìn thấy thầy hiệu trưởng và các cô giáo người Nhật. Chỉ thật khó hiểu khi cô giáo vốn phụ trách môn quốc ngữ là tiếng Nhật ấy vẫn còn ở đó nhưng cô đã chuyển sang dạy chữ Hàn. Theo chế độ giáo dục ngày chúng tôi nhập học, họ gọi giai đoạn tương ứng với cấp hai là cấp ba nên năm thứ hai của trường cấp ba mới bắt đầu học ga, gya, geo, gyeo một cách hỗn độn như thế. Kể cả có bị cô giáo mắng đi chẳng nữa, với những câu giao tiếp khó, tiếng Nhật vẫn bị bật ra một cách tự nhiên. Những cuốn sách chúng tôi có thể đọc, ngoài sách giáo khoa ra, chủ yếu vẫn là tiểu thuyết Nhật Bản hoặc những cuốn sách được dịch sang tiếng Nhật.

Lúc ở ngôi nhà Sinmun-ro, lần đầu tiên tôi có được bộ toàn tập văn học. Đó là bộ sách văn học thế giới gồm ba mươi tám cuốn của nhà xuất bản Sinjosa Nhật Bản mà tôi vẫn hằng ao ước. Anh tôi đã mang ở đâu đó về cho tôi, tất nhiên là sách cũ của người Nhật bỏ đi. Khi ấy, người Nhật đã bán với giá rẻ mạt hoặc vất bỏ rất nhiều sách, họ chất thành đống như rác bỏ hàng ngày. Dù sách truyện có bị người ta bỏ đi la liệt như thế, nhưng điều quan trọng là bộ toàn tập văn học ấy đã thuộc về tôi và điều ấy giống như một giấc mơ. Chẳng hiểu tôi bị ảnh hưởng từ đâu mà lại có suy nghĩ đầy trách nhiệm giống như mình đang mang trên vai một sứ mệnh phải đọc bằng hết, không được bỏ sót cuốn nào trong bộ sách ấy. Những cuốn truyện như Quo Vadis hay Bá tước Monte-Cristo thật thú vị. Nhưng cũng có những tác phẩm như Thần khúc hay Faust, khó đọc đến mức, nếu không phải nhờ niềm tin vào sứ mệnh một cách mù quáng ấy, thì chắc chắn tôi đã không thể đọc nổi chúng.

Song, tôi cũng chẳng cảm thấy mình đúng khi đã đọc một cách gò ép như thế. Bởi vì nghĩ rằng đọc rồi nên có đọc nữa cũng chẳng hiểu hết nghĩa được nên tôi đã không đọc lại chúng nữa. Thế nên mỗi khi nghe thấy ai đó nói rằng truyện nào đó hay, tôi lại thấy hồ thẹn và hoài nghi rằng liệu mình đã thật sự biết cuốn truyện đó và cuốn truyện ấy có thực sự hay như vậy chăng?

Sau bộ toàn tập văn học thế giới, tôi lại có toàn tập của Tolstoi. Lần này cũng lại là do anh tôi nhìn thấy ở hiệu sách cũ nên mua về. Ngay từ đầu, tôi đã ấn tượng bởi vẻ nghiêm nghị quá đỗi của người đàn ông oai vệ bên ngoài bìa sách màu nâu và có ý nghĩ rằng chắc mình sẽ chẳng thể đọc nổi hết cuốn sách này. Nhưng rồi những tiểu thuyết tiêu biểu của Tolstoi như Anna Karenina, Chiến tranh và hòa bình hay Phục sinh ấy vẫn còn được đọc đi đọc lại, nhiều lần sau đó khá lâu và trở thành những tác phẩm văn học quan trọng đối với tôi.

Tôi vốn chẳng có thói quen đọc đi đọc lại dù đó là câu chuyện hấp dẫn hoặc khó hiểu đến mấy. Vậy mà những tiểu thuyết đó lại là ngoại lệ. Ban đầu, vì khó quá nên tôi chẳng thể hiểu được. Nhưng rồi, tôi vẫn cứ đọc và dần dần bắt đầu thấy thú vị và đặc biệt là lần đầu tiên tôi đã bị hút hồn bởi nghệ thuật miêu tả tính cách nhân vật ấy. Có thể bầu không khí gia đình âm đạm cũng là một nguyên nhân khách quan khiến cho tôi không còn cách nào khác, phải chú ý đầu vào việc đọc sách.

Mẹ và anh tôi đã dành hết tâm huyết để chuẩn bị đón chị dâu về, vậy mà quãng thời gian, dù chỉ là để tập tành làm một nàng dâu mới ở ngôi nhà Sinmun-ro của chị dâu tôi, cũng chỉ kéo dài chưa được một tháng.

Đến tận lúc đó, nhà mẹ đẻ của chị cũng vẫn chưa gửi đồ đạc lên khiến mẹ tôi có hơi chút hổ thẹn với người ngoài, nhưng mẹ đã không hề bóng gió hay thể hiện điều ấy. Đây là một điềm chẳng lành nhưng mẹ tôi đã đoán ra được việc gì đó nên, cố chịu đựng. Sau này, mẹ vẫn thỉnh thoảng nhắc lại rằng ngày ấy, mẹ đã làm đúng. Biết đâu gia đình bên đó lại suy nghĩ một cách trầm trọng hơn về bệnh tình của con gái và họ nghĩ đến cả việc chẳng may có chuyện buồn xảy ra, lúc ấy sẽ chẳng hay ho gì nếu chị dâu để lại nhiều đồ đạc thì sao. Chị dâu tôi lại nhập viện Severance và đã không thể về nhà được nữa.

Một ngày, lúc trời vẫn còn tờ mờ sáng, tôi bị đánh thức bởi những tiếng khóc gào thảm thiết. Ở bệnh viện, mẹ tôi và mẹ của chị dâu đã không được khóc cho nhẹ lòng, nên vừa bước chân vào đến cửa nhà, cả hai đã không kìm được và bật khóc một cách đau đớn. Mẹ đẻ chị dâu phải theo về tận nhà thông gia để được khóc cho vơi, điều đó cũng đủ để thấy nỗi đau xót ấy tột cùng đến nhường nào. Tôi cũng đã chuẩn bị tinh thần từ trước, nhưng sao vẫn thấy thật xót xa và chẳng thể thốt được nên lời. Sao chị tôi lại có thể ra đi ở độ tuổi ấy

cơ chứ? Một cảm giác sợ hãi như thể thế giới ngập tràn tình yêu đang hiển ấ đang chìm xuống tận đáy của địa ngục sâu thăm thẳm.

Đó là khoảng thời gian mùa xuân năm sau, sau ngày giải phóng, anh chị tôi lấy nhau chưa được đầy năm.

Mẹ và anh tôi đã tận tâm tận lực đến giờ phút cuối cùng khiến người khác cũng phải thấy tội nghiệp đến rớt nước mắt. Mọi người trong nhà lo cho sức khỏe của anh tôi nên đã không ngớt lời than vãn, vừa như trách móc vừa như lo lắng. Họ bảo rằng mẹ thật chẳng giống ai, vì đã chẳng ngăn cản hai vợ chồng thì thôi, lại còn xúm vào khiến cả hai mẹ con phải cùng vất vả. Những lúc ấy mẹ chỉ đáp rằng: “Ngay từ đầu, tôi đã chẳng chia lìa được chúng nó rồi. Giờ nó đã thành con cái trong nhà. Vì thế, nó cũng như con đẻ, làm được cái gì, tôi cũng sẵn lòng làm cho hết”. Còn chị dâu tôi trước khi nhắm mắt cũng nói với mẹ tôi rằng chị biết ơn mẹ về điều đó nhiều lắm rồi mới chịu ra đi.

Đó lại là một góc của mẹ mà tôi hoàn toàn không thể đoán trước được. Điều ấy đã trở thành một dấu mốc quan trọng khiến tôi vừa thêm kính trọng lại vừa thấy tự hào về mẹ. Nhưng ngay cả sau này, khi đã chín chắn rồi, tôi vẫn không thể bỏ được thói quen mơ mộng và mỹ hóa về căn bệnh lao ấy. Có lẽ vì chị dâu tôi đã nhận được tình cảm yêu thương đặc biệt đó chẳng? Thậm chí, ngay cả những cảm xúc yêu đương ở lứa tuổi dậy thì của tôi cũng là mong muốn ngày nào đó sẽ có một tình yêu mãnh liệt với một anh chàng bệnh lao.

MÒ MẮM TRONG BÓNG TỐI

Trong thời kỳ dậy thì, tôi đã được chứng kiến tình yêu dâng hiến hết mình ấy của anh tôi. Nhưng với tôi, “Thế nào là tình yêu của con trai và con gái?”. Câu hỏi đó vẫn còn nhiều bí ẩn, giống như những gì đang được giấu kín trong bóng tối ở phía đằng sau cánh cửa khóa chặt.

Nhất là vấn đề hết sức tự nhiên và mang tính thường thức là vấn đề giới tính thì lại càng như vậy. Điều đó có nguyên nhân từ sự lớn lên trong vòng tay của người mẹ sớm phải chịu cảnh đơn chiếc nên tôi đã không có cơ hội được trải nghiệm về tình cảm vợ chồng gắn bó giữa hai bố mẹ và cả sự có thêm đứa em. Ngoài ra, đó còn bởi cách giáo dục thuần khiết một cách lạ lùng của mẹ tôi, khi hề bắt gặp ai đó, dù chỉ thoáng đã động đến vấn đề giới tính, mẹ liền lập tức tỏ ra gay gắt: “Trước mặt con nít, sao lại nói những chuyện như thế?”

Đến tận lúc đó, cả hai người chú vốn thân thiết buồn vui có nhau, đến cả vật chất cũng san sẻ cho nhau đúng như hai chữ “gia đình” ấy của tôi vẫn luôn giữ thái độ đúng mực với các thím và không bao giờ suồng sã trước mặt chúng tôi. Mãi sau này lớn lên, tôi mới hiểu được rằng thái độ ấy chính là một phép ứng xử đối với người chị dâu góa bụa. Nhưng từ trước đó rất sớm, tôi đã hiểu được rằng việc một đứa trẻ ra đời cần phải thông qua quan hệ giới tính. Không phải vì có sự kiện đáng nhớ nào đó xảy ra mà chỉ bởi thông qua lũ bạn trường thành sớm ở quê và bởi từ bé, tôi đã luôn nhìn thấy sự giao cấu giữa con đực và con cái của loài vật, nên điều ấy đã đến với tôi hết sức tự nhiên. Song, tôi lại không muốn công nhận việc tôi đã được sinh ra như thế và cũng không thích tưởng tượng rằng các chú của tôi cũng có đời sống vợ chồng như vậy.

Đạo này, thỉnh thoảng tôi lại có suy nghĩ rằng việc tôi luôn bị môn thể dục ám ảnh một cách lạ lùng và cả việc tôi không biết hát là xuất phát từ sự tự hào

khác người của mẹ đối với cái sự kém cỏi về môn thể dục và xướng họa của tôi. Liệu có phải tôi đang cố tình bao biện khi cho rằng việc tôi cảm thấy xấu hổ và cần rút bởi những tưởng tượng về giới tính ở lứa tuổi dậy thì và bởi sự biết được rằng một đứa trẻ ra đời như thế nào ấy có nguyên do từ việc mẹ lúc nào cũng mong tôi chỉ là đứa trẻ đối với vấn đề giới tính không nhỉ?

Sau ngày giải phóng, tin đồn chú thứ có vợ lẽ bắt đầu được sáng tỏ. Người ta bảo đó là một quả phụ hơn chú tôi những mười tuổi. Chẳng có gì khó hiểu khi chú tôi phải lòng một phụ nữ góa chồng sống với một đứa con gái ở ngôi làng nằm chơ vơ trên đoạn đường từ văn phòng ủy ban về đến thôn Parkjeok. Dưới thời Nhật Bản thống trị, cái chức phó phòng hành chính ủy ban xã hay phó phòng lao động xã ở nhà quê là một chỗ dựa đáng kể đối với một góa phụ đơn thân, thế nên tất cả mọi người đều đổ rằng phía ấy đã quyến rũ chú tôi trước, đã thế thím tôi lại còn khiến cho rơm thêm bén lửa khi lại cố tỏ thái độ bao dung và động lòng trắc ẩn với người đàn bà đó. Song, mọi chuyện lại không đơn giản như vậy.

Sau ngày giải phóng, đương nhiên là chú tôi không thể đi làm ở văn phòng ủy ban xã được nữa và trở thành kẻ thất nghiệp. Như vậy cũng không có nghĩa là chú có thể ở nhà làm ruộng được, vì đã gây quá nhiều ác cảm với dân làng. Trong lúc cả gia đình bị người làng liệt vào hàng đời đời kiếp kiếp thân với Nhật Bản, ngay cả khi rơi vào tình cảnh ấy, thím tôi vẫn nhờ được họ sửa sang nhà cửa để thu phục lại tình cảm hàng xóm láng giềng, còn chú tôi đến tận cùng cũng không thể gây được thiện cảm với người trong làng và hoàn toàn bị mọi người xa lánh. Nhưng điều đó không phải là nguyên nhân khiến chú tôi rời bỏ ngôi làng thân thuộc để đến với người góa phụ kia. Người ta cứ tưởng rằng việc chú tôi bị đuổi khỏi chân phó phòng ủy ban xã, cái chức dù không đẻ ra được nhiều của nả nhưng ít nhất cũng có chút quyền hành với người khác ấy, sẽ khiến người góa phụ kia không còn lý do để gần gũi chú tôi. Thím tôi dù cảm thấy tội nghiệp chồng vì tự dưng bị mất việc, nhưng ít nhiều trong lòng thím không thể không có suy nghĩ rằng cho đáng kiếp, vì chú tôi đã tự ý có vợ lẽ.

Vậy mà người góa phụ vừa có đất cát lại vừa khéo léo biết xoay xở đồng tiền ấy đã rời bỏ chốn quê mùa nhiều chuyện rắc rối và tậu một ngôi nhà ở Gaeseong, rồi công khai trở thành vợ lẽ của chú tôi. Ở vào cái thời mà người ta

cho rằng việc làm lẽ chỉ là để dựa dẫm nhờ vả vào người đàn ông, thì chuyện của chú tôi đã làm cho đến cả những người rộng lòng nhất cũng cảm thấy sững sờ và không khỏi phẫn nộ, lên án hành động dùng tiền bạc mê hoặc để được trở thành vợ lẽ ấy; đại gia đình bỗng dưng náo loạn như ong vỡ tổ. Người đàn bà nọ đã phải hứng chịu vô số những lời chửi bới thậm tệ và cả những lời nguyền rủa cay nghiệt, còn tôi, đôi lúc cũng bất chợt rùng mình bởi những tưởng tượng tồi tệ nảy sinh một cách ngấm ngầm trong đầu.

Thời gian qua đi, người đàn bà không cam chịu cuộc sống ảm đạm mà dùng cảm thể hiện bản thân cho người khác thấy ấy đã dần xác lập được vị trí vợ lẽ một cách đường đường chính chính hơn. Chú tôi không rời khỏi ngôi nhà ấy nên ai cần gặp chú đều phải tìm đến tận đây. Người phụ nữ nọ hiểu rõ điều đó hơn ai hết. Bất cứ ai tìm đến nhà, cô ấy cũng đều đón tiếp hết sức chu đáo và dần dần đã chiếm được cảm tình của mọi người.

Chỉ một thời gian ngắn sau đó, trong những dịp gia đình có việc lớn như sinh nhật của bà nội chẳng hạn, cô ấy lại về tận thôn Parkjeok và tỏ ra hiếu thảo gấp nhiều lần, cả về vật chất và tinh thần so với các cô con dâu có cưới hỏi đàng hoàng. Bởi vậy, cô ấy đã mau chóng được lòng bà nội tôi. Câu nói: “Nàng dâu bé được ngồi trên chiếu hoa” của người xưa quả không sai và điều đó đã xảy ra ở nhà chúng tôi. Tất nhiên, bầu không khí căng thẳng cũng đã trùn lên cả mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu giữa bà nội và thím tôi.

Ngay cả khi ngôi nhà ở thôn Parkjeok đã trở nên sa sút như vậy, tôi vẫn không xao nhãng việc về quê vào mỗi dịp nghỉ hè. Cuối cùng thì Gaeseong, mảnh đất đã từng bị xáo trộn một thời gian sau ngày giải phóng bởi lúc thì quân Mỹ, lúc lại quân Liên Xô nhảy vào ấy, cũng đã được hoạch định thuộc về phía nam dưới vĩ tuyến 38, vì vậy việc đi lại cũng trở nên dễ dàng. Phần vì bà tôi vẫn còn ở đó, phần vì chỉ cần nghĩ tới việc phải ở Seoul suốt cả một kỳ nghỉ thôi cũng đã thấy phát ớn rồi, tôi có thể không cần về cùng với mẹ, nhưng thói quen tim đập rộn ràng mỗi khi kỳ nghỉ đến gần từ những ngày còn bé vẫn không hề thay đổi. Đó là một thứ nhịp điệu quý báu trong tâm hồn tôi. Chính thôn Parkjeok mới là nguồn sữa mẹ nuôi tôi lớn khôn.

Nhưng tự bao giờ lại nảy sinh một nghĩa vụ khổ sở, đó là mỗi lần xuống ga Gaeseong, tôi đều phải ghé qua nhà cô vợ bé của chú thứ rồi mới được về thôn Parkjeok.

Bà nội muốn như vậy. Ngay cả người chỉ cần nghe thấy tên của cô ấy thôi cũng đã lộ vẻ mặt khó chịu như bị xỉ nhục là mẹ tôi cũng tỏ ý rằng: “Còn cách nào khác được, đành chấp nhận phải qua đó thôi, có vậy thì mới gặp được chú ấy”. Thậm chí, cả thím tôi cũng phân biệt rạch ròi chuyện hận thù với trách nhiệm nghĩa vụ nên thỉnh thoảng thím vẫn cho các con đến đó để thăm bố.

Cô vợ bé của chú tôi không chỉ khiến cho một người luôn coi trọng luân thường đạo lý là bà nội tôi đứng về phía mình, mà còn đối xử chu đáo một cách khác thường với tất cả thành viên trong nhà. Ngay cả với tôi, khi tôi vừa mới bước vào cổng nhà thôi, cô ấy đã lập tức tất tả, chạy bằng chân tất ra đón, mừng rỡ, sốt sắng như nhìn thấy hoa nở vào tháng Chạp Đông chí và dùng tài nấu ăn giỏi giang hơn người để lấy lòng. Càng như vậy, tôi lại càng cảm thấy phải cố giữ cho được đạo lý với người thím thật thà không có lấy một chút gian xảo dù chỉ bằng cái móng tay. Bởi vậy, trong lòng tôi luôn tự nhủ phải tỏ ra lạnh lùng với cô vợ bé của chú tôi.

Nhưng mặt khác, dù có ác cảm, tôi vẫn không thể kìm nén được sự tò mò một cách khó hiểu về người phụ nữ đó. Những lúc ở bên cạnh cô ấy, người chú vốn lúc nào cũng tỏ ra nghiêm nghị của tôi lại trở nên vô cùng khác lạ. Chú tôi nói chuyện rất rôm rả, thỉnh thoảng lại còn pha trò và ánh mắt cũng sáng lên một cách lạ thường.

Trước người phụ nữ ấy, chú tôi trông thật yếu đuối, khác hẳn với người chú mà tôi hằng biết, nhưng thay vì xấu hổ, tôi lại cảm thấy điều đó thật thú vị. Rốt cuộc, cô ấy có tài gì mà có thể khiến chú tôi trở nên mềm yếu như vậy? Cuộc sống ngọt ngào của chú tôi với người phụ nữ ấy đã tác động đến trí tưởng tượng tồi tệ và đáng hổ thẹn của tôi, một đứa trẻ lớn lên trong sự thiếu thốn những hiểu biết về tình cảm vợ chồng thân thiết. Ngay cả khi đã thoát ra khỏi ngôi nhà đó rồi, tôi vẫn còn chìm ngập trong một nỗi lo sợ mơ hồ và nhớp nhúa, như có gì đó trong tôi vừa mới bị ô uế một cách ghê gớm lắm.

Chuyện xảy ra vào khoảng năm thứ ba hay thứ tư gì đó. Hôm ấy, tàu hỏa đến rất muộn so với dự kiến. Đất nước đã được giải phóng mấy năm rồi, vậy mà tàu hỏa vẫn chưa thể đi vào hoạt động một cách đều đặn. Tàu khởi hành muộn là chuyện bình thường và đến mùa đông, đừng mơ gì đến sưởi nóng, đương nhiên là phải đi du lịch với những tấm cửa kính vỡ tan và co ro trên những chiếc ghế ngồi đã bị tróc hết, chỉ còn trơ ra cái khung sắt. Hôm đó, tàu

tới nơi khá trễ nên lúc bước chân xuống tàu, mọi vật xung quanh đã chìm vào bóng tối, tôi không thể một mình đi bộ vượt qua hai mươi dặm để về nhà. Sẽ thật vững tâm vô cùng vì có nhà người quen ở trung tâm thị trấn. Mặc dù vậy, tôi vẫn đinh ninh rằng chú tôi sẽ đưa tôi về tận thôn Parkjeok, nên đã tìm tới nhà người phụ nữ ấy. Tất nhiên, bữa cơm tối vẫn rất thịnh soạn. Song, chú tôi lại chẳng hề có ý định sẽ đưa tôi về nhà và người phụ nữ nọ cũng mặc nhiên nghĩ rằng tôi sẽ ngủ lại ở đây. Tôi chẳng còn cách nào khác nên đành chịu ngồi yên.

Căn buồng phía sau chỉ có mỗi đứa con gái ngủ một mình ở đó, nhưng người phụ nữ ấy vẫn kiên quyết để tôi ngủ ở phòng ngủ nhà trên. Hình như đó là một sự tiếp đón chu đáo nhất dành cho tôi theo suy nghĩ của cô ấy. Tôi cũng chẳng thích thú gì với việc ngủ cùng đứa con gái kia, nhưng việc cùng ngủ một phòng với chú tôi và người phụ nữ ấy khiến tôi thấy sờ sợ. Có thể đó lại là cảm giác tò mò mãnh liệt. Tôi thấy xấu hổ vì sự tò mò của mình nên đã cố tình che giấu điều đó và tỏ vẻ chẳng thấy sao cả khi ngủ cùng với họ trong một phòng.

Chỗ nằm của tôi được trải ra ở góc trong cùng, nơi được sưởi ấm nhất của căn phòng. Cách đó một khoảng là chỗ của chú tôi và cô ấy. Đèn vừa phụt tắt, tôi trùm chăn kín đầu, giả bộ như đã ngủ rồi. Thế nhưng mọi giác quan của tôi đều căng ra. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đang chờ đợi để lần đầu tiên trong đời được chứng kiến chuyện gì sẽ xảy ra giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Tôi vừa háo hức mong chờ điều đó, lại vừa phập phồng lo sợ tâm hồn sẽ bị vấy bẩn.

Nhưng rồi hai người họ chỉ rì rầm trò chuyện và chú tôi chủ yếu là người lắng nghe.

Chủ đề câu chuyện đêm đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc một gia đình quyền thế ở nông thôn bị bại hoại gia phong. Tôi đã phải miễn cưỡng lắng nghe trong nỗi chán chường, chỉ vì ý định chờ đợi một điều gì khác sẽ xảy ra tiếp sau đó. Vậy mà dần dần tôi cũng bị cuốn hút vào câu chuyện ấy. Chuyện kể về một gia đình có nàng dâu chồng mất sớm, nổi tiếng là đẹp người, lạnh lùng và biết giữ gìn tiết hạnh. Nhưng rồi nàng dâu ấy đã đi lại với một kẻ ở mướn trong nhà và có cả con với kẻ ấy. Đó chính là nguyên nhân khiến gia đình đó không còn giữ được danh tiếng là nề nếp gia phong. Cuối cùng, cô vợ bé của chú tôi đã kết luận một câu rằng: “Không hiểu cái gì đã khiến người đàn

bà lạnh tanh như cục đá ấy phải lòng một kẻ khố rách áo ôm chẳng bằng nổi một thứ đồ đạc trong nhà ấy nhỉ?”, rồi cười khúc khích một mình rất lâu. Câu nói ấy được thốt ra bằng một giọng rất nhạy cảm khiến tôi bất chợt rùng mình.

Đêm hôm đó, giữa chú tôi và người phụ nữ ấy đã không có chuyện gì xảy ra. Đôi khi sức tưởng tượng của lứa tuổi dậy thì có thể tụt hơn cả cuộc sống sinh hoạt thực tế của lứa tuổi trung niên chín muồi. Chú tôi và cô ấy đã ngủ trước, còn tôi vẫn cứ thao thức mãi về sức mạnh vô hình kỳ lạ đã bất ngờ trói buộc người phụ nữ đẹp như băng giá và kẻ ở đợ khố rách áo ôm vào chung một số phận. Phải chăng điều đó chính là sự hé mở đầu tiên của những nhận thức về thế giới tình dục, một thế giới mông muội và đầy bí ẩn, chỉ toàn một màu đen tối tăm của tôi? Một thời gian dài tôi đã không thể quên được câu chuyện nghe lỏm ấy và đến tận vài chục năm sau này, câu chuyện đó vẫn còn được nhớ đến và đã trở thành mô-típ quan trọng trong cuốn tiểu thuyết dài nhất trong số những tiểu thuyết của tôi có nhan đề Không thể quên.

Đó là khoảng thời gian mà cả tâm hồn và thế giới xung quanh tôi đều vô cùng ngột ngạt. Hoàn cảnh gia đình như thế, cục diện đất nước cũng như thế. Khấp hang cùng ngõ hẻm đều tràn ngập những khẩu hiệu, nào là “tự do”, nào là “chủ nghĩa dân chủ”, nhưng sự choáng ngợp trước vầng hào quang ấy của chúng tôi mới được bắt đầu chưa lâu lắm.

Ở trường xuất hiện cái gọi là “Hội tự quản”. Không rõ tự bao giờ, tất cả đã được bao phủ bởi bầu không khí ấy, chỉ thấy rằng động một tý, chúng tôi lại có thể tụ họp tất cả giáo viên ở hội trường và mở hội nghị học sinh.

Ở bên ngoài, sự đối lập của hai phe là cánh tả và cánh hữu ngày một gay gắt, những cuộc biểu tình, những khẩu hiệu chính trị tung hô ai đó muôn năm hay đả đảo ai đó cứ thay nhau tiếp diễn ngày nọ qua ngày kia.

Hội học sinh có quyền phản đối thầy cô nào đó bị coi là “thân Nhật, cần phải đuổi khỏi trường”, hoặc đưa ra yêu sách “không được buộc thôi việc thầy cô nào đó”.

Dường như ngày đó, tất cả chúng tôi đã lầm tưởng khi nghĩ rằng dân chủ và tự do đem lại quyền hành tuyệt đối cho học sinh. Đã có rất nhiều ngày chúng tôi đình chỉ giờ học, mời toàn bộ giáo viên trong trường đến hội trường, chia ra làm hai phái đồng tình, phản đối rồi thảo luận gay gắt. Hầu như tất cả các

trường học đều gặp phải khó khăn về tài chính sau ngày giải phóng, bởi các tổ chức đỡ đầu hầu hết đều tập trung ở miền Bắc. Vậy mà chẳng ai quan tâm đến điều đó, tất cả chỉ biết hưởng ứng bầu không khí hỗn loạn một cách khờ khạo. Song, tôi lại cho rằng dù ít dù nhiều, quãng thời gian đó vẫn hết sức quan trọng đối với chúng tôi.

Mọi việc trước khi được quyết định theo đa số thường phải thông qua những cuộc thảo luận sôi nổi, một chi khóa trên giới lý luận đã trở thành điểm sáng, hay trong cùng khối lớp cũng xuất hiện đứa có tầm ảnh hưởng lớn đến suy nghĩ của người khác nhờ vào ý kiến của mình.

Ngay cả lúc thầy hiệu trưởng mới được bổ nhiệm đến, chúng tôi vẫn tổ chức hội học sinh. Chẳng hiểu thế nào mà bầu không khí căng thẳng trong trường lại chuyển sang phản đối kịch liệt thầy hiệu trưởng mới và tôn sùng thầy hiệu trưởng cũ một cách chẳng có lý do chính đáng nào hết. Song, đó lại là vấn đề nhân sự, nằm ngoài quyền hạn của chúng tôi, vì thế thầy hiệu trưởng mới vẫn được bổ nhiệm theo dự định. Tất cả chúng tôi đã phản đối tận cùng bằng cách ngoan cố ở trong lớp học, kiên quyết không chịu tới dự lễ bổ nhiệm được cử hành tại hội trường.

Giờ nghĩ lại, tôi thấy điều đó giống như sự biểu tình của đám sinh viên thời bấy giờ. Thầy hiệu trưởng mới đã làm mới bầu không khí hỗn mang ấy và mời một vài nhân vật có uy tín tới trường để tạo cơ hội cho chúng tôi được nghe những bài giảng mới mẻ, hoàn toàn khác so với những bài học của thời kỳ Nhật Bản thống trị, thầy đã chứng minh một cách thuyết phục rằng quan điểm của chúng tôi là không đúng đắn.

Thời kỳ rối loạn ở trường học đã mau chóng kết thúc.

Ngày ấy, tôi chưa từng lần nào phát biểu ý kiến một cách rõ ràng ở hội học sinh, việc vỗ tay theo đa số cũng chỉ là bắt buộc dĩ. Song mỗi lần hồi tưởng lại, thời gian ấy vẫn được coi là giai đoạn mấu chốt của thời kỳ trưởng thành, bởi đó là thời điểm tôi bắt đầu nhìn nhận sự việc xung quanh bằng con mắt có chính kiến. Thực tế, ngày ấy chúng tôi có thể nhảy dựng lên vì những điều không thể gánh vác được, có khi chỉ là vấn đề cơ quan tài chính đỡ đầu của trường, cũng có khi lại chỉ là một sự miệt nôn trôn tháo tất yếu xảy ra bởi sự

tiếp nhận “tự do” và “dân chủ” một cách quá tải, giống như những tải bột mỳ hay kẹo viên trút xuống xối xả của chính quyền quân sự Mỹ.

Nhưng tôi đã nhìn nhận sự hỗn loạn ấy bằng quan điểm mang tính chất đối lập ý niệm giữa cánh tả và cánh hữu, tiến bộ và phản động, và tôi đã không hề dẫn đo khi nhận thấy phía mà tôi phải vỗ tay và tán thành một cách vô điều kiện là cánh tả. Có thể đổ lỗi cho tình hình xã hội sau ngày giải phóng, nếu không đi theo một ý niệm nào đó thì sẽ thấy vô cùng bất an, giống như một sự hưởng ứng đã thành thói quen khi mỗi lời phát ra lại phải kết thúc bằng: “muôn năm” hay là “quyết tử phản đối” ấy. Nhưng tại sao lại là cánh tả? Điều đó chính là bởi ảnh hưởng mang tính chất quyết định của anh tôi.

Nói vậy không có nghĩa anh tôi là người đã giác ngộ tôi. Từ bé, anh tôi đã được mọi người khen là thông minh hơn người, dung mạo khá tuấn tú, lại còn khiêm lời và sâu sắc. Hơn nữa, anh tôi còn là cháu đích tôn nên lẽ tự nhiên anh được mọi người trong gia đình coi trọng.

Anh tôi không chỉ là chỗ dựa lớn mà còn trở thành thần tượng một cách vô điều kiện của tôi, đến mức còn khiến tôi nảy ra suy nghĩ muốn yêu một anh chàng bệnh lao nào đó, giống như tình yêu đầu đời của anh tôi.

Sau ngày chị dâu tôi mất, anh tôi lại càng trở nên ít nói và u uất. Ngay cả điều đó, với tôi, cũng thật đáng ngưỡng mộ, như thế anh tôi chính là chỗ dựa tinh thần cao vời vợi, trên cả các chú và giữa một đám người nhỏ bé tầm thường trong gia đình chúng tôi. Tôi luôn cho rằng chỉ có mình tôi mới hiểu được vị trí cao quý ấy và hiểu hết những gì anh tôi làm, đồng thời muốn bắt chước tất cả những hành động đó. Ý nghĩ ấy xuất phát từ ánh hào quang tư tưởng của anh tôi. Nói đúng ra là do tất cả những cuốn sách anh tôi mua về đều là những cuốn sách mang màu sắc tư tưởng ấy. Ngay cả một cuốn đơn giản nhất, nếu lấy ra đọc trộm, cũng sẽ dễ dàng bị cảm hóa. Những cuốn sách mỏng không chỉ dễ đọc mà ở đó còn ẩn chứa một sức mạnh cổ vũ tinh thần con người một cách lạ kỳ.

Đến giờ, tôi vẫn còn nhớ câu chuyện về một người bốc vác nào đó đã trở thành nhà hoạt động cho phong trào cộng sản Pháp.

Đó là một người hoàn toàn bình thường, chỉ biết cặm cụi với công việc khuân vác ở bến cảng. Một lần, anh ta phải làm công việc là đem đổ bột mỳ,

không phải ở đất liền, mà là đổ xuống biển. Việc đó khiến anh ta vô cùng băn khoăn, vì tại sao lại phải làm một việc như vậy, trong khi có vô số dân nghèo đang chết đói ở xung quanh? Và rồi anh ta đã phát hiện ra rằng đó là kế hoạch của các nhà tư bản. Năm đó được mùa nên họ lo sợ giá bột mì bị giảm và để duy trì giá ngũ cốc đang ngất ngưỡng ở thời điểm ấy, họ đã dùng cách ấy để làm giảm sản lượng bột mì. Người bốc vác đó đã nhận ra mục đích cuối cùng của chủ nghĩa tư bản là lợi nhuận, bất chấp cả việc bỏ đói dân nghèo. Anh ta đã hết sức phẫn nộ và rời bỏ các nhà tư bản để trở thành một nhà cách mạng tài ba. Câu chuyện khiến tôi bồi hồi xúc động, giống như một sự giác ngộ mới mẻ về thế giới hiện tại.

Sao lại có một chân lý giản đơn và rõ ràng đến như vậy? Tôi sung sướng nhận ra điều ấy và lấy đó làm thước để đo mọi sự trên đời. Tất nhiên là anh tôi không chỉ đọc những cuốn sách mỏng mang tính chất cổ vũ tinh thần con người như thế.

Trong lúc mọi người trong nhà đang bỏ mặc anh tôi một mình, bởi sợ sẽ động chạm đến nỗi đau mất mát, thì anh tôi đã biến thành một con người càng ngày càng không thể hiểu được. Lúc thì anh kéo một vài người lạ mặt vào phòng, rủ rỉ thì thầm gì đó, nếu không lại tụ tập kéo nhau đi đâu đó; có lúc anh còn cùng với một số người khác ngồi trong phòng suốt cả ngày để sao chép những truyền đơn phản đối gay gắt tiến sĩ Rhee Syng-man, ông thị trưởng hay bộ trưởng bộ quốc phòng thời ấy, rồi lên ra ngoài dán trộm lên cột điện hay bờ tường nhà người khác vào lúc nửa đêm. Buổi sáng đi học, có lúc tôi phát hiện ra nét chữ của anh tôi trong số những tờ giấy tạo phản ấy và hiểu rằng tư tưởng của anh tôi cũng chính là suy nghĩ của tôi, nhưng tôi lại chẳng thấy vui. Bởi trong suy nghĩ của tôi, anh tôi phải làm việc trong một cơ quan trọng yếu nào đó, chứ không phải hằng đêm viết những tờ giấy nhục mạ người khác rồi đem bôi keo dán lên khắp nơi như thế, nghĩ đến đó, tôi lại cảm thấy lòng tự trọng bị tổn thương.

Nhưng rồi chẳng bao lâu sau, anh tôi đã lâm vào cảnh bị một nhân vật khá tầm cỡ nào đó săn lùng và phải chạy trốn liên miên. Mẹ tôi khóc đứng khóc ngồi, cầu cứu chú út giúp đỡ. Chẳng hiểu chú út đã nhờ vả ở đâu, chỉ biết sau đấy, chú bảo anh tôi về nhà được rồi. Kể từ lúc đó, những xung đột dai dẳng giữa anh và mẹ bắt đầu bùng nổ.

Mẹ là người vốn luôn cho rằng những điều con cái mình thích là đúng và nghe theo một cách tuyệt đối.

Những lúc tôi buột miệng kể chuyện ở trường, bảo cô giáo nào hay bạn nào tốt, là lập tức mẹ tôi cũng hòa theo có cảm tình với người đó, thậm chí nhớ ngay cả tên của họ. Ngược lại, khi tôi thể hiện thái độ tức tối hay bực dọc ai đó, chẳng những mẹ tôi không giảng giải đúng sai, mà còn tỏ ra ghét họ thậm tệ, hơn cả tôi nữa. Một người như vậy hẳn là sẽ đồng tình một cách vô điều kiện với mọi việc làm của anh tôi.

Thế nhưng, chỉ riêng với hành động “quân đỏ” *, mẹ tôi lại trước sau như một, tin rằng đó là hành động đồng nghĩa với việc phá hoại thanh danh của gia đình và chuốc họa vào thân. Những kiến thức sơ khai của mẹ tôi về hành động “quân đỏ” chỉ là việc phản đối tiến sĩ Rhee Syng-man. Và mẹ luôn nhấn mạnh rằng mẹ cũng có phần hiểu và đồng tình với điều đó. “Mẹ cũng chẳng ưa gì tiến sĩ Rhee Syng-man. Nhưng dù sao người ta cũng là người lớn tuổi. Cả đời chỉ gắn với cái gọi là phong trào độc lập gì đó nên người ta có làm tổng thống thì cũng phải nhắm mắt ngơ đi chứ biết làm thế nào? Những người “quân đỏ” chẳng lẽ lại không hiểu cái lý lẽ ấy? Mà biết làm sao? Đến cả bố cả mẹ cũng còn coi như không quen biết nữa mà. Bố cũng là đồng chí, mẹ cũng là đồng chí hết cả thì bảo thế nào...” Trước những lời van vỉ và than thở của mẹ, anh tôi chỉ nở nụ cười héo hắt và chẳng nói một câu nào. Phải thất vọng lắm từ miệng mẹ tôi mới bật ra những lời than vãn rằng không cần gọi bố, gọi mẹ, gọi hết cả là đồng chí cũng được như thế.

77 Từ của chính quyền thân Mỹ tại Hàn Quốc dùng để gọi những người theo chủ nghĩa cộng sản, bắt nguồn từ từ The reds trong tiếng Anh.

Ngày ấy, mọi người đều hiểu rằng những người theo “quân đỏ” lúc bị bắt giam đều bị tra tấn dã man, có khi còn thành ra kẻ tàn phế. Đêm nào mẹ cũng nằm mơ thấy ác mộng rằng đứa con chưa từng một lần bị bạt tai ấy bị bắt vào nhà tù, bị tra tấn dã man đến sống dở chết dở. Mẹ rất ghét những người bạn mờ ám cứ ra vào nhà tôi rồi rì rầm điều gì đó với anh tôi. Mọi tội lỗi mẹ đều đổ hết lên đầu họ. Mẹ tin rằng chỉ cần tách anh tôi ra khỏi đám bạn đó thì lập tức anh tôi sẽ tỉnh ngộ ra ngay.

Có lần cảnh sát đã đến nhà chúng tôi để điều tra một trong số những người bạn của anh tôi. Việc ấy đã khiến mẹ tôi ra quyết định chuyển khỏi ngôi nhà đó

ngay lập tức. Anh tôi lúc đó chẳng thiết tha gì đến nhà cửa, và mọi sinh hoạt của chúng tôi đều phải dựa vào chú út, nên chúng tôi đã chuyển đến ngôi nhà nhỏ hơn ở phường Donam-dong. Vừa lúc ở phường Donam-dong có một ngôi nhà có sẵn cả cửa hàng và lại ở ngay cạnh đường tàu. Chú út muốn mua lại căn nhà đó. Có vẻ như sau một thời gian dài làm môi giới, chú tôi muốn làm công việc kinh doanh ổn định để phù hợp với tình hình thời thế đã được yên ổn hơn thì phải.

Mẹ tôi chuyển nhà và dùng số tiền còn lại góp vốn vào cửa hàng của chú út để nhận tiền sinh hoạt hàng tháng một cách thanh thản hơn. Cuối cùng, sau những cân nhắc, anh tôi đã đăng ký vào lớp học buổi tối của trường cao đẳng Quốc học. Chú út và mẹ vốn rất tiếc, vì ngày trước, anh tôi đã bỏ lỡ cơ hội đi học đại học nên cả hai đều khuyên anh tôi tìm một trường đại học ban ngày tốt hơn. Không biết có thật hay không, chỉ biết hình như chú tôi đã rất nhanh nhẹn, bỏ tiền ra để chuẩn bị cho anh tôi một chỗ học ở trường đại học dân lập có bề dày truyền thống lâu năm nào ấy. Cũng có thể lắm chứ, bởi ngày đó có phong trào đi học đại học và ở trường chúng tôi cũng vậy, không hiếm những đứa con lâu mới tốt nghiệp nhưng vẫn đi học cả ở trường đại học. Việc chú út và mẹ hưởng ứng hết mình với quyết định vào đại học của anh tôi có liên quan tới suy nghĩ cho rằng đó là cơ hội để làm cho anh tôi tuyệt giao với đám vận động cánh tả, hơn là với suy nghĩ về con đường học vấn.

Vậy mà ý định của anh tôi lại hoàn toàn xa vời so với những suy nghĩ của người lớn. Anh tôi chỉ muốn bổ sung những kiến thức cơ bản để phù hợp với phong trào nâng cao tri thức dân tộc sau ngày giải phóng và hoàn toàn không hề có ý định tách khỏi phong trào vận động cánh tả. Cũng thật dễ hiểu, vì thời đó, các trường đại học đang là nơi hoạt động mạnh mẽ nhất của cánh tả, trong khi người đã trót gửi gắm niềm tin vào quyết định đi học đại học của đứa con trai là mẹ tôi thì lại quá mù mờ về điều đó.

Thế là chúng tôi cũng vẫn không thể yên ổn được ở ngôi nhà phường Donam-dong. Cho đến tận khi chiến tranh hai miền Nam - Bắc xảy ra *, gần như năm nào chúng tôi cũng phải chuyển nhà vì những lý do lằng xẹt. Giống như lúc còn ở ngôi nhà đường Sinmun-ro, mỗi lúc nhận thấy nhà mình có nguy cơ trở thành căn cứ bí mật của những mưu đồ không bình thường nào đó, lập tức mẹ tôi lại kiên quyết chuyển nhà cho bằng được. Thậm chí, có lần chúng

tôi còn phải bỏ cả nhà cửa chạy trốn đến nhà vợ chồng chú út ngay trong đêm. Có lẽ nếu để anh tôi viết lại một cách thành thực nhất về thành tích đấu tranh, điều mà tất cả bọn họ đều hưởng ứng, thì có lẽ thành tích đấu tranh với mẹ tôi là huy hoàng hơn cả.

78 Cuộc chiến tranh nổ ra vào ngày 25 tháng 6 năm 1950 giữa hai miền Nam Bắc, nên còn được gọi là cuộc chiến tranh ngày 25 tháng 6.

Trong khoảng thời gian ấy, trong tôi vừa có sự đồng cảm, ủng hộ và cổ vũ cho những việc làm của anh tôi, nhưng cũng vừa lại thấy thương xót và tội nghiệp mẹ tôi. Chế độ giáo dục được cải cách, trường cấp ba nữ bốn năm được đổi thành trường cấp hai nữ sáu năm. Chẳng biết có phải vì ngán ngẫm khi nghĩ tới chuyện phải rông rã sáu năm trời với trường cấp hai hay không mà lúc đang theo học, thỉnh thoảng tôi lại có suy nghĩ muốn đi lấy chồng hay chuyển sang trường đại học như cách tôi đã kể ở trên. Có thể do lúc ấy là giai đoạn quá độ, hoặc bởi sự hứa hẹn bốn năm lúc mới vào trường nên kể cả khi chuyển ngang sang trường đại học, họ cũng đều công nhận việc tốt nghiệp. Trước đó khá lâu, thời gian kết thúc học kỳ cũng được căn cứ theo mốc ngày giải phóng và được đổi sang tháng Tám, giống như các nước phương Tây phát triển.

Tôi biết được trường chúng tôi có tổ chức Mincheong * vào lúc đang học năm thứ ba. Không hiểu bằng cách nào mà tôi lại biết và gia nhập vào tổ chức đó. Chỉ nhớ rằng một đứa bạn không thân lắm đã rủ tôi tham gia vào Hội đọc sách. Ngay lập tức, tôi đã đoán được ý của nó, dù hơi run nhưng tôi cũng đã gật đầu đồng ý không chút do dự. Mặc dù tôi cũng bị thôi thúc bởi ham muốn được có cho mình một bí mật riêng khi phải đi tìm căn cứ hoạt động ẩn náu của tổ chức, nhưng khi tham gia vào Hội đọc sách, những cuốn sách hay những chủ đề được đem ra thảo luận ở đó đã không khiến tôi thấy cảm động giống như lần đầu tiên bị thu hút bởi câu chuyện trong cuốn sách mỏng của anh tôi. Tôi cảm thấy thất vọng ê chề, nhưng cũng có phần hài lòng vì cuối cùng, tôi đã trở thành người đồng chí của anh tôi.

79 Tên gọi tắt của Đoàn thanh niên dân chủ Triều Tiên.

Ngày Quốc tế Lao động đã đến. Hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động được diễn ra ở hai địa điểm riêng biệt. Cánh tả ở núi Namsan, cánh hữu ở sân vận động Seoul. Chúng tôi nhận được chỉ thị phải nghỉ học để tham gia lễ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động ở núi Namsan. Cũng có thể tôi bị ảnh hưởng của

mẹ, nhưng bản thân tôi cũng chẳng thích thú gì những thứ như mít-tinh, biểu tình hay hô hào khẩu hiệu này nọ, dù cho đó là tả khuynh hay hữu khuynh. Ấy thế mà đối tượng phê phán gay gắt nhất của Hội đọc sách lại chính là khuynh hướng mang tính cá nhân chủ nghĩa, vì thế, tôi cũng cho rằng đó là một nhược điểm cần phải khắc phục của mình.

Cuối cùng, tôi đã trốn học và đi đến núi Namsan. Đó là một buổi mít-tinh huy động được một lượng lớn người lao động và học sinh. Suốt cả ngày hôm đó, chúng tôi đã làm theo người dẫn xướng, hô vang các khẩu hiệu mãnh liệt và hát vang những bài ca quần chúng một cách nhiệt tình, không biết mệt mỏi. Buổi tối, tôi trở về nhà với bộ dạng héo rũ như tàu lá và đã không cưỡng lại được sự tra hỏi nghiêm khắc của mẹ. Mẹ đã vô cùng kinh ngạc và thất vọng. Mẹ bảo: “Có biết con gái mà bị vào nhà đá thì sẽ bị tra tấn thế nào không hả?”, vân vân và vân vân, đủ hết những lời đe dọa khiếp hãi không biết mẹ đã nghe được từ đâu, và tôi đã bị dọa cho một trận nên thân. Đã thế, mẹ còn kiên quyết không cho tôi được đến trường vào ngày hôm sau. Mẹ bắt tôi gọi điện đến trường xin nghỉ mấy ngày, coi như bị ốm từ hôm trước. Tôi biết rõ ràng đó là một hành động hèn nhát, nhưng không thể đi ngược lại ý muốn của mẹ.

Sau này, lúc đi học lại, tôi được biết rằng tất cả những đứa vắng mặt vào ngày Quốc tế Lao động đều bị gọi đến phòng giáo vụ và bị tra khảo xem có đi đến núi Namsan hay không. Đứa nào bị phát hiện ra là đã nghỉ học để tới đó, nhất định sẽ bị mắng cho một trận tơi bời, thậm chí còn phải điệu bố mẹ đến xin xỏ. Ở trường khác, họ còn giao nộp cho cảnh sát, may sao trường tôi chỉ dừng lại ở mức độ giải quyết nội bộ. Đã không có đứa nào mách với thầy giáo việc tôi đi đến đó, vả lại, ba bốn ngày sau tôi mới đi học nên sự việc đã được bỏ qua mà không bị nghi ngờ gì hết.

Thế nhưng, mỗi khi nghĩ lại điều đó, tôi lại cảm thấy vô cùng xấu hổ. Đặt vào địa vị người khác để suy nghĩ, tôi thấy mình sao thật hèn nhát, chỉ nghĩ đến đó thôi cũng đủ khiến tôi thấy căm ghét bản thân. Sự việc ngày Quốc tế Lao động ấy, không những cô giáo chủ nhiệm không mảy may nghi ngờ, mà ngay cả những đứa bạn trong lớp, chẳng có đứa nào nghĩ rằng tôi đã tới đó.

Điều đó khiến tôi hiểu rằng hóa ra lúc bình thường, trong mắt mọi người, tôi lại là một đứa học sinh gương mẫu đến cứng nhắc, vì thế, tôi lại càng cảm thấy

căm ghét con người hai mặt rõ rệt ấy của mình. Sau đó, do tổ chức Mincheong bị tan rã hay là do tôi tự động rời xa họ mà tôi đã không dính líu gì đến họ nữa.

Chẳng biết có phải vì cuộc sống của gia đình không ổn định cho nên mọi sinh hoạt ở trường cũng trở nên lớt phớt hay không. Tôi thấy chán ngất với tình bạn, một thứ vốn là ngọn nguồn cho mọi vui buồn và suy tư trăn trở ở lứa tuổi ấy. Trong ký ức của tôi cũng chẳng đọng lại chút nào về việc đã thân thiết với ai ở quãng thời gian đó. Việc đọc sách đã trở thành nguồn an ủi duy nhất. Sở thích của tôi đã chuyển từ những cuốn sách nhuộm màu sắc chính trị sang những cuốn tiểu thuyết trong nước được xuất hiện sau ngày giải phóng. Tất cả đều không phải do tôi mua, mà đều được lấy từ giá sách của anh tôi, vì thế cũng lại chẳng thể thoát khỏi được sức ảnh hưởng của anh tôi. Anh tôi cũng chỉ đọc tập san Văn học của tổ chức các nhà văn cánh tả là Hội nhà văn đồng minh, và cả những cuốn sách anh mua khác cũng không nằm ngoài tiêu chí mang tính ý niệm một phía ấy.

Trong số những ấn phẩm mới phát hành mà tôi được đọc vào thời gian đó, tôi vẫn còn nhớ là tản văn của nhà phê bình văn học Kim Dong-seok. Không nhớ đó là tùy bút hay bình luận. Lời văn thật trong sáng, rõ ràng, đọc đến đâu thấm nhuần đến đó. Thời gian đó, tôi vẫn còn cảm giác khó chịu khi đọc sách chữ Hàn, vì ảnh hưởng của những cảm nhận quen thuộc từ những cuốn sách viết bằng tiếng Nhật trước đó. Vậy mà đối với cuốn tản văn ấy, tôi lại thấy vô cùng hứng thú và đồng cảm với mục tranh luận của nhà phê bình với ai đó về vấn đề lý giải Truyện Xuân Hương *. Ông đã phản bác luận điểm cho rằng sức sống lâu bền của Truyện Xuân Hương là ở tiết hạnh của nàng Xuân Hương và lập luận rằng chính bài thơ chàng Lý Mộng Long làm trong bữa tiệc của tên quan Biện Học Đồ, trước khi chàng để lộ thân phận Mật sứ, rằng: “*Rượu nồng trong chén vàng là máu ngàn người/ Nhắm tốt trên mâm ngọc là mỡ muôn họ*” * ấy mới chính là sức sống bền bỉ thật sự của câu chuyện.

80 *Tác phẩm văn xuôi tự sự tiêu biểu của nền văn học trung đại Triều Tiên. Tác phẩm có nguồn gốc là một trong mười hai truyện kể của loại hình diễn xướng Pansori truyền thống, nên có rất nhiều dị bản ở các địa phương khác nhau và được coi là tác phẩm văn học tiêu biểu của dân tộc Hàn.* 81 *Trích Từ điển văn học, Nhà xuất bản Thế giới, 2004, trang 1853.*

Thế nhưng, vì là sách của anh tôi nên cuốn sách ấy cũng vẫn là tập phê bình được viết trên quan điểm đấu tranh giai cấp. Sau cuộc chiến hai miền Nam - Bắc, cái tên Kim Dong-seok đã bị xóa bỏ và không còn được nhắc đến, cũng chẳng bắt gặp được ở đâu nữa. Đến giờ, thời kỳ chiến tranh lạnh đã qua đi và những cái tên từng bị xóa cũng như những tác phẩm của họ đã được khôi phục lại nên tôi đã để mắt nhiều lần và đi tìm những bài viết của ông, song, cho đến giờ, tôi vẫn chưa tìm được nên suy ra có khi ông không phải là một nhà phê bình văn học nổi tiếng như tôi đã tưởng.

Tính đến lúc cuộc chiến tranh Nam - Bắc nổ ra, chúng tôi đã chuyển nhà tới ba lần và tất cả đều chỉ ở trong phường Donam-dong. Có lẽ thời gian chúng tôi sống ở ngôi nhà gần cầu Samseon là khoảng thời gian anh tôi đắm sâu vào phong trào vận động cánh tả nhất, song tất cả chỉ là phỏng đoán. Đó cũng là khoảng thời gian hoạt động bí mật của Đảng lao động Nam Triều Tiên diễn ra một cách sôi nổi nhất và anh tôi đã chẳng giống với người nhà chúng tôi chút nào, đầu óc anh hoàn toàn bị cuốn hút vào việc khác. Ban đêm, nếu có ai đó gõ cửa, anh tôi còn dẫn đường cho họ chạy trốn nữa.

Ngôi nhà đó ở bếp có cửa sau, bên ngoài cửa sau lại có một khe nhỏ ngăn với bờ tường nhà hàng xóm.

Khe rất hẹp, gần như chỉ đủ để một người lách qua và ở cuối khe có một bức tường gạch cao, phía ngược lại là lối đi qua sân sau của nhà khác dẫn ra khu xóm đối diện, mà nếu đi theo con đường thẳng từ nhà tôi sẽ phải mất một lúc khá lâu. Anh tôi mà chạy trốn, nhất định sẽ trốn bằng con đường đó, nên thỉnh thoảng mẹ tôi lại ngó nghiêng xem có vật chướng ngại nào ở cái lối ngoắt ngoéo tối om nối với sân sau của nhà khác hay không.

Có lúc mẹ còn hể hả: “May mà cái nhà này có lối đi ấy, không thì không biết phải làm sao?” Dù cho ngôi nhà đó có lợi thế, ít nhất là đối với anh tôi, nhưng rồi cũng chưa đầy nửa năm, chúng tôi đã lại phải chuyển khỏi đó, song có thể coi là may mắn chẳng, khi lý do chuyển nhà không phải chỉ vì anh tôi.

Ngôi nhà ấy có bốn buồng, nhiều hơn cả số nhân khẩu trong gia đình tôi. Để không cũng phí nên chúng tôi đã cho thuê căn buồng cạnh cổng và mẹ tôi lúc nào cũng phải đề phòng, sợ người ta biết được việc làm của anh tôi. Chọn hết người này đến người khác, cuối cùng cũng tìm được một người để cho thuê,

nhưng rồi người đó lại là người giống với anh tôi. Trông họ không có vẻ nghèo khó lắm, lại chẳng có nghề nghề gì. Một thời gian sau đó, chúng tôi biết được có nhiều người trông rất khả nghi tụ tập ở đấy và làm việc gì đó rất mờ ám. Lập tức, mẹ tôi hiểu ra rằng nhà đó cũng là “quân đồ”.

Lúc ấy, anh tôi không còn biến nhà chúng tôi thành căn cứ bí mật nữa, nhưng thay vào đó lại là căn buồng ở cạnh cổng khiến mẹ tôi chỉ còn nước thất kinh. Dù việc đó chẳng có liên quan gì đến anh tôi, nhưng mẹ tôi vẫn không ngừng than thở, đổ lỗi cho căn nhà.

Song, hình như vì suy nghĩ đồng bệnh tương lân nên mẹ tôi đã không đuổi họ đi. Thậm chí, mẹ còn cảm thấy lo lắng và bất an cho nhà ấy. Không lâu sau đó, cảnh sát đã đến bao vây nhà chúng tôi và bắt người ấy đi. Mẹ đã vô cùng hoảng hốt, đã bỏ cả nhà để chạy tới chỗ chú út, giống hệt như khi người ta phát hiện ở nông thôn có dịch bệnh truyền nhiễm và phải thiêu cháy rụi ngôi nhà mà cả gia đình sống trong đó đã bị nhiễm bệnh. Cho đến tận lúc bán được căn nhà, mẹ vẫn để thân nhân của người đàn ông rọ sống ở đấy. Ông ta có một vợ và hai đứa con - một trai, một gái.

HÒA BÌNH CỦA ĐÊM

Ngôi nhà có cửa hàng gần cầu Donam-dong ở ngay sát bên đường tàu của vợ chồng chú út tôi rất rộng, cả hai gia đình có cùng sống ở đó thì cũng chỉ đến năm người nên chẳng có gì bất tiện. Tôi còn được ở phòng riêng nữa. Những ngày ở đó, việc hôn sự của anh tôi được đem ra bàn luận sôi nổi. Mọi người trong nhà đều bảo rằng có một cách có thể khiến anh tôi rút chân ra khỏi hoạt động bí mật mà mẹ tôi lại không làm, đó là việc cưới vợ lần hai cho anh tôi. Đã là mẹ, sao lại không có suy nghĩ đó được? Chẳng qua là vì mẹ tôi hiểu quá rõ đứa con trai của mình và không làm những việc mà không thể nhét vào đầu anh tôi được.

Anh tôi chẳng bao giờ để vào tai những lời thúc giục đi xem mặt con gái nhà người khác. Ấy vậy mà sau lần ngẫu nhiên gặp được con gái của gia đình có dây mơ rễ má thông gia ba đời thế nào đó ở nhà họ hàng chúng tôi, có ai đó hỏi đùa anh tôi rằng: “Cậu có ưng không?” thì anh lại có vẻ xuôi xuôi. Anh nhờ tôi đi xem mặt chị ấy trước. Nhưng đó lại là sự nhờ vả không dễ làm, vì anh tôi dặn không được để lộ cho phía ấy biết là mình xem mặt người ta, thế nên tôi đã phải phục sẵn ở gần đó, đợi lúc ái nữ nhà ấy bước ra khỏi nhà và đã nhìn thoáng được chị ấy. Đúng là một cách làm đáng hổ thẹn, nhưng việc anh tôi nhờ tôi đi xem mặt trước ấy lại khiến tôi rất đổi vui mừng, như thể đang gánh vác một sứ mệnh lớn lao nào đó. Chị ấy không xinh nhưng lại có vẻ học thức và nhìn tổng thể lại toát lên vẻ lịch thiệp hơn là vẻ dịu dàng con gái. Tôi kể lại hết với anh tôi những gì tôi thấy. Anh tôi vô cùng hài lòng. Những người thuê căn buồng cạnh cửa ngôi nhà ở cầu Samseon cũng dọn về quê nên căn nhà đó giờ bị bỏ không và mọi người đều bàn bạc tới chuyện bán căn nhà đó. Cuối cùng, chúng tôi cũng bán được căn nhà và khoảng thời gian chuyển về nhà mới

ở khu vực vùng ven phường Donam-dong đã đủ để anh tôi làm quen với chị ấy. Chúng tôi lại dọn khỏi nhà chú út, chuyển tới nhà mới và chuẩn bị đón thành viên mới.

Bước sang lớp năm của trường cấp hai, lớp chúng tôi chia thành lớp Văn, lớp Lý và lớp Gia chánh. Ngay từ lúc nhập học, học sinh đã được lấy theo ba lớp đó nên giờ cứ theo vậy mà tách ra. Ngày ấy, tôi đã chẳng đắn đo gì mà lựa chọn khoa Văn. Chỉ vì thói quen đọc sách đã khiến tôi cảm thấy khoa Văn gần gũi hơn cả, chứ thực ra, tôi chẳng có suy nghĩ sẽ trở thành nhà văn hay nhà thơ gì hết. Cũng có một số đứa được công nhận là có tư chất văn chương. Nếu theo chế độ giáo dục cũ thì đó đã là lúc tốt nghiệp và thi vào trường đại học, nên ít nhiều đã có thể nhìn nhận được thiên hướng. Nhưng điều ấy lại không đúng với tôi, thậm chí, mỗi lần nhìn thấy những đứa có tư chất văn chương, tôi lại có cảm giác khác biệt, dường như mình sẽ chẳng bao giờ được như chúng.

Thầy giáo chủ nhiệm lớp văn là thầy Park No-gap và thầy là nhà văn. Tôi đã đọc nhiều tác phẩm văn học, nhưng đó là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy nhà văn ở ngoài đời. Đúng lúc tờ báo nhà chúng tôi đặt mua hàng ngày có tiểu thuyết dài kỳ của thầy đăng ở đó nên tôi thấy có gì đó thật hào hứng, bởi hóa ra đây là nhà văn mà mình biết đây. Tôi lục lọi trong giá sách của anh tôi và cũng tìm thấy được truyện ngắn của thầy đăng trên tập san Văn học của Hội nhà văn đồng minh, thế là cả cảm giác thân thiết và đồng cảm như đã hiểu hết về con người của thầy cũng lại nhờ vào người anh tuyệt vời của tôi. Ngày ấy, không có luyện thi vào đại học, nên ở khoa Văn, chúng tôi có thể dành nhiều thời gian cho việc đọc tác phẩm văn học và sáng tác. Thầy không chỉ dạy chúng tôi tiếng Hàn, mà còn phụ trách cả những giờ học đó nữa.

Vào quãng thời gian đó, tiểu thuyết có tên là Bốn mươi năm của thầy được xuất bản. Tôi đã tìm đọc và cố hết sức mình để hiểu cho được tác phẩm ấy. Song tôi cho rằng ảnh hưởng của thầy đối với tôi không lớn lắm.

Nói cho đúng là chẳng có gì thú vị và chỉ là tự gò mình để đọc mà thôi. Nhưng riêng đối với giờ học sáng tác, cách dạy viết câu của thầy lại rất nghiêm khắc và thầy đã giúp tôi có được sự tự tin rằng có thể mình cũng có tư chất văn chương. Thầy ghét nhất là những câu văn thể hiện cảm xúc lộ liễu, vì có quá nhiều từ cảm thán như “a, ô”. Thầy ghét điều ấy đến mức tưởng như mỗi lần thầy la mắng về chuyện đó, trên da của thầy lại nổi những đốm như da gà. Và

tất nhiên thầy cũng ghét cả những câu văn hoa mỹ bằng cách mượn cảm xúc hay cách biểu hiện của người khác. Thật ra, ngày ấy, chỉ cần biết sử dụng hợp lý những câu văn bóng bẩy, giàu cảm xúc của người khác thì sẽ được coi là có tư chất văn chương, những đứa có tài ứng dụng ấy đều được gọi là “tài năng văn học”, vì thế, cách dạy viết văn của thầy quả là một sự phá cách.

Thế rồi tôi cũng có cơ hội để khắc phục mặc cảm tự ti về “tài năng văn học” và tự phát hiện ra rằng dường như mình cũng có tư chất văn chương. Lần đầu tiên tôi cảm thấy thực sự mến mộ một người thầy. Thầy có vẻ bề ngoài nghiêm nghị với đôi mắt to và sáng. Song, mỗi khi thầy mỉm cười, vẻ nghiêm nghị ấy chợt biến mất và thay vào đó là khuôn mặt hết sức trẻ thơ. Mùa đông, thầy thường khoác chiếc áo durumagi, áo được may bằng thứ vải không hề đắt tiền, mà chỉ là thứ vải phin màu đen giản dị. Thầy dạy cả Hán văn, thế nên mỗi khi thầy cao hứng cất giọng ngâm thơ Hán, giọng thơ thanh thoát của thầy lại vô cùng hợp với chiếc áo choàng durumagi màu đen ấy.

Ở lớp văn, ngoài những đứa muốn đi theo con đường văn học nghệ thuật thật sự, còn lại là rất nhiều những thành phần a-ma-tơ chỉ thích chơi bời, nên không khí trong lớp thật tự do và thú vị. Bàn học được kê thành các dãy bàn đôi ở giữa lớp, dành cho những đứa đã được ghép cặp cùng nhau, còn lại ở hai bên cửa sổ là các dãy bàn đơn dành cho những đứa chỉ có một mình, không ghép với ai cả. Tôi được xếp ngồi một mình ở phía cửa sổ gần sân vận động và một cách tự nhiên, tôi đã trở nên thân thiết với những đứa bạn ngồi ở đằng trước và đằng sau. Sau này, tất cả đều là những nhân vật đăng đàn sớm hơn tôi rất nhiều: Han Mal-suk, nổi tiếng trên văn đàn; Lee Kyung-suk, giáo sư khoa thanh nhạc trường đại học Seoul; một người nữa cũng viết văn nhưng lại làm công việc dịch thuật nhiều hơn là Kim Jong-suk và tôi. Tất cả chúng tôi ngồi thành một hàng và rất tâm đầu ý hợp nên đôi lúc còn bày nhiều trò nghịch ngợm trong giờ học.

Mỗi khi trong bọn có đứa nào mang cuốn truyện hay nào đó tới lớp, lập tức ngay cả đang trong giờ học, chúng tôi đều giả bộ mở sách giáo khoa để trước mặt rồi chúi đầu vào đọc cuốn truyện ấy, thành thử nhiều lúc bị thầy giáo gọi, chúng tôi đã trả lời sai và trở thành trò cười cho cả lớp học. Hoặc có khi chúng tôi lại truyền tay nhau những mẫu giấy ghi những ý nghĩ độc đáo vừa bất chợt nảy ra trong đầu, say sưa đến mức không biết thời gian trôi đi lúc nào. Han

Mal-suk còn mang từng cuốn trong bộ toàn tập Akutakawa của nhà đến và chúng tôi đã truyền nhau đọc một cách rất hào hứng, vậy mà đến giờ, tôi cũng chẳng nhớ tại sao lúc đó lại thích bộ sách ấy như vậy. Lúc ấy, nhà của Kim Jong-suk là tiệm sách Jongno. Nhà nó chính là tiền thân của hiệu sách Jongno bây giờ.

Chúng tôi đã mượn nó cả tạp chí văn học nghệ thuật thuần túy thời bấy giờ là tạp chí Văn nghệ, lẫn các ấn phẩm xuất bản mới. Thời đó, truyện sách không tràn lan như bây giờ, và mỗi khi ghé qua tiệm sách Jongno, tôi lại thấy vô cùng ghen tị bởi ý nghĩ tất cả sách truyện ở đây đều là của nó. Lần nào cũng vậy, chúng tôi đều thấy sợ ông nội của nó, người lúc nào cũng đứng ở giữa tiệm sách để trông coi. Giờ nghĩ lại thấy có khi ông nội nó đứng ở đó để canh chừng chúng tôi lấy trộm sách cũng nên. Ngày đó, ngay cả một tiệm sách lớn như tiệm sách Jongno cũng vẫn là một kiểu kinh doanh hộ gia đình, mọi thành viên trong gia đình đều được huy động, người bán, người coi.

Ngoài việc giả bộ chăm chỉ nhưng thực ra lại thường xuyên làm việc khác vào những giờ học không có hứng thú ấy, chúng tôi còn có một thói quen tinh nghịch khác là trốn vào rạp xem những bộ phim cấm lứa tuổi học sinh. Tôi là khách quen thường xuyên và không bỏ lỡ bất kỳ dịp nào có diễn viên chuyên nghiệp xuất hiện tại rạp chiếu bóng Dongdo của phường Donam-dong.

Cửa hàng của vợ chồng chú út lại nhìn chếch sang rạp Dongdo, nên họ thường đến xin dán áp phích quảng cáo phim lên tường hay lên cửa sổ cửa hàng, đổi lại, họ hay để lại vé xem phim. Chú tôi thường cho tôi, có lúc lại rủ tôi đi xem cùng. Chuyện trở thành khách quen của rạp Dongdo là bí mật của tôi với lũ bạn và với cả mẹ tôi nữa, nhưng tôi lại rất hay đi cùng với nhóm bạn tâm đầu ý hợp vào rạp xem phim. Trong bóng tối, cái ve cổ màu trắng của áo đồng phục chột sáng rõ lên như đập vào mắt người khác, nên lập tức chúng tôi phải giấu nhẹm đi bằng cách gập vào bên trong và nghiêm nhiên ngồi xuống. Có thể cũng có người biết chúng tôi là học sinh nhưng mỗi lần như vậy, tôi lại thấy khoái chí như đã đánh lừa được cả thế giới xung quanh một cách thật ngoạn mục.

Một lần, tôi cùng với Kim Jong-suk trốn học, rủ nhau đi xem phim ở rạp chiếu phim trên tầng năm của tòa nhà bách hóa Hwashin. Hôm nào thầy giáo có việc bận hay không tới trường, chúng tôi đều được thông báo nghỉ tiết đó từ

trước. Hôm ấy là ngày chúng tôi được nghỉ hai tiết, vừa lúc bộ phim chúng tôi đang mong chờ lại vừa mới được trình chiếu ở rạp Hwashin, nên cả hai đều nhất trí tranh thủ thời gian hai tiết được nghỉ đó. Trong bóng tối huyền bí với những dự cảm hồi hộp, chúng tôi nhẹ nhàng lén vào trong rạp, cuộn cổ áo trắng xuống, ngồi xuống ghế và thế là tìm lại bắt đầu đập một cách rộn ràng. Cảm giác lại càng hứng thú hơn khi đang trốn học để ngồi ở đây.

Không hiểu sao hôm đó lại bị cúp điện liên tục, khiến cho bộ phim lẽ ra phải rất thú vị ấy lại được thay bằng màn hình tối om và tiếng huýt sáo âm ỉ liên tục vang lên từ bốn phía. Sau ngày giải phóng, việc truyền tải điện từ phía Bắc bị gián đoạn. Dù sao lúc đó, tình trạng thiếu điện trầm trọng nhất cũng đã được cải thiện chút ít. Mất điện xảy ra như cơm bữa, nhưng hôm đó lại mất điện khá lâu, đến mức rạp phim phải cho thắp nến trên sân khấu và mời ca sĩ đến hát, coi như thay bằng biểu diễn ca kịch để xoa dịu khán giả. Chúng tôi đã kiên nhẫn chờ đợi và cuối cùng cũng xem được hết bộ phim đó rồi mới rút khỏi rạp. Cả hai đều không có đồng hồ nên không biết thời gian trôi qua thế nào và đều không thể tưởng tượng được rằng bên ngoài trời đã tối đen.

Chúng tôi vội vã trở về lớp học. Con đường rất gần nhưng vì cả hai đều phập phồng lo sợ nên lúc bước chân vào đến phòng học, hai đứa đều thở hổn hển. Tất nhiên, chẳng còn ai ở đó. Phòng học đã được dọn dẹp sạch sẽ, chỉ còn hai chiếc cặp của chúng tôi được đặt ngay ngắn trên bàn học. Trên bảng có dòng chữ nghiêm khắc của thầy giáo chủ nhiệm bảo hai đứa khi nào trở về lớp thì lập tức tới ngay phòng giáo vụ và tên của hai đứa được ghi rõ ở đấy. Chúng tôi vội vàng xuống phòng giáo vụ nhưng tất cả các thầy cô giáo đều đã về nhà hết cả rồi.

Cái gan dám bỏ cả giờ học để đi xem phim ấy đã biến sạch đầu mắt, dường như nếu chúng tôi không gặp được thầy chủ nhiệm ngày hôm đó mà cứ thế đi về nhà thì chắc cả hai đều sẽ không ngủ được. Cả Kim Jong-suk cũng có suy nghĩ bảo thủ ấy và chúng tôi đã đi tìm thầy giáo trực đêm ở trường. Thầy giáo trực đêm đã giúp đỡ chúng tôi khi thấy hai đứa thật sự muốn biết nhà của thầy giáo chủ nhiệm. Thầy còn giở cả sổ thông tin cá nhân của giáo viên cho chúng tôi xem. Ở đó không chỉ có địa chỉ mà còn có cả sơ đồ nhà nữa.

Đến lúc ấy tôi mới biết nhà thầy Park No-gap cũng ở phường Hyeonjeodong. Tôi chợt thấy tim mình nghẹn lại cùng một cảm giác thân thiết và gần

gọi, không sao nói được thành lời. Thầy giáo trực đêm có vẻ như cũng biết về phường Hyeonjeo-dong hay sao đó nên thầy mới bảo rằng ở đó không phải cứ có sơ đồ là tìm được đâu. Nhưng tôi thì lại đã đoán được đại khái phần nào khi trông thấy cái sơ đồ. Tôi tự tin rằng mình có thể tìm đến được nhà thầy nhưng lại không thể hiện điều ấy với Kim Jong-suk, mà chỉ bảo cả hai cứ thử đi tìm xem. Chẳng hiểu sao bỗng dưng tôi không thích tỏ ra là mình biết về khu xóm đó. Điều ấy không giống với sự xấu hổ. Tôi cũng có chút lo âu, sợ rằng không dễ tìm như mình tưởng. Khi đó, tàu điện hoạt động thường xuyên nên chúng tôi đã dễ dàng tới được Yeongcheon.

Đúng là phải mất khá lâu mới tìm được nhà thầy. Thời gian qua, khu xóm này đã thay đổi khá nhiều và lại là lúc trời tối nữa, nên các góc ngách rắc rối lại càng trở nên ngoắt ngoéo. Tôi đóng kịch với Jong-suk như thể lần đầu tiên trong đời tới đây và hồi hộp sợ rằng nó sẽ phát hiện ra vẻ tồi tàn của khu xóm này.

Chúng tôi tìm đến được nhà thầy vào lúc đã khá muộn, vậy mà người trong nhà lại bảo rằng thầy vẫn chưa về. Nhà của thầy khá nhỏ và đứng ở ngay ngoài cửa cũng có thể dễ dàng nhìn thấy toàn cảnh sinh hoạt nghèo nàn bên trong. Chúng tôi nói với vợ thầy lý do tới đây, trong lòng càng cảm thấy kính trọng thầy hết mực. Hôm đó, tôi đã bị mẹ mắng vì tội về muộn. Sáng hôm sau, khi chúng tôi tìm đến phòng giáo vụ để gặp thầy, thầy đã rộng lòng bỏ qua cho chúng tôi và còn bảo: “Có mỗi việc như thế cũng phải đến tận nhà làm gì?”. Thế nhưng, từ sau đó, tôi có cảm giác như giữa tôi và thầy đã hình thành một mối liên hệ đặc biệt. Điều đó chính là sự đồng cảm, bởi chúng tôi cùng có chung sự sở hữu phường Hyeonjeo-dong.

Tôi đã có cháu. Anh tôi đã có con trai. Với gia đình quý người, đó lại càng là một sự đại hỷ. Chú út mừng quá không biết phải làm thế nào, vì giờ chú đã có cháu ruột gọi bằng ông. Chị dâu tôi được mọi người khen ngợi hết lời, bảo chị là “cục cưng” của cả nhà. Không chỉ mỗi việc đẻ cho anh tôi đứa con trai đầu lòng, từ sau khi chị dâu về nhà, bầu không khí lo lắng, bất an đè nặng một cách triền miên lên gia đình chúng tôi bấy lâu nay đã vơi đi rất nhiều. Ai cũng hiểu rằng điều đó không chỉ là vì anh tôi đã rút khỏi phong trào bí mật, mà còn bởi chị dâu tôi đã khôn khéo xử lý mọi chuyện, chẳng cần phải âm ỉ, cáu gắt như mẹ tôi.

Chị dâu tôi đã rất kiên trì, một mặt, đứng vào địa vị anh tôi và ủng hộ hết mình phong trào mà anh ấy tham gia, mặt khác lại thức tỉnh nghĩa vụ con trưởng đã bị anh tôi lãng quên từ bấy lâu nay. Chị ấy đã chẳng tốn công sức để anh tôi nhận ra một điều rằng người chưa từng bị nhin đói vì không có cơm ăn thì sao hiểu được hạt gạo quý giá thế nào, và cũng giống như thế, người chưa từng trải qua lao động kiếm cơm thì sao có thể thấu hiểu thế nào là vì người lao động? Cách nói của chị cũng thật khác thường. Hầu như toàn là những lời thủ thỉ ngọt bùi, làm cho người nghe vừa thấy mát dạ, lại vừa không tỏ ra mất lòng tin hay động chạm đến tự ái của anh tôi. Có lẽ anh tôi yêu chị từ cái nhìn đầu tiên bởi anh đã nhận thấy được ưu điểm ấy bằng trực giác của một người khác giới. Thế mới biết những ngày ấy là quãng thời gian anh tôi cần được an ủi và động viên đến nhường nào.

Anh tôi không chỉ rời xa tổ chức mà hình như còn tham gia vào nhóm liên lạc thông tin. Anh xin vào làm thầy giáo dạy văn ở trường cấp hai Goyang ở quận Goyang-gun, phường Sindo-dong, nơi đi qua cả Gupabal. Anh tôi gia nhập nhóm để xin được việc, hay xin được việc rồi anh mới gia nhập nhóm, chuyện thứ tự trước sau đó không rõ lắm. Nhưng dù ở khía cạnh tâm lý hay thực tế thì cả hai đều có vẻ có lý.

Đó là khoảng thời gian một năm sau ngày chính phủ Đại Hàn Dân Quốc được thành lập, thông qua cuộc bầu cử một phía ở Nam Hàn. Phương châm của quốc gia độc lập mới ra đời không chỉ dừng lại ở “đàn áp”, mà là “tiêu diệt” cánh tả. Những người cộng sản thủ cựu chỉ còn đường vượt vĩ tuyến 38 và trôi dạt lên phương Bắc, hoặc bị bắt giam trong tù. Còn những người theo chủ nghĩa gàn dở, chẳng đâu vào đâu như anh tôi, thì có con đường lùi là tham gia nhóm liên lạc thông tin.

Không rõ anh tôi được khuyên nhủ hay bị cưỡng ép gia nhập vào đó, chỉ biết rằng anh tôi đã không bàn bạc gì với gia đình và chúng tôi chỉ biết được điều đó trong lúc anh tôi say rượu mà nói ra.

Dù có đang say rượu nhưng chưa bao giờ anh tôi lại tỏ ra trẻ con và hèn nhát như thế. Anh khóc tu tu thành tiếng như thể tất cả là lỗi tại mẹ tôi. “Mẹ thấy chưa, giờ con đã rút chân ra khỏi nhóm vận động cánh tả, gia nhập nhóm liên lạc thông tin rồi đấy”, và dường như mọi tội lỗi được trút cả lên đầu mẹ tôi. Còn mẹ chỉ ngồi nhìn thẳng con trai vừa thiếp đi vì mệt là ấy bằng ánh mắt

buồn rười rượi: “Cả đời chẳng bao giờ uống rượu, giờ còn sinh thói rượu chè, khóc lóc”. Một người chẳng bao giờ dám đi qua đầu giường lúc con trai đang ngủ như mẹ tôi, chùng ấy thôi cũng là một sự nhể nhối nặng lời. Nhưng tôi lại cảm thấy hình như mẹ tôi còn lo sợ hậu họa của việc chuyển đảng hơn cả người trong cuộc là anh tôi.

Thế nên mẹ tôi đã vô cùng hoang mang suốt một thời gian dài sau đó mà anh tôi không hề hay biết. Có lúc tôi còn phát hiện ra thần sắc tựa như đang hồi hận và day dứt bất giác hiện hữu trên gương mặt của mẹ, khác hẳn với lúc mẹ khăng khăng ép buộc anh tôi phải từ bỏ việc anh đang làm. Vừa lo cho an nguy của đứa con trai bởi đó là những tư tưởng phản động bị luật pháp nghiêm cấm, lại vừa muốn tin rằng hành động bất chấp cả nguy hiểm tính mạng của con mình là một hành động vĩ đại - Phải chăng đó là tính hai mặt rõ rệt nhất của mẹ tôi?

Hay đó là bởi vì những dự cảm bất lành mà ngay cả mẹ tôi cũng không thể chế ngự được chúng?

Dù sao, thái độ của mẹ cũng thật bất ngờ. Tôi biết vậy mà vẫn cố tình mượn câu nói đang rất thịnh hành ngày ấy để trêu mẹ một cách vô ý: “Mẹ mình đúng là quân đỏ dưa hấu” *. Mẹ tôi đã một mình đau khổ với những di chứng của việc chuyển đảng ấy trong suốt một thời gian dài mà chẳng ai hay biết. Với tôi, hình ảnh mẹ lúc ấy thật chán ngấy, chán hơn nhiều so với lúc mẹ giơ cái nạng lên dọa dẫm anh tôi. Hóa ra tình mẫu tử khi bị ảnh hưởng bởi sự đấu tranh ý thức hệ lại có thể biến thành một cơn ác mộng như thế này đây. Đó là một thời đại nhơ nhuốc, mà ngay cả chỉ nghĩ lại thôi, tôi cũng không muốn nghĩ nữa.

82 *Từ ám chỉ “người cộng sản đáng gờm”. Giống như quả dưa hấu vỏ bên ngoài màu xanh nhưng phần ruột bên trong lại có màu đỏ tượng trưng cho màu của Đảng cộng sản.*

Vùng quê nơi anh tôi dạy học đã trở thành nội thành Seoul và có đường tàu điện qua lại. Nhưng với tình hình giao thông vào cuối những năm 40, việc đi đi về về hàng ngày là một việc làm quá sức. Anh tôi phải trọ ở gần trường và cứ đến chiều thứ bảy, anh lại đạp xe về nhà, rồi sớm tinh mơ ngày thứ hai, lại bắt đầu lên đường đến trường. Ngày ấy, ngôi trường đó không phải là trường nông nghiệp nhưng lại có khá nhiều ruộng đất, nên mỗi khi lĩnh lương, họ lại cấp cho gạo đủ dùng làm lương thực trong một tháng, kèm với cả tiền mặt. Ngày

lĩnh lương nào cũng vậy, anh tôi lại hồ hởi thõ một bao tải gạo ở yên sau xe đạp và lên đường về nhà. Có lúc lại có thêm cả khoai lang, khoai tây. Lúc ấy, tiền ăn lại là khoản tốn kém trong chi phí sinh hoạt hàng tháng nên cuộc sống đã mau chóng đi vào ổn định, anh tôi trở nên đĩnh đạc hơn bởi giờ đã là lao động chính trong nhà và dần dần thoát khỏi cái bóng tăm tối, trở thành trụ cột gia đình đúng nghĩa với một công ăn việc làm đàng hoàng.

Mỗi lần về nhà ngày thứ bảy, anh tôi lại vội vã đi thẳng ra nhà tắm công cộng [*](#). Ngay đằng sau ngôi nhà chúng tôi chuyển đến từ lúc có chị dâu mới, có một phòng tắm công cộng tên gọi là Sinantang. Nhà tắm công cộng ở gần chỉ là một cái cốc. Hơn hết, đó là tình yêu con đặc biệt, muốn gột sạch mọi bụi đường bám trên cơ thể suốt quãng đường xa xôi từ Gupabal về đến Seoul, trước khi bế đưa con thân yêu, nên anh tôi mới vội vàng đi tắm ngay như vậy. Tắm xong, anh thay bộ đồ rộng và thoải mái rồi bắt đầu chơi với đứa bé, còn chị dâu tôi thì ở trong bếp nấu món gì đó thơm lừng, nóng hôi hổi. Trong lúc anh tôi mãi bận bịu vì mê mẩn với đứa trẻ, thì chị dâu lại đưa ánh mắt sung sướng vô ngần hướng về phía hai cha con. Còn tôi thì thấy giông giống như mình bị gạt ra ngoài gia đình ba thành viên đó, nhưng không đến mức cảm thấy phải ganh tị.

83 Tắm công cộng là một nét văn hóa của người Hàn Quốc. Phòng tắm công cộng có bể tắm nước ấm, khu tráng nước lạnh và phòng xông hơi. Tất cả mọi người vào đó đều trút bỏ hết quần áo trên người và tắm trần một cách tự nhiên.

Tôi yêu bầu không khí yên bình sau bao lâu mới trở về ngôi nhà của chúng tôi ấy và thấy tâm trạng thật dễ chịu. Cảm giác dễ chịu như được thả lỏng tất cả, giống như sự khoan khoái khi được thư giãn ngâm mình trong làn nước ấm. Chỉ có mẹ tôi vẫn còn hơi bất bình thường.

Người lẽ ra phải cảm thấy may mắn nhất là mẹ tôi thì lại thành ra như thế. Nhiều lúc mẹ còn để lộ sự day dứt về những gì anh tôi đã gác lại giống như đang bị ai đó kích động. Mỗi lần trút những bao tải gạo của anh đem về vào thùng gạo, mẹ lại thở dài nãy nê và nét mặt thật u ám: “Chao ôi, cổ họng đúng là Bộ đạo thính mà” [*](#).

84 Câu thành ngữ có nghĩa rằng “vì miếng ăn thì không có gì là không thể làm được hết”. Ngày xưa, “Bộ đạo thính” là nơi chuyên bắt giam, tra tấn

phạm nhân, nên người dân thường rất sợ khi nhắc đến “Bộ đạo thính”. “Cố họng” được ví với “Bộ đạo thính”, ý chỉ cái đói cũng ghê gớm và đáng sợ như thế.

Cách nói như tỏ vẻ nuối tiếc, vì nếu không phải tại gánh nặng gia đình bé nhỏ ấy thì anh tôi đã không chuyển đảng như vậy. Liệu có phải vì những lời lẽ nhai trong lúc say rượu của anh tôi đã giống như những chiếc gai cứa vào da thịt khiến mẹ tôi nhức nhối? Hay là vì sự mẫn nguyện trước bầu không khí yên bình và sự tự lập của gia đình bé nhỏ đã làm cho mẹ tôi mặc nhiên lo sợ một điều gì đó chẳng? Có vẻ như mẹ tôi cũng nhận ra điều đó, nên thỉnh thoảng lại hỏi lại tôi về con người thực sự của anh tôi: “Này, thử nghĩ mà xem, thằng anh mày chẳng đúng là đang hoạt động cho Đảng cộng sản chứ còn gì nữa.

Lao động quần quật, vất xương vất cốt cả tháng trời để nuôi vợ con, cái đó không phải là Đảng cộng sản thì là gì, còn cái nào khác nữa?” Hình như lúc ấy không phải mẹ đang nói chuyện với tôi, mà là đang biện minh cho ánh nhìn u ám vẫn đang luôn dõi theo sự chuyển đảng của anh tôi, điều ấy có gì đó vừa thương cảm lại vừa thật nhỏ nhen. Cách phát âm những chữ no-dong thành nue-dong, no-dong-ja thành nue-dong-ja * của mẹ thật khác thường. Mẹ vốn rất biết cách chơi chữ, nhất là với những câu châm chọc, đay nghiến người khác, và từ sau ngày anh tôi tham gia phong trào vận động cánh tả, chỉ có hai tiếng đó được phát âm một cách vô cùng ngang tai. Điều đó có nghĩa rằng không hẳn là không thể phát âm đúng, được mà đó là một sự cố ý. Thế nên, lúc mẹ phát âm từ nam-no-dang *, từ đó nhất định phải thành nue-dong-dang, tiếng nue được phát ra một cách vô cùng khó chịu và nhức nhối.

85 Hai từ có nghĩa lần lượt là “lao động”, “người lao động”. 86 Từ viết tắt của cụm từ Đảng lao động Nam Triều Tiên.

Song, việc mẹ ra sức can thiệp vào tư tưởng của anh tôi lại chỉ bởi vì điều đó là phạm pháp chứ chẳng phải vì mẹ hiểu thế nào là đảng cộng sản hay chủ nghĩa cộng sản. Thậm chí, những kiến thức nghèo nàn của mẹ về chủ nghĩa cộng sản lại vô cùng có thiện chí và những day dứt của mẹ vì cái sự chuyển đảng hơn cả người trong cuộc là anh tôi ấy không phải không có liên quan đến những thiện chí hời hợt đó. Với mẹ tôi, “chuyển đảng” hoàn toàn đồng nghĩa với “đào ngũ”. Mẹ không thể chịu được khi đứa con trai bị người ta săn lùng vì vi phạm pháp luật, song lại càng nhức nhối hơn nếu đứa con trai ấy trở thành

một kẻ đào ngũ. Sự chuyển nhà bất ngờ và liên tiếp chẳng qua chỉ là kế sách yếu ớt của mẹ. Mẹ muốn bằng mọi giá, phải tránh được việc người ta quy cho anh tôi là kẻ đào ngũ và làm hết sức mình để tách anh tôi ra khỏi tổ chức, chứ mẹ chẳng hề có ác cảm với chủ nghĩa cộng sản như đối với hành vi phạm pháp.

Nhắc tới đào ngũ lại nhớ đến một chuyện khác. Đó là chuyện đã xảy ra cách đây bốn mươi năm. Khoảng thời gian mấy năm trước khi mẹ tôi mất, mẹ đã không đi đâu được vì chân bị đau và chỉ ở quanh quẩn trong nhà. Vốn là một người theo đạo Phật, nhưng lúc ấy mẹ lại không đi chùa được. Vì thế, chiếc tivi và sách vở đã trở thành nguồn giải trí duy nhất của mẹ tôi. Lúc đến ở nhà tôi, mẹ rất thích vì trong nhà có nhiều sách. Kể từ sau khi tôi gia nhập Công giáo, mẹ còn thích đọc cả những cuốn sách kinh điển, trong đó gồm nhiều câu chuyện giảng giải về Kinh thánh và nuôi dưỡng tinh thần tôn giáo. Nhiều lúc đọc xong, mẹ còn khen hay, thậm chí còn đem gối đầu giường và thỉnh thoảng lại lôi ra đọc lại. Thấy thế, tôi đã đề nghị mẹ tôi cải đạo.

Không chỉ mình tôi mà các cháu ruột, cháu dâu cũng đều đã theo Công giáo và những lúc như vậy lại chẳng thấy mẹ tôi phản đối, nên lúc đề nghị mẹ cải đạo, tôi còn thấy hơi muộn nữa.

Thế nhưng, khác với dự đoán của tôi, khuôn mặt mẹ chợt biến sắc và tỏ ra khó chịu, mẹ đã mắng nhiếc tôi một cách thậm tệ. Đó quả là một cơn thịnh nộ sấm sét.

Mẹ bảo rằng mẹ đây dù mới ba mươi tuổi đầu đã thành góa phụ, nhưng bản thân chưa từng khiến ai phải ngờ vực hay tội nghiệp về cái sự góa bụa ấy cả, vậy mà giờ lại phải nghe những lời lẽ quái gở tệ hại ấy từ chính miệng đứa con gái do mình đẻ ra. Tôi suýt nữa thì bẽ bụng vì cái sự so sánh khập khiễng giữa việc cải đạo với sự chung thủy một chồng ấy của mẹ. Nhưng rồi tôi chợt khựng lại bởi nhớ đến những gì mà tôi vốn không muốn nghĩ đến ấy. Bởi tất cả những gì âm thầm đeo đẳng và bất chợt bùng lên một cách không báo trước, phá vỡ bầu không khí yên bình của gia đình nhỏ bé và đầm ấm mà anh tôi phải vất vả lắm mới có được lại bắt nguồn từ quan niệm chung thủy kiêu hãnh và cổ hủ ấy của mẹ tôi.

Sau đó, mặc dù tôi không để tâm đến việc khuyên mẹ cải đạo nữa, nhưng từ đấy, không bao giờ mẹ để cho tôi nhìn thấy mình đọc sách của đạo Tin lành nữa. Hẳn là mẹ tôi lại cho rằng việc tin đạo Phật mà lại hứng thú với đạo Tin lành ấy là một hành động đánh mất uy tín của bản thân đối với con cái đây mà. Mẹ của tôi thật chán ngấy. Nhưng hình như ruột thịt lại thường giống nhau.

Đối với con cái, mẹ cố giữ hình ảnh của bản thân đến độ cực đoan. Tôi cũng vậy, tôi đã hết sức chú ý không để bộc lộ bản thân, nhất là đối với mẹ. Và trong suy nghĩ của tôi, điều khiến tôi sẽ dễ bị bộc lộ bản thân nhất chính là việc để cho mẹ tôi đọc được truyện của tôi viết.

Vì thế, trước khi mẹ tới nhà, việc làm đầu tiên của tôi là xếp những cuốn sách của mình lên trên cao hoặc để ngược lại cho mẹ không nhìn thấy gáy sách. Sau đó, mẹ đã vào phòng đọc sách của tôi và chọn lấy một vài cuốn đáng đọc. Theo lẽ thường tình thì lúc ấy mẹ phải hỏi: “Sao bảo con có mấy cuốn truyện cơ mà, chúng để ở đâu?”. Nhưng mẹ đã không bao giờ hỏi điều ấy. Tôi có linh cảm rằng bằng cách nào đó, mẹ tôi đã đọc được truyện của tôi. Vậy mà chưa bao giờ, dù chỉ một lần, lúc mẹ tôi còn sống, tôi thành tâm đưa sách của mình cho mẹ xem. Việc ấy có thể lý giải là hành động của kẻ bị rối loạn tình dục có thể phô bày cơ thể của mình cho tất cả mọi người trên thế gian, chỉ trừ mỗi người mẹ của mình chẳng?

Nhưng rồi ý định bằng mọi giá không để cho truyện của mình lọt vào mắt mẹ của tôi đã không thành khi truyện của tôi được đăng nhiều kỳ trên báo. Lúc ấy, tất nhiên cả hai chúng tôi đều giả vờ như không biết và chẳng ai hẹn ai đều hiểu rõ về nhau như vậy. Một lần, hình như sau lúc truyện của tôi được đăng dài kỳ trên tờ Donga Ilbo, đã có người của tạp chí nào đó cứ đòi phỏng vấn cả hai mẹ con chúng tôi. Từ chối không được, hơn nữa, tôi và nhà báo ấy lại là chỗ thân tình, khó làm người ta mất lòng mãi được, nên tôi đành thoái thác bằng cách bảo họ đến xin phép mẹ tôi trước đi. Việc đó thật chẳng dễ, vậy mà họ lại đã nhận được sự đồng ý của mẹ. Khi ấy, nhà mẹ tôi ở phường Hwagok-dong, nên tôi và nhà báo đã cùng đi tới đó.

Lần đầu tiên được phỏng vấn nhưng mẹ tôi lại trả lời một cách hết sức khéo léo, khiến tôi thấy vô cùng hãnh diện. Đến khi bài phỏng vấn gần kết thúc, nhà báo hỏi mẹ tôi rằng bà có đọc những tiểu thuyết được đăng báo của tôi không. Bà đáp:

“Cả tờ báo đó, tôi cũng xem rồi.”

Lập tức, khuôn mặt mẹ ánh lên niềm kiêu hãnh và nhấn mạnh rằng không phải vì đọc báo, mẹ mới đọc được những tiểu thuyết của tôi. Tôi bấm bụng không nói được câu nào, bởi thấy mình thật giống mẹ. Nhà báo hỏi mẹ tôi cảm tưởng khi đọc tiểu thuyết ấy. Tim tôi chột thắt lại trong giây lát. Ôi, một kẻ vũng tim, chưa từng phấn khởi hay thất vọng trước những lời nhận xét của giới phê bình là tôi mà lại có thể như vậy sao? Giọng nói của mẹ cất lên thật lạnh lùng và dứt khoát:

“Cái đó mà cũng gọi là tiểu thuyết à?”

Trái tim bị bóp nghẹt này giờ của tôi chột giãn ra và khuôn mặt tôi trở nên nóng bừng như đang kề gần ngọn lửa trại. Những tháng ngày sau đó, thi thoảng lời phê bình sắc lạnh của mẹ lại bất chợt được gợi nhớ đến và trở thành nỗi đau nhức nhối trong tôi. Những lúc ấy, tôi lại tự nhủ rằng phải hết sức kiềm chế những lời nói làm tổn thương người khác, như để vỗ về cho những giận hờn với mẹ trong tôi.

Đến lúc phải quay lại quãng thời gian sống ở ngôi nhà đằng sau nhà tắm công cộng, thuộc phường Donam-dong, đã bị cắt ngang khá lâu.

Hội chứng tinh thần bất an thỉnh thoảng lại xuất hiện ấy của mẹ tôi quả thật là không rõ nguồn cơn. Chẳng có gì phải bất an cả. Anh tôi chỉ đi tìm lại chính mình. Tôi hiểu rằng những ngày tháng sống ở phường Hyeonjeo-dong đã để lại những ấn tượng sâu đậm với anh tôi.

Anh tôi muốn thể hiện dáng dấp của con người xuất thân từ phường Hyeonjeo-dong và muốn nghĩ rằng mình đã mang nợ họ. Niềm tin vào chính nghĩa một cách ngây thơ và tự cho rằng mình phải đứng về phía họ đã khiến anh tôi dễ dàng đồng cảm với tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản, nhưng còn lúc hành động, anh tôi lại mang trong mình một trái tim thật yếu đuối và xa xỉ.

Trong lúc những con người ở phường Hyeonjeo-dong ấy, đến bữa ăn còn không đủ no, đến nỗi phải húp cháo loãng, thì anh tôi lại đưa em gái đi nhà hàng Âu ăn mừng việc thi đậu và để người yêu nằm ở phòng dịch vụ đặc biệt của bệnh viện.

Có lẽ nào mẹ tôi lại không muốn cho đứa con “có đem bỏ vào mắt cũng không thấy đau” * ấy được yên ổn hay sao? Dù cho đó là sự yên ổn mà tổ chức

của anh tôi vẫn lên án là “bản chất tiêu tư sản”. Tôi thấy dường như mình đã nhìn rõ được mẹ và những thay đổi tâm tư trong anh tôi như nhìn thấu những đường chỉ trong lòng bàn tay vậy. Đó là một thời nghênh ngang và không chút kinh nghiệm với đời. Những ngày anh tôi chuyển đảng và sự bình yên trở về với ngôi nhà của chúng tôi khi ấy là lúc tôi lên lớp sáu trường cấp hai, tính theo bây giờ là năm thứ ba của trường cấp ba.

87 Câu thành ngữ thể hiện sự yêu quý con cái hết mực.

Năm 1950, tôi bước sang tuổi hai mươi và khoảng thời gian hoàng kim của năm thứ ba trường cấp ba năm ấy chỉ còn được chín tháng. Chế độ năm học kết thúc vào cuối tháng Ba và khai giảng vào đầu tháng Tư dưới thời Nhật Bản thống trị ngày trước đã được thay đổi. Chế độ mới lấy ngày bế giảng năm học vào tháng được giải phóng là cuối tháng Tám, ngày khai giảng năm học mới vào tháng Chín như ở phương Tây và điều đó được thống nhất áp dụng từ năm 1949. Nhưng đến năm 1950, tất cả lại được thực hiện theo quy định quá độ là quay trở về mốc kết thúc học kỳ vào tháng Ba, nên đã rút ngắn ba tháng, thành ra tháng bế giảng lại vào tháng Năm.

Đúng lúc ấy, lớp chúng tôi lại là năm cuối nên đã đã tốt nghiệp luôn vào tháng Năm. Có lẽ từ khi cái gọi là chế độ giáo dục kiểu mới được du nhập vào đất nước và xuất hiện chế độ trường học, chúng tôi là trường hợp duy nhất tốt nghiệp vào tháng Năm. Bây giờ, mỗi lần chứng kiến cảnh kỳ thi đại học diễn ra vào những ngày đông giá buốt, hay cảnh người ta run rẩy đón chờ ngày khai giảng và tốt nghiệp trong những cơn rét muộn ảm đạm, tôi lại thấy khi ấy mình quả thật may mắn.

Tháng Năm năm ấy đẹp một cách lạ thường. Ngày ấy, không phải lúc nào tất cả các loài hoa cũng đều có thể nở được như bây giờ. Chỉ có tháng Năm mới là ngày của những mầm lá xinh xắn như những nụ hoa trên cành và là mùa của những loài tử đinh hương, mẫu đơn, hoa hồng và hoa đậu tía. Sân trường đầy ắp hương hoa và tiếng ong lượn vo ve. Suốt mười hai năm cộng lại của trường quốc dân lẫn trường trung học, đó là lần đầu tiên tôi được nhận phần thưởng học sinh ưu tú và tốt nghiệp ra trường. Anh tôi, chị dâu, chú, thím và tất nhiên cả mẹ tôi, tất cả đều đến dự lễ tốt nghiệp để chúc mừng tôi, còn tôi thì trong dạ thấy vô cùng hạnh diện. Lúc ấy, tôi đã thi đỗ một cách nhẹ nhàng vào khoa Văn trường đại học Văn Lý của trường Seoul. Trường Văn Lý cũng giống như

Trường nhân văn và Trường tự nhiên hợp lại bây giờ. Phải sau chiến tranh mới có phong trào ưa chuộng khoa học thực nghiệm, còn đến tận lúc đó, có thể đó là tàn dư của chế độ đế quốc Nhật Bản hay chẳng, khi thời đó, người ta vẫn sùng bái nền học vấn thuần túy, vì vậy, trường Văn Lý vẫn luôn tự hành diện là “trường đại học của các đại học”.

Sự đổ vào trường đại học một cách nhẹ nhàng ấy khiến cho tâm hồn tôi như được bay vút tận trên mây xanh và không thể chế ngự được cảm giác tự mãn. Tỷ lệ đăng ký vào các trường đại học nữ không cao nên đã không có cái gọi là ôn thi để chuẩn bị cho kỳ thi đại học. Ngoài một, hai lần thi thử ở trường cấp ba, còn lại tất cả đều là sự tự thân vận động. Việc học ôn thi đại học của tôi gói gọn trong tập ngân hàng đề thi dự bị mà tôi đã mượn của Kim Jong-suk, cô con gái của ông chủ hiệu sách Jong-no. Tập đề thi đó khá dày, nhưng có lẽ là do chất lượng kém cỏi của thứ giấy thô ráp và cứng đơ nên mới dày như vậy. Sau tôi còn có đĩa khác cũng đang đợi để được mượn nên tôi đã phải tập trung xem trong bốn, năm ngày. Và lại như mọi khi, tập đề thi ấy cũng được truyền tay nhau rồi được trả lại đúng hiệu sách, sau đó, nó được bán đi hoặc làm gì đó, tôi cũng không biết nữa, chỉ biết rằng nhờ có người bạn tốt bụng ấy mà sau khi học xong tập đề thi, dường như tôi đã hệ thống lại được những kiến thức đã học. Khi ấy, nhà tôi không phải không đủ tiền để mua cuốn sách đó nếu tôi bảo cần, nhưng tôi đã không đòi mua, và đây có thể là bản tính tự phụ trẻ con của tôi, khi muốn làm ra bộ không học ôn thi nhưng sau đó lại bất ngờ cho cả nhà thấy mình đã thi đậu.

Kỳ thi đại học diễn ra vào khoảng cuối tháng Tư, đó cũng là mùa đẹp nhất ở khu gần trường Văn Lý. Bây giờ nơi ấy đã biến thành công viên Marronnier *, con suối cũng đã bị lấp, chứ khi ấy có con suối Daehak chảy dài từ lối vào của phường Dong-sung tới tận phường Ehwa, những rặng đầu xuân vàng rực trở hoa dọc theo con suối cùng với hoa anh đào bay lất phất trên sân trường, những nhánh cây dẻ ngựa thì đua nhau đâm chồi nảy lộc. Phương tiện đi lại duy nhất chỉ có tàu điện, vì thế những lúc qua trường để nộp đơn hay đi thi về, từ cổng trường đại học Văn Lý, tôi đều phải băng qua đường, qua cổng chính của trường đại học Y khoa Seoul, rồi theo hướng cổng chính của bệnh viện trường mới ra đến phường Wonnam-dong để lên tàu điện. Con đường nối liền trường Y khoa với bệnh viện trường đẹp đến bất ngờ.

88 Công viên Marronnier (có nghĩa là công viên cây dẻ ngựa) ở đường Daehak-ro, vốn là tòa nhà hiệu bộ của Trường đại học Seoul trước năm 1975.

Có lẽ nào những cơn mơ ngây ngất của lứa tuổi hai mươi đầy mộng mị đã khiến tôi thấy yêu con đường đó đến vậy? Hay bởi vì cỏ hoa, cây lá và làn gió dịu nhẹ trên con đường đã làm xao xuyến trái tim tôi? Con đường ấy thật quyến rũ, không đơn giản chỉ là vẻ đẹp vốn có của tự nhiên.

Đúng thế, điều mê hoặc tôi trong những ngày tháng ấy chính là dự cảm về sự tự do. Từ học sinh trung học trở thành sinh viên đại học, điều đó có nghĩa rằng tôi đã được giải phóng hoàn toàn khỏi cái thời chỉ toàn những điều cấm đoán. Nhưng tôi còn mơ tưởng cả sự tự do khi được thoát khỏi vòng tay của mẹ. Không hiểu lúc lấy chồng sau này sẽ ra sao, chứ còn sự tự do được tận hưởng đúng vào giai đoạn thiếu nữ ấy, đó là điều mà ngay cả trong mơ, tôi cũng không mơ tới được. À không, nếu bảo chưa mơ tới thì đó là nói dối, mà phải nói là giấc mơ của giấc mơ, là khát vọng thầm kín nhất ở trong lòng. Điều đó giờ đã trở thành hiện thực và đang được trải ra ở trước mắt tôi. Sự tự do vô bờ bến ấy biết sử dụng thế nào cho hết đây? Vô ích hay hữu ích, lạm dụng hay điều độ...? Cái nào cũng thật hấp dẫn cả. Sau này, tất cả mọi hành động đều được gắn liền với tự do. Giấc mơ ấy thật rực rỡ, hơn cả tia nắng mặt trời của những ngày tháng Năm đang làm nở rộ những cánh hoa hồng, hoa tử đinh hương và mẫu đơn kia.

Cơ hội thoát khỏi vòng tay mẹ đến một cách bất ngờ. Mùa xuân năm 1950, vẫn như mọi khi, cuối tuần, anh tôi lại trở về nhà trên chiếc xe đạp và tỏ ra mệt mỏi một cách khác thường. Chị dâu tôi hình như lại đang có mang, vì thấy chị ấy bị nghén liên tục. Có vẻ như chị tôi sẽ sinh luôn đứa thứ hai. Ngay cả đối với những gia đình hết sức quý người, việc sinh luôn đứa thứ hai trong khi đứa thứ nhất vẫn còn chưa được đầy năm ấy là điều không tốt cho cả người mẹ và đứa trẻ. Niềm vui của người trụ cột trong gia đình trở thành thầy giáo trường làng ấy vẫn còn tươi mới như hôm qua, nhưng tất cả thành viên trong nhà đều không giấu được vẻ mệt mỏi với cuộc sống uế oải và không một tia hy vọng về sự đổi thay nào khác ngoài việc có thêm một thành viên mới. Tối hôm đó, bên mâm cơm, anh tôi đã mở màn bằng câu chuyện như để nói cho vui:

“Hình như con được trường phân cho một căn nhà công. Nhà đấy rộng rãi hơn nhà mình. Lại có cả mảnh ruộng có thể trồng lật vạt ở đó. Nhưng mà...”

Ngay lập tức mẹ tôi liền bám lấy câu nói vẫn còn đang lấp lửng ấy:

“Nếu mình xin thì người ta sẽ cho ở đó phải không? Cái nhà công hay nhà quan gì đấy?”

Tôi ngồi bên cạnh, bật cười khi mẹ tôi cố tình gọi căn nhà mà anh tôi bảo là “nhà công” ấy thành ra “nhà quan”. Nhưng rồi, tôi cũng thấy suy nghĩ của mẹ không phải là không có khả năng.

“Tất nhiên ạ. Vì người đang ở đó sẽ dọn đi sớm thôi và cũng chẳng có ai đăng ký tiếp. Hôm nay, thầy hiệu trưởng đã hỏi con. Nhưng con nói cho vui thôi. Mẹ đừng bận tâm làm gì.”

“Nhà mình chuyển đến đó đi.”

“Dạ?”

Quyết định quá dễ dàng và dứt khoát khiến mọi thành viên trong nhà đều dừng tay đĩa và hướng về mẹ.

“Người ta bảo ăn cơm trọ ba năm đến xương cũng còn rỗng. Đảng này chưa đến ba năm, mới có nửa năm mà thằng cha gây đảng cha, thằng con gây đảng con. Cả mẹ nó cũng thế. Hai vợ chồng trẻ mà sao cứ xơ xác cả lượt như thế.”

“Nhưng mẹ ơi, còn nó thì sao?”

Anh tôi khẽ hất cằm, về phía tôi.

“Chỉ cần em nó đỗ vào đại học thì cho đến ở nhà chú các con cũng được chứ sao. Cả chú lẫn cháu lại chẳng thích quá.”

Việc mẹ tôi chưa bàn bạc với vợ chồng chú út đã quả quyết rằng cả chú thím và tôi đều thích thú ấy là minh chứng cho việc chú thím yêu tôi như con đẻ và tôi cũng rất yêu họ. Vợ chồng chú út vẫn chưa có mụn con nào, cả gái lẫn trai. Có lần họ đã thử nuôi đứa con gái của chú thứ ở quê. Chú thứ ở quê có một con trai và ba con gái. Nhưng chưa được một năm, mặc cho vợ chồng chú út có yêu thương và cưng chiều hết mực, đứa bé đó vẫn không quên được mẹ nó, khiến chú út đành phải gửi trả về quê. Lúc đó, tôi cũng ở bên cạnh, được chứng kiến nỗi thất vọng của họ nên đã cố gắng làm mọi việc chỉ để họ vui lòng và họ cũng yêu chiều tôi hết mực như thế chỉ có mình tôi thôi vậy. Ấy vậy mà lúc biết rằng có thể mình sẽ tới nhà chú thím ở và đi học hàng ngày ở đó, cảm giác sung sướng như muốn nhảy cẫng lên lại hoàn toàn vô can với mối tình cảm

chú cháu đặc biệt ấy. Trong đầu tôi chỉ có suy nghĩ rằng mình sẽ thoát được khỏi vòng kiểm soát của mẹ. Chỉ thế thôi cũng đủ lắm rồi.

Nhà của chú thím có cả phòng dành riêng cho tôi.

Ngay cả khi cả nhà chúng tôi đến ở nhờ, chú cũng vẫn dành cho tôi một phòng riêng. Trong khi đó ở nhà tôi, tôi vẫn phải ngủ chung với mẹ. Nhà tôi còn một phòng khá rộng nhưng lại bỏ không vì muốn tiết kiệm điện và củi, nhưng kể cả lúc mùa hè, dầu rất muốn sang đó ở một mình song tôi lại không dám mở mồm vì sợ mẹ buồn. Chính vì lý do ấy mà tôi đã phải rất thận trọng không để cho mẹ biết được tôi đang sung sướng lâng lâng thế nào khi sắp được giải phóng khỏi gia đình.

Chứ còn sao nữa, dù chú thím có đối xử tốt thế nào cũng không thể bằng gia đình mình được. Việc thi đỗ đại học và sự tự do là hai chiếc bánh teok được giúi vào tay, nhưng không phải muốn ăn một chiếc là được.

Tôi không còn sự lựa chọn nào khác, vì vậy, không thể không cảm thấy căng thẳng với kỳ thi đại học không còn bao lâu nữa ấy.

Mẹ đã quyết như vậy khiến chúng tôi lập tức muốn đi xem ngôi nhà sẽ chuyển đến ra sao. Hôm đó, tôi đi cùng với mẹ, chúng tôi đi tàu điện đến tận ga cuối là ga Yeongcheon rồi bắt xe khách đến tận Gupabal. Hai mẹ con tôi đã phải đợi xe khách khá lâu, thêm vào đấy, quãng đường đi bộ từ Gupabal về trường cấp hai Goyang cũng không đơn giản chút nào. Thời tiết khô hạn vào mùa xuân khiến con đường đất vàng lại càng trở nên bụi bặm. Tôi nhìn xuống đôi giày thể thao màu đen trong phút chốc đã hóa ra quê mùa của mình và trong lòng chợt nghẹn ngào một sự thương cảm khó diễn tả với người anh của tôi. Căn nhà đó cũng chẳng khác gì đã bị bỏ hoang. Chỉ còn ít đồ đạc của một thầy giáo đã xin nghỉ dạy vì bệnh tật, ngoài ra, chẳng có ai ở đó cả.

Mẹ tôi có vẻ không hào hứng với căn nhà lắm, chỉ ngó nghiêng một lát rồi đi thẳng ra ngoài ruộng.

Mẹ ngồi xổm trên luống ruộng một lúc khá lâu, làm cho tôi cứ tưởng mẹ đi tiểu nên cố tình nhìn ra chỗ khác. Một lát sau tôi mới quay ra, thấy mẹ đang ngồi mân mê những nắm đất như một đứa trẻ. Hai ánh mắt chạm nhau, mẹ chợt mỉm cười bối rối. Nụ cười quê mùa và bối rối như những cánh hoa khoai tây. Mẹ lầm nhảm:

“Mẹ muốn dọn đến đây sớm ngày nào tốt ngày ấy. Đất ở đây sao mà màu mỡ đến vậy? Trên đồi này vẫn còn có đất được nghỉ chơi thế này sao?”

Đó là một ngày mùa xuân ấm áp như hứng trọn lấy những tia nắng của mặt trời. Ở ruộng của các nhà xung quanh, rau cỏ mọc lên xanh rì, chỉ có mỗi ruộng của căn nhà đó đang được nghỉ chơi. Tôi thấy tim mình đập rộn lên khi tưởng tượng ra viễn cảnh cứ mỗi ngày cuối tuần, tôi lại được chạy thật nhanh về nhà, đưa cánh tay lên vẫy mẹ tôi, còn mẹ lúc ấy đang ngồi ngắt cỏ dại giữa một biển màu xanh rập rờn của tất cả các loại rau, từ ớt, xà lách, dưa chuột, đến bí, vừng, tía tô... Ở đó là ruộng nên không phải trở về nhà, mà là trở về quê hương. Dự cảm sẽ lại được trở về quê hương ấy cũng cảm động không kém gì dự cảm về sự tự do. Mong sao sau này, quê hương mới ấy sẽ là nơi tôi được hưởng tự do và lấy lại được sự cân bằng cuộc sống như một kỳ tích.

Khoảng thời gian ấy cũng là lúc chúng tôi bắt đầu đánh mất quê hương Parkjeok. Từ sau ngày giải phóng, chú thứ chỉ ngó ngang hời hợt đến nhà cửa và chẳng hiểu có phải vì chán ghét hay không mà chú cứ ở lì nơi nhà vợ bé, khiến đại gia đình chúng tôi trở nên sa sút một cách trông thấy. Hơn nữa, còn vì vấn đề học hành của bọn trẻ con, nên anh tôi và chú út đều nhất trí tranh thủ dịp này để khiến chú thứ rời quê lên Seoul và làm lại từ đầu, nên mọi chuyện đang được tiến hành một cách cụ thể.

Tôi vừa nhập học vào trường đại học thì mẹ tôi cũng tìm đến Bokteokbang để nhờ họ tìm người thuê nhà jeonse *. Tất cả đều thất bại với việc chuyển nhà. Anh tôi muốn tranh thủ chuyển nhà lúc nghỉ hè, nhưng mẹ tôi lại bảo đến mùa hè, xà lách lên nhiều không ăn thì uống lăm, mẹ vội vã như sắp có chuyện lớn xảy ra. Hệt như một người bị ai đó thúc giục vậy. Mẹ vẫn như thế, chỉ cần bảo chuyển nhà là lập tức như lại được thổi thêm một luồng sinh khí mới. “Sở thích của mẹ là chuyển nhà mà.” Giờ không còn cảnh bị cái gì đó thúc giục và mọi thứ cũng đã đi vào ổn định được hơn một năm, vậy mà mẹ tôi vẫn hứng thú với việc gói ghém đồ đạc, nên tôi mới nói đùa như thế. Mẹ chỉ thất bại với việc chuyển nhà và chẳng mấy may lo lắng tới việc để tôi lại một mình ở nhà chú thím thế nào, khiến tôi ít nhiều cũng thấy tủi thân.

89 Hình thức thuê nhà không trả tiền theo tháng, mà theo kiểu ký quỹ một lần, thường khoảng 50-70% giá trị ngôi nhà. Chủ nhà có được tiền thuê nhà từ lâu

suất của tiền ký quỹ, hết thời hạn hợp đồng, số tiền ấy được hoàn trả lại cho người thuê nhà.

Những lúc như thế, mẹ lại ỉu xìu, nét mặt trở nên rầu rĩ: “Có lẽ chỉ đến lúc chết mới không phải chuyển nhà nữa thôi.” Rồi mẹ thở dài.

Mẹ tôi vẫn bị thúc giục. Lại giống như những lần chạy trốn một cách ngớ ngẩn khỏi tổ chức cánh tả, lần này, mẹ cũng đang cố gắng để thoát ra khỏi nỗi ám ảnh về việc chuyển đảng của anh tôi. Còn tôi thì lại cho rằng những lo lắng của mẹ chẳng qua chỉ là một triệu chứng thần kinh bất an vô nguyên cớ, nên có lẽ lần chuyển nhà này sẽ là một đợt điều trị hiệu quả nhất đối với mẹ tôi. Đó là những thời khắc tháng Năm đẹp một cách lạ thường, đủ để cho cả mẹ và tôi áp ủ những dự cảm về một cuộc sống mới đang ở trước mắt. Song, tại sao lại nhất định phải là tháng Năm của năm 1950 cơ chứ?

Người mẹ sắc sảo hơn người của tôi cũng đã không thể biết được rằng chúng tôi thật khờ dại biết nhường nào khi chỉ biết mãi miết đắm chìm trong ảo mộng, mà chẳng lường trước được sự tan vỡ của những ảo vọng ấy. Tháng Sáu của năm ấy đang tới thật gần.

DỰ CẢM HUY HOÀNG

Năm học cũ kết thúc vào tháng Năm và năm học mới được bắt đầu vào đầu tháng Sáu. Không hiểu năm đó ở trường Văn Lý đã xảy ra chuyện gì mà phải đến tận giữa tháng, lễ khai giảng mới được tổ chức. Vì thế, một cách tự nhiên, đến trường được vài ngày là tới ngày 25. Trong thời gian đó, chúng tôi cũng tìm được người thích hợp để cho thuê nhà theo kiểu jeonse và đã nhận cả tiền ký quỹ. Căn phòng của tôi ở nhà chú út cũng được dán tường và thay nền. Ngôi nhà công của trường cũng được sửa qua loa, dán lại tường và thay nền, mọi thứ đều đã sẵn sàng, tất cả chỉ đợi lúc nào mẹ tôi có thời gian tới nhận nhà là xong. Anh tôi vẫn về nhà vào cuối tuần như mọi khi và chúng tôi lại tranh thủ cùng nhau soạn giá sách.

Có tin quân Bắc Hàn đã vượt qua vĩ tuyến 38 và tiến xuống Nam Hàn, nhưng từ trước đó cũng đã liên tục xảy ra các cuộc đụng độ ở khu vực ranh giới ấy và mỗi lúc như vậy, quân Nam Hàn lại đẩy lùi được quân Bắc Hàn, vì thế lần này người ta lại chắc chắn rằng hãn cũng giống như mọi khi. Mà cho dù cả khi người ta bảo lần này nhất định sẽ xảy ra chiến tranh toàn diện chứ không như mọi lần nữa, thì ngay cả trong mơ, chúng tôi cũng không thể tưởng tượng được chuyện gì sẽ xảy ra trước khi chúng tôi quay về sống ở nông thôn. Có thể đây là một kiểu tư duy ích kỷ, nảy nở sau khi trải qua cuộc Đại chiến Thế giới lần Thứ hai vừa mới diễn ra trước đó không lâu, nhưng đúng là càng có chiến tranh xảy ra, lại càng thấy việc về quê là đúng đắn, bởi ở đó không những có thể được yên ổn sống một cuộc sống thanh thoi, mà còn thấy không phải hối tiếc bất cứ điều gì cả. Cho đến tận lúc ấy, những lời quả quyết như đình đóng cột của chính phủ Rhee Syng-man, nào là nếu có chiến tranh thì sẽ quyết bằng mọi giá quét sạch bóng quân thù, nào là tiến lên phía Bắc, trưa ăn

cơm trưa ở Pyongyang, tối ăn cơm tối ở sông Apnok..., tất cả đã không còn đáng tin nữa, song không thể coi thường hiệu quả tẩy não của nó được. Tất cả mọi người đều tin rằng tình huống ác liệt nhất có lẽ cũng chỉ là những trận chiến dai dẳng, giành nhau từng bước chân ở vĩ tuyến 38 với phía Bắc là cùng.

Ngày hôm sau, vẫn như mọi ngày, anh tôi lên đường trở về trường từ lúc trời còn tờ mờ sáng, còn tôi đi đến trường Văn Lý ở phường Dongsung-dong. Trên đường đi, tôi đã tận mắt trông thấy những đoàn quân Nam Hàn, đầu đội mũ sắt, và hàng xe quân sự được ngụy trang xanh rờn bằng những tán lá cây ven đường, đang di chuyển về phía đồi Miaree. Đến tận lúc ấy, tôi mới có cảm giác thật sự của bầu không khí chiến trận. Nhưng cũng giống như bao người khác, tôi cũng chỉ biết vỗ tay tán dương và hò reo hai tiếng “muôn năm”. Giờ học buổi sáng kết thúc, có đưa rủ tôi đi học dự thính vì có buổi thỉnh giảng của thầy Yang Ju-dong. Hai tiếng “dự thính” nghe thật háo hức, vì có cảm giác như mình đã trở thành sinh viên đại học, nhưng điều hấp dẫn hơn thế lại là ở chỗ được tận mắt trông thấy học giả nổi tiếng.

Hồi mới nhập học, tôi cũng đã được nghe thầy Garam Lee Byung-gi giảng và cũng đã rất hồi hộp, vì thế, sự háo hức lần này chẳng qua chỉ là hãnh diện vì được tận mắt trông thấy người nổi tiếng, chứ chẳng phải vì đã biết trước được điều gì đó về học vấn hay sự nghiệp của người ấy.

Đó là cái thời mà những học giả tên tuổi hay các giảng viên danh tiếng không có cơ hội lên tiếng hoặc xuất hiện trước công chúng như bây giờ, mà đúng như câu nói: “bị nhốt trong tháp ngà”. Vì thế, việc đi xem họ là một đặc quyền “dự thính” của sinh viên đại học.

Lúc ấy, tiếng tăm của thầy Yang Ju-dong nổi lắm nên lúc nào phòng học cũng chật cứng. Chúng tôi chen vào đứng ở tít cuối lớp và hướng ánh mắt mê mẩn về phía thầy. Thầy đang say sưa trên bục giảng những lời giảng uyên bác và hóm hỉnh cứ liên tục tuôn trào như dòng thác đổ, và thi thoảng lại có tiếng đại bác rất gần, những tấm kính cửa sổ rung lên bần bật. Thầy giáo người nhỏ bé nhưng lại vô cùng rắn rỏi ấy đã không hề tỏ ra bối rối trước những âm thanh đó, mà vẫn say sưa giảng bài nên trông thầy thật oai phong một cách lạ thường.

Con đường từ trường về nhà hôm ấy có gì đó thật khác lạ. Vẫn là những đoàn quân di chuyển về phía đồi Miaree, nhưng trông họ thật thảm hại, chứ

không hùng dũng như mọi lần. Thái độ của người dân chào đón bên đường cũng có gì đó lúng túng và bất an. Suốt đêm đó, mẹ không ngớt căn nhắc: “Những lúc này, lẽ ra tất cả phải đầy đủ ở nhà, đảng này...” Tôi cũng thấy lo cho anh tôi nên lại càng chẳng muốn nghe những lời cầu nhàu của mẹ, và thoáng bực bội vì giấc mơ một mình một phòng của tôi có khi còn không thể trở thành hiện thực.

Buổi sáng hôm sau, tiếng đại bác nghe rất gần, tưởng như đã vượt qua cả đồi Miaree. Vậy mà thông tin trên đài lại như thể quân Nam Hàn đã tiêu diệt gần hết quân Bắc Hàn và kêu gọi người dân bình tâm trở lại cuộc sống bình thường. Thấy thế nên tôi vẫn đến trường.

Ngoài đường, hàng đoàn người đi lánh nạn với đồng đồ đạc chất đầy trên những chiếc xe bò, tất cả đang lũ lượt đi dọc con đường tàu điện phường Donam-dong, nơi thông với đồi Miaree. Thỉnh thoảng lại thấy một số cảnh sát chạy tới, ngăn không cho người dân hỏi thăm những người chạy nạn đang trong bộ dạng thiếu nảo ấy.

Nhưng rồi từ miệng người này qua miệng người khác, tôi cũng biết được rằng họ vừa chạy từ Uijeongbu về.

Một nỗi sợ hãi bất an chợt dâng lên khi bất ngờ chạm phải ánh mắt của những người chạy nạn. Nhưng tôi vẫn tự an ủi rằng bọn họ không phải là những người dân bình thường lương thiện, có lẽ họ là những phường địa chủ ác bá sợ chết bỏ chạy trước, hoặc cùng lắm là những gia đình cảnh sát sợ bị cánh tả trả thù. Dù trong mơ, tôi cũng không bao giờ mong quân Bắc Hàn sẽ đánh xuống, nhưng phần lớn những suy nghĩ ấy của tôi không thể không có sự ảnh hưởng của tư tưởng thiên về cánh tả.

Ở trường, các lớp học đều được nghỉ, học sinh nữ được về nhà, còn học sinh nam thì ở lại dự phiên họp bất thường nêu cao đường lối quyết tâm Bắc tiến thống nhất, dưới danh nghĩa Đoàn học sinh cứu quốc. Tôi nán lại để chứng kiến cảnh các cán bộ của Đoàn học sinh cứu quốc đồng dục đọc cương lĩnh và hô vang khẩu hiệu, nhưng rồi cũng chẳng cảm thấy được an ủi chút nào.

Con đường về nhà bị bóng mây chiến tranh gấp gáp từng giờ từng khắc bao phủ. Trong tiếng đại bác rền vang không ngớt, hàng người tỏa đi tứ phía trông thật hỗn loạn và tan tác. Chợt, tôi cảm thấy lo cho anh tôi đến lạ nên liền chạy

nhanh chân về nhà, trong lòng thầm cầu mong tha thiết, mong sao lúc này anh của tôi đã về đến nhà rồi. Nhưng bóng dáng mẹ tôi đang bồn chồn đi lại bên ngoài cổng nhà khiến tôi hiểu rằng vẫn chưa có tin tức gì. Thấy tôi, mẹ lẩm nhẩm như nói với chính mình: “Mau đi tránh nạn thôi”. Ánh mắt đờ đẫn tưởng chừng như đang rơi vào tội cùng tuyệt vọng ấy của mẹ khiến tôi vô cùng bức bối. Trong bếp, chị dâu đang mở vung nồi và đảo gạo rang trong đó. Cái bụng chứa tám tháng khiến chị thở hắt ra khó nhọc. Trên tay cầm cái muống gỗ to tướng, đảo đi đảo lại những hạt gạo lấm tẩm vàng, chị vờ như không nghe thấy tiếng khóc thút thít của thằng bé con quắt queo vì mẹ có em quá sớm.

Nhìn thấy thế, tôi bỗng đứng nổi cáu:

“Chị, chị đang làm cái gì thế?”

“Cô nhìn mà không thấy à? Đang làm bột gạo chứ còn làm gì nữa?”

Chị gắt lại tôi bằng một giọng bất mãn, cáu kỉnh hơn cả tôi. Cái ba-lô, vốn là sản phẩm khéo tay của mẹ tôi, đang căng phồng lên nơi xó nhà để lòi một đồng ra ngoài. Biết chị dâu đang miễn cưỡng làm công việc mẹ sai, nhưng tôi vẫn giật lấy cái muống gỗ từ tay chị ấy, cất giọng vắn vẹo:

“Chị định đi chạy nạn với cái bụng ấy à?”

“Thế cô bảo phải làm thế nào? Mẹ đã đuổi thì tôi phải giả vờ đi ra khỏi đây chứ còn biết làm sao? Mà có đuổi thì mẹ cũng phải đợi anh cô về đã chứ.”

Một tiếng nổ rung trời vang lên. Kế đó là tiếng cửa kính ngăn giữa hai buồng trong nhà rung lên bần bật, cộng hưởng với dư âm của ngọn núi nào đó vừa sục xuống. Mẹ chạy vào, tay mở miệng túi, giục chúng tôi mau đóng bột gạo vào túi.

“Không phải nghiền ạ?”

“Thời gian đâu mà nghiền? Vốc từng vốc mà ăn. Sao phải nghiền?”

Mẹ chẳng có thời gian để mắng chúng tôi không chú ý, đã để cho các hạt gạo bị cháy ngả hết sang màu nâu, mà cứ thế gấp gáp trút tất cả vào túi, sẵn sàng mọi thứ, chỉ đợi anh tôi về. Chị dâu tưởng sắp bị đuổi đi rồi nên mếu máo chực khóc. Còn tôi thì nài nỉ mẹ để mình anh tôi đi lánh nạn thôi.

“Sao chưa gì đã cuống hết cả lên thế? Anh mày giờ cũng đã về đâu?” Mẹ bật cười vì cái sự cuống quýt ngớ ngẩn của mình, làm cho mọi việc rối tung lên, rồi lại đi ra bên ngoài cửa.

Đêm hôm đó, anh tôi đã không trở về. Cửa hàng của chú út có điện thoại, vậy mà cũng chẳng có liên lạc gì.

Tất nhiên là cả ngày hôm ấy, chú tôi đã gọi điện đến trường nhưng cũng vô ích. Đến tận nửa đêm, hai vợ chồng chú thím mới chạy đến nhà chúng tôi để lánh nạn; phần vì cho rằng khu nhà dân yên ắng sẽ an toàn hơn những ngôi nhà mặt đường thông với đồi Miaree, phần vì những lúc thế này, cả nhà quây quần lại với nhau cũng đỡ sợ hơn.

Nhưng rồi khi gia đình nhỏ quây lại thành gia đình lớn, khoảng trống của anh tôi lại càng hiển hiện rõ rệt.

Từ lúc nhận thấy pháo đạn đã bao phủ cả bầu trời Seoul, tất cả chúng tôi đều chỉ ngồi trong phòng, trùm chăn bông và thu mình một chỗ, chẳng đi đâu hết. Đại bác hay lựu đạn không xuyên qua được chăn bông. Chỉ vì mới kiến thức vựng về học được trong những ngày cuối thời kỳ đế quốc Nhật Bản thống trị ấy mà tất cả chúng tôi dù mờ hôi vãi ra ròng rọc cũng vẫn cố chịu đựng và ngồi yên tại chỗ như vậy. Ở trong chăn, chú út cũng vẫn chăm chú nghe đài. Thịnh thoảng có tin tức an ủi nào đó, chú lại lập tức thông báo cho chúng tôi.

Đêm hôm đó, thái độ cầm cự của mẹ và chú út hoàn toàn trái ngược nhau. Mặc cho chúng tôi van vỉ đủ điều, mẹ vẫn không chịu trùm chăn và cũng chẳng chịu vào nhà. Mẹ bồn chồn đi đi lại lại, hết trong sân lại ra ngoài cổng và thức suốt cả đêm. Mẹ chạy ra chạy vào không phải vì đợi anh tôi, mà vì muốn biết tin tức gì đó từ đám người đang tán loạn ngoài kia. Lúc thì ở ngoài ấy, đám người nháo nhác chạy nạn giờ đã có vẻ yên rồi, lúc lại bỏ đi đâu, rồi lại trông thấy cả những người quay lại v.v... Mẹ chạy vào truyền lại cho chúng tôi tất cả các thông tin đó. Chỉ đến khi bên ngoài bóng người qua lại trở nên thưa thớt, mẹ mới chịu ngồi yên lặng một góc nơi thềm nhà, lắng nghe tiếng đạn pháo xé tan khoảng không. Mỗi khi có tiếng đạn nổ trúng mục tiêu, mẹ lại đoán định vị trí trận chiến một cách đầy tự tin, giống như một chuyên gia quân sự. Mẹ dự đoán và cũng muốn nhận được sự chú ý của chúng tôi, giống như khi chú út truyền đạt tin tức cho chúng tôi vậy. Thịnh thoảng, dự đoán của mẹ với thông tin của chú út lại trái ngược nhau.

Chúng tôi thấy hoài nghi những thông tin chiến trận của hai người và chẳng thấy được an ủi chút nào, chỉ thấy hoang mang bởi dường như đang phải

chứng kiến cuộc chiến của thực tại và tư duy. Mẹ tôi, người ban nãy còn tỏ ra cuống quýt, giờ lại trở nên điềm tĩnh và gan dạ một cách lạ lùng. Tôi ghét phải chứng kiến điều đó. Cho đến tận tảng sáng, tiếng súng mới tạm lắng xuống. Chú út thở phào nhẹ nhõm, vừa ngáp dài vừa bảo chúng tôi:

“Có thể chứ. Tổng thống đã chẳng hứa như sắt đá rằng sống chết cũng phải bảo vệ thủ đô Seoul còn gì.”

Nói xong, chú út lại ngáp dài hơn. Mẹ nhìn chú với ánh mắt tỏ vẻ thương hại:

“Chú cũng thật lạ. Làm sao lại có thể tin lời lão già ấy được?”

Trời sáng hẳn. Chú thím bảo nhau hôm nay về mở cửa bán hàng được rồi và lục tục kéo nhau ra về. Bên ngoài vô cùng im ắng khiến chúng tôi đều định ninh rằng mọi sự đã ổn và cũng chẳng giữ chú thím ở lại làm gì. Nhưng chỉ lát sau đã thấy chú út hồn hển chạy quay trở lại, hốt hải báo tin rằng chỉ sau một đêm mà mọi sự ở bên ngoài đã hoàn toàn thay đổi. Khuôn mặt mẹ tôi trở nên trắng bệch. “Trời ạ, biết làm thế nào đây hả trời?” - Mẹ lắp bắp, thốt lên những tiếng kêu trời yếu ớt.

Tôi nắm lấy tay mẹ và cảm nhận được bàn tay ấy đang khẽ run lên. Hình như chú út không hiểu được tại sao mẹ tôi lại như vậy. Chú vừa cười vừa trêu chọc mẹ tôi: “Chị có gì mà phải lo lắng nào? Hơi một tý là chửi rửa tiến sĩ Rhee Syng-man, có biết sợ gì đâu, giờ có khi lại thành tốt quá còn gì nữa.” Rồi chú giục gia đình chúng tôi mau ra ngoài xem.

Chú bảo ngoài đó có không ít người đang đứng ở bên đường hoan nghênh quân Bắc Hàn. Ngay lập tức, mẹ tôi nghiêm mặt lại, không cho chúng tôi đi đâu hết. Người mới đây còn tin chắc như đinh đóng cột vào lời nhảm nhí của tổng thống là chú út tôi giờ đã xoay theo chiều gió. Vậy mà mẹ tôi, người luôn bất mãn cũng với chính vị tổng thống đó, lại đang cố tình giấu mặt với thế giới vừa mới thay đổi ấy. Tôi biết đó là vì anh tôi. Nhưng hình như mẹ tôi đã lo lắng thái quá thì phải. Có thể sự chuyển đảng là một vết nhơ tội lỗi trong lý lịch cách mạng, nhưng người ta còn phải xem xét đến cả hoàn cảnh khách quan nữa chứ. Khi ấy, tôi đã có suy nghĩ đáng xấu hổ như vậy.

Tôi thấy mình lúc đó mới thật bần thiêu và hèn hạ làm sao. Cũng giống như chú út, tôi đã xoay theo chiều gió mới của thế giới vừa được thay đổi và không

phải chỉ xoay theo, mà thậm chí tôi còn cảm thấy lạc quan và hy vọng nữa. Niềm hy vọng đó lại càng tươi mới hơn khi những thành tích cách mạng của anh tôi và cả những đồng cảm nhất thời vốn từng bị quên lãng bất chợt ùa về trong tôi. Tôi chỉ nghĩ đến thành tích đấu tranh của anh tôi, còn mẹ tôi lại chỉ nghĩ đến việc chuyển đảng, của anh ấy. Và điều mẹ lo sợ không phải là sự trừng phạt vì đã chuyển đảng mà là tình huống biết đâu lại phải chuyển đảng thêm một lần nữa.

Một mình mẹ chạy ra bên ngoài, tận mắt chứng kiến sự thay đổi của thế giới xung quanh, sau đó mới quay trở về và ra tận con đường lớn bên bờ suối Anam để đợi anh tôi. Từ bờ suối, có thể nhìn thấy phía đằng sau của đồn cảnh sát Seongbuk. Mẹ chép miệng than thở, bảo rằng quân Bắc Hàn đã chiếm đồn cảnh sát và giờ họ đang lùng bắt phản động. Chờ đợi mỗi mòn con mắt mà không thấy bóng dáng thằng con trai đâu cả, nên mẹ đành quay về. Ánh mắt mẹ tôi rã rời, không giấu được vẻ mệt mỏi và sức cùng lực kiệt. Tôi an ủi mẹ, bảo rằng chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra với anh tôi, từ nay anh tôi được sống theo chí hướng của mình rồi nên mẹ đừng có lo nữa. Đó cũng chính là điều tôi ấp ủ hy vọng.

“Đấy mà là hành động làm người à?” Mẹ mắng thẳng vào mặt tôi, lại còn bảo: “Trung thành cái kiểu gì thế?”.

Thật sự không thể hiểu nổi mẹ tôi. Tất cả mọi việc đều minh bạch như mặt trăng và mặt trời, vậy mà chỉ có niềm tin đối với hai ý thức hệ ấy, mẹ tôi mới thật nực cười làm sao. Nhưng có lẽ không thể nực cười bằng sự xuất hiện của anh tôi ngay sau đó. Tôi đoán rằng việc mẹ tôi chờ đợi anh tôi ở bên ngoài là để sẽ đem giấu biệt anh đi với cái thế giới vừa thay đổi ấy.

Thậm chí, mẹ còn có ý định sẽ không cho anh ghé vào nhà, mà đem gửi thẳng anh đến nhà chú út hoặc nhà bà ngoại. Ấy vậy mà anh tôi lại trở về vào đúng giây lát mẹ tôi tranh thủ quay về nhà nghỉ ngơi ấy. Điều đó hoàn toàn tự nhiên, giống như việc một đứa trẻ đứng theo dõi và cố chờ cho nụ hoa của những bông bìm bìm hay bông phấn nở ra, vậy mà chỉ trong giây phút lơ đãng ngó sang hướng khác, những cánh hoa đã lại nở mất rồi.

Anh tôi đã trở về nhà trong bộ dạng hết sức lạ lùng.

Giả sử mẹ tôi có gặp được anh ở ngoài đường như kế hoạch của mình thì mọi sự cũng chẳng thay đổi được gì.

Anh tôi dẫn về một đoàn phạm nhân trên chiếc xe tải.

Gọi là phạm nhân vì đầu tóc họ cắt trọc lóc và mặc quần áo tù nhân, còn nét mặt họ lại ngời lên một vẻ tràn trề vinh quang, oai hùng và lẫm liệt hơn cả những vị tướng quân thắng trận trở về với những chiếc huân chương lủng lẳng trên ngực. So với họ, anh tôi trong bộ thường phục trông thật dờ dẩn và ngây dại. Một người trong số họ nhẹ nhàng đỡ lấy mẹ tôi ngồi xuống bậc thềm. Trong khi mẹ tôi còn đang ngỡ ngác và bối rối thì người đó đã quỳ xuống lạy mẹ tôi một lạy khiến tất cả bọn họ đều làm theo. Đến lúc ấy, mẹ tôi mới nhận ra người đó, rồi mẹ nắm tay hỏi han ông ấy thời gian qua khổ sở thế nào, nét mặt vẫn không giấu được vẻ thất thần.

Người đầu tiên quỳ xuống lạy mẹ tôi một lạy ấy chính là người đàn ông đã từng thuê căn buồng cạnh cửa và đã bị bắt đi hồi chúng tôi còn ở ngôi nhà gần cầu Samseon.

Anh tôi lúc đó cũng đang hoạt động trong tổ chức, nên dù không có quan hệ rõ ràng nhưng cả hai đều ngầm đoán được về nhau. Sau khi bị bắt, ở trong ngục, ông ấy đã nhận được tin của vợ rằng gia đình tôi đã không cư xử nhẫn tâm với vợ con mình, nên lúc nào cũng thấy biết ơn gia đình chúng tôi.

Sáng sớm ngày 28, khi quân Bắc Hàn tiến vào Seoul, việc đầu tiên họ làm là giải phóng cho tất cả các tù nhân chính trị. Những tù nhân ấy có quần áo để thay nhưng họ đã không thay, bởi quần áo tù nhân giờ lại trở thành một biểu tượng tự hào cho hoạt động đấu tranh cách mạng. Họ cứ mặc nguyên như vậy, lên xe tải và diễu quanh phố phường để cảm ơn sự nghênh đón của quần chúng. Anh tôi kể lại rằng vùng quê, nơi có trường học của anh tôi, đã chuyển mình một cách khá lặng lẽ. Đến cả tiếng pháo cũng chẳng nghe rõ lắm, trong khi còn đang bán tin bán nghi thì buổi sáng, có người cho biết rằng cờ Bắc Hàn đã được kéo lên trên nóc văn phòng huyện và sở cảnh sát, họ bảo ở Seoul, trận chiến xảy ra ác liệt lắm. Anh tôi liền sắp ngựa chạy về, giữa đường thì gặp chiếc xe tải ấy.

Người báo tin nọ cũng thật tốt bụng, ông ấy cho anh tôi mượn chiếc mũ rơm dính nơ đỏ, lại còn buộc cả mảnh vải đỏ vào xe đạp cho anh tôi nữa, vậy mà vì

thấy xấu hổ nên giữa đường, có mấy lần anh tôi đã định vút đi nhưng rồi nghĩ thế nào lại buộc vào trở lại. Tôi hiểu được cái sự nhút nhát ấy của anh tôi. Một người không đủ tự tin về cả phía bên này hay phía bên kia ấy, hẳn là ngay cả lúc nhìn thấy chiếc xe tải trước mặt, cũng vờ như không nhìn thấy, có khi cũng chẳng hò reo cổ vũ mà chỉ biết đứng ngây ra nhìn theo. Bất ngờ chiếc xe tải ấy áp sát về phía anh tôi, khi ấy vẫn còn đang luống cuống để tránh, và có ai đó đã chìa tay ra. Giữa không khí tương bừng của những cái bắt tay và ôm hôn thăm thiết giữa những người ngồi trên xe tải với đám đông quần chúng ấy, anh tôi dường như chỉ còn biết chìa tay ra một cách ngượng ngùng. Một giọng nói đầy cảm kích đã cất lên: “Trời ơi, lại còn có thể gặp được người đồng chí ở đây sao?”. Trong giây lát, anh tôi đã được nhắc bổng lên và gia nhập vào nhóm người ngồi trên chiếc xe tải nọ, thậm chí còn chẳng kịp ngó xuống cái tài sản quý giá và kêu lên mấy tiếng: “xe đạp của tôi” nữa. Suốt một ngày trời, anh tôi đã gia nhập lạc lõng giống như hạt thóc lẫn trong vô vàn hạt gạo ở trong chiếc nồi nung phấn khích và không biết mệt mỏi ấy.

Cuối cùng, không còn cách nào khác, anh tôi đành phải bảo họ về nhà.

Trong phút chốc, gian phòng khách chật chội của nhà chúng tôi đã biến thành dạ dày của chiếc xe tải. Mẹ cùng chị dâu và cả tôi nữa, chúng tôi chui tất cả vào bếp để nấu cơm, nấu canh và xào rán. Đậu phụ cả khay, rượu cả vò, tất cả được bưng từ cửa hàng về. Họ ăn, họ uống và không ngừng cất tiếng hát vang bài ca thắng lợi một cách không biết mệt mỏi. Căn nhà nhỏ bé như đang rung chuyển. Dường như những viên ngói trên mái nhà cũng đang reo lên lạo xạo. Cánh cổng lớn ngoài nhà được mở toang. Bên ngoài, hàng xóm kéo đến la liệt, ai cũng ngó vào như thể bên trong nhà đang xảy ra chuyện lớn. Mẹ tôi như người bị mất hồn, chân tay run lẩy bẩy và liên tục sơ suất. Mẹ đánh rơi cả đĩa, lẫn lộn giữa muối với đường. Thịnh thoảng lại đưa tay bóp trán, miệng lẩm bẩm: “Điềm báo gì đây hả trời?”. Đúng là thế. Với mẹ tôi, những người đó chẳng phải là tù nhân, cũng chẳng phải là chiến sĩ cách mạng, họ chỉ là điềm báo mà thôi.

Ngay cả trong lúc bấn loạn như thế, mẹ cũng không sai tôi hay chị dâu, mà đều tự tay làm lấy tất cả mọi việc. Mỗi lần bưng món ăn ra cho họ, mẹ đều không quên tỏ vẻ ái ngại kèm theo câu nói: “Chắc ở nhà đang mong lắm đây...”

Không biết có phải vì thế mà ngay đêm ấy, tất cả bọn họ đều lần lượt chia tay, rồi tản đi mỗi người một ngã.

Ngày hôm sau, người đã ký hợp đồng thuê nhà với chúng tôi tìm đến xin lại tiền đặt cọc và cả số tiền ký quỹ đã tạm ứng trước một nửa. Chúng tôi cũng chẳng có ý kiến gì với việc hợp đồng thuê nhà đã bị vô hiệu hóa chỉ sau một đêm ấy, đã vui vẻ trả tiền cho họ. Mẹ tôi trèo lên gác, lục lọi một lúc rồi mang tiền xuống. Mẹ cười một cách gượng gạo và bảo họ: “Nhiều lúc cũng cần tiền lắm nhưng may mà không phá ra để tiêu, chứ nếu không chẳng biết phải ăn nói thế nào.” Chợt tôi thấy tim mình nhói đau khi nhớ đến hình ảnh mẹ tôi ngồi giữa mảnh vườn, miệng nở nụ cười hiền lành như cánh hoa khoai tây. Đó không phải là điều vừa mới xảy ra, mà là đang diễn ra và giữa chừng bị gián đoạn, nên lại càng có cảm giác như đã từ lâu lắm rồi. Đột nhiên, tôi có ý nghĩ quay lưng lại với cách mạng. Cho dù thế giới xung quanh nơi tôi đang đứng đây có lập tức hóa thành thiên đường đi chăng nữa thì tôi cũng không muốn đánh đổi bằng giấc mơ của mẹ tôi, giấc mơ về mảnh vườn trăm pyeong * xinh xắn. Nếu nhận được toàn bộ số tiền ký quỹ, mẹ sẽ đầu tư tất cả vào cửa hàng của chú út để nhận lãi và chúng tôi sẽ cùng chăm bón thửa ruộng để không phải mua rau ăn hàng ngày. Cả hai mẹ con đều đang khấp khởi với hy vọng được trở nên sung túc.

90 Đơn vị đo diện tích của Hàn Quốc, 1 pyeong bằng 3.3058m².

Từ sau ngày các nhà cách mạng mặc áo tù nhân mở tiệc linh đình ở nhà tôi, thái độ của hàng xóm láng giềng đối với nhà chúng tôi không còn như trước nữa. Họ tỏ ra khúm núm, sợ sệt như thể hiện rõ sự e ngại vì bấy lâu nay, họ đã giao du với nhân vật tầm cỡ mà không hề hay biết. Mẹ tôi giờ lại bất an hơn như thể đang ngồi trên đồng kim, vì tình thế đã xảy ra ngược lại với những gì mẹ lo lắng và thà rằng những điều ấy xảy ra còn hơn.

Tất nhiên, không phải những âu lo thầm kín trong lòng đều diễn ra ngược lại. Một, rồi hai người đồng chí của anh tôi bắt đầu tìm đến. Họ ân cần khuyên nhủ, thậm chí cả lên án gay gắt thái độ mềm yếu của anh tôi, cho rằng anh đang bỏ lỡ cơ hội tạ lỗi với Đảng. Mỗi lúc như vậy, anh tôi lại thoái thác rằng sẽ quay trở về trường học, nơi đã gửi gắm thân mình ở đó, để giáo dục tinh thần cách mạng cho những đứa con của những người nông dân chính gốc và đó chính là việc mà anh có thể làm được cho Đảng.

Sau ngày kế hoạch đã được tính toán tỉ mỉ trong đầu bỗng dưng bị lỡ dở chỉ vì chiếc xe tải diêm báo ấy, cuộc sống của mẹ tôi là những ngày thấp thỏm và lo âu như đang bước đi trên những tấm băng tan. Điều khiến mẹ đứng ngồi không yên là việc những người hàng xóm đang ngấm ngấm coi chúng tôi là nhân vật tầm cỡ nào đó. Tất cả vốn là những gia đình cùng chung một ngõ, cửa lớn lúc nào cũng được để ngỏ, qua lại gần gũi thân thiết với nhau. Những người già hay bế cháu qua lại nhà người khác một cách thường xuyên, đến mức có thể phân biệt được vị tương của nhà này với nhà kia. Bọn trẻ con vẫn thế, cứ phải công đi đâu đó mới chịu nín khóc và chẳng ai phân biệt con nhà này với con nhà kia.

Tình nghĩa thân thiết như vậy mà lại không cùng chia sẻ gánh nặng cái ăn với họ, đó là một hành động chẳng ra gì. Họ không chịu tin rằng khi họ húp cháo, chúng tôi cũng phải húp cháo, khi họ vét đáy thùng gạo, chúng tôi cũng chẳng khác hơn. Thế nên, có lúc họ rủ nhau đi Tukseom để mua củ cải non, họ đã bỏ rơi chúng tôi.

Tai họa không chỉ giáng xuống một mình nhà chúng tôi. Suy nghĩ của dân buôn bán tưởng rằng một xã hội rối loạn, bất an có lợi hơn nhiều so với một xã hội ổn định của chú út đã không đúng với lần này. Cửa hàng mau chóng bị đóng cửa. Căn nhà nằm ngay bên đường tàu điện rộng rãi mà chú tôi đã cho thuê một nửa cũng cùng chung số phận. Chắc là vì cửa hàng bỏ trống trông giống như một cái nhà kho, nên một đoàn quân Bắc Hàn, với các xe ngựa chất đầy quân trang, đã muốn buộc ngựa ở nhà chú tôi. Và nào có ai dám phản đối cơ chứ.

Theo lời thím kể lại thì trong số đám quân Bắc Hàn ấy có cả các tướng chỉ huy. Họ không chỉ buộc ngựa mà còn bắt vợ chồng chú thím phải lo cơm nước cho họ.

Thím trở thành đầu bếp của nhóm quân Bắc Hàn. Lúc đầu, hai vợ chồng cũng than trời, không hiểu tai họa gì đây. Nhưng rồi đến lúc xảy ra nạn đói, cả hai đành tự an ủi thôi cũng may, vì không phải lo miếng cơm nữa.

Không chỉ có cơm mà cả thức ăn cũng không phải lo.

Thím kể có ngày họ còn bắt cả một con bò về, cắt sừng và đem chia cho các doanh trại khác, vậy mà vẫn phải ăn thịt bò cả hai ngày đến phát ngán. Lúc ấy,

chưa có tử lạnh nên chẳng còn cách nào khác.

Thím bảo những lúc như thế, mùi thịt nướng lan tỏa khắp xóm. Dù vẫn biết là mình đang bị ép buộc phải làm như vậy nhưng vẫn thấy thật xấu hổ như phạm tội gì đó. Hôm mổ bò, tất cả số vò rượu được giấu kỹ để sau này làm vốn buôn bán của chú thím đã bị phát hiện, thế là bị lôi ra uống sạch trơn và ngày hôm đó kể như hai vợ chồng thành trắng tay. Rượu là mặt hàng buôn bán chủ yếu của vợ chồng chú út. Rượu bị mất rồi, nào có dám hé răng đòi bồi thường, kể cả tiền công nấu cơm ngày ba bữa. Dù sao, với tình cảnh lúc ấy, ngày được ba bữa cơm no cũng là quá may mắn rồi.

Nhưng thím lại cảm thấy vô cùng có lỗi, vì một mình hưởng thụ cái sự yên ổn ấy mà không thể chia sẻ cho người khác. Thím bảo còn không dám ngẩng mặt lên mỗi khi giáp mặt hàng xóm láng giềng. Cả cơm cháy, thím cũng muốn chia sẻ với họ, nhưng vì tay quản bếp, hăn răn như sắt thép nên thím không tài nào manh động được. Bảo là đi thăm họ hàng thì bọn họ sẽ chẳng nói gì cả, nhưng thế nào cũng nghĩ thím thừa cơ tiếp viện cho họ hàng nên thím đành không dám lui tới cả nhà chúng tôi nữa. Cả nhà chúng tôi từ lúc sinh ra đã được dạy dỗ rằng hành động bán mình cho cái ăn là một sự sỉ nhục tồi tệ nhất, nên chỉ cần tưởng tượng đến việc bị người khác hiểu lầm như vậy cũng đủ thấy sờn cả gai ốc rồi.

Tình cảnh tồi tệ ấy của vợ chồng chú út phải mãi tới cái đêm thím bất ngờ ghé qua nhà chúng tôi, chúng tôi mới biết được. Suốt cả ngày ở trong bếp nên người thím bốc lên toàn mùi thức ăn, vậy mà thím không mang nổi, dù chỉ một miếng cháy. Đó không phải là điều chúng tôi chờ đợi, nhưng hình như thím rất áy náy nên ngay từ lúc bước chân vào cửa, thím đã lên tiếng phân bua: “Sợ lũ đấy nghi ngờ nên trước mặt chúng, em đã giữ váy như thế này cho chúng biết.” Nói rồi thím giữ tung váy, để lộ cả lớp quần bó ở bên trong. Từ lúc nhà chúng tôi rơi vào cảnh đói ăn đến cùng cực, thím lại càng hạn chế những lần ghé chơi vào buổi đêm như thế.

Cuối cùng thì anh tôi đã trở về trường cấp hai ở nhà quê vào đầu tháng Tám. Nhưng thời thế không dành cho những kẻ bỏ lỡ cơ hội hoạt động đấu tranh bí mật hay ít ra là cơ hội để tạ lỗi với Đảng và bằng lòng với tình cảnh bơ vơ một cách mập mờ như vậy. Lúc ấy, tất cả thanh niên trai tráng bắt đầu bị bắt xung quân tình nguyện. Anh tôi vẫn ung dung và bàng quan trước thời cuộc. Song,

có khi điều ấy lại do những kẻ ở hội phường, giờ đã thành ủy ban nhân dân, hay tổ trưởng dân phố sống ở trong ngõ, tưởng anh tôi là một nhân vật tầm cỡ nào đó nên đang để yên mà theo dõi chẳng?

Mẹ tôi rồi bởi vì nhận thấy một mối nguy hiểm nào đó đang rình rập vì chuyện ấy và vì cả việc bị hàng xóm xa lánh. Mẹ chẳng lên tiếng phải làm thế này hay thế nọ gì hết. Từ lúc kế hoạch ban đầu bị sụp đổ, mẹ tôi đã đánh mất niềm tin vào khả năng phán đoán của mình và trở thành một con người nhút nhát, lúc nào cũng trầm ngâm. Không hiểu mọi nghị lực sống đã biến cả đâu mất, giờ mẹ tôi trở nên yếu ớt, ngay đến một ý kiến trọn vẹn cũng không có nổi.

Có lẽ anh tôi đã bị bù tai bởi câu chuyện không được lương nhưng cũng được gạo của người đồng nghiệp đang tham gia “nhiệm vụ đi làm” * ấy. Tháng tới, chị dâu tôi sẽ sinh nở. Mẹ muốn dành dụm vài năm gạo trắng, nên đã lôi cả phần hạt kê nhồi ở trong chiếc gói của đứa cháu ra để cho thêm vào nồi cháo ukeoji * loãng toẹt. Sau đó, người đồng nghiệp ấy còn lấy được cả giấy chứng nhận được giao nhiệm vụ để anh tôi đi lại cho an toàn. Anh tôi đã yên trí mà lên đường làm nhiệm vụ như thế và chỉ chưa đầy bốn ngày, đã bị quân tình nguyện tóm đi.

91 Mọi hoạt động thời đó đều gắn thêm hai chữ “nhiệm vụ” để thể hiện tinh thần đấu tranh cách mạng. 92 Ukeoji: phần cọng rau, lá già không làm kimchi được nên được phơi khô để nấu canh.

Chúng tôi đã không biết gì về việc đó, chỉ tới lúc chú út tới báo rằng đúng lúc nửa đêm, có ai đó đập cửa sổ nhà, chú thím ngó ra thì thấy anh tôi đang đứng đó, sau lưng có hai lính Bắc Hàn cầm súng đi theo.

Cả lúc giữa đêm khuya, căn nhà gần đường tàu điện thông với đồi Miaree của chú thím lúc nào cũng có thể nghe thấy tiếng đi lại của dân thường và binh lính. Anh tôi bị bắt đi lên phía bắc và đã nói khó với những người lính dẫn đường cho ghé qua nhà chú thím để nhắn lại với gia đình. Chú thím không đành bỏ mặc thằng cháu gần như chỉ kịp nhắn lại mỗi một câu và đã bị lôi đi ấy, nên cả hai đã luống cuống trong bộ quần áo ngủ, mò mẫm chạy theo đến tận chân đồi Miaree, nhưng rồi vì tay lính dẫn đường lấy báng súng đẩy đi đâu mất nên cả hai đã bị mất dấu anh tôi. Hai người đứng dẹp vào lề đường nhìn theo thì thấy một đoàn thanh niên trai tráng bị kéo đi trong bóng đêm và đoàn

người ấy dài dằng dặc, không biết bao giờ mới dứt, nên cả hai cũng cảm thấy bớt lo hơn. Đợi cho đoàn người ấy đi hết, thím mới chạy thẳng đến nhà chúng tôi báo tin. Vậy mà chúng tôi chẳng ai chịu tin, chỉ thấy bắt đầu hoang mang. Cả nhà chỉ nghĩ rằng đợi đến lúc trời sáng xem thế nào, có khi thím nhìn nhầm ai đó. Trời vừa sáng, mẹ liền bảo tôi cùng lên đường đến Gupabal để tìm hiểu thực hư ra sao.

Con đường quốc lộ bị ném bom dữ dội. Thế nên cả binh lính lẫn dân thường đều di chuyển trong đêm. Máy lần bị tập kích từ trên không, chúng tôi chạy vào ruộng hay vườn gần đó để ẩn náu một lúc rồi mới lại đi tiếp.

Đúng là anh tôi đã gia nhập đoàn quân tình nguyện. Họ cần giáo viên cấp hai, cấp ba để bồi dưỡng nghiệp vụ lại nên ở trên có chỉ thị mỗi trường phải có nghĩa vụ cử vài giáo viên, và ở trường đó, họ đã cử mười người vào cái “nhiệm vụ đi làm” ấy. Tất cả đều được tập trung lại học ở trường tiểu học Cheongun, rồi sau đó được chuyển toàn bộ sang quân tình nguyện. Liệu có thể oán trách được ai đây? Cả người đồng nghiệp tham gia “nhiệm vụ đi làm” ấy cũng bị kéo đi, người ta cũng chỉ bị lừa gạt, chứ không phải chúng tôi bị người ta lừa gạt. Nếu có đổ lỗi thì chẳng lẽ lại đổ cho cái sự khờ khạo cả tin của những người dân quê mùa hay sao? Trong khi thứ lừa gạt chúng tôi lại là một sức mạnh có tổ chức và to lớn hơn điều đó rất nhiều.

Những chú chuồn chuồn ớt bay lượn nhớn nhोर trên đồng. Những con ve sầu trên các cành dương bên bờ suối cất tiếng khóc thật náo nùng. Mảnh ruộng của chúng tôi vẫn chưa tìm được chủ nhân nên bị phủ đầy rau sam.

Hai mẹ con tôi đưa mắt nhìn ra bên ngoài cánh cửa sổ phòng giáo vụ, nơi chỉ có một vị giảng viên già nua, tiêu tụy ngồi coi giữ ở đó. Không biết có phải vì cảm giác bụng đói cồn cào hay không mà chúng tôi chợt thấy những âu lo và ám ảnh về chiến tranh đang rời xa một cách choáng váng tựa như một giấc mơ. Thầy giáo già cùng với người bảo vệ còn già hơn thế đi về phía nhà kho, rồi xúc gạo từ trong bao ra cho chúng tôi.

Chúng tôi nhận gạo và cảm ơn rồi rút. Mẹ đội trên đầu còn tôi thì vác trên vai. Tối hôm đó, cả nhà chúng tôi được một bữa cơm gạo trắng no nê. Lần trước, mẹ tôi đã từng không vui, và than thở lúc anh tôi nhận được tháng lương đầu tiên cùng với tải gạo, bảo rằng: “Cổ họng đúng là Bộ đạo thính”. Tại sao

mẹ lại đoán trước được những điều xảy ra ấy? Mẹ đã chẳng nói thêm điều gì vào hôm ấy. Nhưng câu nói: “Cổ hòng đúng là Bộ đạo thánh” đã thật ứng nghiệm với bữa cơm hôm đó.

Tôi đã đi học lại bình thường. Không giống với anh tôi, tôi hòa mình một cách không ngần ngại với thế giới vừa mới được đổi thay ấy. Tôi đồng tình với việc người ta chửi bới chính quyền Rhee Syng-man và đồng cảm với những hứa hẹn dành cho người nông dân và người lao động. Những rung động đầu đời về chủ nghĩa cộng sản và cả những cảm xúc cuốn hút khơi nguồn từ cuốn sách chính trị mỏng mảnh mà tôi đã lãng quên, tất cả chợt bùng lên, tràn trề sinh khí. Tôi muốn gửi những tràng pháo tay cổ vũ nhiệt liệt tới những chiến công liên tiếp của họ. Có lúc, tôi còn cảm thấy tự hào như thể mình đã có một lý lịch đấu tranh hào hùng lắm, vì đã tham gia vào tổ chức Mincheong. Tôi thấy quyến luyến một cách lạ lùng với ngôi trường, nơi tôi vừa bước chân vào chưa được bao lâu. Tôi muốn tham gia vào thế giới vừa mới được thay đổi và nơi đáng để tôi thuộc về chỉ có trường đại học mà thôi. Ở trường, quân Bắc Hàn đã chiếm đóng trường Văn Lý và việc học tập diễn ra tại trường Thú y ở phường Yeongeon-dong.

Hình như đó là những ngày trung tuần của tháng Bảy.

Dù rất nóng lòng nhưng tôi vẫn phải gác việc đi học muộn lại hơn một chút, vì mọi sự trong nhà lúc đó thật rối ren. Mẹ tôi, người giờ luôn bị ức chế bởi những lo lắng bất an vô cớ đến mức quên cả sở trường của mình là những câu bông đùa mọi nơi mọi lúc ấy, chẳng quan tâm đến việc tôi có đi học hay không nữa. Cuối cùng tôi cũng đến trường một cách đầy dũng khí. Ở trường, ngoài cán bộ Mincheong, số học sinh còn lại chỉ còn vài mống ở mỗi khoa. Công việc của thiếu số người ấy được gọi là “nhiệm vụ đến trường”. Họ phát cho mỗi người vài tấm thẻ ghi thông tin của một số người và bảo tìm đến nhà những người ấy theo bản đồ có sẵn để khuyên họ đến trường. Sau này, tôi mới biết người ta đã từng mấy lần làm như vậy để gom học sinh lại và xung vào quân tình nguyện. Một chiêu giống hệt như anh tôi đã từng bị lừa. Kể cả khi không biết gì về thủ đoạn ấy, tôi cũng chẳng làm theo họ. Tôi vốn chẳng có tài cán gì đối với việc tìm nhà, lại còn đi đến từng nhà để khuyên bảo người ta đi học, và dù gì đi nữa cũng thật vô lý.

Đó là vấn đề thuộc về lòng tự trọng chứ không phải là nỗi sợ bị lừa.

Không chỉ mỗi chuyện đó. Hết ngày này qua ngày khác, họ sai bảo toàn những chuyện vô lý. Đó là việc sao chép lại danh sách những phần tử phản động trong số học sinh khoa Văn Lý, không biết ai đã làm ra danh sách ấy và không hiểu tại sao lại phải sao chép hàng loạt tên người mà không biết họ là ai. Người đứng đầu danh sách đó sau này là đại biểu quốc hội Son Do-sim. Hình như khi ấy, anh ta đang học ở khoa Chính trị. Cũng có cái gọi là giờ học. Nhưng chưa bao giờ tôi được trông thấy thầy giáo. Đến tận giờ học cuối cùng cũng không thấy bóng dáng của thầy giáo đâu.

Chủ nhân của trường học là Mincheong. Cách thức học tập dân chủ theo Hội học sinh dân chủ đồng minh là truyền tay nhau những bài học lịch sử của Đảng cộng sản Xô-viết hay những lời chỉ dạy của thủ lĩnh Kim Il-sung đang chiếm đầy mặt báo khi ấy, rồi cùng nhau tán dương và phải tỏ ra thật cuồng nhiệt. Không có điều gì làm cho người ta kiệt sức bằng sự tán dương và sự cuồng nhiệt chưa được bộc lộ hết mình. Tôi cảm nhận rõ mồn một luồng sinh khí đang bốc hơi dần trong cơ thể.

Cùng là những lời chỉ dạy giống nhau, nhưng lần nào cũng phải duy trì được cao trào hăng hái như lần đầu, và mỗi lần có lời chỉ dạy mới, chúng tôi lại lặp đi lặp lại và phải thổi bùng lên ngọn lửa mới cho sự cuồng nhiệt ấy. Điều đó sao có thể cơ chứ? Nếu có, thì cái đó đích thị là sự giả dối. Vị thủ lĩnh thích những điều giả dối ấy thật khờ khạo. Nếu đến ý nghĩ này mà cũng không được nghĩ nữa thì tôi đã chẳng thể làm được những việc đó.

Từ bé tôi đã ghét việc chuẩn bị bài. Ngay cả hồi học cấp ba, mỗi lần kỳ thi tới, tôi không còn cách nào khác là phải ôn bài, còn chuẩn bị bài thì không bao giờ. Độ tập trung của tôi cũng vô cùng yếu ớt. Tôi có một tật là chỉ để một tai nghe, còn một tai thì bỏ mặc và để cuốn vào những quyển truyện tiểu thuyết trong các giờ học không hứng thú. Cả với những môn học yêu thích, tôi cũng vẫn không chuẩn bị bài, chỉ ngồi nghe giảng một cách say sưa và thỉnh thoảng lại thả hồn suy nghĩ.

Nhưng nhờ những giây phút lơ đãng đó, mà những tri thức mới mẻ cần phải ghi nhớ ấy mới đến với tôi một cách xôn xao và tươi mới như những chú cá cắn câu bất ngờ được giật lên vậy. Thế cho nên tôi không muốn tự dừng chuẩn bị bài trước làm cho khoảng thời gian ấy thành thời gian ôn lại bài, giống như

con cá đã bị ươn vảy. Mà có khi điều tôi thực sự ghét không muốn làm ấy lại là việc ôn lại bài chứ không phải là chuẩn bị bài.

Cách học của Mincheong là việc ôn lại một cách bất tận những lời mà cả học sinh tiểu học cũng đã nhàm tai. Tôi thấy mình giống như một con cá thoi thóp vì thiếu nước và dần dần tự mình quắt lại thành xác thú nhồi bông. Nhàm chán đến mức dù trong số học sinh nam được gọi là đồng chí hay cán bộ Mincheong ấy, có một anh chàng rất đẹp trai và chúng tôi từng ngồi học cạnh nhau, động một tý là bắt tay nhau, vậy mà chưa bao giờ, dù chỉ một lần, tôi có cảm xúc khác lạ.

Song điều đó lại không hẳn là tình yêu nam nữ. Cái gọi là “tiền tình yêu” và chỉ tồn tại giữa hai người khác phái ấy rất dễ nảy sinh từ những hoạt động mà cả đàn ông và đàn bà đều cùng tham gia. Đàn ông và đàn bà ở đây có thể là anh trai và em gái, bố và con gái, mẹ và con trai. Cảm xúc ấy có thể gọi là sức hấp dẫn, vẻ hào quang hay cảm giác bình yên, và chính nó làm nảy nở những sự thú vị đáng yêu mà những việc tách riêng nam nữ không bao giờ có được. Tôi có cảm giác tự lúc nào mình đã bị cuốn vào thứ cảm xúc ấy. À, mà không, không phải là cảm giác, mà là có thực. Đó là tột cùng của sự hoang phế.

Trong suốt quãng thời gian xảy ra chiến tranh, kính nguyệt của tôi đã bị tắt vài lần, sau này, tôi cũng nghe nhiều người kể như vậy và họ đổ lỗi phần lớn do việc thiếu chất dinh dưỡng. Dĩ nhiên thiếu dinh dưỡng là nguyên nhân lớn nhất, nhưng còn ảnh hưởng của hiện tượng trung hòa tâm lý thì sao? Lúc ấy, thậm chí tôi lại thấy tò mò chuyện những người đàn ông và đàn bà ở Bắc Triều Tiên, họ làm thế nào để gia tăng dân số, hơn là thắc mắc xem Bắc Triều Tiên có phải là thiên đường của người lao động hay không. Ngay cả trong hoàn cảnh ấy, tôi cũng luôn tự đi tìm cho mình những cảm xúc thú vị. Sau biến cố anh tôi bị bắt xung quân tình nguyện, tôi đã thôi không đến trường nữa. Điều đó không có nghĩa là vì anh tôi. Chỉ đơn giản là vì tôi quá chán ngán nên đã tự rút lui, giống như bông hoa không được thụ phấn trở nên tàn úa và héo rũ, chẳng khác nào đã bị rụng khỏi cành. Thực tế, tất cả mọi chuyện xảy ra chưa lâu, mới có hơn ba tháng, vậy mà lúc đó và cả bây giờ cũng thế, cảm giác về khoảng thời gian quân Bắc Hàn tiếp quản lúc nào cũng dài hơn rất nhiều.

Mẹ tôi đêm nào cũng hốt lấy nước giếng trong, đặt lên trên chiếc chum và cầu trời khẩn Phật. Những đêm trăng sáng vắng vạc hay những lúc mẹ lẩm rầm

cầu khẩn gì đó một lúc thật lâu, trông mẹ tôi thật giống một mudang. Anh tôi đã trở thành quân Bắc Hàn nên đương nhiên mẹ sẽ cầu nguyện cho quân Bắc Hàn thắng trận.

Mỗi khi nghe thấy tiếng pháo kích dữ dội, tiếng súng cối nã liên hồi một cách khác thường, tôi lại thấy tim mình đập mạnh vì niềm hy vọng trái ngược ấy. Chúng tôi biết được tiếng pháo dội từ phía nam là của những trận thủy chiến và điều đó lại tình cờ nhờ vào chuyến ghé thăm của người vợ nhà cách mạng đã bị bắt đi ở cầu Samseon ngày trước và chẳng biết đó là thứ nhân duyên dai dẳng gì nữa.

Người đàn ông mở bữa tiệc ăn mừng bất đắc dĩ ở nhà chúng tôi vào ngày 28 tháng 6 ấy, kể từ sau đó đã không có tin tức gì. Anh tôi cũng chẳng nhắc gì đến người đó, còn mẹ tôi thì đã có lần lên tiếng tò mò không biết đó là nhân vật tầm cỡ hay tép riu. Hôm ấy, qua người vợ, chúng tôi mới biết ông đó về sau đã trở thành Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Incheon. Tầm ấy chắc phải là một nhân vật cấp cao rồi. Nhưng người đàn bà ấy trông thật tiêu tụy và hốc hác, lại còn cặp theo hai đứa trẻ - một trai, một gái, ánh mắt của chúng lộ rõ vẻ thảng thốt. Hóa ra Incheon sắp bị biến thành tro bụi bởi những trận thủy chiến oanh tạc cả ngày lẫn đêm và ngày phải rút khỏi Incheon cũng không còn xa nữa.

Bà ấy bảo đã có chỉ thị sơ tán gia quyến lên phía bắc để lánh nạn, chỉ còn những cán bộ cốt cán của Đảng là phải ở lại đến cùng.

Người đàn bà đó đang trên đường đi về phương Bắc, vậy liên quan gì tới nhà chúng tôi mà sao không mau mau đường họ họ đi, có gì còn ghé vào nhà chúng tôi?

Trong đầu tôi chợt nảy ra ý nghĩ lạnh lùng ấy và vô cùng bức bối. Vậy mà mẹ tôi còn giữ họ lại, lo cho ăn lo cho ngủ chu đáo rồi mới để họ lên đường. Sáng sớm tinh mơ hôm sau, mẹ còn dài dòng gửi gắm toàn những lời tốt đẹp, nào là cầu mong cho đi đến đâu cũng gặp được quý nhân phù trợ cho bớt khổ sở, nào là mong cho mau đến được Pyongyang, và này nọ rồi mới chịu từ giã. Chứng kiến cảnh ấy, tôi không khỏi phát cáu và đã lỡ lời động chạm đến lòng tự ái của mẹ:

“Mẹ tưởng dựa dẫm, nhờ vả gì được họ chắc? Mẹ lại nhầm rồi.”

Tôi cứ nghĩ chắc mẹ sẽ nổi cáu, nhưng lúc ấy, nét mặt mẹ lại bất ngờ biến sắc, run rẩy và sợ hãi như vừa mới gặp phải điềm gở:

“Im đi. Mới sáng sớm đã há cái mồm xúi quẩy. Tôi không đối xử với người ta như quý nhân thì sao dám mở mồm cầu cho anh cô gặp được quý nhân hả? Cầu thế nào hả?”

Chưa bao giờ tôi thấy xấu hổ như vậy.

Chị dâu có dấu hiệu sinh nở đúng vào buổi sáng của cái ngày cả trời đất như muốn chìm trong biển lửa, bầu trời phía trung tâm thành phố lập lòe những ánh hào quang rực cháy, tiếng đại bác dồn dập đến ngộp thở, cả thành phố như sắp bị nghiền nát, chỉ chừa lại khu xóm nhà chúng tôi. Mẹ sợ con dâu lại sinh khó như lần đầu nên bảo tôi chạy đi gọi thím đến. Tôi luống cuống chạy đi ngay, nhưng mất cả tiếng đồng hồ mà không sao vượt qua được đoạn đường tới nhà chú út vốn chỉ mất mười phút đi bộ lúc bình thường; cuối cùng, tôi đành phải quay về nhà.

Ngoài đường không một bóng người qua lại, chỉ có tiếng vũ khí rền vang đặng đặng sát khí từ bốn phía và cả trên không như thể sắp đánh sụp tất cả, kể cả có là ngọn núi Thái Sơn. Nếu di chuyển trên mặt đất, lập tức sẽ bị những ngọn súng máy từ trên máy bay xả xuống tới tấp như thể phát hiện ra một bầy gà con. Thế nên, tôi đã phải bám vào những tán cây hay hiên nhà để di chuyển và đã mất khá nhiều thời gian, nhưng rồi gần đến nơi lại phải quay lại, vì chẳng có gì che chắn để có thể băng qua đường tàu điện cả.

Trong lúc ấy, chị dâu đã mẹ tròn con vuông. Chị đặt đứa bé nằm bên cạnh và lặng lẽ khóc, còn mẹ thì đang chuẩn bị cheotgukbap *. Một bé trai nữa. Không biết có phải vì lúc ở trong bụng mẹ không có gì ăn hay không mà trên cái đờng gọi là khuôn mặt nhỏ xíu bằng củ khoai ấy chỉ toàn các nếp nhăn nhúm. Nghe bảo bé quá nên lúc đẻ chẳng thấy đau mà cứ thế trôi tuột ra thôi.

93 Cơm và canh được chuẩn bị cho sản phụ ăn ngay sau khi đẻ, thường là cơm và canh rong biển.

Mới có mấy ngày mà trời đất lại đảo lộn hoàn toàn.

Đám thanh niên tưởng biệt tăm đâu mất suốt ba tháng trời ấy, không biết đã trốn biệt ở đâu mà giờ tất cả đều xuất hiện trong bộ dạng tóc dài, khuôn mặt bành bệch như những tờ giấy trắng; họ khoác tay nhau cùng nhảy múa, tung hô

đoàn quân Nam Hàn thẳng trận trở về như một lũ điên dại. Bằng cách nào mà họ có thể lẩn trốn và chịu đựng được những ngày dài như thế? Chỉ với sự kiên nhẫn của bản thân hay sự bảo bọc của gia đình thôi, sẽ không thể làm được như vậy. Chỉ có chúng tôi là những kẻ dại khờ mà thôi.

Thế nhưng, trong khoảng thời gian sau đó, con số người bị bắt đi và chết trận được liên tiếp đưa ra mới thật khủng khiếp, khủng khiếp đến tàn nhẫn và kinh sợ ông trời. Kẻ sống sót trở về, mỗi người một kiểu, chẳng có ai không phải trải qua những giây phút thập tử nhất sinh hoặc phải đứng trước ranh giới mong manh của sự sống và cái chết, tất cả đều do ông trời định đoạt.

Ai đã từng một lần vượt qua ranh giới sống - chết trở về, đều trở nên tràn trề ham muốn được hiến thân cho một lý tưởng nào đó. Nhiệt huyết báo thù đã đưa họ lên tận mây xanh. Và khi ấy, chiến tranh vẫn còn đang tiếp diễn. Thật ghê tởm khi cuộc chiến nếu không giết người thì cũng bị người giết ấy lại là của chính những kẻ cùng chung một giống nòi. Kẻ thù không phải là dân tộc dị biệt về màu da, tiếng nói, mà lại chính là người mang tư tưởng cộng sản. Mọi người đều thấy cảm ơn quân Liên hợp quốc vì đã cùng với quân Nam Hàn cứu giúp chúng tôi ra khỏi bàn tay của kẻ thù, nhưng hơn thế, còn bởi vì chúng tôi có chính phủ độc lập nên mới có thể nhận được sự giúp đỡ ấy và việc có được chủ quyền đất nước mới thật cảm kích biết bao. Ai nấy đều thấy nghẹn ngào trong tinh thần yêu nước.

Nhưng ái quốc lại chính là phản cộng. Ái quốc và phản cộng được sắp đặt như mu và lòng của một bàn tay, không thể cùng xuất hiện. Tinh thần ái quốc thôi thúc, giục giã, nào là đoàn thanh niên, nào là nhóm tự vệ, hàng loạt các tổ chức ái quốc ra đời và công việc chủ yếu của họ là tra tấn “quân đỏ”. Những thành phần duy rì trật tự trị an như chính phủ, cảnh sát, quân đội, hiến binh... đều đã hoạt động trở lại, nhưng công việc chủ yếu của họ lại vẫn là lùng sục các phần tử cộng sản. Lệnh giới nghiêm được ban bố. Khi cần, họ có thể bắt trói, tống giam hay xử tử tại chỗ những phần tử “quân đỏ” phản nghịch ở ngay trong địa phận của họ. Mạng sống của “quân đỏ” không giống với mạng người. Thậm chí, có cả những trường hợp bị chỉ điểm sau lưng là “quân đỏ” và liền lập tức bị bắn chết ngay tại chỗ. “Quân đỏ” gây ra quá nhiều chuyện nên không ít những kẻ muốn chỉ trở sau lưng. Tố cáo và chỉ điểm tràn lan.

Có khi sợ bị người tố cáo nên phải đi tố cáo người trước.

Xét cho cùng thì cả việc được sống ngày trước cũng bị khép tội. Trót lỡ nhường miếng ăn cho kẻ bị nhốt sau những song sắt đang cố giành giật mạng sống ấy, chỉ điều đó thôi cũng đủ để được kéo dài mạng sống, cho dù mẹ hay vợ có xuất hiện ở hội phụ nữ, ca ngợi thủ lĩnh nhiệt liệt hay cất cao giọng hát vang những bài ca nhân dân, nhiệt tình hơn cả những phần tử quá khích.

Bởi thế, với những người còn nán lại ở Seoul, tuy chưa biết sẽ bị phán xử thế nào, nhưng trước mắt là nguy cơ bị tình nghi là phản nghịch, dù chính họ là những người dân lương thiện ngây thơ, trót tin vào lời hứa sống chết sẽ bảo vệ Seoul của chính phủ ngày trước. Không còn biết đâu là chuẩn mực nữa. Để chứng minh mình hoàn toàn trong sạch, không chút vấy bẩn với tội phản nghịch, tốt nhất là hãy bảo rằng mình vừa mới vượt cầu sông Hàn lánh nạn trở về. Bởi thế, ngay cả trong đám người không ủng hộ quân Bắc Hàn cũng nảy ra một tầng lớp đặc quyền có tên là “độ giang phái” ***. Họ là những kẻ không có ai ở trong mắt, chẳng giống với những kẻ đã từng dụ dỗ quần chúng hãy yên tâm ở lại ổn định cuộc sống rồi cứ thế bỏ mặc mà đi ấy. Không biết chừng có khi chính vì nỗi lo sợ mơ hồ về những tội lỗi mình đã gây ra mà phải ra tay trước, cho nên họ mới ra oai như vậy. Thái độ nghiêm trị phản nghịch ấy lại là của chính phủ ơn tựa biển rộng, bởi đã từng rất độ lượng trong việc phân định dân thường với thành phần thân Nhật trước đó.

94 Từ có nghĩa là “những người vượt sông”.

Thời kỳ nghiệt ngã đau đớn đến mức không thể gượng dậy nổi ấy đã ập đến gia đình chúng tôi. Đó vừa là việc của gia đình, lại vừa là việc tôi phải một mình trải qua.

Những người trong xóm vẫn muốn coi chúng tôi là hạng “quân đỏ” tầm cỡ. Người nhà bên cạnh thất kinh khi trông thấy mẹ tôi lúc mẹ vừa mới ốm dậy, bước ra ngoài ngõ. Việc chúng tôi không chạy lên phía bắc mà vẫn ở lại đây vừa đáng kinh ngạc, vừa khiến họ bức mình.

Đâu chỉ là bức mình mà còn khiến họ thấy bất an và lo sợ như đang sống sát ngay bên cạnh quả bom hẹn giờ.

Không phải chúng tôi sẽ làm trò gì đó, mà bản thân sự tồn tại của chúng tôi là yếu tố bất an của xã hội. Cần phải loại bỏ thích đáng.

Chúng tôi đã bị lục soát nhà cửa vì có người trong xóm tố cáo. Họ chỉ điểm rằng có khi cả gia đình không chạy lên phía bắc vì nhân vật cấp cao nào đấy vẫn còn đang lẩn trốn ở đâu đó. Chẳng có mấy ai xung phong đi quân tình nguyện, ngay cả cảnh sát hay quân nhân, anh em của họ cũng bị bắt xung quân nên điều đó không bị khép tội.

Chúng tôi kêu than, van vỉ, khóc lóc, cầu xin để họ tin rằng anh tôi bị bắt đi xung quân tình nguyện. Chị tôi là sản phụ, mẹ tôi thì đã già, chỉ còn tôi là đại diện và đã bị giải đi, hứng chịu vô vàn sự sỉ nhục nhưng đã không bị tổng giam. Lúc ấy, nhà giam đã quá tải và hình như trong mắt thanh tra “quân đỏ”, tôi chẳng có gì đặc biệt. Dù sao cũng đã quá may mắn khi gặp được những người như thế. Có những việc mà kẻ không có chuyên môn còn đáng sợ hơn cả kẻ dày dạn kinh nghiệm, nhất là với việc bắt người thì lại càng đúng như vậy.

Mọi việc không chỉ chấm dứt ở đấy. Sau đó, tôi còn liên tục bị giải đi. Do bị tố cáo liên tiếp, hay vì bọn họ cố tình đem một mình tôi ra để bêu diếu, tôi không thể biết được tất cả những nội tình ấy và cũng chẳng có tinh thần để thắc mắc điều đó. Các thể loại tổ chức thanh niên gọi tôi tới. Bọn chúng gọi tôi là “con quân đỏ”. “Quân đỏ” hay “con quân đỏ” chỉ cần dính đến chữ ấy đều không được coi là người. Vì không phải là con người nên chỉ có thể là loài linh trưởng hay đại loại những giống loài như vậy và không có quyền đòi hỏi nhân quyền. Những tổ chức lòng sục, bắt bớ “quân đỏ” mọc lên tràn lan khắp nơi, hàng xóm vẫn tiếp tục soi mói chúng tôi và tôi trở thành “cơm ăn” của họ. Họ chửi bới, dọa nạt và chế giễu tôi một cách vô cơ. Nhưng so với ánh mắt của họ thì sự xâm hại nhân quyền chừng ấy vẫn chưa thấm vào đâu.

Bọn họ nhìn tôi như thể nhìn một loài sâu bọ hay một một con thú nào đó. Còn tôi thì trở thành những gì họ muốn. Tôi oằn mình như một loài sâu bọ. Tôi thật sự muốn trở thành một thứ sâu bọ ghê tởm để họ có thể đem ra làm trò chơi. Đó là suy nghĩ đơn giản giống như của một đứa trẻ. May sao bọn họ lại quá khiếp sợ “quân đỏ” nên chẳng hề có suy nghĩ đem “quân đỏ” ra làm trò đùa nghịch. Tôi oán hận tất cả những gì thuộc về cuộc sống dòng dõi gia giáo của tôi. Bởi tôi đã lớn lên trong sự ăn ngon, mặc đẹp, trong sự chiều chuộng mà không có cơ hội được hứng chịu sự sỉ nhục.

Hằng đêm, tôi trần trọc và lắc đầu một cách điên dại, cố xóa khỏi ký ức những thời khắc làm sâu bọ ấy.

Nhưng rồi chợt thấy sợ khi nhớ đâu nếu tôi bị mất trí trong khi bọn họ chỉ nhớ tôi là một loài sâu bọ, lúc ấy chẳng phải tôi đã trở thành sâu bọ thật hay sao? Vì thế tôi lại thường nhắc nhở mình và cố tỉnh táo, dù thế nào cũng không được để mất trí nhớ.

Dù vậy, tôi đã để quên rất nhiều điều. Những lần bị nhục mạ ở nhiều nơi khác nhau, tôi đơn giản hóa chúng thành một nhóm và xếp vào một góc trong ký ức, còn cụ thể sự hành hạ ấy thế nào, tôi lại chỉ có thể ghi nhớ một cách rất trừu tượng. Đó là minh chứng nói lên một điều, rằng không chỉ thân xác phải oằn oại như một loài sâu bọ, mà cả tinh thần cũng đã bị khuất phục trước bạo lực. Nhưng biết làm sao, sự khắc ghi vào trí óc ấy? Bởi đó là sự hạn chế của thần kinh để giúp con người bình thường không bị phát điên và đủ sức chịu đựng, vượt qua.

So với những mất mát của vợ chồng chú út thì những chuyện tôi gặp phải chẳng nghĩa lý gì. Có lẽ quý nhân mà mẹ tôi vẫn hàng ngày hót lấy nước giếng trong và mong mỗi chờ đợi ấy, họ cũng chỉ giống như những người tôi đã gặp là cùng. Đến tận giữa tháng Mười, nhà chú út vẫn không có chuyện gì xảy ra. Họ đang tất bật với việc cọ rửa, tẩy mùi phân ngựa để chuẩn bị mở lại cửa hàng. Nếu lo lắng thì chỉ có nhà chúng tôi thôi.

Họ bảo cứ nghĩ đến chuyện xảy ra với nhà chúng tôi là cả hai lại không làm được việc gì. Họ cứ mãi hối hận bởi giá mà lúc anh tôi ghé qua, họ đem nhẫn vàng ra xin xỏ với những tay lính Bắc Hàn đi cùng thì có lẽ đã cứu được anh tôi rồi. Tưởng rằng quân Bắc Hàn không nhận hối lộ, vậy mà chú út lại nghe kể ở đâu đó người ta đã từng hối lộ và biến việc không thể thành có thể, nên chú út lại càng bực, đến mức cãi nhau cả với thím.

Chú út phẫn nộ vì những thứ như nhẫn vàng lẽ ra đàn bà phải nghĩ ra trước đàn ông mới phải chứ.

Vợ chồng chú út cũng bị hàng xóm tố cáo. Họ bị bắt bởi tin đồn chết người rằng hai vợ chồng ăn trắng mặc trơn nhờ trở thành tay sai cho đội cảnh vệ. Chú và thím mỗi người bị giải đi một nơi và lúc đầu thím còn bị tuyên án xử tử ngay tại chỗ. Một người chơi thân với thím ở xóm ấy đã chạy đến báo cho chúng tôi. Người ta bảo đã nhìn thấy thím cùng một số người khác bị giải đi đến ngọn núi đằng sau trường cấp hai nữ Seongsin và họ nghe thấy một tràng

súng nổ từ phía đó. Bà ấy đã giục chúng tôi mau đến nhận thi thể về. Bà ấy còn báo cho mấy người khác nữa và rất nhiều người chẳng có tin tức gì sau khi người nhà bị giải đi nên cũng bán tin bán nghi chạy đến ngọn núi, lật tìm trong đồng thi thể đó.

Nhưng thật không phải khi chúng tôi đã không trực tiếp đến đó. Đúng lúc ấy, nhà chúng tôi, nào là bị lục xét, nào là bị dẫn đi, chẳng có lúc nào được yên ổn. Và còn bởi vì lo sợ không biết sẽ còn gặp phải rắc rối nào nữa nếu để người khác biết trong gia đình có “quân đỏ” bị tử hình. Trong tình thế hoang mang ấy, chúng tôi chỉ còn biết báo tin cho mẹ đẻ của thím. Nhận được tin, bà thông gia liền lập tức chạy đến đó như người bị phát điên, tận mắt lật tìm các thi thể còn lại nhưng đã không tìm thấy thím tôi.

Sau này, nghe thím kể lại mới biết, viên tướng thi hành lệnh xử tử tại chỗ ấy thấy thắc mắc không hiểu đàn bà con gái đã làm chuyện gì đến mức phải chịu tội chết như vậy, nên đã giam họ riêng và chuyển cho đồn cảnh sát. Rồi thím cũng bị xét xử, nhưng nhờ có lệnh rút quân vào ngày mùng 4 tháng 1 ^{*}, thím được tạm hoãn thi hành án và được thả ra. Trong suốt thời gian đó, chỉ có mẹ đẻ thím đi thăm nom, chạy vạy khắp nơi, còn chúng tôi thì chẳng giúp ích được gì cả.

95 Cuộc rút quân tạm thời khỏi Seoul về phía nam của quân đồng minh và quân Nam Hàn vào ngày mùng 4 tháng 1 năm 1951, khi Trung Quốc can thiệp vào cuộc chiến tranh hai miền Nam - Bắc Hàn (1950-1953).

Chú út cũng đã bị tuyên án tử hình ngay từ lúc bị giải đến đồn cảnh sát. Chúng tôi biết được tin ấy qua bức thư chú nhờ người được tha mang ra ngoài và việc đó cũng nói lên rằng chúng tôi đã chẳng thể vào thăm chú út trong suốt những ngày ấy. Trong thư, chú út bảo rằng không hiểu mình đã mắc phải tội gì mà đến mức bị xử tử hình và nhờ tìm hộ thầy cãi cứu chú ra. Chưa bao giờ chúng tôi lại thấy thắm thía tình cảnh thân phận bèo bọt và thân cô thế cô như lúc đó, bởi hóa ra chúng tôi chẳng có nổi một người họ hàng có thể làm chỗ dựa hay nhờ vả gì được.

Ngày ấy, có quá nhiều kẻ phản nghịch nên việc gửi một cái áo bông vào trong tù cũng phải mất cả ngày.

Đúng lúc trong họ hàng có người làm gác tù đã lâu nên chúng tôi đã thử tìm đến nhờ vả, hy vọng ít nhiều cũng được giúp đỡ, dù là những việc nhỏ nhặt, vậy mà chẳng trông mong gì được. Vẫn biết thời thế khiến cả một nhân viên hạng bét cũng phải né tránh tiếp xúc với kẻ phản nghịch, nhưng vẫn thấy giận đến run người. Mẹ đành đến đâu hay đến đó. Để xếp hàng từ sáng sớm tinh mơ, mẹ phải tìm đến nhà hàng xóm thân thiết cũ ở phường Hyeonjeo-dong và muối mặt xin ngủ nhờ đêm trước ở đó. Mẹ bảo rằng lần nào đến, mẹ cũng được an ủi và đối đãi rất thân tình, đúng là người nghèo bao giờ cũng tình nghĩa hơn cả.

Trong lúc mẹ còn đang loay hoay chưa bước chân vào thăm được thì chú út đã bị tử hình. Thật ra, chúng tôi cũng không biết chính xác ngày chú bị tử hình nữa.

Ngoài lá thư duy nhất ấy, chúng tôi chẳng có liên lạc nào, tất nhiên là cả thông báo tới nhận xác sau khi đã chấp hành án xong. Chẳng có chứng cứ nào chứng tỏ chú út đã bị tử hình, nhưng lúc đó, cuộc sơ tán ngày mùng 4 tháng 1 đang tới gần, mà sau đó, chẳng thể nào tìm được chú út, ngay cả tên tuổi cũng không có nên có lẽ chú út đã bị quy thành tội phạm trước ngày mùng 4 tháng 1 và bị tử hình tập thể. Mạng sống của “quân đỏ” chẳng bằng mạng sống của một con ruồi, gia đình của “quân đỏ” chẳng khác gì một loài sâu bọ.

Mọi việc còn đang rối tinh vì phải lo vào thăm chú út ở trong tù thì lại vướng mắc vào chuyện thẻ thị dân. Quy định người bình thường cũng cần phải có thẻ chứng nhận mình là người lương thiện mới có thể được đi lại tự do ấy xuất hiện sau Ngày Subok 28 tháng 9 ^{*}, và khi ấy, cái thẻ chứng nhận đó được gọi là thẻ thị dân. Bây giờ, bất kể ai cứ là công dân của Đại Hàn Dân quốc đều được cấp thẻ ấy, nhưng ngày đó, lúc mới ban bố, chiếc thẻ ấy thể hiện rõ mục đích phân biệt người lương thiện với phần tử sắc đỏ đang lẩn trốn, thế nên không phải ai cũng được cấp, mà phải trải qua một đợt sát hạch nghiêm khắc. Đã vậy, trước đợt sát hạch lại xảy ra một chuyện. Lớp trưởng phát đơn đăng ký cấp thẻ thị dân cho các nhà nhưng lại bỏ qua nhà chúng tôi. Chuyện ấy còn sốc hơn cả khi bị chỉ điểm. Không có thẻ thị dân đồng nghĩa với việc chỉ còn con đường chết, thời đó, chiếc thẻ thị dân là điều kiện cơ bản để làm người.

96 Ngày 28 tháng 9 năm 1950, quân Nam Hàn và quân đồng minh trở lại tiếp quản thủ đô Seoul, sau khi bị quân miền Bắc chiếm giữ vào từ ngày 28 tháng 6

năm đó, trong thời kỳ chiến tranh Nam Bắc

Người đã trở nên cam chịu, nhẫn nhục trước mọi tai họa mà không nói nửa lời, tưởng như đã nửa ngậy nửa dại là mẹ tôi, vậy mà cũng không nhịn nổi, mẹ vừa đập tay xuống nền đất vừa than trời: “Trời đất ơi, sao lại có thể như thế? Thật là quá đáng.

Cùng chia bánh teok gosa *, thân thiết với nhau chẳng nề vấy lụa vấy gai, hầu cả đáì ỉa của con cháu nhau mà cũng không ngại. Sao người ta lại có thể tệ bạc thế này cơ chứ?” Mẹ trách móc hàng xóm, những người mà khi họ vừa mới chuyển đến, mẹ vẫn đem chia cả bánh teok gosa, cháo đậu và qua lại thân thiết chẳng phân biệt nhà chị nhà tôi, cháu người cũng là cháu mình, đến cả cút của cháu nhà khác cũng không biết thối. Đến khi chúng tôi hỏi họ: “Cứ cho là nhà chúng tôi có vấn đề đi chẳng nữa, nhưng còn phải qua cả sát hạch, được cấp hay không được cấp là chuyện của chúng tôi, có gì mà đến cả đơn đăng ký cũng không cho được là làm sao?”, họ trả lời rằng đúng lúc bị thiếu mất một tờ nên đã bỏ qua nhà chúng tôi. Rồi họ bảo chúng tôi tự đến phường mà hỏi.

97 Loại bánh bột gạo (bánh teok) được cúng vào ngày lễ gosa (lễ cầu an), cúng xong người ta thường đem chia bánh cho hàng xóm láng giềng.

Từ lớp trường, đến tổ trưởng dân phố, rồi lại cả cấp trên của tổ trưởng dân phố, tôi đã chịu đủ mọi sự lăng mạ của những con người ấy. Chỉ vì một tờ đơn đăng ký mà chúng tôi phải quy lụy cả nhân viên hạng bét của phường và cuối cùng cũng được tham gia vào cuộc sát hạch dự bị. Song, đến ngày sát hạch chính thức, mọi việc lại diễn ra ở cơ quan không biết rõ chúng tôi, nên mẹ và chị dâu đã được yên ổn nhận thẻ thị dân. Còn tôi, vì là học sinh nên họ bảo phải đến trường lấy giấy chứng nhận là học sinh đến đây.

Hết ngọn núi này đến ngọn núi khác. Lúc đó, tôi không thể đến trường đại học được nữa. Thêm vào đấy, việc đi học dưới thời Bắc Hàn cầm quyền ngày trước rõ ràng là một hành động phản nghịch, nên vì sợ bị trừng phạt, tôi đã không dám bén mảng ngay cả đến trước cổng trường. Tôi còn nghe nói mỗi trường đều có Tổ sát hạch của Đoàn học sinh cứu quốc, ở đó họ làm nhiệm vụ thẩm vấn học sinh, mỗi nơi một kiểu, có trường còn tra tấn, đánh đập. Nơi nào cũng có Tổ sát hạch, trong lúc sát hạch, không còn chuyện gì là không xảy ra. Dù rất sợ hãi, nhưng nếu không được cấp thẻ thị dân sẽ chẳng khác nào bó tay

ngồi chờ chết, nên tôi đành xác định cố gắng chịu đựng mọi sự sỉ nhục, tra tấn và bước chân đến trường.

Lần này, quân đồng minh lại chiếm dụng trường Văn Lý nên mọi công việc của trường được thực hiện tại khu nhà ở của giáo viên ở phường Dong-sung. Đến trường mới biết hóa ra tôi đã bị liệt vào danh sách phản nghịch, bởi trong lúc còn đang loay hoay điền vào giấy đăng ký thì đã có ai đó nhận ra tôi rồi chúng xì xào bàn tán gì đó với nhau. Tình cảnh đã như thế nên ngày hôm ấy tôi cũng không thể nhận được giấy chứng nhận, và rồi cuối cùng, tận mấy hôm sau đó, phó tổ sát hạch đã đứng ra thẩm vấn, giáo huấn này nọ xong mới chịu cấp giấy chứng nhận học sinh cho tôi.

Sau trăm nghìn cay đắng, cuối cùng, tôi cũng trình được cái giấy chứng nhận học sinh và nhận được cái thẻ thị dân một cách suôn sẻ. Đến giờ, tôi vẫn còn khắc cốt ghi tâm và cảm ơn cuộc thẩm vấn ở trường Văn Lý, bởi nhờ đó, tôi không chỉ có được chiếc thẻ thị dân, mà lần đầu tiên còn được coi là con người. Xét cho cùng, dù sao, tôi cũng thấy biết ơn thế sự đối lập giữa một bên là nghi ngờ phản nghịch và một bên là nhìn nhận con người ấy, vì điều đó đã giúp tôi không bị mất đi niềm tin cuối cùng vào con người. Chính tôi là người đang bị nghi ngờ nên tôi lại càng cảm nhận rõ điều đó.

Trong lúc việc thanh trừng những kẻ phản nghịch đã được đẩy lên thành cao trào, điều đáng sợ nhất lại là con người, vì thế cả xã hội bị bao phủ bởi bầu không khí vô cùng hoảng loạn.

Có phải giống như lúc đẩy nhanh quân địch về phía sông Apnok, trong lúc thừa thắng xông lên, kẻ thắng cuộc cần phải tàn nhẫn như vậy chăng? Thời gian ăn mừng chiến thắng có thể có, nhưng không thể có thời gian khoan dung và độ lượng. Điều đó dường như là một đặc điểm của những cuộc chiến ý thức hệ.

Những tổ chức ái quốc mọc lên nhiều như nấm, những khẩu hiệu và biểu ngữ xuất hiện khắp nơi, khiến các mảng tường bên cạnh đường đi như được dán giấy lại.

Nào là lên án Bắc Hàn, nào là sẵn lòng triệt để phần tử sắc đỏ, nhân dịp này phải diệt trừ tận gốc... Tất cả đều hùng hồn và hiếu chiến. Một lần, tôi tình cờ bắt gặp một khẩu hiệu cũ kỹ trong số ấy, trên đó viết: “Chủ nghĩa tự do muôn

năm”; bất chợt tôi đã bị rơi vào một trạng thái cảm xúc thật kỳ lạ. Tâm hồn tôi lúc ấy đã bị hoang phế một thời gian dài, để rồi lúc nhìn thấy những dòng chữ ấy, tôi chợt thấy như mình đã kiệt sức cùng cực, tưởng chừng hai đầu gối khuỵu cả xuống. Dù phải hứng chịu mọi sự lăng mạ, giáo huấn và dù phía Bắc có hứa hẹn mọi vinh hoa phú quý, chúng tôi vẫn không muốn đánh đổi, tất cả là vì điều đó sao? Có thể tiếp sau những lăng mạ, giáo huấn là cuộc sống tù ngục đang chờ đợi ở phía trước, nhưng chúng tôi vẫn chọn mảnh đất này, thế nên liệu có còn sự tự do nào khác ở đây chẳng? Đúng vậy, còn có sự tự do khi chẳng phải hiến mình một cách cuồng nhiệt cho một vị nguyên thủ quốc gia nào đấy. Tôi tự chế giễu mình như thế, nhưng cũng nhận ngay ra rằng sự tự do chừng ấy thôi cũng là niềm hy vọng tựa núi Thái Sơn rồi.

Công cuộc Bắc tiến thống nhất tưởng chừng sắp diễn ra ở ngay trước mắt, vậy mà vì sự can thiệp của Trung Quốc nên thế trận lại bị đẩy lùi về phía nam. Lần này, họ không dối trá là hãy yên tâm tập trung lo cuộc sống nữa, mà thông báo trước rằng có thể sẽ dùng biện pháp tác chiến là sơ tán. Quá hoảng loạn sau những gì xảy ra vào mùa hè lúc trước, những người có tiền và thế lực đã sớm tản cư, những kẻ không có gì chỉ biết phấp phỏng, lẽ nào lại thế, lẽ nào lại thế, nhưng rồi cũng vẫn gói ghém đồ đạc. Không thể diễn tả bằng lời được hết nỗi thất vọng và đau khổ của chị dâu và nhất là của mẹ, người không một ngày nào dám quên việc hốt nước giếng trong và thành tâm khẩn vái. Trong lúc gia đình không có nổi một ngày yên ổn, thì điều duy nhất giúp họ có thể chịu đựng được lại chính là niềm hy vọng.

Trong khi quân Nam Hàn tiến về phía Bắc với tốc độ hỏa tốc, đã có nhiều trường hợp quân tình nguyện đào ngũ chạy về. Hễ trông thấy một thanh niên nào rách rưới như ăn mày trên đường là mẹ tôi lại níu lấy, hỏi có phải trở về từ quân tình nguyện không, nếu phải thì mẹ lập tức mừng rỡ, mời ngay về nhà, đón tiếp ân cần và hỏi hết chuyện nọ đến chuyện kia. Trong lúc mừng mừng tủi tủi trước câu chuyện xảy ra với người đồng cảnh ngộ với mình như thế, trong lòng chúng tôi lại ấp ủ những tia hy vọng rằng rồi niềm vui ấy cũng sẽ đến với chúng tôi. Bữa cơm nào mẹ cũng xới cho anh tôi trước tiên. Tiếng gió đập ngoài cửa cũng khiến mẹ choàng tỉnh và bật dậy như ánh chớp, lao ngay ra bên ngoài cửa. Cả nhà cùng sơ tán thì số phận của thằng con trai lúc chạy trốn trở

về sẽ ra sao? Ngay cả trong tưởng tượng, mẹ cũng không thể nào bỏ mặc đứa con của mình được và chỉ có thể ở lại chờ quân Bắc Hàn tiến vào mà thôi.

Việc sơ tán tác chiến đã được rõ ràng, tất cả sẽ di chuyển xuống phía nam, cách Seoul khá xa. Những cơn gió lạnh đầu mùa ùa về trong khi dân cư ở Seoul đã giảm xuống còn một nửa. Lúc ấy, mẹ đã có một quyết định hệ trọng, đó là tách rời số phận của đứa con gái. “Con phải một mình đi sơ tán thôi.” Thật lòng, tôi cũng đã từng thoáng có ý nghĩ đó, nhưng bỗng dưng khi câu nói ấy được phát ra từ miệng của mẹ, trong lòng tôi lại trào lên cảm giác buồn tủi ghê gớm. Điều đó có nghĩa là tôi bị gạt ra ngoài, còn lại mẹ, chị dâu và các cháu sẽ cùng chung số phận với anh tôi.

Tôi không thể hình dung được hiện giờ anh tôi thế nào, song, việc cùng chung số phận với người anh đứng trong hàng ngũ quân Bắc Hàn ấy, điều đó có nghĩa là gì, đã quá rõ ràng. Lần sơ tán này là vì mục đích tác chiến nên họ sẽ nhanh chóng quay lại lấy được Seoul và cho dù tôi có quay trở về nhà được, hẳn lúc ấy ngôi nhà sẽ bị bỏ trống và sẽ chẳng còn ai ở đó. Câu nói một mình đi sơ tán có thể thốt ra được, nhưng thật không dễ dàng chấp nhận sự thật rằng có thể đó sẽ là sự chia ly mãi mãi. Dường như ngay cả điều đó, mẹ tôi cũng đã giác ngộ sâu sắc, nên mẹ mang ra cả những thứ giống như của hồi môn mà bản thân đã gom góp được, gói ghém vào hành lý sơ tán của tôi, miệng luôn lầm nhảm: “Ít ra còn có con phải được sống tử tế hơn chứ.” Anh tôi đã trở về trước khi tôi ra đi. Chao ôi, anh tôi đã trở về, trở về trong bộ dạng ăn mày, thảm hại nhất trong tất cả các ăn mày, nhưng dù sao cũng vẫn là “cầm y hoàn hương”, vì đã không bị trở thành quân Bắc Hàn.

Nhưng rồi sự trở về ấy đã mau chóng trở thành “tuyệt thượng gia sương” ^{*}. Khóc lóc mếu máo, rồi lại cười cười cợt cợt, níu lấy mọi người hỏi đây là thật hay đang mơ, thái độ bất thường ấy của anh tôi trong phút chốc đã khiến tim chúng tôi thắt lại.

98 “*Trên tuyết lại được phủ thêm sương*”: Câu nói chỉ tình huống vốn đã rắc rối, lại còn gặp phải những điều bất hạnh khác nữa.

Không thể tin được anh tôi một mình đã làm thế nào có thể đột phá trận tuyến và chạy bộ cả quãng đường xa xôi ấy để có thể về đến đây. Thế nên cái thân tàn ma dại ấy cũng vẫn còn là điều may mắn. Về được tới nhà rồi mà nét mặt anh tôi vẫn chẳng hiển hiện chút khí sắc vui tươi. Cả khi nhìn thấy đứa con

ra đời trong lúc vắng nhà, anh tôi cũng chẳng buồn ôm nó. Rốt cuộc, anh tôi đang nghĩ gì đây? Không hẳn là nét mặt vô cảm. Ánh mắt không thể dừng yên trong giây lát và lúc nào cũng đảo qua đảo lại một cách bất an. Chỉ một tiếng động nhỏ thôi cũng đủ làm cho anh tôi giật mình hoảng hốt. Về thất thần ấy cho dù mọi người trong nhà có vỗ về thế nào cũng không hề suy chuyển. Cơm canh và giường chiếu ấm áp đã không thể khiến anh bình tâm lại. Ban đêm, ngay cả tiếng gió thổi hay tiếng chuột rúc rích sột soạt cũng đủ làm anh giật mình tỉnh giấc, không sao ngủ lại được. Không hiểu anh tôi đã gặp phải chuyện gì, ở đâu và như thế nào, mà lại hóa thành như vậy?

Chắc hẳn anh tôi cũng có những giây phút yêng hùng, bất chấp cả sự nguy hiểm đến tính mạng để vượt qua ranh giới mong manh ấy để trở về với sự sống, nhưng anh tôi đã chẳng kể bất cứ điều gì. Ngay cả dấu vết của điều đó cũng chẳng trông thấy đâu. Anh tôi đang bị rơi vào trạng thái hoảng loạn một cách trầm trọng.

Người tưởng như chết đứng khi thấy anh tôi trở về là mẹ tôi đã khóc rất nhiều, trút mọi đắng cay khổ sở mà chúng tôi đã phải hứng chịu và cả những gì xảy ra với vợ chồng chú út, van xin anh tôi hãy tỉnh ngộ lại đi. Với mẹ, đó là một cách thức hiệu quả để đánh vào tâm can thầm kín của thằng con trai, nhưng rốt cục, điều đó lại càng làm gia tăng thêm trạng thái hoảng loạn của anh tôi. Anh chuyển sang thúc giục mau đi sơ tán. Lại còn xuất hiện thêm cả triệu chứng tự kỷ ám thị. Anh có thể rúc đầu vào bất kỳ chỗ nào, toàn thân run lẩy bẩy: “Đi mau lên. Quân Bắc Hàn mà đến thì con chết. Đi nhanh lên, nhanh lên.” Anh tôi trở nên miễn cảm hơn cả người bình thường với bầu không khí gấp gáp của tất cả những người xung quanh đang kéo nhau đi sơ tán. Anh tôi bần chôn, đứng ngồi không yên. Dường như mọi người trong nhà chúng tôi một lần nữa lại cùng mơ thấy ác mộng.

Kế hoạch chỉ mình tôi sơ tán đã bị hủy bỏ một cách tự nhiên. Dường như vẫn chưa đến lúc phải phân ly với số phận của gia đình. Chưa đến lúc ấy mà tất cả mọi sự đã trở nên rối bời. Chẳng chờ anh tôi phải giục giã, chúng tôi cũng đã có ý định đi sơ tán từ trước. Giả sử không sơ tán được mà phải ở lại Seoul thì sao? Có thể không cần phải tưởng tượng những điều tồi tệ đến từ phía Bắc, nhưng còn ngày họ lấy lại được Seoul thì thế nào? Biết đâu lại chẳng rơi vào thảm cảnh nào đó? Chỉ nghĩ đến đây thôi đã thấy gân cốt rùng rờ. Những kẻ

lên giọng khoác lác quyết bảo vệ Seoul đến hơi thở cuối cùng nhưng lại bỏ chạy và rồi lại quay lại ấy, giờ họ lại bảo tất cả mọi người không trừ một ai mau mau sơ tán, thậm chí còn bắc tạm cả cầu vượt sông Hàn, họ sẽ kết tội gì cho những người không đi mà ở lại đây? Điều đó rõ ràng như việc trông thấy ngọn lửa. Chợt thấy muốn rời khỏi đây quá. Muốn rời khỏi đây đến phát điên.

Nhưng anh tôi sẽ gặp nhiều rắc rối khi vượt qua cầu sông Hàn. Lại là cái thẻ thị dân chết tiệt ấy. Bọn họ sợ trong số những người chạy nạn có lẫn cả gián điệp nên đâu đâu cũng tra hỏi gắt gao. Cũng bởi thế mà thẻ thị dân được cấp ngay trước khi có lệnh sơ tán. Kể cả họ không coi những kẻ bỏ trốn khỏi quân tình nguyện là “quân đỏ” đi chẳng nữa, nhưng để được cấp thẻ cũng lại phải trải qua một cuộc sát hạch ngặt nghèo. Dường như anh tôi không thể chịu đựng được điều đó. Bản thân anh tôi cũng không muốn, vậy nhưng mà vẫn thúc giục cả nhà mau tìm cách kiếm cho mình tấm thẻ ấy. “Nhà mình không có ai quen biết để lấy cái thẻ ấy cho con à?” Anh tôi đã thốt ra những lời như vậy một cách không hề biết xấu hổ. Tại sao anh tôi lại trở nên hèn nhát thế kia? Đó là hậu quả của căn bệnh hoang tưởng nhưng trông anh thật đáng ghét hơn cả căn bệnh ấy. Tôi ghét phải chứng kiến cảnh ấy. Nhưng rồi may sao sợi dây định mệnh vừa mới được nối lại ấy đã không bị cắt đứt thêm một lần nữa.

Thế rồi anh tôi mỗi mòn chờ đợi người quen biết mà chị dâu tôi đã nhớ ra ở trường học nhà quê. Những con người thật thà như giáo viên và sự kính trọng ở quê đối với nghề thầy giáo đã trở thành điểm tựa của chúng tôi.

Chị dâu tôi đến đó trước trình bày, họ đã đồng ý sẽ giúp hết sức mình và chúng tôi đã thuyết phục được anh tôi, đưa anh trở lại đó. Chúng tôi đã ở đấy và thay vì thẻ thị dân, anh tôi đã nhận được thẻ thường trú của tỉnh. Nơi ấy, hầu như tất cả mọi người đều đã lên đường sơ tán.

Sự vỗ về chân thành của một số đồng nghiệp và những người dân còn nán lại, cùng với cảm giác tin cậy khi được trao tận tay tấm thẻ thường trú, đã làm cho anh tôi nguôi ngoai phần nào. Trong lúc ấy, chị dâu quay về nhà và thu xếp mọi thứ để đi sơ tán.

Sự mong chờ và nỗi niềm khao khát được sơ tán đã khiến chúng tôi không còn cảm giác đó là con đường gian khổ nữa. Chúng tôi chỉ còn biết vui sướng tựa như đang mơ mỗi khi vượt sông, vượt núi và băng qua cánh đồng, bởi cuối

cùng chúng tôi cũng lên đường sơ tán được rồi đây. Làm sao để hai đứa bé đẻ liền nhau ấy không bị chết cóng vì lạnh, phải mang gì, mang bao nhiêu và mang thế nào để cả nhà không bị chết vì đói? Ngay cả những vấn đề thực tế ấy cũng không làm chúng tôi lo lắng, dù chỉ là một chút thoáng qua. Tất nhiên, gánh nặng thực tế ấy đều đã được chia sẻ cho mọi thành viên trong gia đình, nhưng chúng tôi ai nấy đều đã gạt bỏ tất cả và trong lòng tràn trề hy vọng, tưởng chừng chỉ cần vượt qua chiếc cầu sông Hàn kia thôi là ở đó có sẵn người đang đợi để giải quyết mọi chuyện và chúng tôi chỉ việc an tâm nghỉ ngơi. Nhưng rồi đồ đạc sơ tán lại chỉ được chuẩn bị gọn gàng như đi dã ngoại. Bởi chúng tôi đã không có phúc phận sơ tán. Không chỉ mình tôi, mà tất cả mọi người trong gia đình đều đang chôn chặt tận đáy lòng linh cảm rằng có khi chúng tôi không thể sơ tán được. Và linh cảm đó đã trở thành hiện thực.

Điều tồi tệ nhất đã xảy ra. Khi ấy, đêm đến, những cánh đồng ven con đường quốc lộ đều trở thành doanh trại sơ tán của quân Nam Hàn và quân đồng minh, cả những tòa nhà lớn cũng thế. Lúc đó, có đội quân gọi là quân tự vệ thanh niên, sau này hợp lại với quân tự vệ Nam Hàn, chẳng biết họ khác quân Nam Hàn thế nào, nhưng vẫn vũ trang, tham gia chiến đấu và cũng đi sơ tán. Đội quân tự vệ thanh niên ấy đã tiếp quản trường học đó, anh tôi khi ấy lại đang ngủ trong phòng giáo viên nên đã được ngủ cùng với người chỉ huy đang đi tìm chỗ ngủ ấm áp. Và thế là tay binh sĩ chuyên làm nhiệm vụ tháo súng để kiểm tra vào buổi sáng đã lỡ tay bóp cò làm viên đạn xuyên thẳng vào chân anh tôi.

Nhận được tin gấp, chúng tôi hốt hoảng chạy đến và lúc ấy, anh tôi đã bị bỏ lại ở một bệnh viện nhỏ vẫn còn chưa sơ tán hết ở Gupabal, còn toàn bộ đội quân thì đã đi khỏi đó. Nội tình thực hư thế nào có biết cũng chẳng để làm gì, nhưng anh tôi cũng chẳng định kể gì hơn nữa ngoài những điều chúng tôi được nghe. Khuôn mặt tái nhợt đi vì mất nhiều máu của anh tôi lúc ấy trông lại đìu ảm đến lạ thường. Vị bác sĩ tuổi tứ tuần đã giúp đỡ rất tận tình, nhưng gia đình họ cũng đang chuẩn bị đi sơ tán. Ông ấy nói với chúng tôi là không nguy hiểm đến tính mạng nhưng nếu không được điều trị tốt sẽ thành rắc rối và dạy cho chúng tôi những thao tác điều trị sau đó - những thao tác đã được đơn giản hóa tối đa. Lúc đứng ở bên cạnh theo dõi bác sĩ lấy ra mẫu băng thấm đầy máu từ cái lỗ nơi viên đạn xuyên qua, rồi lại cắm thật sâu mẫu băng khác đã được

tiệt trùng vào đây, bất chợt tôi có cảm giác cái lỗ sâu ấy thật tối om, thăm thăm như lối đi âm u dẫn thẳng tới địa ngục và trong lòng trào dâng nỗi sợ hãi như thể đang bị hút sâu vào trong đó một cách vô tận.

Anh tôi chẳng hề thốt lên một tiếng đau đớn thậm chí còn bắt đầu mỉm cười một cách mơ hồ. Cảm giác bình yên nhưng đã lại mất đi niềm hy vọng ấy mới thật thâm làm sao. Vị bác sĩ ấy đã để lại tất cả những thứ có thể dùng băng bó vết thương được như gạc, bông băng, thuốc mỡ, thuốc sát trùng... rồi cùng cả nhà lên đường sơ tán, để lại khu xóm bị bỏ trống hoàn toàn. Chúng tôi một mình chiếm giữ bệnh viện của người khác được khoảng bốn, năm ngày thì có lệnh sơ tán cuối cùng. Đó chính là cuộc sơ tán mừng 4 tháng 1. Hầu như tất cả đã dời đi hết. Tiếng bước chân chạy của đám người, những kẻ vốn khoanh tay đứng nhìn với thái độ “nhờ đâu thì sao” và giờ lại đồng loạt đổ ra bên ngoài, tiến về phía con đường quốc lộ, hòa lẫn với tiếng loa giục đi sơ tán phát ra từ chiếc mic trên những chiếc trực thăng bay là là mặt đất, tất cả như thể đang lật tung cả cái bệnh viện nhỏ bé này lên. Thực ra, trong lòng chúng tôi còn chao đảo hơn rất nhiều. Mẹ là người cất lên những âm thanh xáo động ấy trước:

“Đi thôi, dù phải chết oan uổng cũng phải đi, đi được đến đâu thì đi. Họ thúc ép thế kia mà không đi thì rồi biết đấy. Ai biết sau này họ khiến mình sống dở chết dở thế nào? Thà trốn chạy còn hơn là phải chứng kiến cái cảnh đó.”

Sân sau của bệnh viện tuy ngắn ngang nhưng chúng tôi đã kịp thấy được một chiếc xe kéo ở đó. Những người chạy nạn bằng xe ô tô là thiểu số, họ là những kẻ được hưởng đặc quyền và họ đã rời đi từ trước đó. Ít lâu sau, người ta đã phát minh ra việc gắn thêm bánh xe cho những tấm ván để chở trẻ con hay chất những đồ đạc quý giá lên đó. Mẹ tôi và chị dâu, mỗi người công một đứa bé và đội một bọc hành lý, nên xe kéo là phần của tôi. Đồ đạc dành cho tôi nặng tựa ngàn cân. Chúng tôi hối hả chạy theo đoàn người sơ tán cuối cùng, nhưng rồi dần dần cũng bị bỏ lại phía sau. Đến lúc gần qua quả đồi Muakjae [*](#), tôi kiệt sức nên đã bị trượt dúi dụi về đằng sau. Trời càng lúc càng nhá nhem.

99 Quả đồi nằm giữa phường Hongje-dong và phường Hyeonjeo-dong, quận Seodaemun-gu, Seoul.

“Đi thôi. Đi thêm chút nữa thôi.”

Mẹ kéo tôi đi một cách tàn nhẫn.

“Cầu sông Hàn mà mẹ bảo một chút là thế nào?”

Tôi lập tức như muốn nổ tung những bức bội chất chồng liên tiếp ấy.

“Chạy nạn cũng phải có số, chứ có phải muốn là được đâu. Giờ, mình phải cố vờ như đang chạy nạn. Ở đằng kia có nhà người quen. Mình đến đó ở tạm vài ngày. Lúc nào thời thế thay đổi, người ta kéo nhau về thì mình cũng đi về nhà mình như vừa đi chạy nạn về. Giờ chỉ còn cách ấy thôi.”

Mẹ tỏ ra rất bình tĩnh, có tính toán đâu ra đấy như đã vạch sẵn mọi việc từ trước đó và chỉ tay về khu xóm trước mắt. Khu xóm nơi chúng tôi sẽ thực hiện kế hoạch sơ tán giả vờ ấy là phường Hyeonjeo-dong. Lại là phường Hyeonjeo-dong. Nhưng lạ thay, trong lòng tôi bỗng thấy nhẹ nhõm và đôi chân tưởng chừng không thể bước thêm được bước nào nữa ấy lại như được tiếp thêm nguồn sinh khí mới. Chúng tôi không leo lên bằng lối đi bậc thang tầng tầng lớp lớp, mà chọn con đường tuy hơi vòng một chút nhưng vẫn lên được đến nơi vì còn có xe kéo. Chúng tôi lội ngược con đường, thỉnh thoảng lại lác đác bóng người đang hoảng hốt đi xuống, trông họ giống như những chú thỏ giật mình trước loài mãnh thú. Cuối cùng, tất cả cũng hỗn hển lên tới được nơi ẩn náu mới.

Ngôi nhà mà mẹ tôi nhắm tới ấy cũng chính ngôi nhà của gia đình mà chúng tôi đã nhờ vả trong những ngày chờ đợi vào thăm chú út ở trong tù. Người ở ngôi nhà đó cũng đã chạy nạn hết cả, chỉ còn mỗi ngôi nhà khóa cửa để đấy. Lẽ thường, căn nhà tồi tàn nên khóa cửa cũng lỏng lẻo, vì thế chúng tôi chỉ cần hợp sức lại là giằng được ra. Buồng dưới vẫn còn hơi ấm và buồng trên vẫn còn ngổn ngang mâm cơm ở đó như thể họ chỉ vừa mới rời khỏi đây thôi.

Lương thực chúng tôi đem theo quá ít. Nhưng thời nào cũng thế, “cổ họng vẫn luôn là Bộ đạo thính” nên chúng tôi chẳng cảm thấy cần rút lương tâm với việc chúng tôi đã làm. Chúng tôi không có gạo, chỉ còn một nắm ngũ cốc và một nửa bao bột mì. Chúng tôi không nấu cơm tối mà hâm lại chỗ thức ăn còn thừa. Rồi còn coi lại chiếc lò sưởi ấm nữa. Trong những giây phút bình yên của thời khắc trước khi bị dồn nén đến trạng thái tồi tệ hơn là không còn cái gì để ăn nữa ấy, chúng tôi đã chìm vào giấc ngủ sâu thật là sâu.

Ngày mới sáng rồi. Anh tôi trở nên khoan khoái sau một giấc ngủ ngon lành. Còn tôi chỉ nghĩ đến ngày chính phủ sơ tán quay lại thủ đô, nghĩ tới việc đối

phó bằng cách nào để có thể sống sót với thế giới bị biến đổi ấy và cảm thấy bực bội lẫn nặng gánh bởi những thành viên chẳng còn đối sách nào. Anh tôi xuống khỏi xe kéo, điều ấy không có nghĩa là gánh nặng của tôi vơi bớt. Tôi thận trọng bước ra ngoài cửa để dò xét thái độ của thế giới đã được thay đổi ra sao.

Nền đất cao nên toàn bộ khung cảnh của khu xóm được thu gọn lại trong tầm mắt. Nhà tù, nơi giải phóng những nhà cách mạng và xử tử chú út tôi cũng hiện ra trước mắt. Toàn bộ đất trời không có một dấu vết của con người. Tôi thấy sồn gai ốc như bị một lưỡi dao sắc lạnh cứa vào sống lưng. Đó là nỗi sợ hãi khi cả trời đất không một dấu vết của con người và cảm giác hoàn toàn lạ lẫm khi bước ra với thế giới bên ngoài. Con đường dẫn đến Cửa Độc Lập hiện ra rõ mồn một trước mắt, ngay cả trên những lối rẽ nhỏ hay trong từng ngôi nhà, không ở đâu có thể trông thấy một bóng người. Hình như ngay cả một mái nhà tỏa khói cũng không có. Giá mà trên nóc nhà tù có cắm cờ Bắc Hàn thì có lẽ sẽ bớt sợ hơn chăng? Cả thành phố rộng lớn này chỉ còn sót lại chúng tôi. Người đứng nhìn cái khoảng không trống rỗng bao la này cũng chỉ có mình tôi, và rồi người đứng nhìn những đổi thay còn chưa biết là gì sắp diễn ra ấy cũng chỉ có chúng tôi. Sao có thể làm được những điều ấy? Giá mà lúc này có cách để biến mất trong nháy mắt thì tôi cũng muốn được như vậy.

Bất chợt, giống như kẻ bị dồn vào tận cùng ngõ cụt và bất thành linh quay ngoắt lại, sự đảo chiều bất ngờ của tư duy đã xảy ra. Chỉ có mình tôi đứng đó chứng kiến và dường như điều đó còn có một ý nghĩa khác. Thật quá nhiều ngẫu nhiên tôi tệ đã thay nhau liên tiếp giáng xuống đầu chúng tôi và đẩy chúng tôi đến tình cảnh chỉ còn lại một mình như thế này. Được, ngẫu nhiên ời, bắt ta còn lại một mình ư? Vậy mi phải có nghĩa vụ chứng kiến điều đó. Đó chính là sự trả thù thích đáng nhất.

Cái mi phải chứng kiến đâu chỉ có không gian trống rỗng bao la này. Phải chứng kiến cả thời gian của sâu bọ nữa. Có thể, ta mới thoát được kiếp sâu bọ.

Đó chính là dự cảm dường như sau này, một lúc nào đó, tôi sẽ viết tiểu thuyết. Dự cảm ấy đã đẩy lùi mọi nỗi sợ hãi trong tôi. Tôi chẳng cảm thấy lo sợ, dù chỉ là một chút thôi về số lương thực ít ỏi còn lại ấy. Tôi đã trông thấy lương thực ở những ngôi nhà mọc san sát nhau kia. Chẳng lẽ mỗi nhà lại không có vài năm bột mỳ hay một, hai đấu đại mạch sao? Tự lúc nào, trong

đầu tôi đã lên sẵn kế hoạch đột nhập vào những ngôi nhà trống ấy nên chẳng còn thấy e sợ “cổ hợng chính là Bộ đạo thánh” nữa.

AI ĐÃ ĂN HẾT NHỮNG CÂY SING- A NGÀY ẤY?

Park Wan-suh

Nguyễn Lê Thu dịch _____

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: TỊNH THỦY

Bìa: DUY NGUYỄN

Sửa bản in: BẢO CHƯƠNG

Trình bày: VẠN HẠNH _____

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh ĐT: 39316289 -
39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn Website:
<http://www.nxbtre.com.vn> CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ
NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, p. Bạch Đằng, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT:
(04)37734544 - Fax: (04)35123395 E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Table of Contents

[LỜI TÁC GIẢ Bức Chân Dung Tự Họa Bằng Chữ Viết](#)
[VÀI DÒNG CÙNG BẠN ĐỌC](#)
[LỜI NGƯỜI DỊCH](#)
[NHỮNG NGÀY THƠ ẤU](#)
[SEOUL XA XÔI](#)
[BÊN NGOÀI CÔNG THÀNH](#)
[ĐỨA TRÉ KHÔNG CÓ BẠN](#)
[NGÔI NHÀ CÓ MẢNH SÂN HÌNH NORIGAE \[1\]](#)
[ÔNG NỘI VÀ BÀ NỘI](#)
[ANH TRAI VÀ MẸ](#)
[MÙA XUÂN QUÊ HƯƠNG](#)
[CHIẾC BIỂN TÊN NHÀ BỊ NÉM VỠ](#)
[MÒ MẮM TRONG BÓNG TỐI](#)
[HÒA BÌNH CỦA ĐÊM](#)
[DỰ CẢM HUY HOÀNG](#)
[AI ĐÃ ĂN HẾT NHỮNG CÂY SING-A NGÀY ẤY?](#)